

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

10 NĂM

THẮNG LỢI HOÀN TOÀN CỦA CUỘC
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

1975 – 1985

2

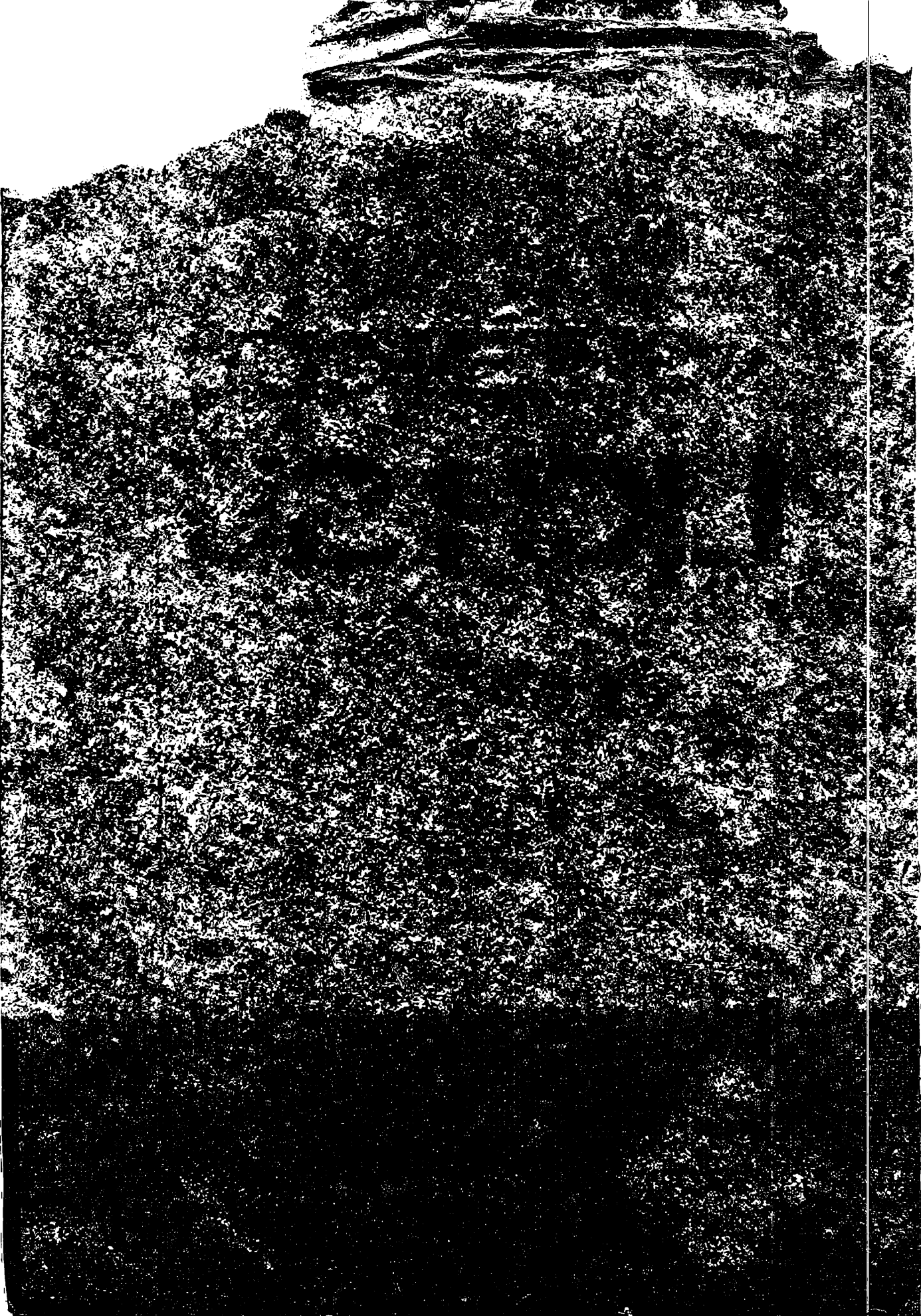
(221)

1985

VIỆN SỬ HỌC

ỦY BAN KHOA HỌC

XÃ HỘI VIỆT NAM



THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC, THÀNH QUẢ TỔNG HỢP SỨC MẠNH CỦA CẢ NƯỚC, CỦA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CAO VĂN LƯỢNG

VẬN dụng sáng tạo quan điểm của Lê-nin «vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại», Đảng ta ngay từ khi ra đời đã đặt cách mạng Việt Nam vào đúng quỹ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin: giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đó là *qui luật phát triển* của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội, Đảng ta đã kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên được sức mạnh tổng hợp của cả nước, của hậu phương và tiền tuyến, của hậu phương cả nước và hậu phương tại chỗ, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước hết là thắng lợi của đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta — đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của cả nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

I

Sức mạnh của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ta ra đời đến nay bắt nguồn từ sự thống nhất, sự gặp nhau giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sự thống nhất và sự gặp nhau này đã được phát triển theo đà phát triển của cách mạng Việt Nam.

Từ tháng 7-1954 đến tháng 5-1975, cách mạng Việt Nam mang một nét hết sức độc đáo: miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam vì còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, nên vẫn ở trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Xuất phát từ tình hình ấy và quán triệt quan điểm cách mạng không ngừng của Lê-nin, Đảng ta đã chỉ rõ: «Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là: Giải phóng miền Nam thoát khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai.

thực hiện thống nhất nước nhà; hoàn thành nhiệm vụ độc lập và dân chủ trong cả nước»⁽¹⁾.

Tuy nhiệm vụ cách mạng ở hai miền khác nhau nhưng đều có quan hệ mật thiết với nhau, tác động, thúc đẩy lẫn nhau và cùng nhau nhằm một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nói một cách khác, lúc này, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội *quyện vào nhau một cách trực tiếp*. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam gắn chặt và chịu sự tác động qua lại với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Miền Bắc là hậu phương lớn, là căn cứ địa cách mạng của cả nước, là *nền tảng, là gốc rễ* của lực lượng đấu tranh của nhân dân ta. Nền có vững nhà mới chắc. Gốc có

(1) Văn kiện Đại hội, Tập I, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1960, tr. 174.

mạnh, cây mới tốt»⁽²⁾. Chính vì vậy mà Đảng ta đã khẳng định: nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là *nhiệm vụ quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải chỉ nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống, chính trị của nhân dân miền Bắc, mà còn vì lợi ích của nhân dân miền Nam, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Vì sự nghiệp cách mạng của cả nước, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam mà phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Miền Nam là tiền tuyến lớn. Nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, không những có tác dụng *quyết định lực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, mà còn góp phần *bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa*.

Sự gắn bó và sự tác động, thúc đẩy lẫn nhau giữa hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền Nam, Bắc chính là thể hiện sự thống nhất và tác động lẫn nhau giữa hậu phương lớn và tiền tuyến lớn, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và đó là *qui luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mỗi một bước phát triển của cách mạng Việt Nam, mỗi thành tựu giành được trên hai miền Nam, Bắc đều là *thành quả tổng hợp của sức mạnh cả nước, của hậu phương lớn và tiền tuyến lớn, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Từ 1954-1960, cách mạng Việt Nam đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược Aikenhao, sử dụng hình thức thống trị diễn hình của chủ nghĩa thực dân mới—dùng viện trợ kinh tế, quân sự thông qua hệ thống «cố vấn» Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cùng với 25 vạn quân ngụy để nô dịch nhân dân miền Nam Việt Nam. Chúng liên tiếp mở những cuộc đàn áp, khủng bố hết sức dã man, lê máy chém đi khắp nông thôn và thành thị, nhằm giết hại những người yêu nước, những người kháng chiến cũ (từ cuối năm 1954 đến tháng 2-1959, Mỹ—Diệm đã bắt giam 180.443 người, làm thương tật 10185 người, giết hại 4971 người). Với nhà tù và máy chém, với tất cả những biện pháp trừng trị, đàn áp dùng trong chiến tranh, Mỹ—Diệm nhằm trong một thời gian tương

đối ngắn dập tắt phong trào cách mạng miền Nam, thực hiện giấc mộng «*biến định miền Nam*», «*lấp sông Bến Hải, tiến quân ra Bắc*».

Để đáp tan mưu đồ thâm độc của đế quốc Mỹ và đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, Đảng ta vừa kiên quyết đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa đẩy mạnh việc xây dựng, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả nước, của hậu phương lớn và tiền tuyến lớn; đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta vượt qua được những khó khăn, trở lực hết sức to lớn ban đầu.

Ở miền Bắc, nhân dân ta đã hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế (1954—1957); hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958—1960). Tính đến cuối năm 1960, việc cải tạo nông nghiệp theo hình thức hợp tác xã bậc thấp đã căn bản hoàn thành: hơn 85% số nông hộ đã vào hợp tác xã với 68,06% diện tích canh tác. Ở thành thị, 783 hộ tư sản công nghiệp (100%), 826 hộ tư sản thương nghiệp (99%) thuộc diện phải cải tạo đã được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội⁽³⁾. Công cuộc cải tạo thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ cũng đạt được kết quả quan trọng.

Thắng lợi về cải tạo quan hệ sản xuất và những thành tựu đã đạt được trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa, giáo dục và y tế, đã khẳng định đường lối và quyết tâm của Đảng ta: Kiên quyết đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam đánh thắng Mỹ—ngụy, đó là nhiệm vụ thường xuyên của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trong những năm này, tuy sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam không lớn nhưng rất quan trọng. Để đáp ứng yêu cầu chi viện cho miền Nam, tháng 5-1959, Quân Ủy Trung ương thành lập Đoàn vận tải 559 hay còn gọi là bộ đội Trường Sơn. Mặc dầu mới thành lập, nhưng Đoàn 559 đã nhanh chóng tổ chức lực lượng, mở đường, đặt trạm và vận chuyển vũ khí, lương thực, hàng hóa từ miền Bắc vào Nam. Đến năm 1960, trung bình mỗi tháng Đoàn 559 đã vận chuyển tới phía tây tỉnh Thừa Thiên khoảng 3 tấn hàng; đã đưa

(2) Hồ Chí Minh, Tuyên tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1960, tr. 769.

(3) Theo cuốn «50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam», Nhà xuất bản Sự thật, 1979, tr. 136.

hàng chục trung đội vũ trang từ miền Bắc vào Nam đánh giặc. Cũng từ năm 1959, Đoàn vận tải quân sự trên biển được thành lập, nhằm vận chuyển vũ khí, lương thực từ miền Bắc vào các tỉnh ven biển Liên khu 5. Bến Tre, Trà Vinh, Bà Rịa, Cà Mau.

Nhờ có sự chỉ viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng soi đường, chỉ lối và nhờ có tinh thần đấu tranh anh dũng, quyết cường của đồng bào ta ở miền Nam, cách mạng miền Nam đã vượt qua được thời kỳ đen tối nhất. Từ năm 1958, các cơ sở cách mạng, cơ sở Đảng được phục hồi và giữ vững. Toàn Nam Bộ có trên 1000 xã, tỉnh đến năm 1958, chỉ có 160 xã không có chi bộ. Lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị cũng không những được giữ vững mà còn phát triển mạnh mẽ. Năm 1957, có 2 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị, năm 1958 có 3,7 triệu lượt người, năm 1959 có hơn 5 triệu lượt người. Từ lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị mà hình thành và phát triển lực lượng vũ trang. Đến năm 1959, toàn miền Nam có 139 trung đội vũ trang tập trung. Và, trên cơ sở lực lượng chính trị là chủ yếu, có lực lượng vũ trang còn nhỏ bé hỗ trợ, vào cuối năm 1959, đầu năm 1960, nhân dân ta ở miền Nam đã vùng lên tiến hành những cuộc « đồng khởi » trên những vùng rộng lớn thuộc đồng bằng Nam Bộ và rừng núi miền Trung. Phong trào « đồng khởi » năm 1959-1960 đã đánh dấu một bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên tục; giáng một đòn chí tử vào chiến lược Ai-xen-hao, làm thất bại một hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chuyển hướng chiến lược một cách hết sức bị động.

Thắng lợi của phong trào « đồng khởi » ở miền Nam là thành quả đầu tiên của sức mạnh tổng hợp của cả nước, của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Thực tiễn cách mạng miền Nam và thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chứng tỏ Đảng ta đề ra hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền là đúng. Rõ ràng trong tình hình đen tối của miền Nam từ cuối tháng 7-1954 đến cuối năm 1959, nếu chúng ta không kịp thời phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa từng phần và tiến hành chiến tranh cách mạng thì lực lượng cách mạng ở miền Nam có nguy cơ bị đè bẹp không sao gượng dậy nổi và Mỹ - Diệm có thể mang lực quân đánh ra Bắc như lúc bấy giờ chúng

đã mưu tính và ra sức chuẩn bị. Mặt khác, nếu miền Bắc không nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh sau 9 năm kháng chiến chống Pháp, không tranh thủ xây dựng chủ nghĩa xã hội, không tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng thì miền Bắc không thể đứng vững và đánh thắng chiến tranh phá hoại vô cùng ác liệt của giặc Mỹ, không thể dốc toàn lực chỉ viện cho miền Nam và trong trường hợp đó, miền Nam cũng không thể đương đầu và chiến thắng nổi cuộc chiến tranh qui mô cực kỳ to lớn như chúng ta đã biết » (4).

Sự phát triển của cách mạng miền Nam từ sau phong trào « đồng khởi » càng khẳng định mối quan hệ rất chặt chẽ và tác động lẫn nhau giữa hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền đất nước, và càng làm nổi bật vai trò quyết định nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của hậu phương cả nước đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ 1961, thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ III, nhân dân ta ở miền Bắc ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), thi đua « mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt » và đã giành được những thành tựu rực rỡ. Tính đến cuối năm 1965, 80% số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Những cơ sở đầu tiên về cơ khí, luyện kim, hóa chất được xây dựng và dần dần đi vào sản xuất. Hàng trăm xí nghiệp công nghiệp địa phương được xây dựng. Cho đến năm 1964, miền Bắc đã bảo đảm được lương thực cơ bản và tự giải quyết được 90% hàng tiêu dùng đồng thời bắt đầu có tích lũy trong nước (5). Trong trận mở đầu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ngày 5-8-1964, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 8 máy bay và bắt sống giặc lái Mỹ. Tổng kết 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: « Trong mười năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước xã hội, và con người đều đổi mới » (6). Tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: « Trải qua hơn mười năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội,

(4) Lê Duẩn - Bài nói tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (17-3-1971).

(5) Theo cuốn « 50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam » - Tài liệu đã dẫn, tr. 162.

(6) Báo cáo của Hồ Chủ tịch tại « Hội nghị chính trị đặc biệt » tháng 3-1964.

miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với *chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh* (7). Sự vững chắc của miền Bắc được thể hiện ở việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Từ 1961 - 1963, đã có trên 40.000 cán bộ, chiến sỹ, nhân viên kỹ thuật quân đội nhân dân Việt Nam, hàng ngàn cán bộ làm công tác Đảng, chính quyền, mặt trận, hàng ngàn tấn vật chất, trong đó có 165.000 khẩu súng các loại từ miền Bắc được chuyển vào Nam.

Có sự chi viện của miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam càng có điều kiện giữ vững và phát triển. Trên các vùng giải phóng, chế độ dân chủ nhân dân, cơ sở của hậu phương tại chỗ của cách mạng miền Nam không ngừng được xây dựng và củng cố. Đi đôi với việc xây dựng, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, Đảng ta giải quyết tốt vấn đề ruộng đất cho nông dân. Thực hiện khẩu hiệu "giải phóng đến đâu, chia ruộng đất đến đó", tính đến cuối năm 1963, chính quyền cách mạng đã chia 2 triệu 10 vạn héc-ta (tức 70% diện tích canh tác) cho nông dân không có ruộng đất. Và, ngay sau khi chia ruộng đất cho nông dân, Đảng ta đã tổ chức đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Tính đến cuối năm 1965, đã có gần 3 triệu nông dân vào hàng ngàn tổ vận công, đội công (8).

Phần khởi trước cuộc sống mới mà cách mạng đem lại, nông dân miền Nam hăng hái đưa hàng vạn con em mình lên oanh cứ xây dựng lực lượng vũ trang. Ở Nam Bộ, số tân binh tuyển được từ 1961 - 1963 là 73.000 người. Với lực lượng tại chỗ và với sự chi viện của miền Bắc, lực lượng cách mạng ở miền Nam trưởng thành nhanh chóng. Tính đến cuối 1964, lực lượng vũ trang tập trung ở miền Nam lên tới 150.000 người, du kích tự vệ là 300.000 người. Lực lượng chính trị, đội quân chính trị cũng phát triển mạnh mẽ. Tính đến 1965, số người thường trực của đội quân chính trị lên tới 2 triệu, tăng gấp 4 lần lúc "đồng khởi" (9).

Dựa vào lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang kể trên và dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, nhân dân ta ở miền Nam đã liên tiếp tiến công địch trên khắp ba vùng chiến lược, bằng cả quân sự, chính trị, binh vận và đã giành được thắng lợi vang dội. Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963); chiến thắng Bình Giả (8-3-1965) đánh dấu sự thất bại căn bản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đánh dấu một bước nhảy vọt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tính đến cuối năm 1964,

ta đã phá dứt điểm 80% số "áp chiến lược" do Mỹ - Diệm lập nên.

Thắng lợi oanh liệt mà nhân dân ta đã giành được trên đây ở chiến trường miền Nam trong "chiến tranh đặc biệt" (1961-1964), càng làm nổi bật nguồn gốc tạo nên sức mạnh to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; càng khẳng định vai trò quyết định nhất của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa và vai trò quyết định trực tiếp của hậu phương tại chỗ ở miền Nam đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Chẳng phải chỉ chúng ta, mà kẻ địch cũng đã hiểu rất rõ điều này. Chính vì thế mà ngay từ ngày đầu xâm lược miền Nam, đế quốc Mỹ không chỉ nhằm mục tiêu dập tắt phong trào cách mạng ở miền Nam, mà còn nhằm tiến công miền Bắc, đẩy lùi cách mạng ở cả nước. Từ năm 1965, trước sự phá sản của "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ liều lĩnh đưa quân viễn chinh ồ ạt vào miền Nam, gây nên "cuộc chiến tranh cục bộ" và dùng không quân đánh phá miền Bắc nước ta.

Trước hành động xâm lược của đế quốc Mỹ, cách mạng nước ta chuyển sang một hình thức mới. Thời kỳ nửa nước có hòa bình, nửa nước có chiến tranh đã chấm dứt; thời kỳ cả nước là một chiến trường, cả nước có chiến tranh chống xâm lược Mỹ, tuy mức độ và tính chất chiến tranh ở hai miền có khác nhau đã bắt đầu. Và, trong bước ngoặt lịch sử này của dân tộc, hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền vốn có quan hệ khăng khít, càng trở nên gắn bó chặt chẽ hơn bao giờ hết và cùng nhằm mục tiêu chung là: "Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà" (10).

Để thực hiện quyết tâm chiến lược trên đây, Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng và củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa đi đôi

(7) Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 (12-1965).

(8) Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 6-1967.

(9) Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam - NXB Khoa học xã hội, 1981, tr. 374.

(10) Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (12-1965)

với việc xây dựng và phát huy sức mạnh của hậu phương tại chỗ miền Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: «Nhiệm vụ cấp bách của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là phải kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới và đề cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, chống lại các cuộc ném bom bắn phá và phong tỏa của địch, sẵn sàng đối phó với khả năng địch mở rộng chiến tranh ở bất cứ mức độ nào: ở miền Nam, miền Bắc, ở Lào, nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội». «Khẩu hiệu chung của miền Bắc lúc này là: xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam».

Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng và với tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta ở miền Bắc đã lập được những chiến công hết sức vẻ vang. Tính đến tháng 11-1968, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3243 máy bay địch, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái, bắn cháy và bắn chìm hàng trăm tàu chiến của Mỹ.

«Tay cày, tay súng», «Tay búa, tay súng», vừa đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhân dân ta vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh. Trong khói lửa của cuộc chiến tranh, trên nhiều mặt, chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc vẫn được tăng cường. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa về căn bản được giữ vững và một số ngành được phát triển thêm. Đến năm 1967, số nông hộ vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã chiếm 93,7% tổng số hộ nông dân lao động; cả miền Bắc đã có 18.093 hợp tác xã bậc cao, chiếm 88,8% số hộ đã vào hợp tác xã; 4655 hợp tác xã đã được trang bị cơ khí nhỏ, bao gồm 6350 máy phát lực và 9362 máy bơm nước, máy tuốt lúa, máy xay xát; 2551 hợp tác xã đạt mức sản lượng 5 tấn thóc trở lên⁽¹⁾. Chế độ xã hội chủ nghĩa và nền nông nghiệp hợp tác hóa ở miền Bắc đã tạo điều kiện cho nhân dân ta vừa giữ vững và phát triển sản xuất, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa chi viện sức người, sức của ngày càng nhiều cho tiền tuyến lớn. Chỉ từ năm 1965 - 1968, ngoài việc huy động hàng chục vạn tấn vật chất, đã có trên 20 vạn cán bộ, chiến sỹ quân đội từ miền Bắc vào miền Nam đánh giặc.

Ở miền Nam, quán triệt phương châm vừa chiến đấu, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương tại chỗ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mùa thu 1967, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đề ra *Cương lĩnh chính trị*, gồm 14 điểm cụ thể. Đồng thời là 14 chính sách lớn về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, dân tộc, tôn giáo. Và, dưới ánh sáng của đường lối, chính sách của Đảng, trên các vùng căn cứ địa, trên các vùng giải phóng ở miền Nam, chế độ dân chủ nhân dân không ngừng được xây dựng và củng cố vững mạnh. Tính đến năm 1970, Ủy ban nhân dân cách mạng đã được thành lập ở hơn 1500 xã trong vùng giải phóng, ở 182 huyện, 6 thành phố và 44 tỉnh. Đi đôi với việc xây dựng chính quyền cách mạng, nhân dân ta ra sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng kinh tế dân chủ nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. Trong điều kiện chiến tranh hết sức ác liệt, sản xuất nông nghiệp trong những vùng giải phóng không những không bị giám sút mà còn phát triển. Ví dụ, tại 5 tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Rạch Giá) diện tích lúa mùa chính vụ năm 1967 tăng hơn năm 1966 là 20 vạn hecta; lúa ba trắng tăng gấp đôi năm 1966. Cùng với sản xuất, văn hóa, giáo dục cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Tính đến cuối năm 1966, tại các vùng giải phóng miền Nam, đã có 5994 trường phổ thông, gồm trên 50 vạn học sinh. Về y tế, tính đến 1969, mỗi tỉnh đều có bác sỹ và trên 3/4 huyện đều có y sỹ. Riêng Tây Nguyên, đã có hàng ngàn cán bộ y tế, trong đó có 30 bác sỹ, 165 dược sỹ, y sỹ cao cấp, trung cấp.

Vừa chiến đấu vừa xây dựng; vừa ra sức xây dựng, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ-ngụy và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân ở miền Nam, Đảng ta đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nước, của hậu phương cả nước và hậu phương tại chỗ, đánh thắng địch trên cả hai miền Nam, Bắc. Thắng lợi to lớn mà quân và dân ta đã giành được trên cả hai miền đất nước, nhất là thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu thân 1968, đã làm phá sản chiến lược «chiến tranh cục bộ», kéo Mỹ xuống thang chiến tranh, buộc chính phủ Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá trên toàn lãnh thổ miền Bắc Việt Nam và phải họp Hội nghị 4 bên ở Pa-ri.

Nhưng vốn là tên đế quốc ngoan cố, hiếu chiến nhất, ngay sau khi vào Nhà Trắng thay

(1) Dựa theo cuốn «50 năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam» - Tài liệu đã dẫn, tr. 189-190, tr. 193.

Giờn-xơn, Ních-xơn đã điều chỉnh chiến lược toàn cầu phản cách mạng, đề ra cái gọi là *Học thuyết Ních-xơn* và chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh », đồng thời mở rộng chiến tranh sang Lào, Campuchia, ra lệnh cho không quân đánh phá ác liệt miền Bắc nước ta.

Đây lại là một bước ngoặt, một sự thử thách nghiêm trọng nữa đối với cách mạng Việt Nam. Và, cũng như các giai đoạn trước, trong giai đoạn này, Đảng ta lại kiên quyết giữ vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên quyết tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền Nam, Bắc, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tháng 1-1970, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 18 họp và ra nghị quyết, khẳng định nhiệm vụ trước mắt của giai đoạn mới là: « Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và kinh tế, kết hợp tiến công ngoại giao, vừa tiến công địch, vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh; đánh bại âm mưu « Việt Nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ... »

Đối với miền Bắc, Nghị quyết chỉ rõ: « cần tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội khẩn trương, có kế hoạch làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đánh bại mọi âm mưu khiêu khích vũ trang hoặc mở rộng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai; ra sức làm nhiệm vụ quốc tế, chi viện cho cách mạng Lào, chuẩn bị cùng phối hợp chặt chẽ với quân và dân Lào để đối phó với khả năng xấu nhất khi địch mở rộng chiến tranh ra ở Lào ở Campuchia trước thế bị động, thế thua của chúng ở miền Nam ». Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 19-8-1970 cũng đã nhấn mạnh: « miền Bắc nước ta nay không những là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam mà còn là hậu phương chung của cách mạng các nước Lào và Campuchia. Nhiệm vụ của nhân dân ta ở miền Bắc là phải ra sức động viên sức người sức của cho tiền tuyến, góp phần lớn nhất của mình vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam và của nhân dân hai nước Lào và Campuchia ».

Trong thực tế, miền Bắc xã hội chủ nghĩa không những là căn cứ địa, là hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng

miền Nam, mà còn là hậu phương lớn cho cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Sự chi viện sức người, sức của từ miền Bắc Việt Nam cho cách mạng Lào và cách mạng Campuchia ngày càng nhiều. Năm 1972-1973, Việt Nam chi viện cho Lào 2800 tấn vũ khí và hàng hóa, đến mùa khô 1973-1974, tăng thêm 640 tấn theo yêu cầu của bạn. Chi viện của Việt Nam cho cách mạng Campuchia cũng vượt kế hoạch: năm 1971-1972 đạt 102%, năm 1972-1973 đạt tới 105%⁽¹²⁾.

Sự phát triển của cách mạng Việt Nam của cách mạng Lào và của cách mạng Campuchia trong những năm chống Mỹ, càng làm nổi bật quy luật phát triển của cách mạng Đông Dương trong thời đại ngày nay: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm của mình về « Những bài học của chiến tranh Việt Nam », Shingo Shibata đã viết: « Ở Đông Dương, chiến tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội và chiến tranh giải phóng dân tộc đã được tiến hành trong một sự kết hợp trực tiếp »⁽¹³⁾. Năm vững qui luật phát triển của chiến tranh cách mạng Việt Nam, chiến tranh cách mạng ở ba nước Đông Dương, và biết kết hợp sức mạnh tổng hợp của ba dân tộc Việt - Lào - Campuchia. Đảng ta đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1972, thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ trong chính sách « Việt Nam hóa chiến tranh » ở miền Nam và trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đồng thời với những thất bại to lớn của Mỹ ở chiến trường Campuchia và Lào, đã buộc chính phủ Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973).

Đây là kết quả của hơn 18 năm đấu tranh bền bỉ, anh dũng của đồng bào cả nước ta vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc (1954-1972). Cũng như những bước thắng lợi trước, thắng lợi rực rỡ này càng làm sáng tỏ sức mạnh to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta: sức mạnh của cả nước, của ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia, của hậu phương lớn và tiền tuyến lớn, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tổng kết chặng

(12) Ban Khoa học hậu cần - Công tác vận tải quân sự chiến lược trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước trên đường Hồ Chí Minh 1959-1975, tr. 282.

(13) Shingo Shibata - Những bài học của chiến tranh Việt Nam - Viện Thông tin khoa học xã hội 1976, tr. 228.

đường 18 năm đấu tranh kiên cường của dân tộc ta và chỉ ra nguồn gốc tạo nên sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ: « Đảng ta luôn luôn gương cao ngọn cờ dân tộc, dân chủ và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, gắn chặt nhiệm vụ cách mạng ở hai miền, nhằm mục tiêu chung là hoàn thành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là qui luật phát

triển của cách mạng nước ta và của sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam trong 18 năm qua cũng như trong giai đoạn sắp tới. Sức mạnh tất thắng của nhân dân ta là sức mạnh của 40 triệu đồng bào cả nước, sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, của độc lập dân tộc và dân chủ. Đó là nguồn gốc tạo nên lực lượng cách mạng hết sức hùng hậu, bảo đảm một cách vững chắc thắng lợi của chúng ta từ nay về sau ». (14).

II

Từ sau hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chuyển sang một bước ngoặt quyết định, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải có nhận thức đúng để có quyết tâm cao, chuẩn bị chu đáo cho trận đánh lịch sử.

Đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, tháng 10-1973, toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta họp Hội nghị lần thứ 21. Trên cơ sở đánh giá tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch một cách khoa học và tổng kết những kinh nghiệm, bài học, những qui luật chủ yếu để giành thắng lợi trong 18 năm kháng chiến chống Mỹ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 đã đề ra quyết tâm lớn hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Nghị quyết của Hội nghị nêu rõ: nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: Đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao một cách chủ động, linh hoạt, tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp ba mặt đấu tranh đó, buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh hiệp định Pa-ri về Việt Nam đồng thời chuẩn bị khả năng tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Nghị quyết nhấn mạnh: « Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực. Bất kể trong tình hình nào ta cũng nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công ». Nghị quyết cũng nhấn mạnh là phải ra sức xây dựng và củng cố vùng giải phóng, và coi đó là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong tình hình mới.

Mười tám năm qua (1954 - 1972), miền Nam đánh Mỹ bằng sức mạnh tại chỗ, sức mạnh của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sức mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương lớn của cả nước. Vì giải phóng miền Nam, phải xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phải đánh thắng

Mỹ ở miền Nam. Từ sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết, quá trình ấy, qui luật ấy càng diễn ra khải trượng hơn. Để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chúng ta càng cần phải nhanh chóng khôi phục kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 (13-10-1971) chỉ rõ: phải làm cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa tiến bộ nhanh chóng về mọi mặt, luôn luôn làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh cách mạng nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 22 (tháng 12-1973) cũng đã xác định: « Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ chung của miền Bắc là: đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai; ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình trong cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Cách mạng Campuchia ».

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, trên khắp miền Bắc, nhân dân ta ra sức lao động, khắc phục những hậu quả chiến tranh, phục hồi và phát triển sản xuất. Nhìn chung, trong năm 1974, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1965 và năm 1971 là hai năm phát triển kinh tế cao nhất trong hai mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

(14) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương ngày 13-10-1971.

Do nền kinh tế miền Bắc được phục hồi, nên chẳng những bảo đảm ổn định đời sống nhân dân mà còn đảm bảo yêu cầu chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam trong giai đoạn cuối cùng. Từ tháng 1 đến tháng 9-1973, miền Bắc đã chuyển vào miền Nam 140.000 tấn vật chất các loại, gấp 4 lần năm 1972, trong đó có 80.000 tấn hàng quân sự, 27.000 tấn vũ khí, 6000 tấn xăng dầu, 40.000 tấn hàng dân sinh, 10.000 tấn vũ khí dự trữ trong các kho, trạm trên tuyến đường Hồ Chí Minh. Trong hai năm 1973-1974, có 150.000 thanh niên miền Bắc nhập ngũ đã lên đường vào Nam chiến đấu; hàng vạn cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật được điều động vào Nam để xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa trong các vùng giải phóng.

Có sự tiếp sức của miền Bắc, lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam phát triển vượt bậc. Nếu năm 1969, chúng ta mới chỉ có 60 trung đoàn bộ đội chủ lực, thì đến cuối năm 1974 đã có 113 trung đoàn và 5 trung đoàn thiết giáp với 700 xe tăng, 1300 khẩu cao xạ, 55 dàn SAM 2 và SAM 7. Đây là chưa kể tới hàng chục vạn bộ đội địa phương và dân quân du kích có mặt ở tất cả các tỉnh, thành, ở cả trong hang ổ của Mỹ-ngụy.

Sự trưởng thành vượt bậc của các lực lượng vũ trang ở miền Nam còn thể hiện ở việc thành lập những binh đoàn cơ động, những quân đoàn gồm nhiều binh chủng hợp thành, tạo nên những quả đấm mạnh và những mũi nhọn sắc bén trên các địa bàn quan trọng⁽¹⁵⁾. Đi đôi với việc thành lập các quân đoàn, Đảng ta hết sức chăm lo đến công tác hậu cần. Để chi viện đầy đủ, kịp thời cho miền Nam đánh thắng địch trong trận quyết chiến chiến lược, công trình xây dựng con đường chiến lược phía Đông Trường Sơn được bắt đầu từ 1973. Trong hai năm 1973-1974, đường vận tải và hành quân chiến lược gồm hai tuyến Đông và Tây Trường Sơn được xây dựng thêm 3777 km, hình thành một hệ thống đường tương đối hoàn chỉnh với tổng số chiều dài 6000 km từ miền Bắc vào đến Lộc Ninh. Điều đáng chú ý là, ngoài việc xây dựng thêm 4000 km đường chiến dịch, đường ống dẫn xăng dầu dài 5000 km từ miền Bắc vào Gia Mập (Đông Nam Bộ) với hệ thống bể chứa khoảng 327.800 m³, cũng đã được xây dựng.

Việc thành lập các binh đoàn chiến lược và việc xây dựng các tuyến đường chiến lược, chiến dịch vĩ đại trên đây là biểu hiện sức mạnh tổng hợp của cả nước, của ba nước Đông Dương, của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chế độ dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Chế độ dân chủ nhân dân ở miền Nam, cơ sở của hậu phương tại chỗ miền Nam không ngừng được xây dựng và củng cố, là nhân tố quan trọng đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua quá trình chiến đấu, ta đã xây dựng được những căn cứ, nhất là căn cứ Tây Nguyên nối liền với Trị Thiên, miền Đông Nam Bộ, hạ Lào và Campuchia; chúng ta đã mở rộng và liên kết hoàn chỉnh các khu căn cứ, mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, xây dựng một số căn cứ lõm trong vùng địch chiếm. Trên các vùng căn cứ và các vùng giải phóng rộng lớn, nhân dân ta vừa ra sức chiến đấu, vừa đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chế độ mới. Năm 1973, diện tích gieo cấy ở các vùng giải phóng đồng bằng sông Cửu Long tăng 20% so với năm 1972, năm 1974 tăng thêm 10 vạn héc-ta. Ở Liên khu V, trong điều kiện rất khó khăn, sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân 1973-1974 và vụ mùa năm 1974 đạt 90% kế hoạch. Nhờ sản xuất phát triển, mức đóng góp của hậu phương tại chỗ cho chiến tranh ngày càng tăng. Chỉ riêng vùng đồng bằng sông Cửu Long, mức thu các khoản cho sự nghiệp kháng chiến vào năm cao nhất đã đạt tới 6,2 triệu gia lúa (1 gia=20 kg)⁽¹⁶⁾. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, trên 70% lương thực, thực phẩm cung cấp cho các lực lượng vũ trang cách mạng là do hậu phương tại chỗ đảm nhận⁽¹⁷⁾.

Đánh địch bằng sức mạnh cả nước, bằng sức mạnh của hậu phương tại chỗ và sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cách mạng miền Nam từ sau Hiệp định Pari về Việt Nam phát triển những bước thần kỳ. Từ tháng 9-1973 kết hợp với những đòn giáng trả địch về quân sự, nhân dân Liên Khu V đã nổi dậy thu hồi nhiều vùng địch lấn chiếm cũ, lập lại chính quyền cách mạng, mở rộng thêm vùng giải phóng. Tính đến cuối năm 1974, hơn 60 xã với trên 13 vạn dân ở các tỉnh Quảng Đà, Quảng Ngãi, Bình Định đã có chính quyền cách mạng. Ở đồng bằng sông Cửu Long, phong trào nổi dậy của nhân dân dâng lên cao. Nhân dân cùng du kích, bộ đội địa phương bao vây, bức rút trên 1.000 đồn bốt địch, giải phóng trên 20 xã, nối liền nhiều vùng giải phóng đồng dân

(15) Quân đoàn 1 thành lập ngày 24-10-1973, đóng ở các tỉnh phía Bắc; Quân đoàn 2 thành lập ngày 17-5-1974 gồm một số đơn vị chiến đấu ở Trị-Thiên; Quân đoàn 4 thành lập ngày 20-7-1974, gồm một số đơn vị đang chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ; Quân đoàn 3 thành lập ngày 27-3-1975 gồm những đơn vị vừa lập công ở Tây Nguyên.

cư. Ở thành phố, phong trào đấu tranh chính trị đòi tự do dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Pari, đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phát triển mạnh mẽ.

Bị đánh những đòn đau từ nhiều phía, tinh thần binh lính địch càng sa sút nhanh chóng: trong hai năm 1973-1974, số lính ngụy đào ngũ lên tới 50 vạn. «Viện trợ» Mỹ cho ngụy quyền Sài Gòn tiếp tục giảm lại làm cho sức chiến đấu của quân ngụy càng giảm nhanh hơn. Chỉ trong hai tháng 4-5-1974, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 35.000 tên địch, san bằng và rút 600 đồn bốt, thu hồi gần 30 xã, hàng trăm ấp, giải phóng hơn 30 vạn dân. Từ cuối 1974 đã xuất hiện một hình thái mới ở miền Nam. Chiến thắng giải phóng Thượng Đức, Phước Long (12-12-1974-6-1-1975) chứng tỏ rằng khả năng đánh thắng toàn bộ quân ngụy đang trở thành hiện thực trước mắt.

Ở Mỹ, vụ Oat-ơ-gheét bùng nổ và cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng của chính quyền Mỹ được đánh dấu bằng việc Nixon phải từ chức trước nhiệm kỳ (8-8-1974). Cách mạng Lào, cách mạng Campuchia giành thêm những thắng lợi mới làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Đông Dương. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới do tác động của cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển rất mạnh mẽ.

Tất cả những điều trên, chứng tỏ rằng, đến cuối năm 1974, tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch có những chuyển biến căn bản. Những điều kiện cho việc giải phóng hoàn toàn ở miền Nam đã chín muồi.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị họp hội nghị (tháng 10-1974 và tháng 1-1975) đã hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975. Sau khi nhận định: lực lượng so sánh giữa ta và địch trên phạm vi cả nước cũng như trên chiến trường miền Nam đã có những chuyển biến căn bản, ta đã mạnh hơn địch; khả năng Mỹ trở lại can thiệp vào miền Nam là rất ít, Bộ Chính trị kết luận: «Chúng ta đứng trước thời cơ chiến lược lớn, chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, giữa lúc phong trào cách mạng ba nước Đông Dương đang trên đà tiến công mạnh mẽ và giành thắng lợi ngày càng to lớn». Bộ Chính trị nhất trí thông qua phương án thực hiện giải phóng miền Nam trong hai

năm 1975 - 1976 và chọn chiến trường Tây Nguyên làm hướng liên công chủ yếu trong cuộc Tổng tiến công lớn và rộng khắp năm 1975. Bộ Chính trị quan tâm nhiều đến vấn đề thời cơ chiến lược. Vì vậy, ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm 1975 - 1976, Bộ Chính trị còn thông qua phương án khác với một hành động là: Nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Trong chỉ đạo chiến tranh, người cầm quân có tài là người biết tạo thời cơ, tranh thủ thời cơ, đánh và thắng địch một cách bất ngờ. Nhưng đề tạo được thời cơ và tranh thủ được thời cơ thì phải có thực lực. Do vậy, lúc này hơn lúc nào hết phải huy động sức mạnh của cả nước, của hậu phương lớn, và tiền tuyến lớn, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để tạo nên một thế áp đảo đối với lực lượng địch. Bộ Chính trị chỉ rõ, phải: «Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, trong thời gian 1975 - 1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân».

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, quân và dân ta đã tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đây là trận quyết chiến chiến lược, biểu hiện sự nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, sự kết hợp cao nhất sức mạnh của cả nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cả nước đã ra trận, cả nước dồn sức cho chiến trường. Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chế độ dân chủ nhân dân ở miền Nam là cơ sở vững chắc của sức mạnh quân sự của ta, cho phép ta huy động vào trận đánh lịch sử này một lực lượng rất lớn. Trong những chiến dịch lớn trước đây, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã từng cung cấp một khối lượng vật chất khá lớn. Trong năm 1972, khối lượng vật chất (mà chủ yếu là của miền Bắc) bảo đảm cung cấp cho cuộc Tổng tiến

(16) (17) Hoàng Văn Thái - Xây dựng và phát huy sức mạnh của hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Tạp chí Cộng sản, 12-1982, trang 12.

công trên các chiến trường và cho 3 chiến dịch lớn trên chiến trường Trị Thiên, Tây Nguyên miền Đông Nam Bộ lên tới 83.000 tấn. Và, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1985, miền Bắc xã hội chủ nghĩa càng giữ một vai trò quyết định nhất⁽¹⁸⁾. Từ tháng 1-1973 đến tháng 2-1975, đã có 264.000 cán bộ chiến sỹ con em nhân dân miền Bắc đã được đưa vào miền Nam (Trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ta đã tuyển gần 2.000.000 quân ở miền Bắc). Riêng trong tháng 1 và tháng 2 năm 1975, miền Bắc đã huy động 57.000 chiến sỹ vào Nam đánh giặc. Về vật chất, trong hơn hai năm từ 1973 - 1975, miền Bắc đã chuyển vào các chiến trường gần 380.000 tấn; riêng trong hai tháng 1 và 2-1975, đã chuyển 260.000 tấn. Cũng trong thời gian này, miền Bắc xã hội chủ nghĩa còn chuyển đến chiến trường Lào và Campuchia một khối lượng vật chất to lớn. Chi viện của Việt Nam cho Lào từ đầu năm 1975 đến tháng 4-1975 đã vượt mức 2.100 tấn. Đối với Campuchia ngay từ tháng 11-1973 đến cuối năm 1974, Việt Nam đã viện trợ 8.500 tấn vũ khí, đạn dược; đến mùa xuân 1975, Campuchia lại nhận được 4.500 tấn vũ khí, đạn dược do Việt Nam chi viện.

Với khối lượng vật chất hết sức to lớn của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa cộng với khối lượng vật chất huy động tại chỗ và tại các địa bàn kế cận, công tác hậu cần của ta đã đảm bảo cho sự thành công của các chiến dịch Tây Nguyên (4-3 đến 24-3-1975), chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21-3 đến 3-4-1975), chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (9-4 đến 2-5-1975) một chiến dịch rất lớn, huy động tới 5 liên binh đoàn chiến lược bộ binh hợp thành gồm 16 sư đoàn bộ binh và nhiều lữ đoàn, trung đoàn quân chủng, binh chủng.

Chiến tranh là một sự thử thách về mọi mặt toàn bộ lực lượng vật chất và tinh thần của một chế độ xã hội. Tổng kết kinh nghiệm lịch sử, Lenin chỉ ra rằng, thắng lợi của chiến tranh chủ yếu là do chế độ bên trong của nước tham chiến quyết định. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chế độ dân chủ nhân dân ở các vùng giải phóng miền Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Bởi lẽ, chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chế độ dân chủ nhân dân ở miền Nam không những cho phép huy động đến mức cao nhất sức người, sức của của toàn dân vào trận đánh quyết định, mà còn « khơi dậy và nâng lên bản lĩnh của cả dân tộc và của từng người Việt Nam »⁽¹⁹⁾, đã đào tạo nên một đội quân chiến đấu vừa đông đảo về số lượng, vừa hiểu

biết về khoa học, nghệ thuật, kỹ thuật quân sự, vừa có trình độ giác ngộ cao về chính trị; thấm nhuần đường lối cách mạng của Đảng, sẵn sàng vùng lên chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của đồng bào và chiến sỹ ta ở vùng giải phóng cũng như ở các vùng địch kiểm soát ở miền Nam, là cơ sở vững chắc để xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng hậu phương tại chỗ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Quy luật giành thắng lợi của chiến tranh cách mạng miền Nam là kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui, kết hợp nổi dậy và tiến công. Hậu phương tại chỗ ở miền Nam tạo điều kiện cho sự kết hợp ấy. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, bên cạnh mũi tiến công của lực lượng vũ trang chính quy đóng vai trò quyết định nhất, mũi tiến công của các lực lượng vũ trang địa phương và phong trào nổi dậy của quần chúng tại chỗ giữ vai trò rất quan trọng. Ở các thành thị và ở các vùng nông thôn, rừng núi, đồng bằng sông Cửu Long, hình thái nổi dậy của nhân dân rất phong phú. Nhân lúc nguy quân, nguy quyền ở trung ương đã đầu hàng không điều kiện, đồng bào ở các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long chủ động đứng lên phối hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ nguy quân, nguy quyền, giành quyền làm chủ hoàn toàn các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Long An, Hậu Nghĩa, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Kiến Tường, Kiến Phong, An Giang, Châu Đốc, Sa Đéc, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau. Phong trào nổi dậy của quần chúng miền Nam dâng lên mạnh mẽ như triều dâng, thác lũ. Hàng triệu người ở khắp

(Xem tiếp trang 42)

(18) Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hàng năm, đã có hàng chục vạn lao động và hàng triệu tấn lương thực ở miền Bắc được động viên để bảo đảm cho nhu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Có năm Nhà nước đã động viên tới 6,6% số lao động xã hội và 20 - 25% tổng sản lượng lương thực. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, quá nửa lực lượng và gần 80% vũ khí đạn dược và phương tiện kỹ thuật sử dụng trên các chiến trường là từ miền Bắc.

(19) Lê Duẩn - Dưới ngọn cờ của Đảng, đưa đất nước lên ngang tầm cao thời đại - Tạp chí Xây dựng Đảng, 2-1980, tr. 5.

TÌM HIỂU VỀ CHIẾN LƯỢC TIẾN CÔNG

trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

HOÀNG DŨNG

I - Căn cứ khoa học đúng đắn của chiến lược tiến công

Cách mạng là tiến công. Tư tưởng quân sự của cách mạng vô sản là tư tưởng chiến lược tiến công. Chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ phải quán triệt sâu sắc tư tưởng chiến lược tiến công. Vì chỉ có tiến công một cách chủ động, tích cực, kiên quyết và liên tục thì mới phát huy được sức mạnh tổng hợp lớn nhất của chiến tranh và đấu tranh vũ trang cách mạng, sức mạnh của lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân, mới giành và phát huy được quyền chủ động chiến trường, hãm địch vào thế luôn luôn phải bị động đối phó. Tư tưởng tiến công là bản chất và quy luật của cách mạng và chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng. Nhưng trong một cuộc chiến tranh cụ thể như cuộc chiến tranh chống Mỹ ở miền Nam, cần áp dụng chiến lược tiến công, phản công hay phòng ngự, điều này tùy thuộc trước hết vào tình hình so sánh lực lượng giữa hai bên. Từ khi cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Đảng ta đã xuất phát từ sự đánh giá so sánh lực lượng đúng đắn và chính xác để định rõ chiến lược của chiến tranh cách mạng là chiến lược tiến công.

Vậy ta đã đánh giá lực lượng địch, ta như thế nào? Vì sao, ngay cả khi quân viễn chinh Mỹ đã ồ ạt vào tham chiến, điều mà các nhà chiến lược Mỹ và nhiều nước phương Tây lúc đó đinh ninh cho rằng sẽ làm thay đổi hẳn cán cân so sánh giữa họ, xâm lược và nhân dân ta theo hướng hoàn toàn có lợi cho phía Mỹ, chúng ta vẫn khẳng định sự đánh giá chiến lược rất sắc sảo, nhạy bén của ta là về cơ bản so sánh lực lượng vẫn không có thay đổi lớn để trước sau vẫn kiên trì một chiến lược nhất quán: chiến lược tiến công.

Đế quốc Mỹ dùng chủ nghĩa thực dân mới để xâm lược miền Nam. Nhân dân Việt Nam tiến hành chiến tranh giải phóng chống Mỹ

bằng tất cả sức mạnh tổng hợp của cách mạng cả nước. Vì thế để có cơ sở đúng đắn đánh giá chính xác kẻ địch về mặt chiến lược, cần đi sâu phân tích từ gốc những chỗ mạnh, yếu của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, của cách mạng miền Nam cũng như cách mạng cả nước ta để từ đó thấy được sự phát triển biện chứng của lực lượng so sánh giữa hai bên trong chiến tranh thấy rõ căn cứ khoa học đúng đắn của chiến lược tiến công.

Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh hơn hẳn nhân dân ta. Tuy nhiên, trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, chúng lại có nhiều cái yếu rất cơ bản. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ trên thế giới vốn là sản phẩm của thế yếu, thế bị động của chúng trước sự phát triển lớn mạnh và cao trào tiến công dồn dập của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Đặc biệt khi đế quốc Mỹ thực sự dùng chiến tranh thực dân mới để xâm lược miền Nam nước ta thì chúng đã vấp phải những điều bất lợi cơ bản cả về các mặt chính trị, kinh tế và quân sự. Ngay từ đầu, Mỹ đã buộc phải hành động trái với yêu cầu cơ bản của chủ nghĩa thực dân mới của chúng. Chúng phải dùng sức mạnh quân sự, áp dụng những thủ đoạn chiến tranh cực kỳ độc ác và hung bạo để chống lại cách mạng, ra sức tàn sát dã man đồng bào ta, nhất là nông dân. Như vậy là ngay từ đầu, chúng đã buộc phải hành động trái với yêu cầu của chủ nghĩa thực dân đầu mặt trá hình, phải dùng bạo lực tối đa để đánh ngay vào đối tượng mà chúng cần phải tranh thủ và lừa phỉnh. Chúng đã đổ tiền của, vũ khí, sức lao động công sức vào để xây dựng và hà hơi tiếp sức cho bộ máy ngụy quân ngụy quyền. Nhưng rồi cuộc đội quân ngụy và chính quyền tay sai, chỗ dựa về chính trị và quân sự của chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ

ở miền Nam trước sau vẫn chỉ là một đội quân và khối cảnh sát có số lượng ngày càng lớn mà chất lượng lại ngày càng sút kém, hiệu lực chiến lược rất thấp trước quá trình tiến công và chiến thắng liên tục, mạnh mẽ của chiến tranh cách mạng. Bọn tướng chỉ huy Mỹ quen gọi đội quân này là một « lũ vô dụng » một phường « giá áo, túi cơm » không hơn không kém. Chiến tranh xâm lược của Mỹ lại còn hủy hoại các vùng nông thôn, đánh thẳng vào những quyền lợi kinh tế sống còn của nông dân miền Nam. Đó là nguồn gốc của sự phá sản thảm hại của mọi cái gọi là « chương trình xây dựng kinh tế, tái thiết nông thôn », « công cuộc phát triển cách mạng » - cái vỏ bọc mỹ miều của những kế hoạch binh định nông thôn đồ sộ - thực chất là cuộc chiến tranh phản cách mạng toàn diện và cực kỳ hiểm độc được chúng gọi là cuộc chiến tranh để « tranh thủ trái tim và khối óc » nông dân (!). Cái yếu tận gốc về mặt kinh tế và chính trị của chúng ở miền Nam là ở chỗ đó.

Chúng ta có cơ sở vững chãi để kết luận rằng đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự rất lớn; nhưng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam yếu từ gốc, thất bại ngay từ đầu; chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam chứa chấp đầy mâu thuẫn và có những chỗ yếu cơ bản mà tiền nhiều, súng lắm, quân đông cũng không thể nào khắc phục nổi.

Trước những đòn tiến công cả về quân sự và chính trị ngày càng mạnh mẽ, dồn dập của chiến tranh cách mạng miền Nam đế quốc Mỹ đã buộc phải không ngừng tăng thêm lực lượng, đồ tiền của và vũ khí vào miền Nam hòng cứu vãn thế thất bại hoặc xoay chuyển tình thế. Với cuồng vọng nghiên nát lực lượng cách mạng ở miền Nam và « đẩy lùi miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá » lúc leo thang đến đỉnh cao nhất, đế quốc Mỹ đã tung vào nước ta một đội quân viễn chinh hơn 60 vạn tên gồm quân Mỹ và quân của năm nước chư hầu của Mỹ làm nòng cốt cho hơn một triệu quân ngụy tay sai. Riêng về quân đội Mỹ, chúng đã huy động lúc cao nhất tới 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ gồm đủ mặt những đơn vị sừng sỏ được coi là thiện chiến nhất của quân chiến đấu trên bộ Hoa Kỳ, 32% lực lượng không quân chiến thuật, 50% lực lượng không quân chiến lược. Bộ phận chủ yếu gồm 85% lực lượng tàu chiến của hải quân Mỹ. Nếu tính cả số quân đóng ở nước ngoài tham chiến ở Việt Nam thì chúng đã sử dụng hơn 80 vạn quân Mỹ. Trong cả cuộc chiến tranh này, chúng đã động viên tới 6 triệu lượt binh sỹ Mỹ, ném xuống đất nước ta 7 triệu 850 nghìn tấn bom; hàng

chục nghìn tấn hóa chất độc và tiêu tốn 352 tỷ đôla⁽¹⁾. Ngoài ra chúng còn áp dụng những phát minh khoa học, kỹ thuật mới nhất được đặt hàng từ hàng trăm trung tâm nghiên cứu chiến tranh của hàng nghìn nhà khoa học « đánh thuê » cho Lầu năm góc để gây vô vàn tội ác hủy diệt đối với nhân dân ta. Nhưng tất cả những cái đó không giúp chúng làm chuyển biến được so sánh lực lượng có lợi cho Mỹ. Có chăng là chỉ làm cho cuộc chiến tranh này trở thành một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt và dã man nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Và thất bại hoàn toàn của nó trong mùa Xuân 1975 đối với đế quốc Mỹ chính cũng là thất bại lớn nhất, nhục nhã nhất trong lịch sử nước Mỹ. Vì sao lực lượng quân sự to lớn như vậy không phát huy được hiệu lực như Mỹ dự tính? Chính là vì, càng thất bại thì những mâu thuẫn của cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của chúng càng bị khoét sâu thêm. Đó là do tất cả thế và lực của chúng đều đặt trên cơ sở và chịu sự chi phối của những cái yếu cơ bản, yếu tận gốc của chủ nghĩa thực dân mới của chúng ở miền Nam. Hơn nữa, chúng ta đều biết rõ mục đích hạn chế của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam - một bộ phận của chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ. Thêm vào đó chúng còn bị ràng buộc bởi nhiều yếu tố, chính trị và kinh tế của nước Mỹ và thế giới. Chúng không thể dốc toàn lực nước Mỹ vào Việt Nam. Mỹ lại ở cách xa nước ta một phần ba vòng trái đất, nên sức mạnh mà Mỹ có thể sử dụng cũng bị giảm sút nhiều. Lực lượng đó còn bị hạn chế do Mỹ đã luôn luôn chủ quan đánh giá mình quá cao, đánh giá đối phương quá thấp. Lúc đầu như trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất 1965 - 1966, chúng chắc mẫm chỉ cần tung vào một lực lượng nào đó quân chiến đấu Mỹ khoảng 20 vạn đã có thể làm lệch hẳn cán cân so sánh giữa chúng với nhân dân ta, và có thể giành một thắng lợi quyết định về chiến lược để chuyển bại thành thắng để dằng như trở bàn tay (!). Hoặc chỉ cần một vài chiến dịch ném bom miền Bắc, nhất là đánh vào thủ đô, thì « Hà Nội lập tức phải quỳ gối » (!). Nhưng thực tế đã diễn ra hoàn toàn ngược lại, mọi sự tính toán của Mỹ đều đã bị lật nhào.

Nay nhìn lại, ta thấy đội quân viễn chinh Mỹ hùng hổ bước vào vòng chiến ở miền Nam trong thế thua và thế bị động về chiến lược

(1) Theo nhiều tài liệu gần đây của Mỹ, số tiền chi phí cho chiến tranh Việt Nam còn lớn hơn nữa.

sau thất bại của chiến lược « chiến tranh đặc biệt ». Vì thế ngay từ đầu chúng đã phải tiếp nhận một thể chiến lược rất bất lợi cả về mặt quân sự, chính trị - tinh thần - tâm lý, bị thế trận chiến tranh nhân dân của ta bao vây, phân tán và căng mỏng. Số quân chúng tuy đông và được trang bị rất hiện đại nhưng tổ chức, huấn luyện, cách đánh không phù hợp với chiến trường Việt Nam, tinh thần binh lính Mỹ thấp kém vì chiến đấu không có lý tưởng. Sự chỉ đạo chiến lược, chiến thuật của chúng lại thường phạm sai lầm chủ quan, máy móc. Những yếu tố này làm cho lực lượng của Mỹ trên chiến trường càng đánh càng thua, tuy có tăng thêm quân và vũ khí nhưng sức chiến đấu vẫn cứ giảm sút. Hiệu lực thực tế trên chiến trường bị hạn chế trước chiến lược tiến công của ta, trước cách đánh sở trường có hiệu nghiệm của quân và dân ta trên thế trận thiên hiểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Về phía nhân dân Việt Nam, chúng ta yếu hơn đế quốc Mỹ về tiềm lực kinh tế và quân sự, số quân tập trung không đông bằng, binh khí kỹ thuật ít hơn và kém hiện đại hơn quân Mỹ, tiếp tế hậu cần không được dồi dào, nhưng lại có những chỗ mạnh rất cơ bản làm cơ sở vững chắc cho việc động viên tổ chức và phát huy sức mạnh toàn diện của chiến tranh cách mạng. Chúng ta có một lực lượng chính trị rộng lớn vô địch của chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc. Nhân dân miền Nam tiến hành cuộc chiến đấu giải phóng ngay trên đất đai quê hương mình, có thiên thời, địa lợi, nhân hòa nên có đủ điều kiện phát huy cao nhất toàn bộ sức mạnh trực tiếp và tiềm tàng rất lớn, rất cơ bản của mình cả về chính trị và quân sự. Chúng ta có miền Bắc đang tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Khi Mỹ gây chiến tranh phá hoại đánh phá miền Bắc, chúng ta đã anh dũng tiến hành thắng lợi một cuộc chiến tranh nhân dân đất đối không kiên cường và sáng tạo. Lực lượng không ngừng lớn mạnh về mọi mặt của chế độ xã hội chủ nghĩa được thử thách trong khói lửa chiến tranh, là niềm tin, niềm hy vọng, là nguồn bổ sung và là cơ sở vững mạnh về mọi mặt cho chiến tranh cách mạng miền Nam. Hơn nữa, cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam là trung tâm, là tuyến đầu của cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới. Nhân dân ta chiến đấu không chỉ vì lợi ích giải phóng của dân tộc mình mà còn vì nghĩa vụ quốc tế vì sự nghiệp giải phóng của các dân tộc trên thế giới, vì bảo vệ hệ thống xã hội chủ

nghĩa, vì hòa bình ở khu vực Đông - Nam Á và thế giới. Bởi vậy chúng ta đã được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn có hiệu lực của các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Nếu như trong chiến tranh xâm lược nước ta đế quốc Mỹ là kẻ bị cô lập nhất, bị lên án dữ dội nhất trong lịch sử xâm lược của chủ nghĩa đế quốc từ trước tới nay thì trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta, chưa bao giờ nhân dân Việt Nam lại nhận được sự ủng hộ quốc tế nhiệt tình, mạnh mẽ, to lớn và hiệu lực cao như trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của chúng ta.

Chúng ta lại có đường lối cách mạng đúng đắn: *đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện chân lý sáng ngời của thời đại ngày nay là nguồn gốc của sức mạnh tổng hợp vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ*; có đường lối quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo với một nền khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng của chiến tranh nhân dân Việt Nam bách thắng. Kế thừa những tinh hoa truyền thống quân sự của dân tộc và của tư tưởng quân sự Mác Lênin. Đường lối chính trị và đường lối quân sự đó được quán triệt sâu sắc trong nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã cho phép phát huy cao nhất những chỗ mạnh của nhân dân ta để đánh địch và thắng địch bằng con đường có lợi nhất cho cách mạng.

Dựa trên những chỗ mạnh cơ bản nêu trên, nhân dân miền Nam, nhân dân và lực lượng vũ trang cả nước hoàn toàn có điều kiện và trên thực tế trong quá trình phát triển của chiến tranh trên thế thắng và thế chủ động về chiến lược, đã luôn luôn tạo được cho mình một sức mạnh ngày càng to lớn về chính trị và quân sự để đánh thắng rất oanh liệt đế quốc Mỹ và tay sai trong từng keo độ sức trực tiếp. Điều này được chứng minh hùng hồn ngay cả trong bước đương đầu với đội quân viễn chinh Mỹ trên chiến trường miền Nam ở những trận ra quân đầu tiên rất hung hăng của quân chiến đấu Mỹ cũng như trong những cuộc chiến đấu mở đầu không cân sức giữa quân và dân miền Bắc với không quân và hải quân Mỹ.

Do đặc điểm của sự phát triển lực lượng của chiến tranh cách mạng miền Nam và chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ như đã phân tích ở trên, qua những keo độ sức trực tiếp và đánh thắng về vang các đơn vị lính chiến đấu Mỹ được xếp vào loại thiện

chiến nhất của lực quân và lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ, ta thấy số quân viễn chinh Mỹ và lính chư hầu vào tham chiến miền Nam trên quy mô lớn nhất, không quân và hải quân Mỹ đánh phá miền Bắc ác liệt nhất vẫn không làm thay đổi lớn được so sánh lực lượng giữa ta và địch tại chiến trường theo hướng có lợi cho Mỹ. Ngược lại trong từng giai đoạn cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh cho đến ngày toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiều hướng phát triển tất yếu của lực lượng so sánh hai bên ta và địch là: lực lượng chiến tranh cách

mạng miền Nam mạnh và càng đánh thắng càng mạnh thêm, còn lực lượng chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ thì đông mà vẫn yếu, càng đánh càng thua lại càng yếu thêm cho đến ngày sụp đổ và thất bại hoàn toàn. Sự đánh giá chính xác tình hình so sánh lực lượng hai bên ta và địch như trên là cơ sở khách quan của chiến lược tiến công của chiến tranh cách mạng miền Nam, ngay cả trong giai đoạn đánh thắng chiến lược « chiến tranh cục bộ » bước leo thang cao nhất của đế quốc Mỹ xâm lược.

II - Nghệ thuật tiến công sáng tạo và sự chỉ đạo chiến lược sắc bén để thực hiện thắng lợi chiến lược tiến công

Muốn thực hiện được chiến lược tiến công, cần phải có nghệ thuật tiến công đúng, có sự chỉ đạo chiến lược tài giỏi, sắc bén nhằm phát huy toàn bộ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh cách mạng và phát triển lực lượng chiến tranh ngày càng mạnh mẽ trong quá trình tiến công. Nghệ thuật tiến công đó chịu sự chi phối trực tiếp của phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân. Phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự nói chung cũng như chiến lược quân sự nói riêng của cuộc chiến tranh giải phóng chống Mỹ ở miền Nam là hình thức biểu hiện về mặt quân sự của phương pháp cách mạng miền Nam nhằm đạt mục tiêu của cách mạng và mục đích chính trị của cuộc chiến tranh. Đại hội Đảng lần thứ 4 đã xác định nội dung của phương pháp cách mạng ở miền Nam, những vấn đề có tính quy luật của chiến tranh cách mạng chống Mỹ, cứu nước là: « Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng; lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp ba thứ quân⁽¹⁾; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những trận tiến

công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy để bẻ gãy quan địch để giành thắng lợi cuối cùng ».⁽²⁾

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nội dung cơ bản của chiến lược tiến công hay nói cách khác, nghệ thuật tiến công của chiến tranh cách mạng thể hiện tập trung trên mấy vấn đề mang tính quy luật sau đây:

1. Tiến công địch bằng cả quân sự và chính trị để đánh thắng chúng về mặt quân sự.

Chúng ta đều biết mục tiêu chiến lược quân sự bao trùm nhất của đế quốc Mỹ trong suốt 15 năm chiến tranh xâm lược (1961 - 1975) thông qua bốn hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của chúng là giành cho kỳ được chiến thắng quân sự để đạt tới mục đích chính trị của cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với 2 miền nước ta. Để thực hiện mục tiêu chiến lược quân sự đó, Mỹ đã dốc cố gắng quân sự cao nhất của chúng. Lực lượng quân sự và các biện pháp chiến lược quân sự mà chúng dùng trong cuộc chiến tranh này là đỉnh cao của sức mạnh quân sự mà các bọn cầm quyền Mỹ nối tiếp nhau có thể huy động vào một cuộc chiến tranh cục bộ quy mô lớn nhất và tàn bạo nhất từ trước tới nay. Về phía chúng ta muốn thắng Mỹ trong cuộc đấu lịch sử này, nhất thiết phải thắng địch về quân sự. Khác với kẻ thù xâm lược muốn dùng sức mạnh quân sự để

(1) Ba thứ quân là: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: « Báo cáo chính trị của BCH Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV », Nxb ST, HN 1977, tr. 25-26.

đề bẹp nhân dân ta chúng ta chủ trương thắng Mỹ về quân sự không chỉ đơn thuần bằng quân sự mà bằng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh cách mạng, chiến tranh toàn dân và toàn diện. Tiến công địch bằng cả quân sự và chính trị là thể hiện sức mạnh tiến công tổng hợp của bạo lực cách mạng theo quy luật kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, lực lượng quân sự với lực lượng chính trị. Sự kết hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa tiến công quân sự với tiến công chính trị trong chiến lược tiến công là biểu hiện của nghệ thuật tạo hiệu lực tiến công tổng hợp rất to lớn của chiến tranh cách mạng. Trong sức mạnh tổng hợp đó, tiến công quân sự giữ vai trò quyết định trực tiếp việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, đánh bại các biện pháp tác chiến và chiến thuật của chúng và thường đóng vai trò động lực thúc đẩy, tạo thế và thời cơ cụ thể cho đấu tranh chính trị—mà đỉnh cao là nổi dậy vũ trang của quần chúng. Quân và dân miền Nam đã cùng một lúc tiến công vào cả lực lượng quân sự (cả quân Mỹ, quân chư hầu và quân ngụy) và lực lượng chính trị của chúng, tiêu diệt lực lượng quân sự của chúng và giành quyền làm chủ ở khắp nơi, thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch làm cho thế và lực của chiến tranh cách mạng không ngừng phát triển, có những bước phát triển nhảy vọt làm chuyển biến cục diện chiến trường hoặc tạo bước ngoặt quyết định của toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng giành thắng lợi cuối cùng.

2. Tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị.

Đây là thể hiện sự kết hợp nông thôn và thành thị của phương pháp cách mạng miền Nam, hoàn toàn khác với quan điểm lấy nông thôn bao vây thành thị của chủ nghĩa Mao. Trong chiến tranh giải phóng chống Mỹ ở miền Nam, mỗi vùng đều có vị trí, tác dụng của nó đối với sự phát triển của chiến tranh, với hình thức đấu tranh thích hợp ở mỗi vùng, trong từng thời kỳ và kết hợp chặt chẽ với nhau tạo nên một thế trận bao vây và tiến công địch rất hiểm, phân tán lực lượng và sự đối phó của địch. Các cuộc tiến công bằng cả quân sự và chính trị ở cả nông thôn và thành thị phối hợp với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau rất mạnh mẽ và sâu sắc. Quá trình tiến công địch trên cả ba vùng cũng là quá trình làm cho thế và lực tiến công của

chiến tranh cách mạng không ngừng lớn mạnh trên từng vùng. Các cuộc đấu tranh chính trị đòi dân sinh dân chủ, vạch mặt bọn tay sai Mỹ dưới nhiều hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp và cả bằng bạo lực ở mức độ khác nhau như những cuộc đấu tranh quyết liệt của học sinh, sinh viên xung đột với cảnh sát, đốt phá xe Mỹ... diễn ra ở các thành phố, thị xã. Đấu tranh vũ trang phát triển thì địa bàn chủ yếu của tiến công quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng là vùng nông thôn đồng bằng đông dân như vùng đồng bằng sông Cửu Long và ven biển khu 5; còn vùng rừng núi là chiến trường chính của các trận đánh lớn, các chiến dịch tiêu diệt chiến quy mô ngày càng lớn của bộ đội chủ lực. Từ đây đã hình thành ba quả đấm chiến lược của chiến tranh cách mạng miền Nam: 1 — các chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực trên chiến trường rừng núi có lựa chọn. 2 — các chiến dịch tổng hợp kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng ở vùng nông thôn đồng bằng (Nam bộ — Khu 5); 3 — các cuộc đấu tranh chính trị ở thành thị. Ba quả đấm chiến lược đó đã kết hợp chặt chẽ với nhau tạo nên hiệu lực chiến lược rất lớn của chiến tranh cũng như hiệu quả rất cao của các chiến dịch, các trận chiến đấu, các cuộc đấu tranh chính trị. Đó là cơ sở làm cho lực lượng tiến công lớn mạnh nhanh chóng, tạo thế chiến lược mới ngày càng có lợi để có thể tiến lên mà những cuộc tổng tiến công cả về quân sự và chính trị trên cả ba vùng giành thắng lợi chiến lược quyết định tạo nên bước ngoặt của chiến tranh (như cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968) và cuối cùng là kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

3. Về đấu tranh vũ trang, kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, hiệp đồng chặt chẽ giữa ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân để liên tục tiến công.

Chúng ta đều biết trong cuộc chiến tranh giải phóng chống Mỹ, quy luật phát triển của đấu tranh vũ trang cách mạng vẫn là từ chiến tranh du kích (nay gọi là chiến tranh nhân dân địa phương) tiến lên chiến tranh chính quy (chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực) và kết hợp chặt chẽ chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cả chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy đều đã có bước phát triển mới cao hơn hẳn so với thời kỳ kháng chiến chống Pháp cả về hình thức, quy mô và nội dung cùng các phương thức hoạt động và thủ

đoạn tác chiến. Đặc biệt là chiến tranh du kích, từ sự kế thừa, tổng hợp và nâng cao kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám và cuộc chiến đấu chống Pháp nó đã phát triển thành một phương thức khởi nghĩa từng phần rất phổ biến của quần chúng cách mạng ở chiến trường miền Nam. Do đó nó đã phát huy mạnh mẽ tính chất tiến công, tạo và giữ được thế tiến công liên tục đều khắp ba vùng, thực hiện tốt chức năng tiêu hao rộng, giam chân, căng kéo địch về chiến lược. Chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân địa phương miền Nam đã thực hiện xuất sắc phương châm làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giành và giữ quyền làm chủ, bám trụ địa bàn, tạo và phát triển thế đánh địch ở mọi nơi, đứng vững trong mọi tình huống, tiến công bất cứ kẻ địch nào/ luôn luôn hình thành thế chủ động tiến công và sáng tạo những phương thức thích hợp để hoạt động và đánh thắng địch. Phương thức, hình thức tác chiến của chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân địa phương đã phát triển rất phong phú từ những hình thức đơn giản rộng rãi nhất đến những phương thức tác chiến ở trình độ cao như chiến dịch tiến công và phản công của các lực lượng vũ trang địa phương đạt hiệu suất chiến đấu cao, đánh bại hoặc đẩy lùi những âm mưu kế hoạch « bình định nông thôn » của địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ, hậu phương chiến lược tại chiến trường. Chiến tranh du kích đã phối hợp và phục vụ đắc lực các đơn vị, các binh đoàn chủ lực và còn tận dụng được thời cơ do hoạt động tác chiến tập trung đánh tiêu diệt ngày càng lớn của bộ đội chủ lực tạo ra, kết hợp với quần chúng nổi dậy tự lực giải phóng từ xã tới huyện và trong bước kết thúc chiến tranh còn tiến lên giải phóng được đến từng tỉnh như vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nghệ thuật tiến công của chiến tranh du kích miền Nam phát triển cao và sáng tạo như vậy đã làm cho các chuyên gia chiến lược « chống chiến tranh du kích, chống nổi dậy » của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc rất đau đầu. Báo chí Mỹ đã thi nhau phản ánh là những du kích Việt cộng khấn răn, áo bùa ba đen, luôn luôn ám ảnh các tổng thống Mỹ. Báo cáo của Tư lệnh lĩnh thủy đánh bộ Mỹ từ Nam Việt Nam về Bộ Quốc phòng đã đánh giá rằng: 70% số thương vong của họ là do chiến tranh du kích gây nên; hoạt động chiến tranh du kích đã kéo các đơn vị lĩnh thủy đánh bộ Mỹ ở đây « căng ra như sợi giây đàn ghi-ta ».

Chúng ta thấy là ở miền Nam, chiến tranh du kích đã phát triển lên chiến tranh chính quy, vừa phát triển dần từng bước trên cơ sở phong trào cách mạng ở miền Nam vừa phát triển nhảy vọt do có các đơn vị chủ

lực được tổ chức chặt chẽ, trang bị hiện đại từ miền Bắc đưa vào. Chiến tranh chính quy chiến tranh bằng các đơn vị, các binh đoàn chủ lực có chức năng và nhiệm vụ đánh những trận tiêu diệt lớn, tiêu diệt những bộ phận quan trọng, những binh đoàn cơ động chiến lược của địch làm thay đổi so sánh lực lượng và cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Khi đã xuất hiện chiến tranh chính quy thì sự kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích trở thành một quy luật để giành thắng lợi trong chiến tranh và đấu tranh vũ trang, một nội dung cơ bản của chiến lược tiến công, một yêu cầu vô mặt chỉ đạo chiến lược để giải quyết mối quan hệ này trong vận dụng và phát huy nghệ thuật tiến công về chiến lược.

Nội dung, yêu cầu đánh thắng địch về quân sự ở mỗi thời kỳ có khác nhau. Yêu cầu chung là phải tiêu diệt lực lượng quân sự địch, đánh bại các biện pháp chiến lược quân sự và chiến thuật chủ yếu của chúng, đánh bại từng chiến lược chiến tranh. Đến thời kỳ kết thúc chiến tranh là phải đánh trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân sự địch, công cụ chủ yếu của bộ máy chiến tranh xâm lược. Muốn vậy ta phải phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân trong đó sức mạnh quân sự nói chung cả chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, những quả đấm mạnh đánh tiêu diệt lớn của các binh đoàn chủ lực cơ động phải đóng vai trò nòng cốt và giữ địa vị quyết định trực tiếp.

Thực tiễn cuộc kháng chiến còn cho thấy việc nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ gắn bó giữa chiến tranh du kích với tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực, giữa tiêu hao rộng, tiêu hao nhỏ và vừa với tiêu diệt lớn quân địch là một vấn đề lớn trong chỉ đạo chiến lược quân sự và vận dụng phát triển nghệ thuật tiến công của ba thứ quân để thực hiện thắng lợi chiến lược tiến công. Bài học của chúng ta là: Có nắm vững vai trò chức năng của từng thứ quân, kết hợp chặt chẽ hoạt động tác chiến ba thứ quân thành sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ chiến tranh nhân dân địa phương với tác chiến tập trung tiêu diệt địch của bộ đội chủ lực thì mới bảo đảm đánh thắng địch về quân sự trên chiến trường mới phát huy mạnh mẽ quyền chủ động phát triển thế trận ngày càng có lợi của chiến tranh nhân dân.

Kinh nghiệm thành công của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đại thắng đã chứng minh, bên cạnh chiến tranh

nhân dân địa phương phát triển mạnh mẽ. rộng khắp còn phải có những binh đoàn lớn được trang bị, huấn luyện tốt, có thể đứng chân hợp lý để thực hiện đòn quyết chiến chiến lược. Muốn vậy trong tổ chức, sử dụng lực lượng lại phải quan tâm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tác chiến và xây dựng, giữa phân tán và tập trung của bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Trong những thời kỳ mà nhiệm vụ chính trị và quân sự đặt ra cho tiến công quân sự yêu cầu chủ yếu là tiêu diệt quân địch, hỗ trợ cho quân chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở cơ sở, thì bộ đội chủ lực phải tiến hành các chiến dịch đánh tập trung tiêu diệt khối chủ lực địch trên các địa bàn lựa chọn nhằm thu hút chủ lực chúng, làm rung động lưới bảo an dân vệ, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến tranh nhân dân địa phương tác chiến mở màn giành dân. Như trong cuộc tiến công Tết Mậu thân 1968 bộ đội chủ lực tác chiến tiêu diệt một bộ phận địch, thu hút, vây hãm chủ lực của chúng tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng tinh nhuệ tiến công bất ngờ, đồng loạt vào các thành phố, thị xã giành thắng lợi chiến lược to lớn. Đến thời kỳ mà nhiệm vụ quân sự đã đặt ra phải đánh tiêu diệt lớn, giải phóng từng bộ phận đất đai hoặc phải thực hiện đòn tiêu diệt chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng toàn bộ đất đai thì chiến tranh nhân dân địa phương phải đánh tiêu diệt nhỏ, tiêu hao lớn, vừa hỗ trợ cho quân chúng nổi dậy, vừa buộc chủ lực địch phải phân tán lực lượng cơ động ứng phó, tạo điều kiện cho chủ lực ta tập trung ưu thế để mở những chiến dịch chiến lược, cuối cùng hình thành ưu thế áp đảo để đánh trận quyết chiến cuối cùng kết thúc chiến tranh toàn thắng như trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

4. Tiến công từ nhỏ bé cục bộ đến to lớn toàn bộ, giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn. Đây là quy luật vận động của chiến lược tiến công và nghệ thuật tiến công của ta. Chiến lược tiến công của ta là chiến lược tiến công của một cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài. Như phần I đã nêu: lực lượng đồng hợp về chính trị và quân sự của chiến tranh cách mạng ngay từ đầu tuy đã có khả năng để tiến công địch nhưng chưa đủ mạnh để đè bẹp kẻ địch trong một vài keo. Chúng ta phải tiến công địch bằng nhiều keo, nhiều đợt, nhiều bước và hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi trong từng keo, từng bước. Quá trình phát triển của tiến công là: tiến công từ nhỏ bé, cục bộ, đánh bại quân địch từng bước, đánh thắng từng âm mưu kế hoạch

chiến lược, đánh gục chúng từng bộ phận, tiến lên tiến công to lớn làm phá sản từng chiến lược chiến tranh rồi tiến công toàn bộ đánh bại chúng hoàn toàn. Đó là đường đi nước bước của cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam nhằm đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và cực kỳ hung hãn là đế quốc Mỹ. Đặc biệt khi phải trực tiếp đánh thắng đội quân viễn chinh Mỹ có số quân đông, binh khí kỹ thuật nhiều và hiện đại, tiếp tế hậu cần dồi dào hơn ta gấp bội trong giai đoạn đánh thắng chiến lược «chiến tranh cục bộ» càng cần phải nắm vững bước đi cần thiết đó để vận dụng nghệ thuật tiến công cho chắc thắng. Đó là quá trình tiến công liên tục từ thấp đến cao với quy mô sử dụng lực lượng từ nhỏ, vừa đến lớn và kết hợp các quy mô đó, với sự kết hợp chặt chẽ các phương thức tiến công của cả đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ngày càng rộng rãi và phong phú, lần lượt đánh bại quân địch trong từng keo, đập tan cố gắng cao nhất của chúng trong từng keo đó nhằm đánh thắng từng chiến lược chiến tranh xâm lược của chúng.

Chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ là một cuộc chiến tranh hạn chế, một cuộc chiến tranh leo thang từng bước chưa có tiền lệ trong lịch sử. Trong bối cảnh của mối quan hệ quốc tế rất phức tạp và tình hình chính trị nước Mỹ lúc đó, đế quốc Mỹ vừa đánh vừa dò vừa thí nghiệm các chiến lược, chiến thuật của chúng. Không phải ngay một lúc chúng ta đã có thể hiểu căn cứ mọi điều về chiến lược của địch mà phải thông qua diễn biến cụ thể của cuộc đấu sức bền chiến trường mới có cơ sở thực tế để đánh giá sát đúng âm mưu và hành động địch, dự đoán đúng chiều hướng phát triển chiến lược của chúng và khả năng thực tế cùng sức mạnh tiến công của ta. Mỗi keo, mỗi bước đánh thắng một chiến lược chiến tranh của địch chúng ta tạo được một bước chuyển biến nhảy vọt của cục diện cuộc chiến tranh và tạo được thế và lực tiến công mới để bước vào cuộc đấu sức với một cố gắng chiến lược mới cao hơn của địch. Trên thực tế, trong cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ nhân dân ta đã lần lượt đánh bại những chiến lược khác nhau của các tổng thống Mỹ, từ chiến lược «chiến tranh đặc biệt» đến chiến lược «chiến tranh cục bộ» của chiến lược toàn cầu «phản ứng linh hoạt» tiếp đó là chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» cả hai bước trước và sau Hiệp định Pari, đưa cuộc kháng chiến qua những chặng đường thắng lợi rất vẻ vang. Ngay trong quá trình đánh bại một chiến lược

(Xem tiếp trang 76)

MỘT SỐ SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU VỀ

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

NGUYỄN QUỐC DŨNG

CÁCH đây vừa tròn 10 năm, ngày 30 tháng Tư 1975 là cờ giải phóng tung bay giữa thành phố Sài Gòn. Cả dân tộc ta ca vang khúc khải hoàn « Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng ».

Hơn một năm sau sự kiện lịch sử trọng đại ấy, tại diễn đàn Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng, đại biểu cho tinh cảm sâu sắc nhất của đồng bào và chiến sĩ cả nước, Đại hội đã kính dâng lên Bác chiến công thắng Mỹ, bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với Bác, người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân, thống nhất Tổ quốc. Đại hội khẳng định: « Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngời nứa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nên Cộng hòa dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế »⁽¹⁾.

Nghiên cứu sự nghiệp và công lao vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một vấn đề rất lớn. Dưới đây, theo tiến trình của cuộc kháng chiến, chúng tôi chỉ mới nêu lên một số suy nghĩ bước đầu và xin bắt đầu từ mốc lịch sử quan trọng là giữa năm 1954.

★★★

Ngày 7 tháng 5, dân tộc ta và nhân loại tiến bộ hân hoan chào đón thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ. Giữa những ngày vui ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: « Thắng lợi to lớn nhưng mới là bước đầu »⁽²⁾. Lúc này, Hội nghị Giơnevơ đang họp và còn chưa đi đến một giải pháp chính trị cho cuộc chiến

tranh Việt - Pháp. Với tầm nhìn xa trông rộng của một nhà chiến lược cách mạng, Người đã sớm chỉ rõ kẻ thù chính của dân tộc ta. Người nhận định: « Mỹ không những là kẻ thù của nhân dân thế giới mà Mỹ đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Việt, Miên, Lào »⁽³⁾ và ngay lúc đó Người chỉ rõ là phải « tập trung lực lượng chống đế quốc Mỹ »⁽⁴⁾.

Không những sớm chỉ ra kẻ thù chính, chủ yếu, Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị còn sớm đề ra chiến lược và phương pháp cách mạng đúng đắn.

Từ tháng 7-1954, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới: miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam vì còn bị Mỹ - ngụy thống trị nên vẫn còn trong giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Xuất phát từ thực tế này, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (ngày 5 tháng 9 năm 1954) dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: miền Bắc là chỗ đứng, là căn cứ địa chung của cách mạng cả nước. Bộ Chính trị chủ trương, ở miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trước mắt chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Ở miền Bắc, bất kể tình hình như thế nào, phải nhanh chóng củng cố và đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thư gửi cán bộ miền Nam tập kết ở miền Bắc (ngày 19-6-1956), bằng một lối ví rất gần gũi và dễ hiểu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm rõ tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng cách mạng trên miền Bắc, mối quan hệ hữu cơ giữa nhiệm vụ cách mạng miền Nam. Người viết: « Muốn dựng ngôi nhà tốt thì phải xây nền cho thật vững. Muốn cây được mạnh, lá được tươi, hoa được đẹp, quả được tốt thì phải ra sức săn sóc, vun

sỏi gốc cây. Miền Bắc là cái Nền, cái Gốc của cuộc đấu tranh hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà. Cho nên, mọi việc chúng ta làm ở miền Bắc đều nhằm tăng cường lực lượng của miền Bắc và miền Nam».

Đến Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1957), Chủ tịch Hồ Chí Minh định rõ đường lối chung của cách mạng Việt Nam, vị trí và mối quan hệ giữa các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Người nói «ta đang tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ đó quan hệ mật thiết với nhau và bổ sung cho nhau. Miền Bắc được củng cố và tiến lên chủ nghĩa xã hội ta mới có cơ sở vững mạnh bảo đảm thắng lợi cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Đây là nhiệm vụ có tính chất quyết định cho toàn bộ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Ngược lại, lực lượng cách mạng ở miền Nam được duy trì và phát triển thì đó là một nhân tố trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, đồng thời là hậu thuẫn mạnh mẽ cho sự nghiệp giữ vững hòa bình, củng cố miền Bắc» (5).

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hồ Chủ tịch, cách mạng nước ta đã vượt qua được một chặng đường đầy khó khăn, gian khổ. Miền Bắc đã hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế (1954 - 1957); hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa. Miền Nam liên tục đấu tranh chống Mỹ - Diệm nhằm giữ gìn lực lượng cách mạng và tiến hành cuộc «đồng khởi» vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công liên tục.

Từ năm 1961 đến năm 1964, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng, sự nghiệp đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân hai miền Nam - Bắc phát triển lên một bước mới.

Trên miền Bắc, bằng lao động sáng tạo và quên mình, nhân dân ta đã đưa nền kinh tế và xã hội miền Bắc tiến lên những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Từ một cảnh tượng hoang tàn, xơ xác sau cuộc kháng chiến chống Pháp: 1/7 ruộng đất bị bỏ hoang, 1/3 ruộng đất không có nước tưới, 1/4 số trâu bò bị giặc bắn giết, hàng trăm thị trấn lớn nhỏ bị giặc đốt trụi, hầu hết đường sá, cầu cống bị phá hoại, hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, 95% số dân mù chữ, nạn đói đe

dọa khắp nơi... Đến năm 1964, sản lượng lương thực của miền Bắc đã tăng hơn 2 lần, chăn nuôi tăng gần gấp đôi, giá trị cây công nghiệp tăng 7 lần so với năm 1939 là năm kinh tế phát triển cao nhất trước chiến tranh. Từ 41 nhà máy (có 20 nhà máy lớn) năm 1954, miền Bắc đã có 1.000 nhà máy (có 217 nhà máy lớn). 95% số dân đã biết đọc, biết viết. Số học sinh phổ thông tăng 3 lần, học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 25 lần so với năm 1954. Chế độ người bóc lột người căn bản bị xóa bỏ. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xây dựng. Xã hội miền Bắc thực sự trở thành xã hội của những người lao động làm chủ tập thể, một xã hội thể hiện rõ những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ở miền Nam, nhân dân ta nhanh chóng phát triển cuộc khởi nghĩa từng phần thành một cuộc chiến tranh cách mạng vừa đấu tranh quân sự, vừa đấu tranh chính trị, kết hợp đánh địch ở rừng núi và nông thôn đồng bằng với phòng trào đấu tranh quyết liệt ở thành thị, đẩy chế độ phát xít tay sai Ngô Đình Diệm đến sụp đổ và làm phá sản chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mỹ.

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ một mặt đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, mặt khác tăng cường những hành động do thám, khiêu khích, phá hoại miền Bắc, chuẩn bị cho những bước leo thang chiến tranh mới vô cùng nguy hiểm.

Đề tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn dân, toàn quân trước âm mưu tăng cường và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, ngày 27 tháng 3 năm 1964 Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt. Trong báo cáo tại Hội nghị, Người điềm lại những sự kiện lớn trong 10 năm (1954 - 1964) ở trong nước và trên thế giới, đánh giá thực lực cách mạng của nhân dân ta «đã lớn lên, mạnh mẽ hơn, giàu kinh nghiệm hơn», khẳng định quyết tâm hoàn thành sự nghiệp cách mạng của dân tộc: xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống mới ở miền Bắc, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam, thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần giữ gìn hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới. Người tuyên bố: Nếu đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai «liều lĩnh động đến miền Bắc thì nhất định chúng sẽ thất bại thảm hại. Vì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đánh lại chúng, vì các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ toàn thế giới hết sức ủng hộ ta, vì nhân dân Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ cũng sẽ phản đối chúng» (6). Người kêu gọi «Mỗi người

phải làm việc bằng hai để dần đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt».

Ngày mùng 1 Tết Giáp thìn (1964), Bác đến thăm bộ đội Phòng không. Bác giao nhiệm vụ cho quân đội: «các chú phải luôn luôn cảnh giác và lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu. Phải kiên quyết bắn rơi máy bay địch nếu chúng liều lĩnh xâm phạm vùng trời miền Bắc nước ta».

Chấp hành chỉ thị của Bác, công tác chuẩn bị chiến đấu trong các lực lượng vũ trang và công tác phòng không nhân dân trên miền Bắc được đẩy mạnh. Ngày 5-8-1964, trên thế chủ động và sẵn sàng chiến đấu cao quân và dân miền Bắc lập chiến công xuất sắc: bắn rơi 8 máy bay Mỹ, bắt sống 1 tên giặc lái, đánh thắng trận đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Ngay sau trận chiến đấu, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở nhân dân và quân đội «Chớ vì thắng lợi mà tự mãn, chủ quan khinh địch. Chúng ta phải biết rằng, đế quốc Mỹ và tay sai chết thì chết, nốt không chừa. Chúng còn nhiều âm mưu hung ác»⁽⁷⁾.

Thực tế lịch sử đã chứng tỏ, nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kẻ thù là rất chính xác.

Ngày 7-2-1965 Mỹ huy động hàng trăm lượt chiếc máy bay phản lực hiện đại mở chiến dịch «mũi lao lửa» đánh phá Vĩnh Linh - Quảng Bình và từ ngày 13-2 chúng chuyển sang «chiến dịch sấm rền» dần dần đánh rộng ra cả miền Bắc.

Ngày 8-3-1965, theo gót chân xâm lược của thực dân Pháp hơn 100 năm trước, đơn vị lính thủy đánh bộ Mỹ đầu tiên đổ bộ lên Đà Nẵng.

Cả nước đã có chiến tranh, «một cuộc chiến tranh lớn nhất, dai dẳng nhất, đẫm máu nhất hiện nay trên trái đất này»⁽⁸⁾.

Hai mươi năm trước, khi thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên ý chí của dân tộc «thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ»⁽⁹⁾. Lần này, trước hành động xâm lược trắng trợn của giặc Mỹ Chủ tịch Hồ Chí Minh lại tuyên bố: nhân dân Việt Nam «thà hy sinh hết thảy, quyết không chịu làm nô lệ»⁽¹⁰⁾. Người kêu gọi nhân dân cả nước «đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược»⁽¹¹⁾.

Phân tích sâu sắc bản chất, tính chất của cuộc chiến tranh và từ thắng lợi của nhân dân miền Nam chống cuộc «chiến tranh đặc

biệt» của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, như lời Kennodi thú nhận, chỉ là «một con đường hầm không lối thoát», cuộc chiến tranh xâm lược mà Giôn-xon đang tiến hành chỉ là một cuộc chiến tranh tuyệt vọng, không thể tránh khỏi thất bại. Nhân dân ta yêu chuộng hòa bình nhưng không sợ chiến tranh. Chúng ta quyết đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược để bảo vệ tự do, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ta. Với sức đoàn kết chiến đấu, tinh thần dũng cảm và trí tuệ sáng tạo của mình, với sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng ta nhất định sẽ đưa cuộc kháng chiến vĩ đại này đến thắng lợi hoàn toàn.

Người đề ra nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước là chống Mỹ, cứu nước. Người kêu gọi và tổ chức toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng niềm tin vững chắc: ta nhất định thắng Mỹ nhất định thua. «Dù đế quốc Mỹ có làm sung nhiều tiền. Dù chúng có B57, B52 hay «bê» gì đi chăng nữa ta cũng đánh. Từng ấy máy bay, từng ấy quân Mỹ chứ nhiều hơn nữa ta cũng đánh mà đã đánh là nhất định thắng»⁽¹²⁾ Để đánh thắng giặc Mỹ, Người chỉ rõ, phải có quyết tâm đánh, quyết tâm đánh thắng, có tinh thần dũng cảm đồng thời phải có kỹ thuật giỏi. Phải chuẩn bị tinh thần bị tinh thần dũng cảm đồng thời phải có kỹ thuật giỏi. Phải chuẩn bị tinh thần đánh liên tục, đánh cho khi nào giặc Mỹ phải rút khỏi Việt Nam mới thôi.

Đề mỗi người chúng ta, ở hậu phương hay ở mặt trận, trực tiếp chiến đấu hay trên các cương vị công tác khác, cũng cố vững chắc niềm tin và quyết tâm thắng Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những nhận định, so sánh rất cụ thể. Người nói: «Ở nước Mỹ và các nước tư bản, người ta giết nhau chỉ vì đồng bạc giấy. Ở Việt Nam ta, có cháu bảo mẹ công đi tìm chú công an để trả lại cái bát được. Vần minh chiến thắng bạo tàn. Xã hội ta văn minh hơn xã hội Mỹ từ những việc làm của các cháu bé như vậy»⁽¹³⁾. Người phân tích: «đế quốc Mỹ có chỗ mạnh, vũ khí của nó mới, tiền của nó nhiều. Nhưng nó có khuyết điểm lớn, cơ bản. Tất cả thiên hạ đều chống nó... Đời sống của tên lính Mỹ nào bần hàn, thật, thuộc lá, kéo cao su đủ thứ, một tên lính Mỹ đi đánh so với một tên lính nam nguyên tồn gấp 15 lần. Chúng dùng Sư đoàn không vận số 1 đi bằng máy bay lên thẳng nhanh thật, nhưng lúc xuống bộ nó không cơ động. Lính Mỹ to xác, trang bị đủ thứ, kèn cồng nặng nề. Còn quân giải phóng của ta tuy nhỏ bé nhưng rất nhanh nhẹn»⁽³⁾. Do đó, quân và dân ta nhất định chiến thắng đế quốc Mỹ. Thắng vẻ

chính trị vì chúng ta chính nghĩa. Thắng và văn hóa vì chúng ta văn minh. Thắng về quân sự vì cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân.

Ý chí quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, đánh thắng chúng ngay từ những trận đầu dù chúng sử dụng loại quân gì, loại phương tiện và kỹ thuật chiến tranh nào... của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được quân và dân hai miền Nam Bắc thấm nhuần sâu sắc và sôi nổi thực hiện. Ngay trong năm 1965, trên chiến trường miền Nam quân và dân ta đã đánh những trận phủ đầu, chiến thắng oanh liệt linh thủy đánh bộ Mỹ ở Vạn Tường (6-1965), lênh kị binh bay Mỹ ở Pleime (11-1965), lính sư đoàn bộ binh số 1 «anh cả đỏ» Mỹ ở Bầu Ràng (11-1965)... Trên miền Bắc, đến cuối năm 1965 quân và dân ta đã bắn rơi hơn 800 máy bay phân lực hiện đại Mỹ, diệt và bắt nhiều giặc lái. Đồng thời, vẫn tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và hết lòng hết sức chi viện tiền tuyến.

Tháng 12 năm 1965, giữa không khí sự sôi đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân và dân cả nước, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh họp ở thủ đô Hà Nội. Phân tích âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh giá đúng đắn chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và sức mạnh tất thắng của dân tộc ta, Hội nghị hạ quyết tâm tập trung lực lượng cả nước, quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Sau hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp phổ biến Nghị quyết cho cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Người đi sâu phân tích phương châm chiến lược của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước gồm những điểm sau đây:

Một là, đánh lâu dài, vừa đánh vừa xây dựng lực lượng, đánh lui địch từng bước đi đến đánh thắng hoàn toàn quân địch. Đồng thời phải biết sáng tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, tập trung cố gắng giành thắng lợi quyết định trong thời gian càng ngắn càng tốt.

Hai là, kiểm chế và thắng địch ở chiến trường chính là miền Nam.

Ba là, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, du kích phải phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau trong chiến đấu.

Bốn là, dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và viện trợ quốc tế.

Những phương châm chiến lược chính xác đó đã soi đường chỉ lối, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên từng bước vững chắc, giành thắng lợi ngày càng lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mùa hè năm 1966, sau thất bại trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, đế quốc Mỹ hối hả tăng thêm 10 vạn quân, đưa tổng số quân viễn chinh xâm lược miền Nam lên 28,5 vạn tên, đồng thời tăng số lượng máy bay và số trận đánh phá miền Bắc lên gấp 2 lần năm 1965. Ngày 29-6-1966, Giôn-xon cho máy bay ném bom thủ đô Hà Nội.

Vạn mệnh Tờ Quốc đứng trước những thử thách hết sức nghiêm trọng.

Ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân chống Mỹ, cứu nước. Người tuyên bố: «Giôn-xon và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn»⁽¹⁵⁾.

Căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố lệnh động viên cục bộ nhằm tăng cường lực lượng quốc phòng, đẩy mạnh cuộc chiến tranh cứu nước, quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Chiến đấu theo tư tưởng lớn: «Không có gì quý hơn độc lập tự do» của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân cả nước ta đã đoàn kết một lòng, 31 triệu đồng bào là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ. Ngay trong mùa hè năm 1966, hơn 15 vạn sĩ quan và quân nhân dự bị được động viên vào quân đội, đưa tổng số quân lên 700.000 người, gồm hơn 400.000 quân xây dựng và chiến đấu trên miền Bắc, gần 30 vạn quân chiến đấu tại chiến trường miền Nam. Hàng vạn tấn vật chất được chuyển vào miền Nam. Nhiều sư đoàn, trung đoàn bộ đội chủ lực gồm đủ các thành phần binh chủng gấp rút hành quân vượt Trường Sơn vào chiến trường. Đây là thời kỳ «Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi»⁽¹⁶⁾, một thời kỳ lịch sử rất hào hùng của dân tộc ta. Tiền tuyến, hậu phương, đánh giặc, sản xuất, giao thông vận tải, văn hóa giáo dục... đâu đâu cũng là mặt trận. Thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, các cụ già tuổi càng cao lòng yêu

nước càng lớn, cùng con cháu đánh giặc giữ nước, các cháu bé rất dũng cảm, hăng hái giúp đỡ bộ đội, giúp đỡ gia đình có người kháng chiến, làm giao liên, đánh du kích...

Vào những năm này, tuổi Bác đã cao, sức đã yếu. Nhưng Bác vẫn ra các trận địa, đến từng quân chủng, binh chủng, từng đơn vị, địa phương động viên bộ đội và nhân dân, chỉ ra cách đánh thắng giặc và những biện pháp xây dựng đơn vị, xây dựng địa phương vững mạnh. Bác theo sát từng bước đi của cách mạng giải phóng miền Nam, ngày đêm tưởng nhớ đến đồng bào và chiến sĩ miền Nam với lòng thương yêu không bờ bến. Bác động viên nhân dân miền Bắc làm việc bằng hai, đầy mạnh sản xuất và chiến đấu, tất cả vì đồng bào miền Nam ruột thịt. Bác thường xuyên chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang, giáo dục cán bộ chiến sĩ lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần yêu đồng chí, đồng đội nồng nàn, tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Bác chỉ bảo cho quân đội giải quyết tốt các mối quan hệ giữa xây dựng và chiến đấu, dân chủ và kỷ luật, giữa chính trị và kỹ thuật, con người và vũ khí. Bác ân cần săn sóc đời sống của chiến sĩ và chỉ thị những cách đánh giặc rất cụ thể. Đến trận địa pháo Phòng không Bác cầm chiếc mũ sắt xem có nặng không, sờ vào chiếc ghế pháo thủ xem có nóng không. Bác đề ra yêu cầu tiết kiệm đạn, đánh tiêu diệt, không bắn xua, bắn đuổi, bắn rơi tại chỗ, bắt giặc lái. Trong một khẩu đội pháo cao xạ, 6 chiến sĩ phải là một, 6 khẩu cao xạ phải là một, cùng bắn vào một máy bay địch. Đến thăm bộ đội Không quân, Bác căn dặn: các chú hãy học tập quân giải phóng miền Nam, bằm thắt lưng địch mà diệt chúng. Bác chỉ thị cho binh chủng đặc công: tinh thần chiến đấu phải đặc biệt dũng cảm. Mưu trí phải đặc biệt linh hoạt. Kỹ thuật phải đặc biệt huấn luyện thành thục. Lập trường chính trị phải đặc biệt vững chắc. Phải lấy ít đánh nhiều, lấy ít thắng nhiều.

Những lời động viên ân cần và dạy bảo sâu sắc của Bác là nguồn sức mạnh vô tận đưa nhân dân và quân đội ta vượt qua mọi hy sinh ác liệt quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Thi đua « làm theo lời Bác », « lập công dâng lên Bác » trở thành những phong trào hành động cách mạng có tính quần chúng rộng rãi trong mọi lĩnh vực chiến đấu và sản xuất, trong nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân. Dưới ngọn cờ chống Mỹ, cứu nước của Bác, phát triển những thắng lợi đã giành được, mùa khô 1966-1967 quân và dân miền Nam lập chiến công lớn: đánh bại hoàn toàn cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của hơn 40 vạn

quân Mỹ và quân chư hầu. Trên miền Bắc, đến cuối năm 1967, quân và dân ta bắn tan xác 2.680 máy bay, diệt và bắt nhiều giặc lái Mỹ. Đặc biệt ngày 19 tháng 5-1967, mừng thọ Bác 77 tuổi, quân và dân thủ đô Hà Nội lập chiến công xuất sắc: bắn rơi 8 máy bay Mỹ. Xác máy bay Mỹ rơi ngay trên hệ phố Lê Trục, giặc lái Mỹ bị bắt sống trên đường phố Thụy Khê. Mùa xuân 1968, cả nước ta lại bừng bừng khi thể ra trận theo lời kêu gọi « Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta! » của Bác. Ở miền Nam, quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu thân vào 64 thành phố, thị xã, thị trấn, giáng một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm rung chuyển nước Mỹ, chấn động năm châu. Trên miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ hoàn toàn thất bại, hơn 3.200 máy bay bị bắn rơi, hàng trăm tàu chiến bị bắn chìm, bắn cháy. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã ở vào giai đoạn « bọn xâm lược Mỹ ngày càng bị động và thất bại, đang ở bước đường cùng. Quân và dân cả nước ta đang ở thế chủ động và tiến công, càng đánh mạnh, càng thắng lớn » (17) như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định trong lời kêu gọi nhân ngày 20 tháng 7 năm 1968.

Từ giữa năm 1969, trước sự phá sản của « chiến tranh cục bộ », đế quốc Mỹ tiến hành « Việt Nam hóa chiến tranh ». Dựa vào đội quân Mỹ còn đông tới trên 50 vạn đang sẵn có trên chiến trường và trên cơ sở tăng cường quân nguy, Nich-xơn đẩy mạnh chiến tranh xâm lược bằng những phương thức mới, kết hợp 3 loại chiến tranh: chiến tranh giành dân, chiến tranh hủy diệt, chiến tranh bóp nghẹt.

Trong tình hình đó, lời kêu gọi của Bác nhân dịp đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc ngày 3-11-1968, Thư chúc mừng năm mới 1969 và lời kêu gọi nhân ngày 20 tháng bảy 1969 đã có sức cổ vũ rất lớn, động viên quân và dân ta, « đoàn kết triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, kiên trì và đầy mạnh cuộc kháng chiến, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho nguy quân nguy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà » (18). Những lời kêu gọi của Bác trong dịp này cũng đồng thời vạch ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước đi cụ thể nhằm thực hiện phương hãm chiến lược của cuộc kháng chiến: đánh cho Mỹ cút, giành thắng lợi quyết định và tiếp đó đánh cho nguy nhào, giành thắng lợi hoàn toàn. Đây là một nghệ thuật chỉ đạo chiến lược rất tài giỏi của Bác.

phát triển từ phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời tập trung cố gắng giành thắng lợi quyết định trong một thời gian càng ngắn càng tốt; là sự hiều địch, hiều ta, hiều thời, hiều thế của Bác; là tinh thần triệt để cách mạng, quyết tâm chiến đấu đến cùng. "Hễ còn một tấc xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi" ⁽¹⁹⁾ nhằm giành độc lập và thống nhất trọn vẹn cho Tổ quốc của Bác.

Nhưng giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra gay go quyết liệt nhất, giữa lúc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu thực hiện chỉ thị của Bác, dân tộc ta đã phải chịu một tổn thất vô cùng to lớn: ngày 3 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần.

Vĩnh biệt chúng ta, "Người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta" ⁽²⁰⁾.

Trước lúc đi xa, Người để lại cho Đảng ta, dân tộc ta một Di chúc vô cùng quý giá. Người chỉ rõ: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn" ⁽²¹⁾. Người còn nói: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn."

"Còn non, còn nước, còn người"

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay" ⁽²²⁾.

Tại buổi lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức ở Quảng trường Ba Đình ngày 9 tháng 9 năm 1969, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất của Đảng thay mặt toàn Đảng, toàn dân trình trọng nói lên lời thề "đi theo con đường của Người, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người" Đồng chí kêu gọi quân và dân cả nước: "Hãy nén đau thương, anh dũng phấn đấu, hăng hái vươn lên, đập bằng mọi trở lực, chống gai, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội."

Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị lớn trong Đảng, trong nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân "Học tập và làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch". Một phong trào hành động cách mạng mới "lập công đền ơn Bác" dấy lên mạnh mẽ trong toàn dân, toàn quân.

Quán triệt sâu sắc những lời Di huấn của Bác, tháng giêng 1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 18 đề ra nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn mới là: "Kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công, đẩy mạnh tiến công quân sự, tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, đánh thắng địch về quân sự, tạo ra sự chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước".

Thi đua học tập và làm theo Di chúc của Bác, trong hai năm 1970 - 1971 quân và dân ta trên các chiến trường đã liên minh chiến đấu với quân và dân hai nước Lào và Campuchia anh em, ra sức tạo thế, tạo lực, đẩy mạnh tiến công và tích cực phản công địch, giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược ở Campuchia, ở Trung-Hạ Lào, ở cánh đồng Chum-Kiên Khoáng và đặc biệt trong chiến dịch phản công ở đường số 9 - Nam Lào, tạo điều kiện và thời cơ mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên toàn chiến trường miền Nam. Trên miền Bắc, quân và dân ta anh dũng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của giặc Mỹ, đặc biệt đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng, bước phiêu lưu quân sự lớn nhất của đế quốc Mỹ. Thất bại trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam và trong việc đánh phá trở lại miền Bắc, ngày 27-1-1973, đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Sau 18 năm chiến đấu bền bỉ và anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, quân và dân ta đã đánh bại một đội quân xâm lược lớn nhất, trang bị hiện đại nhất từ trước đến nay trên đất nước ta và cuối cùng đã đuổi được quân Mỹ về nước.

Tiếp tục thực hiện di chúc của Bác và dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị mà người đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, quân và dân ta đã tiến hành, thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Là lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, là người dẫn dắt toàn dân, toàn quân ta lập nên chiến công oanh liệt đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã đem lại cho đất nước ta vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Nhớ lại năm 1968, giữa những ngày cuộc chiến đấu chống Mỹ đang diễn ra quyết liệt, nhìn về tương lai của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: «đánh thắng giặc Mỹ rồi, cùng với tập thể anh hùng ấy, chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản»⁽²³⁾ trên đất nước Việt

Nam yêu quý của chúng ta.

Từ sau Đại thắng mùa Xuân 1975, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã và đang nỗ lực phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện được hoài bão lớn nhất của Bác Hồ: «Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân tộc ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành».

Chú thích

1 - « Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV ».

2 - Hồ Chí Minh - « Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội » Nxb Sự thật, HN. 1970, tr. 156.

3 - 4 - Hồ Chí Minh - « Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân » - Nxb Quân đội nhân dân, HN. 1970, tr. 299.

5 - Hồ Chí Minh - « Báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (12-1957) ».

6 - « Hồ Chí Minh, tuyển tập », tập 2, Nxb Sự thật, HN. 1980, tr. 322.

7 - Hồ Chí Minh - « Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân » - Nxb Quân đội nhân dân, HN. 1970, tr. 358.

8 - 9 - Hồ Chí Minh - « Trả lời Tạp chí Maixôrity Ôpôan » tuyển tập, tập 2, Sdd, tr. 336.

10 - « Hồ Chí Minh: Tuyển tập » tập I, ST, HN. 1980, tr. 403.

11 - « Hồ Chí Minh, tuyển tập » tập II, Sdd, tr. 368.

12 - « Hồ Chí Minh, tuyển tập », tập 2, Sdd, tr. 372.

13 - Như trên, tr. 450.

14 - Như trên, tr. 392.

15 - « Hồ Chí Minh tuyển tập », tập 2, Sdd, tr. 430.

16 - Hồ Chí Minh - « Mừng xuân 1967 ».

17 - « Hồ Chí Minh tuyển tập », tập 2, Sdd, tr. 496.

18 - Như trên, tr. 538.

19 - « Hồ Chí Minh, tuyển tập », tập 2, Sdd, tr. 540.

20 - Diễn văn của BCH TƯ ĐL ĐVN tại lễ truy điệu Hồ Chủ tịch (9-9-1969).

21 - 22 - « Hồ Chí Minh tuyển tập », tập 2 Sdd, tr. 540.

23 - Như trên, trang 478

TÍNH THẦN TỐC CỦA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

HOÀNG PHƯƠNG

SAU khi ký Hiệp định Paris về Việt Nam, Mỹ vẫn tiếp tục duy trì nguy quyền Sài Gòn để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam dưới dạng 1 nước riêng biệt, thân Mỹ. Hàng loạt kế hoạch được vạch ra như: kế hoạch quân sự 1973 - 1975 nhằm dồn các lực lượng vũ trang giải phóng về những căn cứ sát biên giới, với sức chiến đấu bị giảm sút tới mức chỉ có thể hoạt động ở quy mô đại đội; kế hoạch cộng đồng tự vệ và phát triển địa phương 1973 - 1975 nhằm bình định, lấn chiếm toàn bộ vùng giải phóng; kế hoạch xây dựng quân sự 1974 - 1975 nhằm « hiện đại hóa và tinh nhuệ hóa » quân đội nguy; kế hoạch kinh tế hậu chiến 1973 - 1980 nhằm triển khai toàn diện nền kinh tế thực dân mới lệ thuộc vào Mỹ, ổn định đời sống xã hội, đồng thời làm cho kinh tế miền Nam hơn hẳn kinh tế miền Bắc. Với những kế hoạch trên, Mỹ và nguy cho rằng chiến tranh sẽ « tàn lụi » vào những năm từ 1978 đến 1980.

Để hỗ trợ cho việc thực hiện mưu đồ nói trên, Mỹ duy trì ở bên ngoài Việt Nam một lực lượng rần rần gồm 15.200 quân với 1.020 máy bay và 56 tàu chiến. Đồng thời lợi dụng xu thế hòa hoãn trên thế giới, Mỹ thực hiện « chính sách cân bằng lực lượng » giữa các nước lớn, cấu kết với Bắc Kinh để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng Việt Nam và buộc ta phải đơn phương thi hành Hiệp định Paris.

Trong khi đó những người cầm quyền Bắc Kinh khuyên ta nên « ngừng chiến đấu 1 năm, 1 năm rưỡi thậm chí 2 năm càng tốt »⁽¹⁾ Đồng thời họ cũng khuyên Mỹ « đừng thua ở miền Nam Việt Nam, đừng rút lui khỏi Đông Nam châu Á »⁽²⁾. Tráng trọng hơn nữa ngày 19-1 năm 1974 được sự đồng tình của Mỹ, Bắc Kinh đã đem quân chiếm đảo Hoàng Sa từ lâu vốn là lãnh thổ Việt Nam.

Tuy âm mưu của địch thâm độc, hành

động của chúng điên cuồng, sự phản bội của bọn bành trướng bá quyền Bắc Kinh nhằm chống cách mạng của nhân dân 3 nước Đông Dương ngày càng trắng trợn, nhưng cục diện trên chiến trường vẫn không bị đảo ngược: quân Mỹ đã phải rút, quân chủ lực của ta vẫn đứng chân ở miền Nam, khi thế cách mạng của quần chúng ngày càng lên cao. Bộ Chính trị họp từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, khẳng định thời cơ chiến lược đã chín muồi cho giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh. Vì vậy một cuộc dọ sức cuối cùng giữa ta địch tất yếu phải xảy ra và sự sụp đổ hoàn toàn của nguy quân, nguy quyền miền Nam là không thể tránh khỏi.

Được sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Quân ủy Trung ương và sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, từ đầu năm 1974, Bộ Tổng tham mưu đã tập trung sức vào làm kế hoạch giành thắng lợi hoàn toàn ở miền Nam. Yêu cầu cơ bản đề ra là phải thắng nhanh làm cho địch không xoay sở kịp và các thế lực phản động quốc tế cũng không phá ngang được. Đây là 1 yêu cầu chính xác, phù hợp với tình hình cách mạng lúc đó, phù hợp với khả năng và nguyện vọng của quân và dân cả nước ta. Bộ Chính trị nhấn mạnh nếu bỏ lỡ thời cơ này là có tội đối với dân tộc. Vì nếu kéo dài thì tình hình sẽ phức tạp và như Lê nin nói « trong thời kỳ cách mạng, sự trì hoãn đôi khi được xem ngang như hoàn toàn phản bội cách mạng »⁽³⁾. Kháo

(1) Lời Mao Trạch Đông nói với các đ/c Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng trong cuộc hội đàm tháng 6-1973 tại Bắc Kinh.

(2) Theo tướng A. Gai-gơ, Báo Mỹ « Người hướng dẫn khoa học cơ đốc » số ra ngày 20-5-1979.

(3) Lênin toàn tập, Tập 32, Nxb Tiến bộ 1981, tr.52.

với thời kỳ trước, lần này cần phải huy động sức mạnh tổng hợp đánh địch trên thế mạnh để dứt điểm.

Sau nhiều lần nghiên cứu, nhất là về vấn đề đánh giá địch, và qua nhiều lần dự thảo, Bộ Tổng tham mưu đề nghị kế hoạch giành thắng lợi ở miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Địch còn hơn 1 triệu quân (kể cả quân chủ lực, quân địa phương và dân vệ có vũ trang), có trang bị kỹ thuật hiện đại và phòng ngự trận địa với công sự vững chắc; chúng còn duy trì một hệ thống kim kẹp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương hòng làm tê liệt mọi hình thức đấu tranh của quần chúng. Về phía ta, trình độ tác chiến lớn, hiệp đồng binh chủng chưa vững chắc; trận tiêu diệt và giải phóng chi khu quận lỵ Thượng Đức phải kéo dài 4 tháng; trận giải phóng toàn tỉnh Phước Long mất 20 ngày, khối lượng vật chất và kỹ thuật bảo đảm cho giai đoạn chiến lược này lên tới hàng mấy chục vạn tấn chuyển từ hậu phương ra. Đây là những căn cứ cụ thể cần chú ý để ước lượng thời gian thực hiện quyết tâm chiến lược. Hơn nữa khả năng can thiệp trở lại của đế quốc Mỹ còn là vấn đề phải theo dõi và có biện pháp đối phó. Khả năng nổi dậy của quần chúng cách mạng chưa phải đã đồng đều và mạnh mẽ ở khắp nơi. Chính vì vậy ước tính thời gian 2 năm cho trận quyết chiến chiến lược này là một sự tính toán thận trọng, có căn cứ khoa học. Trong năm 1975, ta tranh thủ bất ngờ thực hiện tiến công lớn và rộng khắp nhằm tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân nguy, đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" của địch, giải phóng và làm chủ đại bộ phận nông thôn, chủ yếu là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Khu 5 và Trị Thiên; mở thông các đường hành lang trên các hướng từ Tây Nguyên xuống miền đông Nam Bộ, từ Tây Ninh qua Long An, Kiến Tường xuống Mỹ Tho, từ Tây Nguyên xuống 3 tỉnh nam khu 5. Cùng với đòn tiến công quân sự, ta phải đẩy mạnh phong trào quần chúng ở đô thị, phát triển lực lượng, củng cố vùng giải phóng, chuẩn bị chiến trường cho năm 1976. Trên cơ sở hoàn thành những nhiệm vụ nói trên của năm 1975, sang năm 1976, ta sẽ dốc toàn bộ lực lượng để tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Kế hoạch 2 năm 1975-1976 thể hiện tính cách mạng rất cao. So với thời kỳ đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" và "chiến tranh cục bộ" thì thời gian lần này được rút ngắn hơn nhiều. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng từ 18-12-1974 đến 8-1-1975 đã thảo luận, cân nhắc kỹ càng tình hình về mọi mặt và

quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Đồng thời đề chủ động trước tình hình phát triển mau lẹ và phức tạp, Bộ Chính trị còn dự kiến đến khả năng giành thắng lợi sớm hơn nữa nếu ta hành động khôn khéo, đánh đòn phủ đầu mãnh liệt và liên tục tấn công kết hợp với nổi dậy đồng loạt của nhân dân ở khắp nơi theo tư tưởng của Lê nin là "chấm dứt chiến tranh bằng cách phát triển cách mạng lên hơn nữa" (1).

Trong khi ta khẩn trương chuẩn bị cho trận đánh quyết định để giành thắng lợi hoàn toàn thì Nguyễn Văn Thiệu và bộ máy chiến tranh nguy đánh giá ta chưa đủ sức đánh vào các thị xã lớn và dù có đánh cũng không giữ được. Chúng cho rằng cũng như những năm trước, ta chỉ có khả năng hoạt động từ trước hoặc sau Tết cho đến hết mùa khô. Do đó địch vẫn giữ thế bố trí mạnh 2 đầu: ở Quân khu 1 của chúng có 5 sư đoàn chủ lực (trong đó có 2 sư tổng dự bị), 4 liên đoàn biệt động, 1 sư đoàn không quân và 1 lực lượng mạnh về xe tăng, thiết giáp và pháo binh; ở Quân khu 3 có 3 sư đoàn chủ lực, 7 liên đoàn biệt động quân, 2 sư đoàn không quân và lực lượng mạnh về xe tăng, thiết giáp và pháo binh.

2 giờ sáng ngày 10-3-1975 ta nổ súng tấn công Buôn Ma Thuột, mở đầu cuộc tiến công chiến lược. 10 giờ 30 ngày 11-3 ta hoàn toàn làm chủ thị xã. Các đợt phản kích của địch đều bị thất bại. Bị mất vị trí hiểm yếu trên địa bàn chiến lược rất quan trọng, lại ở vào thế yếu trước lực lượng tập trung và đòn đánh mãnh liệt của ta, địch phải bỏ chạy khỏi Pleiku-Kontum. Ta truy kích và đến ngày 24-3 toàn bộ lực lượng rút chạy đã bị tiêu diệt - Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi vượt mức kế hoạch. Diễn biến trên toàn chiến trường miền Nam phát triển rất nhanh với quy mô tiến công của ta ngày càng lớn, tốc độ tiến công ngày càng cao. Ngay từ ngày 18-3-1974, sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột và chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã phát hiện sự suy sụp của quân nguy, nhanh hơn ta dự kiến do đó xác định với đà phát triển này, có thể và cần phải tranh thủ giành thắng lợi hoàn toàn ngay trong năm 1975 theo phương châm "kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất, chắc thắng".

Trong thời gian này, Khu 5 đã hoàn thành việc chia cắt và đánh chiếm nhiều đoạn quan

(1) Lê nin toàn tập. Tập 32, Nxb. Tiến bộ 1981, tr. 347

trọng trên đường 19. Bộ đội địa phương và du kích đã tiến công giải phóng phần lớn vùng giáp ranh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Ở Trị Thiên cả 3 thứ quân của ta đều hoạt động mạnh cả ở vùng giáp ranh và đồng bằng. Ở Nam Bộ, bằng nhiều chiến dịch tiến công tổng hợp ta mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng sông Cửu Long, chiếm nhiều bàn đạp quan trọng quanh Sài Gòn, giải phóng lộ 20, lộ 3 và đoạn quốc lộ 1 từ Long Khánh đến Rừng Lá, uy hiếp Xuân Lộc—Hệ thống phòng ngự chiến lược của địch bị cắt thành nhiều khúc làm cho chúng tuy còn đông quân nhưng không có cách gì cứu vãn được nguy cơ thất bại hoàn toàn. Sau đòn sét đánh đầu tiên ở hướng Tây Nguyên mà trận mở đầu là Buôn Ma Thuột, những điểm yếu cơ bản của địch như tính phi nghĩa của chiến tranh mà chúng tiến hành chế độ phân dân hại nước của chính quyền tay sai Mỹ, mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm quyền, tinh thần bạc nhược của quân nguy v.v... lúc này mới bùng nổ và dẫn đến những thất bại liên tiếp ngày càng nặng nề mà địch không sao tránh thoát trước những đòn tấn công dồn dập, mãnh liệt của ta.

Năm chảo xu thế phát triển của tình hình, ta tổ chức khẩn trương và tiến hành rất linh hoạt và thần tốc trận quyết chiến chiến lược thứ 2 đánh chiếm Huế, Đà Nẵng. 10 giờ 30 ngày 25-3-75 thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên được giải phóng. Cùng vào thời gian này, ở Khu 5 lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng mở cuộc tiến công và nổi dậy đợt 2 ở vùng đồng bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi, giải phóng Tam Kỳ, Quảng Ngãi, chiếm căn cứ Chu Lai, tiêu diệt toàn bộ sư đoàn 2 nguy. Đà Nẵng bị uy hiếp cả từ phía Bắc và phía Nam. Binh sĩ địch hoảng sợ cao độ. Tổ chức chỉ huy của chúng không còn hiệu lực và bị hoàn toàn rối loạn. Kế hoạch cơ cực lớn ở Đà Nẵng bị phá sản, mặc dù lúc đó ở quanh khu căn cứ lớn này quân nguy còn khoảng 75.000 tên. Tranh thủ tình hình thuận lợi, Quân đoàn 2 của ta phối hợp với các lực lượng của Khu 5 cùng với nhân dân nổi dậy đã dồn dập tiến công và ngày 29-3-75 giải phóng Đà Nẵng.

Thắng lợi chớp nhoáng của chiến dịch Huế—Đà Nẵng chứng tỏ cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang trên đà phát triển nhảy vọt. Điều này được Bộ Chính trị xác định từ ngày 25-3-1975 và chính trên cơ sở đánh giá tình hình đó mới có quyết tâm táo bạo và chính xác là hoàn thành giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa (tháng 5-1975) — Chỉ mới hơn 2 tháng trước đây, kế hoạch giành thắng lợi hoàn toàn trong 2 năm 1975—1976 còn làm cho 1 số cán

bộ băn khoăn về khả năng hiện thực của nó. Nhưng qua ngày thực hiện (từ 10 đến 18-3-75). Bộ Chính trị đã quyết định tăng tốc độ tấn công nhanh hơn nữa, trong năm 1975 phải hoàn thành kế hoạch 2 năm. Thắng lợi ngày càng to lớn. Quân địch bị hết bất ngờ này đến bất ngờ khác; ở khắp mọi nơi chúng không kịp đối phó với đà tiến bộ thần tốc và khí thế cách mạng sôi sục của quân và dân ta. Những băn khoăn lúc đầu trong 1 số cán bộ không còn nữa, kể cả khi Bộ Chính trị quyết định phải hoàn thành kế hoạch 2 năm trước mùa mưa năm 1975. Quả thực « cuộc sống là người giáo dục, cuộc đấu tranh sinh động đang giải quyết tốt nhất những vấn đề mà cách đây không lâu còn là những vấn đề đang được tranh cãi »⁽¹⁾.

Sau chiến thắng Huế, Đà Nẵng, quân và dân ta thừa thắng giải phóng tiếp 1 loạt tỉnh phía Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên, mở hành lang nối liền Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, Tây Ninh với Kiến Tường. Bàn đạp tiến công vào Sài Gòn từ hướng Bắc, Tây Bắc đã hình thành khá vững chắc. Lực lượng chủ lực của quân khu cùng với bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích, tự vệ, quần chúng ở đồng bằng sông Cửu Long đã diệt từng loạt đồn bốt, giải phóng từng khu vực trên vùng Tiền Giang. Hậu Giang, thực hiện được việc chia cắt địch làm cho chúng bị cô lập từng bộ phận.

Trong cuộc họp ngày 1-4-1975 Bộ Chính trị nhận định: cả về thế chiến lược và lực lượng quân sự, chính trị, ta đã có sức mạnh áp đảo quân địch, còn địch thì đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong. Mỹ tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ đến nơi của nguy. Trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Vì vậy cần tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975, không thể để chậm.

Sài Gòn—Gia Định là hướng tiến công chủ yếu đồng thời là hướng chiến lược quyết định cuối cùng. Ngày 14-4-1975 kế hoạch giải phóng Sài Gòn—Gia Định mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị thông qua.

Về phía địch, cho tới giờ phút sụp đổ đến nơi, chúng vẫn ngoan cố chống đỡ. Nhưng do những mũi tiến quân thần tốc, táo bạo của ta, do ta đánh mạnh, đánh liên tiếp ở

(1) Lênin, Toàn tập, Tập 22, Nxb Tiến bộ 1973, tr.373

khắp nơi nên chúng chống đỡ không nổi. Quân nguy bị tiêu diệt và tan rã từng mảng. Phong trào nổi dậy của nhân dân ở các địa phương được đôn tiếp công của các lực lượng vũ trang cách mạng hỗ trợ càng phát triển mạnh mẽ. Ở các vùng địch còn kiểm soát, nhất là ở Sài Gòn, phong trào đòi lật đổ Thiệu ngày càng lan rộng. Ngày 21-4 Thiệu phải tuyên bố từ chức. Mỹ vẫn tin rằng với việc thay thế Thiệu, có thể dàn xếp một cuộc « ngừng bắn ». Các nhân vật ngoại giao khác ở Sài Gòn hoạt động nhộn nhịp nhằm trì hoãn bước tiến quân của ta để tranh thủ thời gian chuẩn bị kế hoạch « làm ăn » của họ. Ta vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của Mỹ, của các nước đế quốc và các loại phản động cố níu lại một chính quyền đã sụp đổ để « thương lượng » cho qua mùa khô. Lập trường của ta lúc này là xóa bỏ hoàn toàn nguy quyền và bộ máy chiến tranh của chúng, đồng thời tiếp tục tiến quân, mở rộng phong trào nổi dậy, giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ 20-4-1975 ta đã hình thành thế bao vây Sài Gòn - Gia Định. Các quân đoàn chủ lực cùng với binh khí kỹ thuật được tăng cường đã tập kết đúng thời gian và địa điểm quy định, được các lực lượng chính trị quần chúng phối hợp và giúp đỡ tận tình. Các đường chính dẫn vào thành phố đều bị chặt đứt và khống chế hoàn toàn. Để đáp ứng yêu cầu tiến công thần tốc, vừa tiêu diệt đầu não của địch, vừa bảo vệ tính mạng của nhân dân, vừa giữ gìn cho các công trình văn hóa xã hội, kinh tế... không bị đổ nát, Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra 5 mục tiêu phải nhanh chóng đánh chiếm là: dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu nguy, sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng nha cảnh sát và Bộ tư lệnh biệt khu Thủ đô nguy. Địch tập trung quân chủ lực mạnh - 5 sư đoàn bộ binh cùng với pháo binh, xe tăng, thiết giáp và không quân - bố trí ở vòng ngoài nhằm ngăn chặn ta từ xa. Ở vòng trong chỉ có 2 sư đoàn cùng với cảnh sát, mật vụ, phòng vệ dân sự. Với lực lượng ưu thế hơn địch rất nhiều cả về số lượng và chất lượng, Bộ chỉ huy chiến dịch của ta chỉ dùng một lực lượng đủ để tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các đơn vị của địch ở vòng ngoài, đặc biệt là ngăn chặn hành động phá cầu đường và không cho chúng chạy về co cụm ở nội thành: còn đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu, kết hợp với các lực lượng tại chỗ đánh chiếm các vị trí then chốt, mở đường cho các binh đoàn cơ giới tiến nhanh đánh chiếm 5 mục tiêu đầu não đã được quy định.

17 giờ ngày 26-4-1975 trên hướng đông và đông nam, lực lượng ta nổ súng tiến công

Sau 2 ngày chiến đấu, ta chiếm Bà Rịa, Long Thành, Nước Trống, bắn phá sân bay Biên Hòa, phát triển về hướng Sài Gòn. Trên các hướng Tây Nam, tây bắc, quân ta cũng phát triển thuận lợi. Ngày 28-4 không quân ta sử dụng máy bay lấy được của địch bắn phá sân bay Tân Sơn Nhất, gây cho địch một tình trạng kinh hoàng cao độ, làm tê liệt cầu hàng không « di tản » của Mỹ và buộc chúng phải nhanh chóng kết thúc cuộc « di tản » những người Mỹ còn lại bằng máy bay lên thẳng.

Cũng trong thời gian này ta đánh chiếm các đảo do quân nguy Sài Gòn chiếm đóng ở quần đảo Trường Sa (từ đêm 13 rạng ngày 14-4 đến ngày 29-4-1975).

Cuối ngày 28-4 Bộ Tổng tham mưu nguy bỏ chạy. Sáng 29-4 ta tổng công kích trên toàn mặt trận, đánh vỡ và chiếm các căn cứ vòng ngoài thành phố, thọc sâu đánh chiếm 5 mục tiêu lớn đã đề ra, kết thúc chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định vào ngày 30-4-1975. Lực lượng tại chỗ của các tỉnh Nam Bộ, Côn Đảo, Phú Quốc đều vùng lên tiêu diệt và buộc toàn bộ lực lượng còn lại của nguy quân nguy quyền phải đầu hàng. Đến hết ngày 1-5-1975 miền Nam đất nước ta được hoàn toàn giải phóng. Quân và dân cả nước đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ « đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào » mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã đề ra.

Kể từ khi nổ súng tấn công Buôn Ma Thuột (10-3-1975) đến khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (01-5-1975), chỉ trong 52 ngày đêm, quân và dân cả nước ta đã hoàn thành nhiệm vụ chiến lược trọng đại đề ra cho 2 năm Tính thần tốc của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là kết quả của đường lối đúng đắn, độc lập tự chủ của Đảng, được sự chỉ đạo sáng suốt và nhạy bén của Bộ Chính trị cùng với tinh thần hy sinh và sáng tạo của toàn đảng, toàn dân và toàn quân biến thành hành động cụ thể. Sau khi quân Mỹ phải rút hết khỏi miền Nam, một thời cơ vô cùng thuận lợi đã xuất hiện mà Đảng ta đã khéo léo tận dụng. Không phải là một đảng nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng, không có ý chí chiến đấu và nghị lực phi thường thì không những không đề ra được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn mà còn khó phát hiện và tận dụng được thời cơ. Phát hiện được thời cơ tức là phát hiện đúng những chỗ yếu cơ bản của địch, khả năng xoay sở của chúng và thời điểm chúng lúng túng nhất, sơ hở nhất mà ta có thể và cần phải nhanh chóng tận dụng để

(Xem tiếp trang 52)

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 TRẬN TIÊU DIỆT CHIẾN LƯỢC LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ CHIẾN TRANH CHỐNG XÂM LƯỢC Ở VIỆT NAM

PHAN HUY THIẾT

VỚI sức chiến đấu kiên cường trong hơn 20 năm chống Mỹ xâm lược đã dẫn đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, dân tộc ta đã giành được thắng lợi vĩ đại, thủ tiêu nguy quân, nguy quyền, công cụ tiến hành chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến dịch, Tây Nguyên, chiến dịch Huế—Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh, ba trận đánh tiêu diệt lớn, biểu hiện nghệ thuật đánh tiêu diệt chiến lược của ta đã phát triển đến đỉnh cao. Đánh tiêu diệt chiến lược là một vấn đề lớn, có nội dung rất phong phú của nghệ thuật quân sự. Chúng tôi xin phát biểu một khía cạnh của vấn đề đó. Từ thực tế lịch sử chiến tranh chống xâm lược, chúng tôi muốn chứng minh một điểm: đánh tiêu diệt chiến lược là một quy luật giành thắng lợi của dân tộc ta trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chiến tranh giải phóng và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là trận tiêu diệt chiến lược lớn nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược ở Việt Nam.

I - ĐIỀM QUA LỊCH SỬ

Lịch sử chiến đấu lâu dài chống các thế lực xâm lược của dân tộc ta đã chứng minh: trong các cuộc chiến tranh nhằm thôn tính nước ta, kẻ địch chỉ chịu thua, chấm dứt chiến tranh sau khi chúng đã bị những đòn tiêu diệt lớn, tổn thất nặng nề về sinh lực, phương tiện tiến hành chiến tranh đến mức không thể tiếp tục chiến tranh được nữa và ý chí xâm lược của chúng đã bị đánh bại.

Kể từ chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đến năm 1975, dân tộc ta đã phải tiến hành 13 cuộc chiến tranh chống 3 thế lực xâm lược

phong kiến Trung Hoa, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Trừ cuộc kháng chiến chống Minh ở thế kỷ XV dưới triều nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống Pháp ở thế kỷ XIX dưới triều nhà Nguyễn bị thất bại, còn đều giành được thắng lợi vẻ vang. Những cuộc kháng chiến đó đã giành được thắng lợi sau những đòn tiêu diệt chiến lược, đánh bại quân đội đối phương. Quân đội là công cụ để tiến hành chiến tranh của các thế lực xâm lược. Chừng nào bên tiến hành chiến tranh tự vệ chưa đánh bại được hoàn toàn quân đội đối phương, chừng đó chưa đạt được thắng lợi triệt để của chiến tranh. Trong quá trình chiến tranh có đánh tiêu diệt chiến thuật, tiêu diệt chiến dịch, tiêu diệt chiến lược. Nhưng phải có những đòn tiêu diệt chiến lược mới kết thúc chiến tranh thắng lợi. Đó là 1 quy luật chung của chiến tranh.

Bằng trận tiêu diệt đạo quân Hoảng Thao ở Bạch Đằng năm 938 Ngô Quyền đã đập tan âm mưu xâm lược của Nam Hán. Năm 981, Lê Hoàn đã giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất, sau trận tiêu diệt đạo quân Hầu Nhân Bảo là đạo quân tiến công trên hướng chủ yếu của địch. Cuối năm 1076 đầu năm 1077, nhà Tống đem quân xâm lược nước ta lần thứ hai và đã phải chấm dứt chiến tranh sau khi đạo quân viễn chinh đã bị tiêu diệt đại bộ phận ở Như Nguyệt, bọn sống sót đang đêm phải bỏ chạy trong cảnh « hỗn loạn dầm xéo lên nhau ». Quân Tống chạy về đến Tư Minh chỉ còn 23 000 tên và 3.174 ngựa. Tuy nhà Tống còn thống trị ở Trung Quốc hơn 200 năm nữa nhưng từ đòn đau đó chúng đã phải từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta.

Ba lần kháng chiến chống quân Mông—Nguyễn ở thế kỷ XIV cũng đã kết thúc sau những trận đánh tiêu diệt lớn của quân ta ở Đông Bộ Đầu (1258) Tây Kết, Hàm Tử—Chương Dương, Vạn Kiếp (1285), Bạch Đằng

(1288). Những trận đánh đó đã gây cho địch tổn thất rất lớn về sinh lực, phương tiện chiến tranh và tinh thần. Vô cùng kinh sợ đến nỗi bọn lính sống sót sau các lần xâm lược vẫn còn kinh hoàng khi nghe đến hai tiếng Nam chinh, «Lính già từng trải mùi chinh chiến. Nghe nói Nam chinh ủ mặt mày» (Thơ Nguyễn Trung Ngạn) và sau khi đã chấm dứt chiến tranh, lập lại bang giao giữa hai nước, sứ thần Nguyễn sang ta trở về vẫn còn rất sợ.

«... Kim qua ảnh lý đan tâm khổ
Đồng cỏ thanh trung bạch phát sinh
Dĩ hạnh quy lai thân hiện tại
Mộng hồi do giác chường hồn kinh».

(bóng lòa gương sắt lòng thêm đắng, Tiếng rộn trống đồng bạc đốm hoa. Mong được trở về thân khỏe mạnh. Mộng đến chuyện cũ thấy hồn kinh) (thơ Trần Phú, sứ nhà Nguyễn sang ta trở về).

Cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1418-1428 do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo từ khởi nghĩa vũ trang phát triển thành chiến tranh giải phóng. Nghĩa quân đã phải chiến đấu 10 năm ròng và cũng sau hai đòn tiêu diệt lớn đã buộc Vương Thông phải đầu hàng, chấm dứt chiến tranh. Chiến dịch Tốt Động—Chúc Động tiêu diệt hơn 6 vạn quân địch bằng các trận «Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn thừa. Tốt Động phơi thây đồng nội, thối rữa nghìn thu». (Bình Ngô đại cáo) Đặc biệt là chiến dịch Chi Lăng—Xương Giang tiêu diệt 10 vạn viện binh của địch bằng những đòn sấm sét «đánh trận đầu sạch sanh kinh ngạc. Đánh trận nữa tan tác chim muông» (Bình Ngô đại cáo).

Năm 1785, Nguyễn Huệ đã tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm trong trận quyết chiến chiến lược Rạch Gầm—Xoài Mút, đánh bại âm mưu can thiệp «đục nước béo cò», bành trướng lãnh thổ của phong kiến Xiêm, làm chúng «sợ quân Tây Sơn như sợ cọp».

Cuối năm 1788, triều đình Mãn Thanh trương lá cờ rách «Phù Lê diệt Tây Sơn» đem quân xâm lược nước ta. Nhận được tin báo, Quang Trung quyết định thực hành trận phản công thần tốc với tư tưởng tiêu diệt địch rất triệt để: «Đánh cho nó chích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn». Trong thời gian 5 ngày đêm quân Tây Sơn đã tiêu diệt 29 vạn quân Mãn Thanh. Chiến thắng mùa Xuân năm Kỷ Dậu (1789) đã buộc triều đình Mãn Thanh phải công nhận Quang Trung là «An Nam quốc vương» và nền độc lập của dân tộc ta. Từ đó chúng chấm dứt âm mưu xâm lược nước ta.

Sau 9 năm (1945 — 1954) theo đuổi chính sách xâm lược, thực dân Pháp phải chịu thua

sau khi bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng phòng ngự trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tập đoàn cứ điểm là hình thức phòng ngự cao nhất của Pháp trong chiến tranh ở Đông Dương.

Sau hơn 20 năm—nói chính xác là 20 năm 4 tháng—theo đuổi chính sách xâm lược Việt Nam, với một nỗ lực huy động cho chiến tranh rất lớn, nhiều lần thay đổi chiến lược, cuối cùng Mỹ đã phải chịu thua hoàn toàn sau cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 của ta. Tôm xon—chuyên gia người Anh, cố vấn cho Mỹ về chống chiến tranh du kích viết «Việc Mỹ rút khỏi Việt Nam là cuộc rút lui lớn kể từ sau cuộc rút lui của Na-pô-léon khỏi nước Nga. Chúng ta sẽ thấy sự đầu hàng chiến lược của Mỹ».

II — CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY NĂM 1975, TRẬN TIÊU DIỆT LỚN NHẤT, GIÀNH THẮNG LỢI VĨ ĐẠI NHẤT TRONG LỊCH SỬ CHIẾN TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM CỦA DÂN TỘC TA

Nếu tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá về tiêu diệt chiến lược là mức độ tiêu diệt các tập đoàn tác chiến chủ yếu, lực lượng cơ động chiến lược, lực lượng phản kích chiến lược, mức độ đánh chiếm các trung tâm chính trị kinh tế, hệ thống bố phòng, những vùng lãnh thổ quan trọng chiến lược đối với toàn bộ cuộc chiến tranh thì cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 là trận tiêu diệt lớn nhất triệt để nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mà tiêu biểu bằng 3 chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế—Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn nguy quân, nguy quyền trên 1.000.000 tên và 1.500.000 phòng vệ dân sự. Nếu tính đơn vị có 4 quân đoàn, 13 sư đoàn bộ binh, 18 liên đoàn biệt động, 6 sư đoàn không quân, 22 trung đoàn thiết giáp, 22 trung đoàn hải quân, 68 tiểu đoàn pháo binh, toàn bộ lực lượng cảnh sát đã chiến. Ta thu gần 80 vạn súng các loại (trong đó có trên 1000 pháo lớn) trên 13.000 xe quân sự (trong đó gần 1000 xe tăng, xe bọc thép) hơn 1900 máy bay các loại, trên 900 tàu xuồng chiến đấu, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong lịch sử, chiến tranh ở nước ta chưa có trận tiêu diệt chiến lược nào đã tiêu diệt, làm tan rã được nhiều địch và thu được nhiều phương tiện chiến tranh như vậy.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trận tiêu diệt chiến lược đã kết thúc

cuộc kháng chiến kéo dài hơn 1/5 thế kỷ là cuộc kháng chiến lâu dài nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta. Trong vòng 30 năm (1258 - 1288) của thế kỷ XIII tổ tiên chúng ta đã 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên, nhưng mỗi cuộc chiến tranh cũng chỉ diễn ra trong mấy tháng. Cuộc kháng chiến chống đế chế Minh ở thế kỷ XV kéo 10 năm (1418 - 1428) là cuộc kháng chiến lâu dài nhất trong lịch sử chống phong kiến Trung Quốc. Cuộc kháng chiến chống Pháp cũng là một cuộc kháng chiến lâu dài gần 9 năm.

Trận tiêu diệt chiến lược mùa Xuân 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có quy mô lớn nhất, chống lại một kẻ thù lớn mạnh nhất, sử dụng những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất và có tính chất phức tạp quyết liệt nhất trong gần 1000 năm của kỷ nguyên độc lập. Nước Trung Hoa phong kiến tuy đất rộng người đông, có số lượng quân đội nhiều hơn ta trong các lần xâm lược, nhưng về vũ khí trang bị cũng như ta. Pháp trở lại xâm lược nước ta năm 1945 là một đế quốc bại trận, đã bị suy yếu nhiều sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, tuy có ưu thế hơn ta về trang bị vũ khí, nhưng khả năng động viên bị hạn chế, chỉ phi chiến tranh phần lớn dựa vào sự viện trợ của Mỹ. Đế quốc Mỹ đã làm giàu trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sau chiến tranh Mỹ trở thành tên đế quốc mạnh nhất, tự đảm nhiệm tên sen đầm quốc tế. Vì lợi ích chiến lược toàn cầu, Mỹ đã huy động lực lượng quân đội và phương tiện chiến tranh lớn nhất có thể huy động được nhằm đánh bại chúng ta, so với lực lượng của toàn bộ nước Mỹ, chúng đã huy động 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 38% không quân chiến thuật, 40% hải quân, hầu như toàn bộ lực lượng vận chuyển đường biển, đường hàng không quân sự. Mỹ đã ném 7.822.547 tấn bom, gấp 3,9 lần số bom Mỹ sử dụng trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và gấp 12 lần số bom Mỹ ném xuống Triều Tiên. Số đạn pháo Mỹ đã bắn là 7,5 triệu tấn (trong chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ bán 6 triệu tấn, trong chiến tranh Triều Tiên 2 triệu 60 vạn tấn) Mỹ đã sử dụng các vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất (trừ vũ khí nguyên tử) và đã thực hiện các chiến lược «chiến tranh đặc biệt», «chiến tranh cục bộ», «Việt Nam hóa chiến tranh». Chúng ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược của địch và cuối cùng bằng trận tiêu diệt chiến lược vĩ đại vào mùa Xuân 1975, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Chính Mỹ kẻ thường vô nghệ là giàu mạnh nhất thế giới cũng phải công khai thú nhận thất bại của chúng. Oétmolen than

thở «Đó là điều đau đớn, nhưng không có gì đáng ngạc nhiên... Thật là một điều đáng buồn, nhưng đó là một điều không thể nào tránh khỏi» (Oétmolen, Thời báo 12-5-1975). Kitxinhgo thì đánh giá «Sự sụp đổ của Đông Dương vừa là bước thụt lùi vừa là tấn thảm kịch đối với Mỹ» (Kitxinhgo, Tin Mỹ và thế giới 22-5-1975)

Các trận tiêu diệt chiến lược vào giai đoạn quyết định đều là những trận có tác dụng kết thúc chiến tranh thắng lợi, do đó đều có ý nghĩa lịch sử của nó đối với tiến trình phát triển của đất nước. Điềm qua các trận tiêu diệt chiến lược mà dân tộc ta đã tiến hành trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược, chúng ta thấy 3 trận có ý nghĩa đặc biệt, mở ra những kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta. Đó là trận Bạch Đằng năm 938, cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Trong đó cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là nổi bật nhất.

Trận tiêu diệt chiến lược ở Bạch Đằng năm 938 đã kết thúc thời kỳ Bắc thuộc mở ra kỷ nguyên độc lập lâu dài trong lịch sử dân tộc. Trận Điện Biên Phủ mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tuy mới chỉ thực hiện được ở một nửa nước, song đó lại là một động lực để đi tới thắng lợi năm 1975. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu gay go, ác liệt với một kẻ thù mạnh nhất thời đại, tạo nên bước ngoặt vĩ đại, mở ra một kỷ nguyên hoàn toàn mới - Kỷ nguyên độc lập vĩnh viễn, đưa cả nước mới đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đây dân tộc ta bước vào một xã hội văn minh nhất của lịch sử loài người.

III - TỪ LỊCH SỬ RÚT RA MẤY NHẬN XÉT

1. Đánh tiêu diệt chiến lược là một yêu cầu khách quan để giành thắng lợi của chiến tranh chống xâm lược ở nước ta. Lịch sử chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta đã chứng minh: Các cuộc kháng chiến chỉ giành được thắng lợi cuối cùng, sau khi đã thực hiện trận tiêu diệt chiến lược, đánh bại hoàn toàn quân địch, để bẹp ý chí xâm lược của chúng. Tùy tình hình so sánh thế và lực của địch của ta, và tính chất chiến tranh, các trận tiêu diệt chiến lược đã diễn ra rất khác nhau. Trong chiến tranh giữ nước các trận tiêu diệt được thực hiện ngay sau khi chiến

tranh vừa xảy ra, địch vừa lọt vào đất nước ta, như trận Bạch Đằng năm 938, trận Chi Lăng 981; hoặc được thực hiện sau khi chiến tranh xảy ra một thời gian ngắn, quân địch đã tiến sâu vào nội địa, khi ta đã tạo được thời thế như: trận Như Nguyệt năm 1077, các trận Chương Dương, Hàm Tử, Thăng Long năm 1288, trận Bạch Đằng-Xoài Mút năm 1785, trận Ngọc Hồi-Đống Đa năm 1785 v.v... Trong chiến tranh giải phóng, chúng ta phải trải qua một thời gian chiến đấu lâu dài, để tạo nên sự thay đổi so sánh thế và lực của địch của ta trên chiến trường mới thực hiện được các trận tiêu diệt chiến lược. Ví dụ: Nghĩa quân Lam Sơn phải sau 10 năm chiến đấu mới có trận Chi Lăng-Xương Giang. Sau 9 năm kháng chiến chống Pháp, chúng ta mới có trận Điện Biên Phủ. Phải hơn một phần năm thế kỷ chiến đấu, lần lượt đánh bại các chiến lược của đế quốc Mỹ, chúng ta mới có cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 trận tiêu diệt chiến lược đã làm chủ nghĩa đế quốc bàng hoàng.

2. Từ phong kiến Trung Quốc đến thời dân Pháp, đế quốc Mỹ đều có ưu thế hơn ta về lực lượng quân đội, tiềm lực kinh tế, quân sự, nhưng việc động viên cho chiến tranh xâm lược không phải là vô hạn. Kẻ địch cũng chỉ có thể chịu đựng được đến mức tối đa mà tình hình cho phép. Một khi đã vượt quá giới hạn đó, buộc chúng phải có sự tính toán chiến lược, sẽ không liều lĩnh lao sâu thêm nữa, sợ dẫn đến những hậu quả tai hại không thể lường được đối với chúng. Vì chiến tranh là phản ánh đường lối đối nội, đối ngoại nên khi đã đạt đến mức cố gắng cao nhất cho chiến tranh vẫn bị đánh bại thì kẻ địch buộc phải chấp nhận thất bại. Mặt khác chúng ta thấy kẻ địch hết sức ngoan cố, chỉ chịu thua khi đã bị tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện, chiến tranh, chiến lược bị phá sản và ý chí xâm lược đã bị đánh bại.

3. Một trong những quy luật của chiến tranh là, mạnh thắng yếu. Sức mạnh mà chúng ta quan niệm là sức mạnh tổng hợp. Không phải thuần túy về số quân đông, về vũ khí trang bị. Chúng ta thường nói đến một đặc điểm trong chiến tranh chống xâm lược ở nước ta là: « lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều ». Đó là nói đặc điểm chung. Thắng lợi trên chiến trường bao giờ cũng thuộc về bên có ưu thế cả về lực và thế. Lịch sử chống xâm lược của dân tộc ta cũng đã chứng minh như vậy. Chúng ta chỉ có thể giành được thắng lợi khi đã tạo được thế mạnh, lực mạnh trên chiến trường, thực hiện những trận tiêu diệt chiến lược, tiêu diệt bộ phận quan trọng hoặc toàn bộ quân đội đối phương. Để thực hiện được những

trận tiêu diệt chiến lược, theo chúng tôi tôi thấy phải có mấy điều kiện sau đây:

a) Phải xây dựng được một lực lượng và trang bị số lượng thích hợp có chất lượng chiến đấu cao. Đặc biệt phải có những binh đoàn chủ lực mạnh, có khả năng đánh những trận tiêu diệt lớn. Khởi nghĩa Lam Sơn, kháng chiến chống Pháp. Kháng chiến chống Mỹ đã chứng minh như vậy. Đường lối quân sự của Đảng ta trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng đã khẳng định vai trò quyết định của phương thức tiến hành chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực trong việc thực hành những trận tiêu diệt chiến lược, tạo nên sự thay đổi so sánh lực lượng và cục diện trên chiến trường, kết thúc chiến tranh thắng lợi.

b) Phải tạo được thế mạnh trên chiến trường, có thể trận tiêu công của chiến tranh nhân dân rộng khắp và các binh đoàn chủ lực được triển khai trên những địa bàn chiến lược hợp lý. Trước khi diễn ra 2 trận tiêu diệt chiến lược Tốt Động - Chúc Động, Chi Lăng - Xương Giang mấy đạo quân lớn của Lê Lợi đã hoạt động ở những địa bàn quan trọng phía Tây Bắc, vùng hạ lưu sông Hồng, xung quanh thành Đông Quan, và vùng Lạng Giang, Bắc Giang, tạo nên thế chiến lược rất có lợi cho nghĩa quân. Trước khi chúng ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, các binh đoàn chủ lực đã được triển khai trên những địa bàn chiến lược quan trọng. Quân đoàn 2 tại miền Tây Trị Thiên, Tây Nguyên có Quân đoàn 3 và một số sư đoàn độc lập của Bộ Tổng tư lệnh và của Quân khu 5. Ở miền đông Nam Bộ có Quân đoàn 4, đồng bằng sông Cửu Long có 2 sư đoàn độc lập. Lực lượng dự bị chiến lược gồm Đoàn 1 và các đơn vị các binh chủng kỹ thuật ở tuyến sau đã ở trong tư thế sẵn sàng cơ động tác chiến. Chúng ta đã tạo được thế trận rất mạnh để thực hành trận tiêu diệt chiến lược.

c) Phải có nghệ thuật quân sự giỏi để tổ chức và thực hành trận tiêu diệt chiến lược, bao gồm nhiều vấn đề như: chọn hướng mục tiêu, tạo và nắm thời cơ, sử dụng lực lượng, vận dụng cách đánh v.v. để đánh địch với sức mạnh « sấm rền, chớp giật, trúc chẻ tro bay » (Bình Ngô đại cáo).

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là kết tinh sức mạnh của 4000 năm lịch sử dựng nước giữ nước và sức mạnh của thời đại qua gần nửa thế kỷ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dám đánh và biết đánh là hai nhân tố để dân tộc ta chiến thắng ngoại xâm. Việc tổ chức và thực hành những trận quyết chiến, tiêu diệt chiến lược giành thắng lợi cho chiến tranh là một trong những nét tiêu biểu về tài thao lược của dân tộc ta.

TÌM HIỂU MẶT TRẬN ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO

và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

(1954 — 1975)

NGUYỄN HỮU HỢP

TRONG những nhân tố đưa đến đại thắng mùa Xuân năm 1975 kết thúc oanh liệt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

vĩ đại của dân tộc ta, có thắng lợi của cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

I

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7/1954), đi đôi với việc đề ra đường lối của cách mạng cả nước cũng như của từng miền, mối quan hệ giữa hai miền. Đảng ta đã đề ra đường lối đối ngoại đúng đắn. Tiếp tục đặt cách mạng Việt Nam trong thể chung của cách mạng thế giới. Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 7 (tháng 3/1955) đề ra nhiệm vụ: đẩy mạnh công tác ngoại giao, tăng cường đoàn kết hữu nghị với các nước bạn và tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới.

Trong giai đoạn từ 1954 đến 1964, cùng với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao được triển khai phối hợp phục vụ cho xây dựng và củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công địch. Chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Việt Nam dần chủ cộng hòa đã góp phần tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước bạn để khôi phục kinh tế và bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Cùng với việc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự một cách bền bỉ và có hiệu lực ở miền Nam Việt Nam, đấu tranh ngoại giao của ta đã giương cao ngọn cờ chính nghĩa của những quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; kịp thời tố cáo và lên án Mỹ — ngụy là bọn xâm lược và bán nước, những kẻ phạm tội chà đạp đất nước và tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn bạo chống lại nhân dân ta. Ta đã đấu tranh buộc địch phải

thi hành theo đúng thời hạn các điều khoản về ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và hạn chế một phần sức phá hoại của địch trong việc thi hành các điều khoản về chính trị và quân sự theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương. Chính phủ ta đã chủ động nêu ra vấn đề lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền (tháng 2/1955); ra tuyên bố và gửi công hàm cho ngụy quyền và hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về vấn đề hiệp thương, tổ chức tổng tuyển cử (tháng 6 — 1955 và tháng 5 — 1956); tiếp đó trong các năm 1957 và 1958. Chính phủ ta gửi công hàm cho ngụy quyền đề nghị thương lượng mọi vấn đề tiến tới thực hiện tổng tuyển cử tự do, bàn bạc các vấn đề buôn bán, giảm quân số và các quan hệ khác giữa hai miền. Ngày 20/12/1960, từ trong cao trào cách mạng, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Sự ra đời của Mặt trận với cương lĩnh đấu tranh vì một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, không những đánh dấu một sự kiện quan trọng của cách mạng miền Nam, mà còn mở ra cuộc tiến công ngoại giao phối hợp. Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng theo đường lối của Đảng ta đề ra, phù hợp với chiến lược tiến công, giành thắng lợi hoàn toàn; đồng thời gắn cuộc đấu tranh của dân tộc ta với đấu tranh bảo vệ hòa bình, do đó tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế.

Đoàn kết ba nước Đông Dương trong đấu tranh chống Mỹ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu và có ý nghĩa chiến lược lớn

đài đối với cách mạng của Việt Nam, Lào và Campuchia. Đảng ta luôn luôn chú trọng giúp đỡ và phối hợp với cách mạng Lào và Campuchia. Sau chiến thắng Nam Thà ở Bắc Lào (5 năm 1962) ta cùng với bạn phối hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao buộc địch phải chấp nhận thành lập Chính phủ liên hiệp ở Lào lần thứ hai và ký kết hiệp định Giơnevơ về Lào (tháng 7/1962), chịu một bước lùi ở Lào để tập trung đối phó với tình hình cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Cuộc đấu tranh chính nghĩa và chính sách đối ngoại đúng đắn của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình của nhân dân và chính quyền Campuchia lúc đó. Mặt trận đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương trong đấu tranh chống Mỹ đã hình thành.

Từ cuối năm 1963 trước sự lớn mạnh của chiến tranh cách mạng Việt Nam, và do đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta, một phong trào nhân dân thế giới lên án chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và chế độ tay sai của chúng và ủng hộ cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc ta đã hình thành. Hành động của nhà bác học B. Russell năm 1963 phản đối đế quốc Mỹ cho máy bay rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam và phản đối Mỹ-Địch đàn áp Phật giáo, đã mở đầu cho một phong trào nhân dân thế giới lên án tội ác chiến tranh của Mỹ-ngụy. Ở Mỹ, bắt đầu có tiếng nói chống lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tổng thống Pháp Đờ Gôn cũng tỏ thái độ phản đối chính sách của Mỹ ở Việt Nam.

Đến đầu năm 1964 đáp ứng yêu cầu của cách mạng, tại Hội nghị chính trị đặc biệt (tháng 3 năm 1964) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ nội dung chủ yếu của đường lối đối ngoại, làm chỗ dựa vững chắc cho công tác ngoại giao và hoạt động quốc tế: « Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; kiên quyết đấu tranh chống chính sách xâm lược và gây chiến của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ; thực hiện chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau, kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc; ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ».

Chính sách đối ngoại đúng đắn trên đây của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch được vận

dụng và phát triển trong quá trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Lập trường 4 điểm của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tuyên bố 5 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đưa ra đầu năm 1965 đã làm nổi bật lập trường độc lập, hòa bình, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Đây là cuộc tiến công ngoại giao sắc bén nhằm bóc trần âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ, đập tan các chiến dịch của chúng về cái gọi là « nói chuyện không điều kiện » và « ngừng ném bom » (nêu trong diễn văn của Giôn-xơn đọc tại Batimo ngày 7/4/1965). Ngày 24/1/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh, gửi thư cho các vị đứng đầu các nước trên thế giới, tố cáo đế quốc Mỹ xâm lược, vạch rõ thực chất cuộc vận động gọi là « đi tìm hòa bình » và đề nghị 14 điểm của chính quyền Giôn-xơn, nêu rõ con đường đúng đắn nhất để đi đến giải quyết vấn đề Việt Nam là lập trường 4 điểm của Chính phủ ta. Lời kêu gọi lịch sử « Không có gì quý hơn độc lập, tự do » ngày 17/7/1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm sắt đá và chính nghĩa sáng ngời của dân tộc ta chiến đấu giành một nền hòa bình chân chính. Trên cơ sở của các cuộc tiến công ngoại giao trên, ta đã triển khai công tác vận động quốc tế ở quy mô lớn. Với đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế đúng đắn, ngày 22 tháng 2 năm 1965 ta đưa dự thảo « Tuyên bố chung » của các nước xã hội chủ nghĩa lên án đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam và gây chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhằm tăng cường sự đoàn kết và thống nhất của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trước hành động của Trung Quốc phá hoại sự đoàn kết, nhất trí ủng hộ Việt Nam (bác bỏ dự thảo « Tuyên bố chung » của ta đưa ra và nhiều đề nghị khác của Liên Xô), ta chủ trương thống nhất hành động trên thực tế của cộng đồng xã hội chủ nghĩa để làm cơ sở cho sự hình thành một mặt trận nhân dân thế giới trên thực tế, đồng tình và giúp đỡ về mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam. Chủ trương đúng đắn và sáng suốt nói trên đã đảm bảo cho ta chủ động hướng sự ủng hộ và giúp đỡ của quốc tế, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu về chính trị cũng như về vật chất của cuộc kháng chiến; mặt khác, ngăn chặn hoặc hạn chế những hành động không phù hợp do những tính toán phức tạp của Trung Quốc gây ra. Nhờ đó, trong quá trình kháng chiến chống Mỹ

cứu nước, các nước xã hội chủ nghĩa, hậu phương quốc tế đáng tin cậy, một đồng minh chiến lược của cách mạng Việt Nam đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta đánh Mỹ. Với sự giúp đỡ hết sức to lớn và quí báu của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tiềm lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa không ngừng được tăng cường trở thành hậu phương lớn và vững chắc của toàn quốc và của cách mạng ba nước Đông Dương.

Chiến tranh càng kéo dài, đế quốc Mỹ càng thất bại, càng leo thang ném bom miền Bắc một cách tàn bạo thì càng bị dư luận Mỹ và dư luận thế giới lên án mạnh mẽ. Đấu tranh ngoại giao của ta với các đợt tiến công liên tiếp đã bắt đầu đánh vào chỗ yếu nhất này của đế quốc Mỹ. Trước những thất bại to lớn và liên tiếp của địch trong chiến tranh xâm lược, trước sự lớn mạnh của thực lực kháng chiến cứu nước của dân tộc, Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 13 đầu năm 1967 đã quyết định đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao phối hợp: "Tiến công ngoại giao bây giờ là đúng lúc, vì ta đã và đang thắng địch, thế của ta là thế thắng mạnh" (1). Về nội dung tiến công ngoại giao, Đảng ta nêu rõ: "Đẩy mạnh tiến công ngoại giao, vận dụng sách lược linh hoạt, khôn khéo buộc địch chấm dứt ném bom miền Bắc, công nhận và nói chuyện với Mặt trận dân tộc giải phóng, rút khỏi miền Nam Việt Nam. Trước mắt, tập trung vào khẩu hiệu đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa" (2). Năm lấy đề nghị "sẵn sàng thương lượng" trước đây của Mỹ, tuyên bố ngày 28-1-1967 của Bộ ngoại giao ta đã nêu ra trước dư luận quốc tế một đòi hỏi chính đáng mà Mỹ khó có thể bác bỏ được: "Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thì Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mỹ mới có thể nói chuyện được".

Trước sức ép ngày càng tăng của dư luận quốc tế, nhất là sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968 đã chứng tỏ đế quốc Mỹ không còn có khả năng chiến thắng bằng quân sự, chính quyền Giôn-xơn đã tìm cách lẩn tránh đòi hỏi của ta bằng cách tuyên bố ném bom hạn chế ở miền Bắc để hoặc là đổ trách nhiệm cho ta nếu ta cự tuyệt, hoặc là kéo ta vào thế "đàm phán có điều kiện" theo âm mưu của chúng (3). 3 tháng 4 năm 1968, chính phủ ta ra tuyên bố, bồi thêm cho Mỹ một đòn tiến công ngoại giao mới: chúng ta chấp nhận ngồi đàm phán với Mỹ để cùng phía Mỹ xác định việc Mỹ chấm dứt không

điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trước khi có thể đi vào thảo luận những vấn đề thực chất nhằm lập lại hòa bình ở Việt Nam. Trong thế bị động, Mỹ nêu vấn đề địa điểm làm thủ đoạn tri hoãn. Nhưng một lần nữa, địch bị dư luận quốc tế lên án là thiếu thiện chí; còn ta qua đấu tranh về địa điểm đàm phán vừa tranh thủ ghi thêm một điểm thắng trên dư luận. Đợt tiến công ngoại giao ngày 3-4-1968 là đợt tiến công rất chủ động, sắc bén và đúng thời cơ. Với đợt tiến công này, ta đã tạo ra cục diện "vừa đánh vừa đàm" theo yêu cầu của ta, buộc phía địch phải đi vào chiều hướng xuống thang chiến tranh. Dư luận quốc tế hoan nghênh thiện chí của ta, càng tăng sức ép với đế quốc Mỹ. Về phía ta, quân và dân cả nước càng phấn khởi, đoàn kết và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi. Trái lại, tinh thần quân Mỹ - nguy thêm sa sút, mâu thuẫn Mỹ - nguy phát triển. Ở Mỹ, đòn tiến công ngoại giao của ta phối hợp với thắng lợi vang dội của Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân năm 1968, càng đẩy đế quốc Mỹ vào thế bị cô lập và suy yếu: "Những ảnh hưởng của cuộc tiến công này, đối với dư luận quần chúng Mỹ đã dẫn chúng ta (tức Mỹ-NHH) đến chấm dứt các cuộc ném bom và đã làm tăng những lời cầu nguyện rút quân đội về nước" (4).

Tại Pari, thủ đô nước Pháp, là nơi thường có tác động nhạy bén đối với dư luận quốc tế, đặc biệt là với dư luận Mỹ trong một năm bầu cử sôi động, ta đã dùng diễn đàn thuận lợi ở đây để làm sáng tỏ lập trường chính nghĩa của ta, giành thế chủ động trong đấu tranh ngoại giao. Đây là cuộc đàm phán tay đôi, mặt đối mặt, do ta chủ động tạo nên và độc lập tiến hành. Trong đàm phán, ta đã kết hợp nhiều mặt hoạt động: đấu lý để tranh thủ dư luận trong những phiên họp

(1) (2) Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (1-1967).

(3) Ngày 31-3-1968 Giôn-xơn tuyên bố "ném bom hạn chế" miền Bắc Việt Nam. Ngày 3-4-1968 Bộ quốc phòng Mỹ tuyên bố: chỉ tiếp tục ném bom miền bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở vào và định mức quân Mỹ tối đa ở miền Nam là 543 000 tên. Ngày 3-4-1968 Giôn-xơn quyết định không ra tranh cử chức tổng thống Mỹ.

(4) Henry Kissinger: The white House years (Những năm ở Nhà trắng). Nhà xuất bản Weidenfeld and Nicolson and Michael Joseph, London, 1979. Bản dịch tiếng Việt Nam chương 8, tr. 21.

công khai từng bước tiếp xúc ở hậu trường để thăm dò ý đồ chiến lược của Mỹ, phối hợp chặt chẽ Hội nghị với chiến trường, với vận động và tuyên truyền quốc tế. Đấu tranh ngoại giao của ta từ 13/5 đến 31/10/1968, tập trung đòi Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuối cùng, ngày 1/11/1968, đế quốc Mỹ buộc phải họp Hội nghị 4 bên với sự tham gia của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là một thắng lợi quan trọng có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam do đấu tranh ngoại giao phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị rất quyết liệt của quân và dân cả nước ta mang lại. Với thắng lợi này, ta đã bảo vệ có kết quả miền Bắc xã hội chủ nghĩa và phát huy vị trí hậu phương lớn của nó trong cuộc kháng chiến cứu nước. Đồng thời, ta đã đập tan được một bộ phận quan trọng chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch và làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ của chúng ở miền Nam Việt Nam. Về mặt ngoại giao, « thắng lợi bước đầu này mở đường cho nhân dân ta, trên đà phát triển của cuộc đấu tranh quân sự và chính trị, tiến lên giành những thắng lợi mới trong cuộc đàm phán tại Pari »⁽¹⁾.

Song, với bản chất cực kỳ tàn bạo và ngoan cố, đế quốc Mỹ không cam chịu thất bại: từ năm 1969, chúng chuyển sang thi hành « học thuyết Nixon và chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh », đồng thời tăng cường chiến tranh ở Lào và mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Mỹ đã sử dụng sức mạnh tối đa về quân sự kết hợp với những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt hòng giành thế mạnh, cô lập và bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta »⁽²⁾. Khi hội nghị 4 bên tại Pari bắt đầu (25/1/1969), ta liên tục và chủ động tiến công địch trên hai vấn đề cơ bản của giải pháp: đòi Mỹ rút hết quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam; đòi Mỹ thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, công nhận Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam và từ bỏ chính quyền bù nhìn tay sai. Hai vấn đề cơ bản đó có liên quan mật thiết với nhau: Quyết tâm của chúng ta là phải giáng những đòn tiến công quân sự sắc sảo vào quân xâm lược Mỹ, gây cho chúng những thiệt hại không chịu nổi, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, cuối cùng, dùng đấu tranh ngoại giao buộc Mỹ rút quân khỏi nước ta « trong

danh dự ». Khẩu hiệu của ta là « đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào ». Đánh cho Mỹ cút là trọng tâm, đồng thời xóa ngụy một bước. Nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị trung ương Đảng (tháng 4/1969) đã vạch rõ: « Chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn để thừa thắng tiến lên, đẩy mạnh tiến công toàn diện và liên tục, tiến lên một bước mới rất cơ bản, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ ». Về nhiệm vụ của mặt trận ngoại giao, nghị quyết của Bộ Chính trị nhấn mạnh:

— Tạo sức mạnh tổng hợp trên quốc tế, góp phần thực hiện ba mục tiêu: buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân về nước; xóa ngụy một bước; tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng ở miền Nam phát triển.

— Phục vụ và phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị, đánh vào chính sách Việt Nam hóa chiến tranh, đánh bại ý đồ của Mỹ là dùng thương lượng phục vụ Việt Nam hóa chiến tranh và tạo « thế mạnh » trong thương lượng, dần dần kéo Mỹ phải xuống thang cả về chính trị và giải pháp.

— Tích cực, chủ động liên tục tiến công địch, khoét sâu mâu thuẫn, khó khăn của địch trong nước Mỹ và trên thế giới, buộc địch đi sâu vào xu thế xuống thang chiến tranh.

Trong năm 1969, ta mở hai đợt tiến công ngoại giao quan trọng. Ngày 8-5-1969, tại phiên họp thứ 16 Hội nghị Pari về Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về giải pháp 10 điểm. Với giải pháp toàn bộ 10 điểm, ta tấn công địch trên hai vấn đề mấu chốt: Mỹ phải rút quân và các bên ở miền Nam thương lượng thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời để thực hiện quyền tự quyết bằng tổng tuyển cử tự do và dân chủ, không có sự can thiệp của nước ngoài⁽³⁾. Tiếp theo, việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn chính phủ (tháng 6-1969) có ý nghĩa như một trận đánh lớn về ngoại giao sau khi ta đưa ra giải pháp 10 điểm, và đã giáng một đòn mạnh vào âm mưu của Mỹ bám lấy ngụy quyền và tỏ vẻ chúng là « hợp hiến, hợp pháp », đồng thời nó còn

(1) Nguyễn Duy Trinh: Mặt trận ngoại giao thời kỳ chống Mỹ, cứu nước—Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 306.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV—NXB Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 18.

(3) Nixon đối phó bằng đề nghị 8 điểm (14-5-1969), đối lập hoàn toàn với 10 điểm của ta trên các vấn đề cơ bản của giải pháp.

tạo thế vững chắc cho ta trong cuộc đấu tranh giải quyết các vấn đề chính trị nội bộ ở miền Nam, khẳng định ở miền Nam có hai chính quyền song song mà bất cứ giải pháp nào cũng không thể thoát ly khỏi thực tế đó; và khi đã có hai chính quyền song song thì dư luận thế giới càng dễ đồng tình và ủng hộ việc thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời. coi đó là con đường hợp lý.

Gây ra sự kiện tháng 3 năm 1970 tại Campuchia để quốc Mỹ đã buộc toàn thể nhân dân ba nước Đông Dương hơn lúc nào hết phải đoàn kết trong một chiến lược chung thống nhất, phối hợp chặt chẽ với nhau trên mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Ngày 6-3-1970, Việt Nam phối hợp với Mặt trận Lào yêu nước đề ra giải pháp chính trị 5 điểm nhằm chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ và lập lại hòa bình ở Lào trên cơ sở Hiệp định Giơnevơ năm 1962 và tình hình thực tế ở Lào. Ngày 25-3-1970, Chính phủ ta ra tuyên bố ủng hộ hoàn toàn Tuyên cáo 5 điểm ngày 23-3-1970 của Mặt trận thống nhất dân tộc Campuchia. Đặc biệt là thành công của Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương (24-25-4-1970) đã đánh dấu một bước phát triển mới của liên minh đoàn kết, chiến đấu của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, một đòn tiến công ngoại giao lớn giáng vào âm mưu xâm lược và chia rẽ của đế quốc Mỹ và thế lực phản động quốc tế. Nghị quyết của Bộ Chính trị trung ương Đảng ta ngày 19-6-1970 về « Tình hình mới trên bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta » đã nêu rõ: « ba nước Đông Dương đã trở thành một chiến trường thống nhất »: « đấu tranh ngoại giao tranh thủ đồng tình thế giới. Trên cơ sở đó đánh bại âm mưu kéo dài và tăng cường chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên chiến trường Đông Dương, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi quyết định trên các chiến trường, đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi bán đảo Đông Dương, miền Nam Việt Nam, Campuchia và Lào » (1).

Chiến thắng lớn Đường 9 - Nam Lào và những thắng lợi của quân và dân Việt Nam, Lào và Campuchia trên các chiến trường phối hợp đã « buộc Mỹ ngụy phải chuyển hẳn vào thế phòng ngự chiến lược trong những năm sau » (2). Phát huy thế chủ động, quân và dân ta tiếp tục tiến công địch trên mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Ngày 26-6-1971, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đưa ra giải pháp 9 điểm. Ngày 1-7-1971, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra giải pháp 7 điểm với hai vấn đề then chốt được nói rõ thêm.

Những đợt tiến công ngoại giao liên tiếp từ 1965 đến 1971 đã góp phần nâng cao địa vị quốc tế của nước ta. Trong thời gian này, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đặt và nâng quan hệ ngoại giao tăng lên 18 nước. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sau gần 3 năm ra đời và hoạt động đã được nhiều nước công nhận và có quan hệ ngoại giao với 26 nước. Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân ta chống xâm lược vẫn không ngừng phát triển khắp nơi, với những hình thức rất phong phú. Đại hội thế giới vì hòa bình và độc lập của nhân dân Đông Dương họp tại Vécxây (Pháp) với sự tham gia của 1200 đại biểu thuộc 84 nước là cuộc họp quốc tế tiêu biểu nhất từ trước tới nay của phong trào nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Đông Dương chống Mỹ xâm lược. Ở Mỹ, không phải chỉ có những dân thường mà ngày càng có nhiều binh sĩ Mỹ công khai và dũng cảm phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, phản đối lệnh sang chiến đấu ở Việt Nam. « Liên minh vì hòa bình và công lý » đã lên án thực chất của cái gọi là « kế hoạch hòa bình 8 điểm » của Nixon. Các lực lượng hòa bình và tiến bộ ở Mỹ đã họp hội nghị toàn quốc, nhằm phối hợp hành động chống chiến tranh xâm lược Đông Dương của chính quyền Nixon. Tòa án Xan Hôxê (bang Caliphonia) nơi buộc tội chị Angiela Đêvít - một chiến sĩ dũng cảm của phong trào chống chiến tranh - đã trở thành nơi buộc tội bọn cầm đầu Nhà Trắng và Lầu Năm góc.

Nhưng trong thương lượng công khai cũng như trong các lần gặp riêng, đế quốc Mỹ vẫn cố lẩn tránh đòi hỏi đúng đắn của dư luận và khước từ các giải pháp nghiêm chỉnh do ta đưa ra. Ngày 25/1/1972, chính quyền Nixon đưa ra « kế hoạch hòa bình 8 điểm » bịp bợm và đơn phương công bố nội dung các cuộc gặp riêng giữa Mỹ và đại diện nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chưa đầy hai tháng sau, chúng lại tuyên bố ngừng không thời hạn cuộc hội đàm tại phố Clêbe (Pari). Xảo quyệt hơn, chính quyền Nixon vào đầu năm 1972 đã triển khai những hoạt động

(1) Dẫn theo: « Đông Dương là một chiến trường » - Sơu tập tư liệu về quan hệ ba nước Đông Dương trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước - Viện lịch sử quân sự - Bộ quốc phòng, 1981, tr. 4.

(2) Học viện quân sự cao cấp: Chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ - ngụy ở đường 9 - Nam Lào 1971 - Hà Nội; 1976, tr. 72.

ngoại giao toàn cầu với thủ đoạn ngoại giao nước lớn và nhất là dùng tác động của chuyển đi thăm Trung Quốc (21-28/2/1972) hòng đẩy Việt Nam vào thế lưỡng nan, suy yếu và bị o ép: « Xét về nhiều mặt, công tác ngoại giao của chúng ta (tức Mỹ - NHH) sắp sửa hoàn thành việc cô lập Hà Nội »⁽¹⁾. Để quốc Mỹ cho rằng « chỉ còn việc nhìn về Mátxcova và nghiền nát Việt Nam »⁽²⁾.

Cuộc Tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam Việt Nam đã đập tan những đơn vị tinh nhuệ nhất của ngụy quyền Sài Gòn, làm đảo lộn những tính toán của đế quốc Mỹ. Mặc dù đã đẩy đưa cả về ngoại giao và quân sự, tung lực lượng hải quân và không quân Mỹ vào yểm trợ cho quân ngụy khởi sự đổ và mở chiến dịch ném bom, phong tỏa bằng mìn và thủy lôi ở miền Bắc Việt Nam (4/1972), đế quốc Mỹ vẫn không sao có thể tránh khỏi thế bế tắc và thất bại. Trong năm bầu cử sôi động, sự bế tắc và thất bại trên không cho phép chúng chứng minh được trước dư luận thế giới và dư luận Mỹ hiệu lực của chính sách toàn cầu mà chúng lớn tiếng khoe khoang và lừa bịp. Chính trong lúc đó, một mặt ta nắm vững đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế để giữ vững và mở rộng mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam; một mặt khác từ tháng 7/1972 ta quyết định chủ động hướng cuộc đàm phán đi vào thực chất, tìm giải pháp về vấn đề Việt Nam. Trong đấu tranh ngoại giao, ta đòi Mỹ phải đáp ứng 4 yêu cầu sau đây: 1) Mỹ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; 2) Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc, rút quân khỏi miền Nam, không được can thiệp bằng quân sự và đưa quân trở lại miền Nam; 3) Mỹ phải thừa nhận tình hình thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị; phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; 4) Mỹ phải bồi thường chiến tranh dưới hình thức đóng góp về kinh tế để hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại sau chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam. Mục tiêu của ta trong đợt tiến công ngoại giao lần này là: 1) Căn cứ vào so sánh lực lượng đấu tranh trên hai vấn đề nguyên tắc lớn nhất của giải pháp: Mỹ rút quân toàn bộ, nhanh chóng và triệt để; còn ta vẫn giữ được lực lượng quân sự và chính trị ở miền Nam Việt Nam, để tiếp tục đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tiến lên; 2) Các vấn đề khác của giải pháp như chính quyền liên hiệp, trung lập, hòa bình

thống nhất cố gắng đạt được từng bước. Vấn đề kiểm soát quốc tế, kinh tế... đều là vận dụng sách lược; 3) Các vấn đề về Đông Dương, về Đông Nam Á là những vấn đề thực chất gắn với vấn đề Việt Nam nhưng về nguyên tắc ta không dễ gắn với nhau và ta không đòi chắc nhằm ngăn chặn và hạn chế những âm mưu thâm độc của đế quốc và phản động quốc tế.

Ngay từ đầu thiện chí của chúng ta đã nhanh chóng thu hút được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, tạo hậu thuẫn quốc tế mạnh mẽ cho ta trong cuộc đấu tranh. Hội nghị của 27 đoàn đại biểu các đảng cộng sản và đảng công nhân châu Âu đoàn kết với nhân dân Việt Nam họp tại Pari ngày 27/7/1972 đã tuyên bố: « Ngày nay, không có một nhiệm vụ nào cao quý hơn và cấp bách hơn là ủng hộ nhân dân các nước Việt Nam, Lào, Campuchia và tổ cáo những tội ác chiến tranh của Mỹ ở Đông Dương ». Ngày 10/8/1972, Hội nghị ngoại trưởng của 54 nước không liên kết họp ở Gioecgiotao, thủ đô nước cộng hòa Guyanna ở sát nước Mỹ, đã long trọng công nhận địa vị hợp pháp của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ngày 8/10/1972, chúng ta đã đưa ra bản dự thảo hiệp định nhằm giải quyết vấn đề Việt Nam dựa trên cơ sở thừa nhận tình hình thực tế ở miền Nam và quân Mỹ phải rút hết khỏi miền Nam. Nội dung hiệp định coi như đã hoàn thành ngày 20/10/1972. Nhưng đế quốc Mỹ giờ trở lặt lọng bĩ đời mượn cớ ngụy quyền Sài Gòn phản ứng dữ dội và vấn đề rút quân đội miền Bắc khỏi miền Nam chưa được giải quyết và nhiều vấn đề kỹ thuật khác... Trước tình hình đó, ta chủ động công bố nội dung chính của hiệp định và lên án thái độ của đế quốc Mỹ trước dư luận. Từ ngày 27/10/1972 đến 18/12/72 cuộc đàm phán về dự thảo hiệp định tiếp tục với nội dung đấu tranh tập trung vào sửa đổi hiệp định. Sau khi chỉ còn 8 điểm tồn tại trên văn bản hiệp định và các nghị định thư, thì ngày 18/12/1972 đế quốc Mỹ tiến hành cuộc tập kích bằng pháo đài bay B.52 vào thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác ở miền Bắc nước ta. Tiến hành cuộc tập kích chiến lược bằng không quân rất trắng trợn

(1) Henry Kissinger: Những năm ở Nhà Trắng - sách đã dẫn. Bản dịch tiếng Việt Nam của Thư viện Quân đội, tr. 238.

(2) Tuyên bố của Henry Kissinger ngày 1/3/1972 với các nhà báo sau khi Nixon kết thúc chuyến đi thăm Trung Quốc. Dẫn trong: Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua - NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 59.

và tàn bạo lần này, địch hy vọng có thể đánh phá được tiềm lực kinh tế và quân sự của miền Bắc, làm giảm ý chí chiến đấu và chi viện cách mạng miền Nam của nhân dân ta, ép ta phải nhận những điều kiện đàm phán bất lợi; đồng thời còn có thể trấn an nguy khi tình thế buộc Mỹ phải ký kết hiệp định sau khi Nixon nhậm chức Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2.

Thắng lợi có ý nghĩa rất to lớn của quân và dân ta, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng đã bồi tiếp cho đế quốc Mỹ một đòn thất bại nghiêm trọng trong năm 1972, làm phá sản chính sách đàm phán trên thế mạnh của chúng. Cuối cùng Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết tại Hội nghị Pari ngày 27/1/1973, ghi nhận một bước thắng lợi rất vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, một thắng lợi vang dội và cực kỳ quan trọng của cuộc đấu tranh ngoại giao ⁽¹⁾. Lời kêu gọi ngày 28/1/1973 của

Ban Chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ ta nêu rõ: « Hiệp định đã được ký kết là cơ sở chính trị và pháp lý bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, bảo đảm quyền tự quyết thiêng liêng của đồng bào ta ở miền Nam. Thắng lợi này là cơ sở để nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành thắng lợi mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước ». Do đế quốc Mỹ phải « thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, phải rút toàn bộ quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam; trái lại chúng không thể buộc một cách vô lý các lực lượng vũ trang miền Bắc rút khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là thắng lợi vô cùng quan trọng của nhân dân Việt Nam, làm thay đổi cơ bản so sánh lực lượng trên chiến trường, tạo nên một bước ngoặt cho nhân dân Việt Nam tiến lên giành thắng lợi mùa Xuân 1975 sau khi Mỹ và ngụy đã tự ý xé bỏ Hiệp định Pari và tiếp tục tiến hành Việt Nam hóa chiến tranh ⁽²⁾ »

II

Đứng trước âm mưu của Mỹ - Ngụy phá hoại Hiệp định, cuộc đấu tranh của nhân dân ta để bảo vệ và thi hành Hiệp định Pari về Việt Nam thực chất là cuộc đấu tranh cách mạng nhằm làm thất bại âm mưu và thủ đoạn áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đó là một bộ phận của cuộc đấu tranh cách mạng nói chung của nhân dân ta trong giai đoạn mới, nhằm chống lại cả hai kẻ thù: đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai của chúng. Tuy ở trong thế thất bại và suy yếu, nhưng địch vẫn còn có lực lượng trong tay và ngoan cố sử dụng lực lượng đó để chống phá Hiệp định, chống phá cách mạng. Được Mỹ khuyến khích và ủng hộ, ngụy đã huy động toàn bộ bộ máy bạo lực trên một triệu người gồm quân đội, cảnh sát và các tổ chức kìm kẹp khác, liên tiếp mở các chiến dịch đàn áp nhân dân ta và lần chiếm vùng giải phóng. Trong điều kiện đó, muốn biến những thắng lợi của Hiệp định Pari thành hiện thực thì cuộc đấu tranh không thể diễn ra một cách không quyết liệt, gay go và phức tạp. Đế quốc Mỹ còn dùng « chính sách cân bằng lực lượng giữa các nước lớn » và những thủ đoạn thâm độc về chính trị, ngoại giao và kinh tế, để hòng chia rẽ và cô lập cuộc đấu tranh của dân tộc ta với các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Vì vậy, để hiệp định được thi

hành nghiêm chỉnh, ta phải đẩy mạnh và kết hợp chặt chẽ đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của mình. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng (10-1973) đã khẳng định: bất kể trong tình huống nào con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao nhằm tiến lên giành toàn thắng.

Trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tuy đã thắng liên tiếp và mạnh lên nhưng ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là sự thỏa hiệp và móc ngoặc giữa Mỹ và Trung Quốc là phức tạp thêm cho cuộc kháng chiến của Việt Nam và Đông

(1) Ngày 2/3/1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam đã đề ra bản Định ước, ghi nhận Hiệp định và các Nghị định thư đã ký kết ở Hội nghị Pari về Việt Nam, làm tăng giá trị pháp lý và tính vững chắc của Hiệp định. Hội nghị Pari đã trải qua 202 phiên họp công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng và kéo dài 4 năm 9 tháng.

(2) Lê Đức Thọ: Trả lời phỏng vấn của thông tấn xã A.P.N. (Liên Xô) nhân kỷ niệm lần thứ mười ngày Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết - Nhân dân, ngày 27-1-1981.

Dương, ta phải kiên quyết "tạo ra một thế đi lên vững nhất, một thế thắng chắc nhất" (1). Quan triệt quan điểm cách mạng không ngừng của V.I. Lenin, vì vậy với ta "điều quan trọng nội dung của Hiệp định Pari không phải là ở chỗ thừa nhận hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, tiến tới thành lập chính phủ ba thành phần, mà vấn đề mấu chốt là quân Mỹ phải ra đi và quân ta ở lại, hành lang Nam-Bắc vẫn nối liền, hậu phương gắn liền với tiền phương thành thế liên hoàn thống nhất, thế trận tiến công của ta vẫn giữ vững. Ý định của chúng ta là cố giữ sức mạnh của mình ở miền Nam để tiến lên tiếp tục tiến công bằng cách này hay cách khác thích hợp với tình hình từng lúc. Qua Hiệp định Pari, ta đấu tranh đòi địch thi hành dân chủ, phá bỏ kim kẹp; ta tổ chức tập hợp quần chúng mở rộng mặt trận yêu nước nhằm phân hóa bọn tay sai, cô lập kẻ thù, làm yếu hơn nữa lực lượng mọi nơi của nguy quân, nguy quyền đi đến xóa bỏ chúng. Trong trường hợp địch không thi hành Hiệp định, gây lại chiến tranh thì ta có sẵn thế và lực mạnh để phản công tiêu diệt chúng" (2).

Nhiệm vụ chung của mặt trận đấu tranh ngoại giao trong giai đoạn đấu tranh bảo vệ và thi hành hiệp định, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn là phát huy "thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Pari, làm cho Hiệp định trở thành một vũ khí sắc bén về chính trị và pháp lý quốc tế trong cuộc đấu tranh tổng hợp trên ba mặt trận của nhân dân ta, không những không làm trở ngại mà còn góp sức vào cuộc đấu tranh tổng hợp đó, làm suy yếu nguy quyền, hạn chế sự dính líu và ngăn chặn sự can thiệp bằng quân sự của đế quốc Mỹ, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của những thủ đoạn ngoại giao toàn cầu của chúng" (3). Những nhiệm vụ cụ thể được đặt ra trong mặt trận đấu tranh ngoại giao là: a) Vận dụng Hiệp định để phục vụ cho đấu tranh quân sự và chính trị, tiếp tục làm chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho ta; dùng Hiệp định để ràng buộc địch mà không để cho địch ràng buộc ta; hạn chế địch tăng cường lực lượng mà không hạn chế ta - b) tiếp tục tiến công địch trên mặt trận dư luận, mở rộng mặt trận quốc tế ủng hộ ta, phân tán và cô lập địch - c) Tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tăng cường đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương - d) Nắm vững tình hình địch để xác định đúng thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn: đẩy lùi khả năng Mỹ can thiệp trở lại nhằm ngăn cản ta giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời gian đầu, hướng đấu tranh của ta là buộc địch phải thi hành những điều

khoản về chấm dứt các hành động quân sự trực tiếp ở hai miền, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu trong thời hạn 60 ngày; tham gia làm mất hiệu lực mìn, thủy lôi ở 10 luồng cửa biển và cung cấp phương tiện rà phá mìn, thủy lôi trên sông rạch nội địa miền Bắc; chấm dứt các hoạt động quân sự trực tiếp ở Campuchia và Lào. Trước mưu toan rũ bỏ trách nhiệm đối với Hiệp định, ta đấu tranh buộc địch đi đến ký kết bản Thông cáo chung ngày 13/6/1973 để củng cố thêm cơ sở chính trị và pháp lý của Hiệp định. Ngày 15/10/1973, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam ra bản mệnh lệnh, quyết trừng trị mọi hành động lấn chiếm, bành trướng của địch, bảo vệ các thành quả của cách mạng. Tại các diễn đàn của Ban liên hiệp quân sự và Hội nghị hiệp thương giữa hai bên miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam liên tiếp đưa ra những sáng kiến và đề nghị hợp tình hợp lý: đề nghị 6 điểm (25/4/1973) được nói rõ thêm ngày 28/6/1973 và tuyên bố ngày 22/3/1974.

Tiếp đó, hướng đấu tranh của ta tập trung chủ yếu vào việc đòi Mỹ phải chấm dứt viện trợ quân sự; gạt Mỹ ra xa để ta có điều kiện rảnh tay đánh nguy.

Trong quá trình đấu tranh, quân và dân ta ở miền Nam đẩy mạnh việc tăng cường thực lực cách mạng: đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị, củng cố và phát triển vùng giải phóng thành chỗ dựa tại chỗ vững chắc của cuộc chiến đấu. Miền Bắc nước ta, tranh thủ điều kiện hòa bình sau khi ký Hiệp định đã nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Lào, các lực lượng yêu nước cũng giành nhiều thắng lợi trên các mặt trận. Ngày 21/2/1973 "Hiệp định về việc lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào" được ký kết tại Viêng Chăn đặt tiền đề vững chắc cho cách mạng Lào tiến lên. Ở Campuchia, đế quốc Mỹ buộc phải chấm dứt ném bom từ tháng 8 năm 1973.

Tháng 6 năm 1974, trước việc nguy quyền Sài Gòn ngoan cố phá hoại các cuộc họp ở Hội nghị hiệp thương và ở Ban liên hợp quân sự, Chính phủ cách mạng lâm thời đã kiên quyết đình chỉ cả hai diễn đàn này, vạch mặt Mỹ - Nguy là kẻ phá hoại đàm phán để mở rộng chiến tranh, do đó, càng

(1) Lê Duẩn: Kết luận tại hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (10-1974).

(2) Như trên.

(3) Nguyễn Duy Trinh - sách đã dẫn, tr. 311.

làm cho địch thêm cô lập trước dư luận⁽¹⁾. Trong khi đó, tình hình thế giới không ngừng phát triển theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam, bất lợi cho đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai của chúng. Ở nước Mỹ, chính quyền Nixon sụp đổ sau vụ Oatoghết, báo hiệu sự khủng hoảng toàn diện và triền miên, thế suy yếu của địch ngay tại sào huyệt của chiến tranh xâm lược. Đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển mạnh ở Đông Nam Á, châu Phi, Trung cận Đông và Mỹ la tinh. Các sự kiện xảy ra ở Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Etiôpi và nhất là ở Thái Lan đã có tác động tốt đến tình hình miền Nam, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị trong các đô thị.

Trong tình hình mới, từ tháng 10/1974 Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã kịp thời đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, vạch rõ sự xuất hiện của thời cơ lịch sử và hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Nắm lấy thời cơ và đề thúc đẩy thời cơ lịch sử, đấu tranh ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị. Tuyên bố ngày 8/10/1974 của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã đưa ra hai yêu cầu cấp bách, kịp thời đấu tranh trên mặt trận ngoại giao và dư luận quốc tế, để gạt bỏ hai trở ngại chính đối với việc giải quyết vấn đề Việt Nam: đòi Mỹ phải chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam; đòi đánh đổ tên bù nhìn Nguyễn Văn Thiệu và phe cánh, tay sai của đế quốc Mỹ và thay vào đó bằng một chính quyền Sài Gòn tán thành hòa bình và hòa hợp dân tộc thì mới nói chuyện giữa hai bên miền Nam Việt Nam. Đột tiến công ngoại giao này có tác dụng kịp thời chặn nguy quyền đưa ra yêu cầu « ngừng bắn » để tránh sụp đổ, và ngăn Mỹ thay Thiệu đề nghị lại thương lượng, thăm dò ta. Từ đó, ta chủ động và khôn khéo buộc Mỹ phải đi sâu vào quá trình khó đảo ngược là chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào miền Nam Việt Nam, khi đã rút thì không có điều kiện trở lại, một vấn đề mấu chốt trong suy nghĩ của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta khi đặt kế hoạch hai năm (1975 - 1976) hoàn thành giải phóng miền Nam và hạ quyết tâm chiến lược mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Đảng ta chủ trương: « Sử dụng khôn khéo vũ khí đấu tranh ngoại giao, góp phần giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hòa hợp dân

tộc nhằm lung lạc và cô lập bọn tay sai ngoan cố, làm sáng tỏ chính nghĩa của ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới nhằm ngăn chặn âm mưu và thủ đoạn can thiệp, phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế »⁽²⁾.

Khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu và chỉ trong một tháng đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn với việc làm tan rã trên 35% sinh lực địch, tiêu diệt trên dưới 40% các binh chủng kỹ thuật hiện đại của chúng, thu và phá trên 40% cơ sở vật chất hậu cần, giải phóng 12 tỉnh, đưa tổng số dân vùng giải phóng lên gần 8 triệu, thì Chính phủ cách mạng lâm thời ra tuyên bố ngày 21-3-1975 đề cụ thể hóa hai đòi hỏi cấp bách đã nêu trong tuyên bố 8-10-1974. Những hoạt động đấu tranh phối hợp trên đây đã tác động sâu sắc tới ngay nước Mỹ. Quốc hội Mỹ tỏ ra nghiệt ngã trong việc phê chuẩn viện trợ cấp cứu cho nguy quyền Sài Gòn đang cơn hấp hối, làm mất hy vọng cuối cùng của giới hiếu chiến Mỹ và bọn tay sai ngoan cố.

Để ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi mưu đồ của đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế muốn chống và làm chậm quá trình Tổng tiến công và nổi dậy, trong tháng 4 năm 1975 ta đã ra tuyên bố chống âm mưu kéo Liên hiệp quốc vào kế hoạch « di tản nhân đạo » của Mỹ để lấy cơ can thiệp (2-4-1975); vạch rõ thủ đoạn của Mỹ khi đưa Dương Văn Minh lên thay Thiệu-Hương từ chức (26-4-1975); và chống thủ đoạn của Trung Quốc qua hoạt động trung gian kiếm lời « tìm cách lôi kéo nhiều tướng tá và quan chức nguy quyền Sài Gòn hợp tác với họ, thậm chí cho người thuyết phục tướng Dương Văn Minh, « tổng thống » vào những ngày cuối của chế độ Sài Gòn »⁽³⁾.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, đập lên âm mưu của Mỹ-nguy kêu gọi « ngừng bắn, điều đình để bàn giao chính quyền », quân và dân ta

(1) Với sự kiện này, ta đã kết thúc cục diện đấu tranh « vừa đánh, vừa đàm » kéo dài từ 5/1968. Ta chỉ còn duy trì một bộ phận phái đoàn các diễn đàn hai bên miền Nam Việt Nam ở lại Pari để tiếp tục đấu tranh trên dư luận và vận động quốc tế.

(2) Lê Duẩn: Kết luận tại Hội nghị Bộ Chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam (7-1-1975).

(3) Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua - NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 67.

Kiên quyết thi hành mệnh lệnh của Bộ Chính trị và Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh: «Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch: tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt

đề mọi sự chống cự của chúng». Đại thắng của dân tộc ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh (30-4-1975) đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Hà Nội, tháng 2-1985

Thắng lợi của cuộc kháng chiến...

(Tiếp theo trang 10)

thành thị, nông thôn, bao gồm mọi lực lượng, từ những lực lượng cách mạng gần bó với chủ nghĩa xã hội, do chủ nghĩa xã hội khơi nguồn, tạo ra, những lực lượng yêu nước đang đến với chủ nghĩa xã hội; những lực lượng chưa hẳn chấp nhận chủ nghĩa xã hội nhưng vốn có lòng yêu nước ít hay nhiều... đều tham gia cuộc nổi dậy. (Thị xã Trà Vinh có khoảng 50.000 dân, thì đã có trên một nửa đồng bào tham gia cuộc nổi dậy). Sức mạnh của quần chúng, của lực lượng vũ trang tại chỗ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 rất lớn. Quần chúng không những chỉ có khả năng phá tan bộ máy kim kẹp của địch ở cơ sở, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân trong ấp, xã, khóm, phường, mà còn có tác dụng làm tan rã lực

lượng chiến đấu của địch, bao vây, bức rút hàng loạt đồn bốt của địch.

Bằng sức mạnh tại chỗ, sức mạnh của tiền tuyến lớn miền Nam và sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã diễn ra với tốc độ «một ngày bằng hai mươi năm». Chỉ trong 55 ngày đêm chiến đấu với phương châm «thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng» và với sức mạnh áp đảo cả về quân sự, chính trị, quân và dân ta đã đánh bại trên 1 triệu quân địch vũ trang đầy đủ, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa đất nước ta vào một kỷ nguyên mới — kỷ nguyên độc lập, thống nhất và cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975 là thành quả tổng hợp của một loạt nhân tố mà *nguồn gốc của mọi nhân tố ấy chính là sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo của Đảng ta với đường lối độc lập, tự chủ, giương cao cùng một lúc ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

«Giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đã kết hợp sức mạnh chiến đấu của tiền tuyến lớn với tiềm lực của hậu phương lớn, đã động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân, toàn quốc vào cuộc chiến đấu cứu nước, đã kết tinh, tổng hợp và phát triển lên một trình độ mới những truyền thống cách

mạng và sáng tạo của Đảng ta và dân tộc ta»⁽²⁰⁾.

Bài học giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh tổng hợp của cả nước, của hậu phương lớn và tiền tuyến lớn, của hậu phương cả nước và hậu phương tại chỗ, đang còn giữ nguyên giá trị đối với dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Mùa xuân 1975

(20) Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, 1977, trang 22, 23.

PHONG TRÀO NỔI DẬY CỦA QUẦN CHÚNG

TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

NGUYỄN HỮU ĐẠO - QUỐC HUNG

LÀ bước phát triển ở giai đoạn chín muồi, kết quả hợp thành của tất cả những lực lượng, những yếu tố làm nên sức mạnh tất thắng của nhân dân ta trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đỉnh cao của tiến công quân sự, đồng thời là bước phát triển cao nhất của phong trào nổi dậy của quần chúng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



Với bản chất cực kỳ phản động và ngoan cố, sau khi buộc phải ký Hiệp định Paris, đế quốc Mỹ vẫn bám giữ lấy Đông Dương, tiếp tục dùng ngụy quyền Sài Gòn làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam nước ta. Trong năm 1973, chúng đã sử dụng 60% quân chủ lực, toàn bộ lực lượng vũ trang địa phương mở trên 360.000 cuộc hành quân lấn chiếm, giải tỏa⁽¹⁾, chiếm lại hầu hết các vùng giải phóng mới mở của ta và chiếm thêm một số «lỗm» giải phóng cũ.

Tháng 7 năm 1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: cách mạng miền Nam chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng: tiến hành khởi nghĩa dựa trên lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, hoặc trong trường hợp chiến tranh lớn trở lại thì tiến hành chiến tranh cách mạng giành thắng lợi hoàn toàn. Hội nghị nhấn mạnh: «Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt đề cách mạng miền Nam tiến lên... Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết, vừa cơ bản trong giai đoạn mới»⁽²⁾.

Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phong trào nổi dậy phối hợp với tiến công quân sự

của nhân dân miền Nam trong năm 1974 đã có bước phát triển mới, trực tiếp góp phần củng cố và mở rộng bàn đạp tiến công trên các hướng chiến lược trọng yếu, giữ vững và phát triển mạnh mẽ thế chủ động chiến lược, đẩy địch vào thế bị động trên toàn chiến trường. Ở đồng bằng Liên khu V, các lực lượng vũ trang địa phương hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng 250 ấp, trong đó có 35 xã được giải phóng hoàn toàn, 7 xã được giải phóng về cơ bản, giải phóng trên 20 vạn dân và chuyển lên tranh chấp gần 5 vạn dân. Ở Khu 8 phong trào quần chúng nổi dậy sôi nổi ở Nam - Bắc lộ 4 và ở Đồng Tháp Mười. Đến cuối năm 1974 đã bức rút được 1070 đồn bót, giải phóng trên 233 ấp, gần 13 vạn dân. Ở Khu 9 thêm 80 vạn dân được giải phóng, số đồn địch bị diệt và bị bức rút ngày càng tăng. Tháng 3 năm 1974: 140 đồn; tháng 4 năm 1974: 172 đồn, tháng 6 năm 1974: 152 đồn... Việc xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là của khối chủ lực và công cuộc chuẩn bị vật chất, mở đường chiến lược và chiến dịch trong 2 năm 1973-1974 cũng đạt được những thành tựu lớn, làm thay đổi thêm một bước so sánh lực lượng. Chủ lực ta đã hơn hẳn chủ lực ngụy. Cục diện chiến trường chuyển biến ngày càng có lợi cho ta.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974 nhận định: «Ta đứng trước thời cơ chiến lược lớn. Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn thuận lợi như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống

(1) Trong đó có 350.000 cuộc dưới 1 tiểu đoàn, trên 9800 cuộc từ 1 đến 2 tiểu đoàn, trên 250 cuộc từ 3 đến 4 tiểu đoàn và 40 cuộc trên 5 tiểu đoàn.

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 7 năm 1973.

nhất Tở Quốc»⁽¹⁾. Bộ Chính trị hạ quyết tâm và vạch kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nhấn mạnh yêu cầu «nắm vững qui luật cơ bản của chiến tranh cách mạng là kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy, chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang... Nhưng nhìn toàn cục thì tổng công kích có ý nghĩa quyết định, phải đi trước một bước»⁽²⁾. Bộ Chính trị xác định cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam, sẽ gồm 3 loại hình chiến dịch:

1. Chiến dịch tiến công qui mô lớn của các binh đoàn chủ lực trên chiến trường có lựa chọn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực ngụy, tạo thế làm chủ rộng khắp, và mạnh mẽ nhất.

2. Chiến dịch tổng hợp qui mô ngày càng lớn trên mặt trận nông thôn đồng bằng, kết hợp tiến công quân sự và khởi nghĩa vũ trang của quần chúng nhằm đánh bại kế hoạch bình định của địch, đập tan hệ thống kim kẹp của chúng, giải phóng phần lớn nông thôn, áp sát đô thị.

3. Chiến dịch tập kích lớn đánh vào đô thị hoặc những chiến dịch tổng hợp trên mặt trận đô thị, kết hợp vây hãm, tiến công quân sự với khởi nghĩa vũ trang để giải phóng thành phố, thị xã»⁽³⁾.

Quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, bước vào mùa khô năm 1974-1975, các chiến trường, các địa phương ở miền Nam đã gấp rút, hoàn thành các mặt chuẩn bị cho đòn tiến công quân sự, đồng thời tổ chức nhiều hội nghị rút kinh nghiệm đánh phá bình định ở các ấp, đề ra phương châm, phương thức, kế hoạch, biện pháp cụ thể về phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với tiến công quân sự trong phạm vi địa phương. Trung ương Cục, Quân Ủy miền, các khu ủy, tỉnh ủy đã cử hàng ngàn cán bộ vào các vùng sâu, vùng yếu, các thành phố, thị xã, với nhiệm vụ củng cố và phát triển cơ sở chính trị và vũ trang chuẩn bị cho quần chúng nổi dậy khi cuộc tổng tiến công nổ ra.

Từ sau chiến thắng Phước Long (ngày 6 tháng 1 năm 1975) phong trào quần chúng nổi dậy kết hợp với tiến công quân sự càng được đẩy mạnh ở đồng bằng Nam bộ và Khu 5, phá vỡ từng mảng hệ thống đồn bốt địch, mở ra nhiều «lỗ căn cứ» và vùng giải phóng mới, tạo thế cho các lực lượng vũ trang áp sát các đô thị, các đường giao thông, các căn cứ chiến lược của địch. Nguồn đơn quân bắt lính và kế hoạch bình định lần chiếm của địch khựng lại. Thế chiến tranh nhân dân địa phương, đường chuyển vận và

căn cứ hậu phương tại chỗ của ta ngày càng được củng cố và mở rộng.

Đến trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, tuy ở một số nơi còn thiếu cán bộ lãnh đạo ở cơ sở, lực lượng vũ trang địa phương chưa đủ sức diệt các đồn bốt cố đại đội địch và các liên đoàn bảo an ứng cứu để hỗ trợ quần chúng nổi dậy, có nơi do hậu quả bình định ác liệt, và lâu dài của địch, phong trào bị tổn thất, quần chúng chưa được tổ chức lại... Nhìn chung, lực lượng chính trị quần chúng ở miền Nam trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, được rèn luyện qua các thời kỳ đồng khởi (1959-1960), chống «chiến tranh đặc biệt» (1961-1965), Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, chống chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» (1969-1972) và được tiếp tục xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị chiến lược 2 năm (1973-1974) đã sẵn sàng nổi dậy. Đặc biệt, thế liên kết giữa 2 lực lượng chính trị và vũ trang, giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng ngày càng phát triển. Những chiến dịch tiến công tổng hợp trên một khu vực rộng lớn xuất hiện trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 là bước tập dượt, chuẩn bị cho chiến dịch tiến công tổng hợp lớn nhất: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra trên toàn Miền.

Ngày 4 tháng 3 năm 1975, bộ đội ta nổ súng tiến công địch ở Tây Nguyên, và đến ngày 24 tháng 3 năm 1975, sau chiến thắng vang dội giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, tiếp đó đánh bại cuộc phản kích tiêu diệt sư đoàn 23 ngụy và truy kích quân địch rút chạy, ta đã tiêu diệt về cơ bản quân đoàn 2 ngụy, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

Là một địa bàn chiến lược quan trọng đối với địch ở miền Nam, trong suốt quá trình chiến tranh xâm lược Mỹ-ngụy ra sức bình định Tây Nguyên, dùng chính sách chia để trị, phân vùng phân tuyến để kim kẹp quần chúng. Ở Đắc Lắc đến đầu năm 1975 đại bộ phận nhân dân vẫn bị tập trung vào 62 «khu đồn», 32 «ấp chiến lược». Trong số 300.000 dân toàn tỉnh, vùng giải phóng chỉ có 12.000 dân. Lực lượng dân vệ, do địch tổ chức, đông tới 42.000 tên, trong khi đó ta chỉ có 1200 du kích phần lớn ở các căn cứ.

Nhưng được chiến thắng quân sự đi trước và các lực lượng vũ trang địa phương, các đội vũ trang cộng tác hỗ trợ, phong trào nổi dậy của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên

(1), (2) Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974.

(3) Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12 năm 1974.

đây còn lẻ tẻ, đã xuất hiện dưới các hình thức:

— Nhân dân ở các « khu đồn » xung quanh thị xã Buôn Ma Thuột, các yếu khu Thuận Hóa, Lạc Thiên, ở các « ấp chiến lược » dọc đường 15,17 nổi dậy diệt ác ôn phá bỏ máy kim kẹp của địch, tham gia xây dựng chính quyền cách mạng.

— Nhân dân trong thị xã Buôn Ma Thuột phá nhà lao, giải thoát tù chính trị, hướng dẫn bộ đội truy quét tù binh.

— Một số nơi, khi quân chủ lực và bảo an địch đã bỏ chạy, nhân dân kêu gọi dân vệ đầu hàng, nộp vũ khí cho cách mạng...

Phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên, các chiến trường Trị Thiên, Khu 5, Nam bộ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá hỏng, phá vỡ bộ máy kim kẹp của địch ở nông thôn đồng bằng, kim chân một bộ phận lực lượng dự bị địch, không cho chúng cứu nguy cho Tây nguyên, đồng thời tạo thế, tạo lực cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở địa phương sau này.

Ở Nam bộ, chiến dịch tiến công tổng hợp của khu 8 trung tuần tháng 3 năm 1975 thu được một số kết quả ở các trọng điểm: ngã sáu Kiến Phong, tỉnh lộ 20 Cái Bè, bắc Cai Lậy (Mỹ Tho), Bình Đại, Châu Thành (Bến Tre)... Ở khu 9, ta giành quyền làm chủ ở một số nơi trên tuyến sông Mang Thít, tuyến sông Hậu. Đặc biệt ở tỉnh Trà Vinh, ta đã giải phóng cơ bản hai huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, giải phóng phần lớn 3 huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Cần Long.

Hình thái tiến công và nổi dậy từng phần của quần chúng ở đồng bằng Nam bộ được đẩy lên một bước mới, phá vỡ từng mảng đồn bốt địch, mở thêm và nối liền nhiều vùng giải phóng rộng lớn, thúc đẩy phong trào quần chúng ở các vùng yếu, vùng sâu:

Ở khu 5, bộ đội chủ lực khu tiêu diệt và đánh tan toàn bộ quân địch khu vực Suối Đá - Tiên Phước - Phước Lâm, giải phóng một khu vực hoàn chỉnh gồm 20.000 dân, uy hiếp Tây nam Tam kỳ: Ở Quảng Ngãi, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với nhân dân nổi dậy giải phóng tây Sơn Tịnh, sáu xã thuộc huyện Bình Sơn, toàn bộ 2 huyện Sơn Hà, Trà Bồng.

Ở Trị Thiên, từ ngày 5 tháng 3 đến 8 tháng 3 năm 1975, với lực lượng tăng cường của quân khu (5 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn đặc công, gần 100 đội vũ trang công tác), hoạt động vũ trang tuyên truyền diệt ác ôn, phá bỏ bộ máy kim kẹp của địch sôi nổi ở 53 xã (150 thôn) trong đó quần chúng đã nổi

dậy giành quyền làm chủ ở 118 thôn thuộc tỉnh Quảng Trị, 12 trong số 19 xã của huyện Hải Lăng và nhiều xã thuộc các huyện Phong Điền, Hương Thủy, Phú Lộc (Thừa Thiên) v.v... Do quần chúng nổi dậy sớm, khi lực lượng quân địch ở địa phương chưa bị tiêu diệt và tan rã, từ ngày 8 đến 12 tháng 3, chúng đã tập trung phản kích làm phong trào bị tổn thất, một số đội vũ trang công tác và cán bộ cơ sở phải rút lên vùng giáp ranh. Tuy nhiên trước áp lực của ta và do tác động của chiến dịch Tây Nguyên, ngày 18 tháng 3 quân địch ở Quảng Trị hoang mang rút chạy, làm vỡ mảng phòng ngự phía bắc và rối loạn cả khu vực Thừa Thiên - Huế. Nhân dân tỉnh Quảng Trị vừa bị địch phản kích, sau đợt nổi dậy từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 3, lực lượng chưa kịp củng cố và không có lực lượng vũ trang tại chỗ hỗ trợ kịp thời đã không đẩy mạnh được phong trào nổi dậy khi quân địch rút chạy mà còn bị địch dồn ép, 18 vạn người phải theo chúng di tản vào Thừa Thiên.

Đêm 29 tháng 3 năm 1975 Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy thông qua phương án giải phóng Thừa Thiên - Huế bằng một cuộc tiến công nổi dậy tổng hợp toàn diện, lấy chia cắt và bao vây chiến dịch kết hợp với các mũi thọc sâu của chủ lực làm biện pháp then chốt, đồng thời sử dụng lực lượng vũ trang địa phương trực tiếp đánh địch, hỗ trợ phong trào nổi dậy của quần chúng. Từ đêm 20 tháng 3, cơ sở và tự vệ mật đã đi vào các phường khóm vận động quần chúng không di tản và đứng lên hành động. Đêm 23 tháng 3 ta phát hơn 1 vạn tờ thông báo của Ủy ban Nhân dân cách mạng làm thời thành phố Huế kêu gọi nhân dân tham gia giải phóng quê hương. Các cơ sở nội thành cùng các đội biệt động vận động quần chúng ở một số quận trong thành phố Huế và huyện Phú Vang nổi dậy xóa bỏ ngụy quyền, hướng dẫn các mũi chủ lực tiến đánh các mục tiêu trong thành phố. Ngày 26 tháng 3 khi bộ đội ta tiến vào giải phóng thành phố Huế, một số nơi nhân dân nổi dậy chiếm và bảo vệ công sở, kho tàng, tung tin hù dọa địch, vận động binh lính địch không chạy ra cửa Thuận An, Tư Hiền, tham gia giữ gìn trật tự trị an trong thành phố...

Trong khi đó, ở các tỉnh khác thuộc Khu 5, được các chiến thắng lớn dồn dập của bộ đội chủ lực hỗ trợ, từ ngày 21 đến 23 tháng 3 năm 1975, lực lượng chính trị quần chúng đã phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh, huyện, bức hàng, bức rút và tiêu diệt hàng loạt chi khu, quận lỵ, tạo thế bao vây, áp sát các đô thị, góp phần quan trọng cùng

bộ đội chủ lực tiêu diệt và làm tan rã từng đơn vị lớn của quân chủ lực nguy, lĩnh bảo an và dân vệ, xóa bỏ toàn bộ nguy quân, nguy quyền ở cơ sở, xây dựng chính quyền cách mạng. Ở nông thôn, một số xã ấp có lực lượng vũ trang và cơ sở quần chúng mạnh, quần chúng dẫn đầu diệt đồn địch, giải phóng xã, ấp trước khi bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tỉnh huyện diệt chi khu, quận lỵ. Hình thức phổ biến là sau khi đã chiếm quận lỵ, các xã trong huyện được giải phóng bằng lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy. Ở các thị xã, thị trấn, nơi có cơ sở chính trị và vũ trang mạnh, khi bộ đội ta tiến công địch ở ngoại vi, quần chúng đã nổi dậy lẻ tẻ diệt ác phá tề. Phổ biến là khi bộ đội ta đã đánh tan lực lượng phòng giữ chủ chốt và đè bẹp ý chí đề kháng của địch, quần chúng nổi dậy phối hợp cùng bộ đội chiếm các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế, tham gia truy bắt tù binh, giữ trật tự trị an...

Ở thành phố Đà Nẵng, ngày 26 tháng 3 Tỉnh ủy vạch kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các quận phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với đơn tiến công, quân sự. Các ban cán sự quận, khu phố, nhà máy điện... chuyển thành Ủy ban khởi nghĩa. Kế hoạch vận động học sinh, sinh viên tham gia nổi dậy với quần chúng, kế hoạch hậu cần tại chỗ phục vụ cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố, kế hoạch tiếp quản và bảo vệ các cơ quan, kho tàng... được chuẩn bị gấp rút. Ngày 29 tháng 3 được tin bộ tham mưu quân đoàn 1 nguy và tổng lãnh sự quán Mỹ đã bỏ chạy, quân địch rối loạn không còn sức chống cự. Tỉnh ủy phát lệnh khởi nghĩa để kịp thời phối hợp với các mũi tiến công của quân đoàn 2, của bộ đội chủ lực quân khu và bộ đội địa phương tỉnh đang từ các hướng tiến vào thành phố. Hàng vạn quần chúng đã đổ ra đường chặn xe tăng địch, kêu gọi binh lính địch hạ vũ khí, đầu hàng cách mạng, hỗ trợ bộ đội chủ lực đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 1 nguy, tòa thị chính Đà Nẵng. Công nhân nhà máy điện, công nhân cảng Đà Nẵng, bác sĩ, nhân viên bệnh viện thành phố đấu tranh bảo vệ máy móc, phương tiện, giữ vững dòng điện, tham gia cứu chữa bộ đội, nhân dân bị thương... Đến 11 giờ trưa ngày 29 tháng 3, ở tất cả các khu phố, quần chúng nổi dậy và lực lượng tự vệ vũ trang đã làm chủ. Có cách mạng tung bay trước các trụ sở nguy quyền các chi cuộc, phân chi cuộc cảnh sát nguy... Ở các công sở, các bến cảng, sở hỏa xa, nhà máy điện, nhà máy nước, các bệnh viện, trường học... công nhân, viên chức, học sinh, dưới sự chỉ đạo của các Ủy ban khởi nghĩa đã tự vũ trang cùng bộ đội

chiếm lĩnh và bảo vệ nguyên vẹn các cơ sở này. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng trong phiên họp ngày 31 tháng 3 năm 1975 nhận định: « Trong trận Đà Nẵng đã xuất hiện rõ rệt những nhân tố mới, kết hợp tiến công quân sự với phần nào nổi dậy của quần chúng trong tình hình nhân dân căn phần địch cao độ chỉ chờ có cơ hội là đứng lên, đại bộ phận sĩ quan và binh lính địch mất hẳn tinh thần chiến đấu. Do đó, với lực lượng ít hơn địch nhiều về số lượng, quân và dân ta đã tiến công kịp thời và táo bạo, nhanh chóng tiêu diệt căn cứ quân sự liên hợp lớn vào bậc nhất của nguy ở miền Nam ».

Bộ Chính trị quyết định: « Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975, không thể đề chậm ». Về phương hướng tiến công và sử dụng lực lượng cùng với việc nhanh chóng cơ động, tập trung các quân đoàn chủ lực tiến công Sài Gòn từ các hướng: Bắc-Tây bắc, Đông Đông bắc, Nam-Tây nam, Bộ Chính trị chủ trương sử dụng lực lượng tại chỗ, lực lượng đặc biệt, năm thời cơ cụ thể có lợi nhất, đánh các mục tiêu xung yếu nhất đã chỉ định, dùng mọi biện pháp và phương tiện đánh thiệt hại nặng không quân của địch nhằm thực hiện từ trong đánh ra, ngoài đánh vào, đồng thời có kế hoạch thực hiện vũ trang quần chúng, động viên nhân dân tổng bãi công, tổng bãi thị, kêu gọi các lực lượng trung gian ngã về cách mạng, đi đôi với triển khai công tác vận động binh lính địch, thực hiện đúng phương hướng một cuộc tổng tiến công và tổng khởi nghĩa điển hình.

Sài Gòn - Gia Định là một thành phố lớn, rộng 60 km vuông, với gần 4 triệu dân, trung tâm chính trị, quân sự và kinh tế và là dinh lũy cuối cùng của địch. Sau khi mất Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung, lực lượng chủ yếu của địch đã dồn về phòng thủ Sài Gòn, ăn mưu kéo dài cuộc chiến đấu đến mùa mưa, hy vọng đến lúc đó ta sẽ gặp khó khăn, phải chấp nhận một giải pháp chính trị. Trước khi ta mở cuộc tổng tiến công vào thành phố, lực lượng địch còn 5 sư đoàn, 2 lữ đoàn, phòng giữ tuyến ngoài, 1 sư đoàn và 1 lữ đoàn chốt giữ 4 khu phòng thủ ở ngoại vi thành phố. Ở nội thành chúng tổ chức 5 liên khu giữ an ninh chống thâm nhập và nổi dậy.

Trải qua quá trình xây dựng lực lượng, và đấu tranh cách mạng lâu dài, đến cuối năm 1974, bên cạnh các lực lượng vũ trang được xây dựng ngày càng lớn mạnh, ta đã

xây dựng được cơ sở chính trị và vũ trang ở 270 ấp trong tổng số 360 ấp ở vùng ven thành phố; 71 trong số 85 xã đã có xã đội. Ở nội thành, ta có 40 "lõn" chính trị với trên 7000 quân chúng đã giành được quyền làm chủ.

Những ngày đầu tháng 4 năm 1975, trong khi các quân đoàn chủ lực đang thần tốc tiến công, đập tan tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang, kết hợp với quân chúng nổi dậy giải phóng các tỉnh cực nam Trung Bộ và nhanh chóng cơ động lực lượng về bao vây thành phố từ các hướng. Để chuẩn bị cho quân chúng nổi dậy Thành ủy Sài Gòn đã tăng cường 1700 cán bộ vào nội thành và các xã vùng ven. Ngoài ra còn hàng nghìn cán bộ sẵn sàng khi có lệnh sẽ vào thành phố, phát động và lãnh đạo quần chúng nổi dậy. Gần 400 tổ chức công khai và bí mật tương với 25000 quân chúng được củng cố. Lực lượng du kích, và tự vệ mật phát triển lên 3500 người. Bộ đội địa phương, lực lượng trực tiếp hỗ trợ quần chúng nổi dậy có 2 trung đoàn và 5 tiểu đoàn của thành phố, mỗi huyện có 1-2 đại đội. Các đơn vị đặc công và biệt động được cài sẵn ở các vị trí có lợi, 7 nhà in, hàng trăm xe trang bị các phương tiện truyền thanh sẵn sàng làm nhiệm vụ kêu gọi quần chúng nổi dậy. Nhiều đội tuyên truyền xung phong được thành lập ở các cơ sở ngoại thành, phong trào quần chúng may hàng, cờ, biểu ngữ, chuẩn bị các mặt cho giải phóng và tiếp quản thành phố diễn ra rầm rộ.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu.

Trong những ngày 26 đến 30 tháng 4 năm 1975 với nhiều mức độ và ở thời điểm khác nhau, quần chúng ở nhiều xã ấp nông thôn vùng ven đã nổi dậy trước và đồng loạt nổi dậy khi đại quân tổng công kích vào nội đô. Quân và dân Củ Chi phối hợp với sư đoàn 320 Quân đoàn 3 diệt căn cứ Đồng Dù, giải phóng toàn huyện (29/4). Nhân dân các xã Tân Mạo, Tân Nhật, Tân Kiều (Bình Chánh), Tân Thới Hiệp (Gò Vấp), Long Bình, Long Trường, Long Phước (Thủ Đức)... nổi dậy giải phóng xã trước ngày 30/4.

Ở nội thành Sài Gòn, phong trào quần chúng nổi dậy sôi nổi, mạnh mẽ, từ khi các hướng, các quân đoàn chủ lực đã tiến vào thành phố, khi Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng. Những hình thức nổi dậy phổ biến là giành quyền làm chủ ở cơ sở, tham gia giữ gìn trật tự trị an, truy quét tàn binh, thu vũ khí, phục vụ bộ đội chiến đấu, treo cờ, hoan hô, ủng hộ cách mạng.

Đêm 29 tháng 4, khi bộ đội ta đã thực hành tổng công kích trên toàn mặt trận, đánh chiếm hầu hết các căn cứ quan trọng ở vòng ngoài, ngăn chặn và tiêu diệt các sư đoàn chủ lực nguy, làm tê liệt hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất, nhân dân các khu vực Hạnh Thông, Bình Hòa, Thanh Mỹ Tây, Phú Nhuận, Phú Thọ Hòa, Phú Lâm, Cầu Tre, Rạch Ông... được các đội vũ trang tuyên truyền hỗ trợ, đã nổi dậy diệt ác ôn, chiếm trụ sở phường, khóm, treo cờ cách mạng. Từ 9 giờ đến 11 giờ 30 phút, cờ cách mạng xuất hiện ngày càng nhiều trong thành phố. Nhân dân khắp các quận đổ ra đường kêu gọi binh lính nguy đầu hàng, truy bắt những tên ngoan cố chống cự, dẫn đường và lái xe chở bộ đội đánh chiếm các mục tiêu. Công nhân các nhà máy tổ chức canh gác bảo vệ máy móc, chống mọi hành động cướp phá. Nhân viên các công sở giữ gìn tài sản, hồ sơ, bàn giao đầy đủ cho cách mạng. Công nhân 7 nhà in cấp tốc in bầy vạn truyền đơn phân phát khắp thành phố kêu gọi nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Thanh niên, học sinh tham gia giữ trật tự, an ninh, trên đường phố. Tính chung, khoảng 40% số phường khóm trong nội thành nhân dân đã nổi dậy giải phóng. 60% số phường khóm còn lại, do đòn tiến công quân sự kết hợp với quần chúng nổi dậy, phối hợp đập tan bộ máy nguy quyền địch. Ngay sau khi thành phố được giải phóng, công nhân, nhân dân lao động, thanh niên hăng hái tham gia các công việc cách mạng như giữ gìn trật tự giao thông trên đường phố, chấm dứt mọi hành động cướp bóc, cung cấp đủ điện nước, khôi phục sinh hoạt bình thường. Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các đảo có dân (Cồn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu) phối hợp với chiến dịch Hồ Chí Minh, và để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện phương châm "Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã, bằng lực lượng bản thân", từ ngày 27 tháng 4 năm 1975 bộ đội chủ lực Quân khu 8, Quân khu 9 đã đánh chiếm nhiều đoạn trên lộ 4 (ngã ba Trung Lương, Cai Lậy, Cai Bè, Tam Bình), đưa lực lượng áp sát các thị xã Mỹ Tho, Cần Thơ, kìm chân các sư đoàn thuộc Quân đoàn 4 nguy và khống chế sân bay Bình Thủy. Lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị quần chúng ở các tỉnh, huyện hình thành để vây ép các thị xã, thị trấn, quận lỵ, chi khu.

Đêm 29 và ngày 30 tháng 4 năm 1975, theo kế hoạch đã định, lực lượng quân sự và chính trị các tỉnh đồng bằng Nam bộ và các đảo thực hành tấn công vào các thị xã, thị trấn, quận lỵ, chi khu, kết hợp quần chúng

ở các vùng nông thôn kéo vào hỗ trợ và nhân dân trong các thị xã, thị trấn nổi dậy, bức ngụy quyền tỉnh, huyện đầu hàng, làm tan rã lực lượng vũ trang và ngụy quyền cơ sở, giành chính quyền về tay nhân dân.

Với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng thành phố Sài Gòn và tiếp đó trong hai ngày 30 tháng 4 và ngày 1 tháng 5, giải phóng toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã kết thúc oanh liệt. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta đã đập tan hoàn toàn bộ máy quân sự, cảnh sát khổng lồ gồm trên 1 triệu tên của ngụy quyền Sài Gòn do Mỹ trang bị hiện đại, đã đánh nhào bộ máy ngụy quyền từ trung ương đến thôn xã, một bộ máy kim kẹp hết sức to lớn, mà đế quốc Mỹ đã ra sức xây dựng trong 20 năm, đã quét sạch hàng trăm chi khu quân sự, hàng ngàn phân chi khu, gần 8000 đồn bốt, là những căn cứ quân sự, các cơ sở kim kẹp dân của địch ở địa phương.



Trong đại thắng mùa Xuân năm 1975, cùng với tổng tiến công và kết hợp chặt chẽ với tổng tiến công quân sự, nổi dậy của quần chúng là một phong trào cách mạng rộng lớn và mạnh mẽ của hàng triệu quần chúng diễn ra dưới nhiều hình thức, nhiều mức độ và trên khắp các địa bàn, có tác dụng chiến lược đối với thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của chiến dịch giải phóng miền Nam.

Sức mạnh to lớn của phong trào nổi dậy của quần chúng trong đại thắng mùa Xuân năm 1975 biểu hiện trên những mặt chủ yếu sau đây:

— Cùng với tiến công của các binh đoàn chủ lực, phong trào nổi dậy liên tục và rộng khắp của quần chúng đã có tác dụng thường xuyên buộc địch phải phân tán lực lượng, giảm sức cơ động của lực lượng chiến lược địch, phá vỡ cơ cấu chiến lược của địch, góp phần làm địch suy yếu đi đến tan vỡ về mặt chiến lược.

— Cùng với tiến công của các lực lượng vũ trang tại chỗ, phong trào nổi dậy của

quần chúng đã thúc đẩy nhanh quá trình tiêu diệt và làm tan rã trên 1 triệu quân địch, trực tiếp phá vỡ thế phòng thủ "hiện đại" của địch, góp phần tạo thế mới, lực mới, tạo thành thế cho bộ đội, cho cách mạng, đồng thời đã chuẩn bị chiến trường, hỗ trợ, phối hợp và phục vụ bộ đội chủ lực tác chiến và cơ động lực lượng tiêu diệt các mục tiêu then chốt của địch.

— Cùng với đòn tiêu diệt lớn của các quân đoàn chủ lực, phong trào nổi dậy của quần chúng có tác dụng to lớn trong việc trực tiếp đánh đổ chính quyền các cấp của địch, giành quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng chính quyền cách mạng ở cơ sở, góp phần vào thắng lợi nhanh chóng, trọn vẹn và vững chắc của chiến dịch.

Từ mùa Xuân Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 đến nay đã tròn 10 năm. Nghiên cứu phong trào nổi dậy của quần chúng trong chiến tranh nói chung và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong Đại thắng mùa Xuân 1975 nói riêng, vẫn còn là một vấn đề rất lớn, mới về lý luận, phong phú về thực tiễn. Điều có thể khẳng định là kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công là vấn đề có quan hệ hữu cơ tạo nên chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng Việt Nam, là vấn đề có tính qui luật trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Và, như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976) của Đảng đã nhận định: « Đó là kết quả rực rỡ của sự vận dụng sáng tạo lý luận về bạo lực cách mạng và khoa học quân sự của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, phát triển lên một trình độ mới những kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như của toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng từ khi Đảng ta ra đời »⁽¹⁾.

Hà nội tháng 2 năm 1985

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam - Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV - Nxb Sự thật, HN 1977, tr. 26.

ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

TUYỂN HẠU CÁN CHIẾN LƯỢC PHÍA TRƯỚC

TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG MÙA XUÂN 1975

NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG

SAU Hiệp định Geneve, kẻ địch lợi dụng việc chuyển quân tập kết của hai bên, đã gấp rút thiết lập hành lang ngăn chặn sự liên lạc giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam, hòng cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước. Nhiệm vụ chiến lược của Đảng ta là phải hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng Miền Nam và chỉ viện hai nước Lào, Campuchia liên minh chống Mỹ.

Phục vụ nhiệm vụ trên ta lập tuyến đường 559. Quân ủy Trung ương chỉ đạo nhanh chóng chuyển toàn bộ thể trận của tuyến lên quy mô hoạt động lớn, mang tính chất hoàn chỉnh thể trận hậu cần chiến lược phía trước của quân đội, nhằm thỏa mãn yêu cầu: Tiếp nhận được sự chi viện hết sức to lớn của hậu phương, tạo nguồn cơ sở vật chất kỹ thuật hậu cần tại chỗ phong phú, bảo đảm sức cơ động lực lượng nhanh tới các hướng, thực hiện thắng lợi các đòn tác chiến chiến lược khi thời cơ xuất hiện.

Từ năm 1973, Quân ủy Trung ương - Bộ Tổng tư lệnh đã chỉ đạo kiên quyết mở trục dọc phía đông Trường Sơn, tiếp cận các căn cứ hậu cần chiến trường; mở rộng, nâng chất lượng đường phía tây Trường Sơn tăng tốc độ bình quân 20 km/giờ; chỉ viện cho các Quân khu đẩy mạnh việc phát triển mạng đường cơ giới tuyến chiến dịch tiếp cận tuyến chiến đấu, nối thông với tuyến chiến lược. Bộ phê chuẩn biên chế 3 sư đoàn công binh (470, 172, 470) và 3 trung đoàn độc lập được trang bị cơ giới tương đối mạnh với tổng quân số 36.400 người để thực hiện tốt các chỉ tiêu xây dựng đường cầu. Đến cuối năm 1974, hệ thống đường đông Trường Sơn mở được 1050 km, hệ thống đường tây Trường Sơn mở thêm 563 km, cải tạo nâng cấp được 853 km, đoạn từ Pleikhoắc - Bu Gia Mập vận chuyển được cả hai mùa, theo tỉ lệ thích hợp.

Trong thời kỳ này, tư tưởng chỉ đạo đối với nhiệm vụ vận chuyển phải đạt được: *số lượng đủ, chất lượng tốt, hoàn thành sớm, ít hao tổn sức lực, ít tổn thất, ít bị tổn hại về sức lực, ít bị tổn hại về sức lực*. Bộ tư lệnh 559 được thành lập 2 sư đoàn xe ô tô 571, 471 đảm trách vận chuyển vượt chỉ tiêu kế hoạch và sẵn sàng cơ động binh lực lớn vào bất kỳ lúc nào. Các cung vận tải trước không còn thích hợp, toàn tuyến tổ chức thành 2 cung cơ bản: Đông Hà - Bến Giang, Bến Giang - Lộc Ninh chạy đội hình trung đoàn theo chiều thuận. Các khu căn cứ hậu cần được điều chỉnh lại, khu căn cứ cơ bản của tuyến triển khai từ cảng Cửa Việt lên Khe Sanh, phát triển sang nam bắc Đường 9 từ 3 đến 4 km. Trên hệ thống đường đông và tây Trường Sơn có các căn cứ của sư đoàn đặt trên các trục thuận tiện cơ động ra các hướng chiến trường.

Với hình thức quy mô tổ chức mới, đã giảm tối đa thời gian dừng xe bốc xếp hàng lên xuống, hạn chế sự tổn thất và đặc biệt bảo đảm yêu cầu đồng bộ, nâng hiệu suất vận chuyển mùa khô 1973 - 1974 lên 360% so với năm 1970 - 1971⁽¹⁾. Tổng khối lượng giao các chiến trường tiếp nhận đủ 325 931 tấn, ngoài ra còn vận chuyển được 35 000 tấn dự trữ, nâng tổng số tồn của tuyến chiến lược là: 135.000 tấn vật chất hậu cần kỹ thuật, phân bố trên các khu căn cứ đi ra từng hướng chiến trường. So với chỉ tiêu 1974, các sư đoàn đã vận chuyển đến các chiến trường đạt 149% (bằng 5,45 lần năm 1972); các điểm giao nhận ở xa hơn nên tăng tổng tấn km lên 2,5 lần những năm trước (trên 80 triệu tấn/km).

Các đoàn binh khí kỹ thuật được bố trí đi theo trục riêng, có trạm cấp phát bổ sung

(1) Công tác vận tải quân sự đường Hồ Chí Minh, TCHC 1984, PL vt, tr 24.

phù hợp cung độ hành quân. Bộ tuyến giao liên bộ, sử dụng 4 trung đoàn ô tô chuyên trách 4 cung giao liên cơ giới. Bảo đảm chở quân lên mặt trận, mỗi tháng từ 18.000 đến 20.000 người, mang theo trang bị vũ khí bộ binh⁽¹⁾.

Song song với phát triển vận tải đường bộ, tuyến vận tải đường sông trên Trường Sơn cũng tăng sức vận chuyển đạt 7 triệu 81 vạn tấn/km. Riêng tuyến đường ống được các Tổng cục đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển nhảy vọt từ 6,5 triệu tấn/km lên 18,2 triệu tấn/km. Đã kéo dài tuyến ống 1400 km tiếp cận chiến trường Nam Bộ, bao gồm 113 trạm bơm, 46 kho dự trữ 270.000 m³ nhiên liệu. Đây là khâu then chốt, chiếc chìa khóa đối với nhịp độ phát triển của tuyến vận tải quân sự chiến lược.

Cuối năm 1974, sau khi kiểm tra thực tế toàn diện, thường trực Quân ủy Trung ương đánh giá: «Tuyến 559 đã nỗ lực vượt bậc phục vụ các chiến trường thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị: chặn chính lực lượng vũ trang di đối với hoạt động chiến đấu, nhất là đối với bộ đội chủ lực... Bảo đảm cho các lực lượng vũ trang và nhân dân ta giữ quyền chủ động tiến công, đánh bại được kế hoạch binh định lấn chiếm của địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng của ta...»⁽²⁾.

Đến đây có thể nói qua 15 năm xây dựng chiến đấu, hệ thống đường Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành tuyến hậu cần chiến lược phía trước, phát huy tác dụng hết sức tích cực đối với sự tiến triển của cuộc cách mạng giải phóng ba nước Đông Dương. «Những khối lượng rất lớn lương thực, vũ khí, xăng dầu trang bị được vận chuyển vào các chiến trường bảo đảm tốt nhiệm vụ hậu cần cho cuộc chiến tranh giải phóng ở giai đoạn cuối cùng»⁽³⁾.

Sang năm 1975,

Trước khi bước vào chiến dịch Tây Nguyên, đại tướng Văn Tiến Dũng báo cáo khả năng của ta về Bộ Chính trị và kết luận: «Tuyến 559 đã... tạo được một khối lượng vật chất lớn để bảo đảm cho năm 1975 và cả cho thời cơ phát triển để hoàn thành nhiệm vụ năm 1976... Có thể nói, do công tác chuẩn bị tốt, giữ được bí mật mà ta có đầy đủ yếu tố cần thiết để giữ quyền chủ động trong cả quá trình tổng tiến công chiến lược. Những yếu tố đó là: có lực lượng hùng hậu, có hậu cần đầy đủ và mạnh, có khả năng cơ động lớn cả về đường sá và phương tiện...»⁽⁴⁾.

Qua so sánh lực lượng địch - ta hết sức chính xác, Bộ Chính trị quyết định mở trận tấn công chiến lược đầu tiên vào chiến trường Tây Nguyên.

Nhờ đã sớm chuẩn bị, Bộ Tư lệnh 559 có thể nhanh chóng tổ chức lực lượng mạnh đặc trách phục vụ mặt trận: Các đơn vị xe của Sư 471 khẩn trương đưa hàng sáu đến các cụm kho giáp lưng bộ đội, bí mật cơ động Sư bộ binh 968 đến bắc Tây Nguyên đánh thu hút địch, điều 2 trung đoàn cao xạ hành quân vào nam Tây Nguyên đánh máy bay địch, điều tiểu đoàn công binh mở đường rừng cho tăng pháo bí mật tiếp cận địch, điều tiểu đoàn công binh bắc cầu phao vượt sông khẩn cấp, chọn các đại đội công binh thạo địa hình có kỹ thuật tháo gỡ mìn giỏi cơ động theo các mũi tiến công, điều tiểu đoàn thông tin trực tiếp phục vụ Bộ chỉ huy mặt trận, v.v...

Với sự bảo đảm vững chắc rất kịp thời, bộ đội ta đã bất ngờ đánh chiếm Ban Mê Thuột nhanh gọn, một tử huyệt của hệ thống phòng ngự miền Tây của địch.

Chiến dịch Tây Nguyên phát triển. Sư đoàn 471 xe. Sư đoàn 470 công binh và các binh chủng kỹ thuật khác của 559 được lệnh tập trung bảo đảm cao nhất yêu cầu tác chiến. Bộ Tư lệnh 559 khẩn trương điều tiếp 2 trung đoàn cao xạ, trung đoàn bộ binh và công binh đến bảo vệ Ban Mê Thuột, Công Tum, Plâycu thay cho bộ đội chủ lực thực hiện mệnh lệnh truy kích địch tới cùng. Các trung đoàn xe được sử dụng vào việc cơ động lực lượng tiến công địch rút chạy về phía đông.

Thừa thắng, các binh đoàn chủ lực phối hợp với lực lượng địa phương đánh chiếm đường số 7, 19, 21 tiến xuống đồng bằng chia cắt địch trên chiến trường Miền Nam, hình thành thế bao vây tiêu diệt các binh đoàn địch ở phía Bắc. Bộ Tư lệnh 559 quyết tâm sử dụng 15 đại đội công binh thuộc các sư đoàn công binh tây Trường Sơn triển khai bảo đảm an toàn giao thông trên các trục đường bộ đội hành quân.

Cuộc tiến công vũ bão đó đã chặn động toàn bộ quân địch trên chiến trường Miền Nam. Quân địch ở Huế, Quảng Trị và nhiều

(1) Công tác vận tải chiến lược trên đường Hồ Chí Minh, TCHC xuất bản 1984, tr 118-121.

(2) Hồ sơ 214/VP-QUTW

(3) 50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam - NXB Sự thật 1982, tr 239.

(4) Hồ sơ 214/VP-QUTW.

nơi ở chiến trường khu 5, Nam bộ tan vỡ từng mảng trước sức tấn công của bộ đội ta.

Ngày 25-3 Bộ Chính trị chủ trương giải phóng hoàn toàn Miền Nam trước mùa mưa. Chủ trương đó đặt tuyến 559 trước một loạt vấn đề đòi hỏi giải quyết một cách hiệu quả. Trên cơ sở tích lũy lâu dài của thế trận hậu cần, tuyến 559 đã thực hiện tốt chức năng chủ yếu của mình; nhanh chóng sử dụng 2 sư đoàn ở cơ động chiến lược 3 quân đoàn chủ lực và bảo đảm hành quân cho các binh chủng kỹ thuật đến vị trí chiến dịch đúng thời hạn; liên tiếp vận chuyển hoàn thành chỉ tiêu 167.000 tấn vật chất giao cho các hướng, cung cấp 68.472 tấn nhiên liệu, bảo đảm giao thông an toàn trên 30.000 km đường (bao gồm những trục đường mới giải phóng); thực hiện kịp thời chủ trương điều sư đoàn cao xạ, các trung đoàn, sư đoàn bộ binh, 4 trung đoàn công binh phối thuộc chiến đấu trong đội hình các Quân khu, Quân đoàn.

Trên chiến trường Campuchia lúc này tình hình chiến sự đang rất thuận lợi. Theo yêu cầu của Ban, Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho 559 tổ chức chi viện khẩn cấp. Một trung đoàn được giao nhiệm vụ này, các chiến sĩ lái thay nhau chạy suốt ngày đêm. Chỉ một tuần đoàn xe đã vượt trên 1.000 km đường núi, giao đủ 800 xe tốt và đầy hàng kịp tăng cường hỏa lực mạnh cho bạn mở cuộc tấn công Lon non, chiếm Nông Pênh (ngày 17-4-75).

Đến thời điểm này, không gian bảo đảm của tuyến hậu cần chiến lược 559 không còn hạn chế trên địa bàn Trường Sơn, cũng không chỉ phục vụ một hai mặt trận ở những địa hình quen thuộc. Cùng một lúc phải bảo đảm hậu cần cho các đòn chiến lược diễn ra trên không gian cả 3 nước, mở rộng đến địa bàn các vùng mới giải phóng.

Khi bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, thế và lực của ta đã lên tới đỉnh cao của sức mạnh, 16 tỉnh thành phố Miền Nam đã giải phóng tạo ra hậu phương chiến lược mới, có nhân vật tài lực tại chỗ rất lớn. Cả nước theo hiệu triệu của Đảng - Chính phủ đều huy động mọi tiềm năng đến mức cao nhất để bảo đảm giành toàn thắng trong trận đánh cuối cùng.

Ngày 22-4-1975, đồng chí Tổng bí thư Trung ương Đảng ta khẳng định thời cơ tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại mọi mặt chuẩn bị và kết luận: «Ta đã hoàn thành việc tập trung lực lượng, tập trung khí tài kỹ thuật và các cơ sở vật chất khác đạt ưu thế áp đảo quân địch. Đã triển khai xong thế bao vây chia cắt chiến dịch, cô lập Sài Gòn đến cao độ. Chiến dịch

lịch sử này đã có những cơ sở đảm bảo chắc thắng» (1).

★

Những hiệu quả đã đạt được của tuyến 559 trong thời kỳ tổng tiến công chiến lược 1975, là đỉnh cao thắng lợi của công tác hậu cần quân đội ta. Tuy nhiên không chỉ do kết quả của thời kỳ chuẩn bị chiến lược (1973 - 1975) mà là thành tựu của cả quá trình tích lũy 16 năm chiến đấu, xây dựng theo đúng đường lối chiến tranh nhân dân, quan điểm liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Đó cũng chính là biểu hiện trực tiếp của sức mạnh hậu phương xã hội chủ nghĩa Miền Bắc được huy động vào cuộc chiến tranh giải phóng Miền Nam vào giai đoạn chốt.

Do sớm được Bộ Chính trị - Quân ủy Trung ương lãnh đạo uốn nắn theo tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng, nên bộ đội Trường Sơn đã kiên trì xây dựng tuyến vận tải cơ giới kết hợp nhiều phương thức hoạt động, khẩn trương phát triển quy mô tổ chức hợp thành các binh chủng thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị chiến lược. Đặc biệt là chuẩn bị được khả năng cơ động nhanh các binh đoàn chủ lực, chi viện lớn trong thời gian ngắn cho các hướng chiến trường, chuẩn bị được khối lượng tuyệt đối lớn cho đòn quyết định đánh trúng tử huyệt quân thù. Trên cơ sở thế trận hậu cần chiến lược phía trước của quân đội bảo đảm đầy đủ, vững chắc mà xuất hiện cách đánh thích hợp vào khâu hiểm yếu của quân địch (khác với cách đánh 1972 ở Quảng Trị). Nói cách khác, thế trận hậu cần và phương thức bảo đảm có ý nghĩa quy định đối với hình thức tác chiến. Tất nhiên cũng do hình thức chiến thuật, chiến dịch luôn thúc đẩy hoạt động hậu cần phải tiến lên trình độ tương ứng.

Trong giai đoạn Tổng tiến công chiến lược 1975, với những điều kiện vật chất hậu cần chuẩn bị sẵn trên địa bàn chiến lược Trường Sơn đã góp phần tích cực giải quyết vấn đề «không gian rộng» trên chiến trường, «thời gian ngắn» của chiến cuộc. Trên cơ sở «thế» đã chuẩn bị mà phát huy «lực» đã có sẵn, tuyến Hồ Chí Minh cùng với tuyến hậu phương quốc gia kết hợp với tuyến hậu cần chiến dịch bảo đảm đặc lực cho sức tiến công liên tục, chia cắt chiến lược, truy kích bao vây chiến dịch, thần tốc tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giành thắng lợi nhanh, gọn, to lớn, vững chắc và trọn vẹn.

Đánh giá vai trò trọng yếu của tuyến Hồ Chí Minh, Chủ tịch Trường Chinh nói: «...

(1) Hồ sơ 274 - VP/QUTW

muốn đánh thắng quân xâm lược, về hạ tầng cơ sở của cuộc kháng chiến, chúng ta phải có những con đường chiến lược như đường Trường Sơn, và biết sử dụng con đường ấy một cách tốt nhất để lập nên những chiến công vĩ đại ... » (1). Và đối với những kết quả chiến đấu chuẩn bị thế trận hậu cần trên tuyến Hồ Chí Minh, đại tướng Võ Nguyên Giáp coi đó là « ... một trong những thành công kiệt xuất của đường lối chính trị quân sự của Đảng ta, là những kinh nghiệm quý báu làm phong phú thêm khoa học và nghệ thuật quân sự của nước ta » (2).

Nhìn lại suốt quá trình lịch sử, nếu trong chiến tranh, đường Trường Sơn là thế đứng chiến lược để tổ chức tiến công quân thù, giải phóng đất nước, thì trong hòa bình như đồng chí Tổng Bí thư đến thăm bộ đội Trường Sơn, đã chỉ ra: « Đường Trường Sơn là con đường nối liền nam bắc thống nhất nước nhà, là con đường tương lai giàu có của Tổ quốc ta... ».

Hiện nay, vấn đề xây dựng vùng núi rừng Trường Sơn, khai thác tiềm năng kinh tế, phát triển hệ thống giao thông, kết hợp củng cố quốc phòng vững mạnh lại trở nên vô cùng khẩn cấp. Rồi đây hàng triệu héc ta đất hoang trở thành đất thuộc, sẽ có hàng trăm nông trường, hàng vạn xã trên cao nguyên được nối liền bằng mạng đường, giao thông thuận tiện. Về mặt quốc phòng, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khi có hệ thống giao thông cơ giới hoàn chỉnh, kết hợp với mạng đường cho các phương tiện thô sơ, nối liền với các tuyến giao thông nội địa, sẽ tạo thành thế liên hoàn vững chắc. Đó là một nhân tố trọng yếu bảo đảm cho quyết tâm đánh thắng kẻ thù xâm lược ngay từ tuyến đầu.

(1) Trích lời ghi trong sổ vàng truyền thống bộ đội Trường Sơn.

(2) Trích lời phát biểu trong hội nghị mừng công 16 năm của Bộ đội Trường Sơn.

Tinh thần tốc của cuộc...

(Tiếp theo trang 28)

đánh đòn chí tử làm cho chúng suy yếu thêm, thất bại thêm. Ta thực hiện được hành động thần tốc cả về chiến lược và chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 một phần rất quan trọng là do nắm đúng thời cơ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng về mọi mặt để khi có thời cơ là có thể hành động được ngay, hành động kiên quyết, táo bạo chắc thắng.

Cùng với việc tạo ra và vận dụng thời cơ, Đảng ta đã giải quyết tài tình vấn đề chỉ đạo chiến lược, chọn đúng phương hướng tiến công chủ yếu, xác định rõ hình thức tác chiến và cách đánh linh hoạt cho cả giai đoạn chiến lược cũng như cho mỗi chiến dịch - chiến lược. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng như các đồng chí lãnh đạo chủ chốt được phân công chỉ đạo chiến trường đã theo sát tình hình, phát hiện sớm những yếu tố mới sau mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch, đồng thời dồn đốc việc tổ chức thực hiện với tinh thần « 1 ngày bằng 20 năm ». Thiếu sự chỉ đạo đó thì không thể có được hành động thần tốc và tình hình có thể diễn biến phức tạp hơn.

Dưới sự chỉ đạo chiến lược rất sáng suốt đó, công tác chuẩn bị về mọi mặt luôn luôn được tăng cường. Mọi lực lượng đều sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng ra tiền tuyến. Cả nước đều hướng vào thực hiện quyết tâm

chiến lược của Đảng với ý thức kỷ luật cao, với tinh thần sẵn sàng hy sinh để giành thắng lợi hoàn toàn. Nhờ đó sức mạnh tổng hợp của ta được phát huy cao độ, tạo thành lực lượng phá vỡ nhanh chóng thế phòng ngự của địch, tiêu diệt và làm tan rã trong thời gian ngắn đội quân đông hơn 1 triệu người. Những mũi tiến quân thần tốc, những đòn đánh mãnh liệt của ta đều thể hiện rõ nghệ thuật quân sự độc đáo, tài giỏi của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, khai thác đến mức cao nhất bệnh chủ quan của địch, làm cho chúng luôn luôn bị bất ngờ, phải đối phó bị động và chịu thất bại hoàn toàn.

Tinh thần tốc của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy càng được tăng thêm với hiệu quả to lớn do ta đã kết hợp chặt chẽ và nhịp nhàng tấn công về quân sự với tấn công về chính trị và ngoại giao, buộc địch phải đối phó cùng 1 lúc trên nhiều mặt trận, tạo nên những sơ hở mới để chịu những đòn đánh mới, thất bại mới.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 cho ta nhiều bài học về giành thắng lợi quyết định với tốc độ nhanh trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh giải phóng. Những bài học đó vẫn được tiếp tục nghiên cứu để phát huy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

CÁNH BINH VẬN G₄ (KHU BẦY HIỀN, QUẬN TÂN BÌNH)

trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

NGUYỄN PHAN QUANG - ĐỖ BÍCH LIÊN

I - TÌNH HÌNH KHU BẦY HIỀN (QUẬN TÂN BÌNH) TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PA-RI

1. Vài nét về khu Bầy Hiền:

Tân Bình là một quận trong 18 quận của Thành phố Hồ Chí Minh, ở cửa ngõ phía tây - bắc thành phố. Trên địa bàn Tân Bình có một số vị trí chiến lược quan trọng như sân bay Tân Sơn Nhất và những con đường huyết mạch dẫn vào thành phố.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và Mỹ, nhiều sự kiện lịch sử quan trọng đã từng diễn ra tại Tân Bình, với những chiến công gắn liền với các địa danh Tân Sơn Nhất, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Bà Quẹo, Ngã tư Bầy Hiền..., hun đúc nên truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Tân Bình.

Khu vực Bầy Hiền ở vị trí tây - nam quận Tân Bình, tiếp giáp hai đường giao thông quan trọng: đường Cách mạng Tháng Tám (Lê Văn Duyệt cũ) đi lên Hóc Môn, Tây Ninh và đường Lý Thường Kiệt (Nguyễn Văn Thiệu cũ) qua Chợ Lớn xuống đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay Bầy Hiền là một đơn vị hành chính, tức Phường 1, quận Tân Bình, T. p. Hồ Chí Minh, với diện tích 253.000m² và dân số 8372 người. Ngã tư Bầy Hiền là nơi tiếp giáp giữa các đường Lý Thường Kiệt, Cách mạng tháng Tám và Hoàng Văn Thụ (1).

Do đặc điểm dân cư và vị trí quan trọng của Bầy Hiền, chính quyền Mỹ - ngụy đã thiết lập tại đây một bộ máy kìm kẹp khốc liệt. Chúng đặt Bầy Hiền thành một ấp, tức ấp Chí Hòa 2 (thuộc xã Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình) với 1 ấp trưởng và 3 ấp phó; lại chia thành nhiều ô, do ô trưởng phụ trách, phân loại và quản lý từng gia đình, phối hợp với hệ thống đồn bốt vây quanh khu vực, như các bót cảnh sát Lê Văn Duyệt, Tân Sơn Hòa, trại lính dù Hoàng Hoa Thám, căn cứ hậu cần « RUAK » của Mỹ, đồn bảo an, đồn « nhân

dân tự vệ ấp Chí Hòa » v.v... Nhiều tên chỉ điểm, gián điệp khét tiếng được địch cài vào làm việc trong các xưởng dệt, theo dõi bám sát từng hoạt động nhỏ của người dân Bầy Hiền.

Bất chấp mọi mưu đồ nham hiểm và biện pháp kìm kẹp của địch, nhiều cán bộ kháng chiến thời chống Pháp, nhiều má, nhiều chị đã nhanh chóng gây dựng được hàng trăm cơ sở cách mạng nằm sâu trong quần chúng, làm chỗ đứng chân cho các đơn vị công tác do trên cử về, như các đội quân báo, Bình vận, Tuyên truyền Thành đoàn, Phụ vận, An ninh... Trong khi thế cách mạng ngày một dâng cao tại khu vực Bầy Hiền nổi bật lên những hoạt động của nhiều tổ chức, đoàn thể bí mật, công khai hoặc bán công khai (2), hình thành thế đứng vững chắc cho cuộc nổi dậy của nhân dân Bầy Hiền trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, mà một mũi nhọn là Cánh binh vận G₄ (3).

2. Nhân dân Bầy Hiền đấu tranh chống Mỹ - ngụy kìm kẹp, khủng bố:

Hưởng ứng Lời kêu gọi ngày 28-1-1973 của Ban Chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng như Lời kêu gọi của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nhân dân ta đã kiên quyết đấu tranh đòi Mỹ - ngụy phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pa-ri. Nhưng trên thực tế, đế quốc Mỹ ngoan cố tiếp tục thi hành chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Tập đoàn tay sai Nguyễn Văn Thiệu theo lệnh Mỹ vi phạm trắng trợn hiệp định, phá hoại hòa bình, cản trở nguyện vọng thống nhất đất nước thiêng liêng của cả dân tộc.

Bối rối, hoảng sợ trước cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Tân Bình, tại Ngã tư Bảy Hiền, ngay quyền Sài Gòn tăng cường lùng xét gắt gao nhà dân, chặn hỏi thanh niên đi đường. Từng tốp 5, 6 cảnh sát áo xanh liên tục tuần tiễu trên các ngã đường trong khi bọn an ninh chìm, nổi xông vào áp Chi Hòa 2 điều tra, lùng sục. Chúng làm công ỡ/dầu các hẻm quanh ấp, đóng chặt cửa và canh gác trong giờ giới nghiêm. Một số cốt cán của phong trào và nhiều thanh niên trong các tổ chức bán công khai bị địch khủng bố, bắt bớ. Từ tháng 12-1974 đến tháng 2-1975, công an Tổng nha đã bắt 14 thanh niên, trong đó có 10 thanh niên của đoàn «Hát Giang» và 3 thanh niên của đoàn «Công tác xã hội Gia Định».

Trong những ngày Tết Ất Mão (1975), địch tung lực lượng «an ninh đặc biệt» giả dạng thường dân buôn bán hoặc xách cặp đi làm việc công sở, len lỏi khắp phố chợ, xóm lao động để nhận mặt bắt cóc các cơ sở của ta và các nhà văn, nhà báo, sinh viên học sinh bị chúng nghi vấn. Mấy ngày Tết, nhân dân không được đốt pháo, ngay quân phải cấm trại 100% (4). Bọn chỉ điểm giả dạng trốn lính trà trộn vào các xóm lao động để bố trí vây bắt lính trốn và thanh niên trốn lính, đột xuất kiểm tra từng gia đình hoặc dùng tiền dụ dỗ các em nhỏ phát hiện người lạ mặt lẩn trú trong ấp.

Trong khoảng một tháng (kể từ 15-2, tức mùng 5 Tết), ngay quyền Sài Gòn tiến hành một loạt biện pháp «an ninh» ở Ngã tư Bảy Hiền hòng dập tắt mọi khả năng nổi dậy của nhân dân khu vực này. Chúng chia toàn khu vực làm 4 ô (53, 54, 55, 56). Mỗi ô có một tên hạ sĩ cảnh sát làm ô trưởng, hoạt động theo phương thức bí mật, với nhiệm vụ điều tra, phân loại, tìm hiểu quy luật đi lại, lăm lăm của từng gia đình, theo dõi các gia đình cách mạng để bố trí cho công an, mật vụ đánh phá. Đối tượng lùng sục chủ yếu là thanh niên: nắm danh sách thanh niên tham gia các tổ chức tiến bộ và quan hệ bè bạn của họ, theo dõi các gia đình có thanh niên trốn lính và lính trốn v.v... Đồng thời, địch ra sức củng cố lực lượng «nhân dân tự vệ», lập thêm các đội «nữ nhân dân tự vệ», các đội «tự vệ nông cốt» (5).

Giữa lúc nhân dân Tân Bình đang sôi sục căm thù quân giặc cướp nước và bán nước thì ngày 13-3-1975 ngay quyền Nguyễn Văn Thiệu lại ban hành lệnh «tổng động viên», chẳng khác nào lửa đổ thêm dầu. Một tờ truyền đơn của Cách mạng đã kịp thời vạch trần tội ác của địch: «Biện pháp đồn quân

bắt lính ngày 13-3-1975 là một biện pháp kim kẹp khủng bố tập thể thanh niên sinh viên học sinh, xô đẩy hàng triệu người vào con đường chết chóc, hoàn toàn đi ngược lại nguyện vọng hòa bình của nhân dân miền Nam» (6).

Trong những ngày cuối tháng 3, đầu tháng 4-1975, trên toàn miền Nam chiến sự ngày một sôi nổi, khẩn trương. Nhân dân Tân Bình vui mừng phấn khởi truyền cho nhau tin chiến thắng, khắp khối chờ mong Cách mạng nhanh chóng tấn công giải phóng Sài Gòn, hễ gặp nhau là bàn tán xôn xao về thời cuộc: «Thắng Thiệu là độc tài, quân phiệt, nó muốn chiến tranh chứ không muốn hòa bình. Do nó phá hoại hiệp định nên bà con mình bị khổ: phải có quyền tự do dân chủ, phải thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc mới hết chiến tranh» (7).

Lệnh «tổng động viên» của ngay quyền Sài Gòn vừa ban bố đã bị sự phản kháng kịch liệt của nhiều tầng lớp, nhất là thanh niên và học sinh các lớp 10, 11, 12. Nhiều giáo sư công khai lên án lệnh này, vạch rõ đó là con đường đưa thanh niên đến chỗ chết thay cho lính Mỹ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa (8). Các «túi» trốn lính và lính trốn trong các ấp, xóm thuộc quận Tân Bình ngày càng đông đặc. Lực lượng thanh niên này đã cùng bà con tại chỗ vận động lôi kéo tề ngụy, phòng vệ dân sự và cảnh sát chống lại bọn công an cảnh sát ác ôn, chống đồn quân bắt lính, hình thành một mặt trận đấu tranh chính trị sâu rộng ở cơ sở.

Hầu hết thanh niên 17 tuổi bị ngay quyền gọi ra lính đều lẩn trốn, nhiều học sinh tìm cách mua chứng chỉ để nhảy lớp. Các gia đình có chồng con trong quân đội Sài Gòn lo lắng cho số phận của những người thân. Một sự phân hóa rõ nét đã diễn ra trong các gia đình binh sĩ và ngay cả trong hàng ngũ binh sĩ theo chiều hướng có lợi cho phong trào đấu tranh nổi dậy của quần chúng. Tình hình này càng thúc đẩy nhân dân quận Tân Bình hăm hở tham gia các đoàn thể công khai hoặc bán công khai, mong được trực tiếp góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Cảnh binh vận G4 tại khu vực Ngã tư Bảy Hiền là một trong những lực lượng đã góp phần xứng đáng vào phong trào nổi dậy của nhân dân Tân Bình và toàn thành phố nói chung, quyết định ngày tận số của ngay quyền Sài Gòn.

II - CÁN BỘ BINH VẬN G4 TRƯỚC VÀ TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Nhiệm vụ của Đội vũ trang tuyên truyền mang ký hiệu G4 được xác định như sau:

— Thành lập một tổ chức bán công khai trực thuộc đội G4 tại khu Bảy Hiền, lấy thanh niên làm nòng cốt, thông qua tổ chức này mà tuyên truyền giác ngộ thanh niên về ý thức dân tộc.

— Tiến hành công tác binh vận: tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ binh lính, tề, vệ trong ngũ quân ngũ quyền Sài Gòn. Vận động, tổ chức thanh niên trốn lính, kêu gọi lính trốn bằng các biện pháp giáo dục trực tiếp hoặc thông qua gia đình, thân nhân của họ. Tổ chức cơ sở cách mạng trong lòng địch và đưa người vào làm nội tuyến.

— Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cách mạng dưới mọi hình thức công khai, bán công khai, bí mật cho mọi đối tượng quần chúng nhằm phát triển các lực lượng bí mật của cách mạng.

Về mặt tổ chức, do đặc điểm của một lực lượng hoạt động trong nội thành, đội binh vận G4 do một đội trưởng và một ban chấp hành điều hành công việc chung. Đội chia làm 3 tổ, mỗi tổ có từ 3 đến 4 đồng chí, hoạt động biệt lập theo từng tổ. Toàn đội chịu sự chỉ đạo trực tiếp của «Cụm công tác binh vận phía trước».

Bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, Thành ủy ra Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ mới của các cánh binh vận: «Phải chuyển mũi binh vận thành mũi tấn công trong phong trào đấu tranh hàng ngày của quần chúng và từng bước xây dựng Mặt trận công nông binh liên hiệp, đi đôi với việc xây dựng binh vận đối tượng, binh vận vị trí». Chấp hành Nghị quyết, cánh binh vận G4 của quận Tân Bình đã nhanh chóng chuyển thành một mũi tấn công sắc bén, phối hợp với các tổ chức và đoàn thể quần chúng khác trong toàn quận, hoàn thành nhiệm vụ trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Có thể tìm hiểu cụ thể hơn những thành tích của cánh binh vận G4 qua hai mặt hoạt động bí mật và bán công khai sau đây:

1. Hoạt động bí mật:

Sau Hiệp định Pa-ri, địch tăng cường lùng bắt các đối tượng bị chúng nghi vấn. Một số đồng chí của G4 phải chuyển vào căn cứ để bảo toàn lực lượng và học tập tinh hình nhiệm vụ mới. Cũng từ căn cứ trên bờ sông Vàm Cỏ (Long An) các đồng chí chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Đội. Phương thức hoạt động bí mật được quy định như sau:

— Khi giao nhiệm vụ hoặc trao công tác, có thể họp tổ hoặc gặp riêng từng người. Địa điểm tiếp xúc rất linh hoạt (trong nhà, ở công viên, trên đường phố). Cũng có thể trao đổi bằng miệng hoặc bằng thư.

— Lần gặp trước trao đổi ký tin, ám hiệu, thời gian, địa điểm của lần gặp sau. Trường hợp đột xuất thì thông qua hộp thư mật.

— Việc liên lạc với căn cứ phải thông qua gia đình một cơ sở ở xã An Ninh, huyện Đức Hòa (Long An). Đây cũng là địa điểm tiếp nhận các cơ sở từ nội thành ra căn cứ và chuyển giao các chỉ thị, báo cáo, truyền đơn. Việc liên lạc với đầu mối do một tổ nữ đảm nhiệm⁽⁹⁾.

Thời gian trước và sau Tết Ất Mão (1975) đội G4 xúc tiến nhiều hoạt động tuyên truyền như in và rải hàng ngàn truyền đơn trên địa bàn quận Tân Bình, đặc biệt lần rải thư chúc Tết của Chính phủ cách mạng lâm thời (in sẵn từ căn cứ) đã gây được dư luận lớn trong quần chúng. G4 còn bỏ thư cảnh cáo những tên tay sai ác ôn hung hăng nhất, chuyển hàng trăm lượt thư từ, vũ khí từ căn cứ vào nội thành được an toàn, vận động gần 500 lượt thanh niên tham gia các đợt biểu tình chống Mỹ-Thiệu, vận động và tổ chức thanh niên trốn lính, giáo dục họ trở thành nòng cốt, chuẩn bị cho cuộc nổi dậy giành chính quyền.

Tối 30 Tết đội G4 gửi truyền đơn in «Lời kêu gọi của Mặt trận» cho 250 gia đình binh sĩ, gửi thư và truyền đơn đến tận nhà 25 cảnh sát (đã chiến và sắc phục) để giáo dục và tranh thủ. Đêm giao thừa, hàng trăm gia đình binh sĩ được nghe Lời chúc Tết của Bác Tôn và Chính phủ cách mạng lâm thời qua chương trình phát thanh của G4 đặt tại một cơ sở của đội. Tại một địa điểm khác (căn cứ 80), hai quần chúng cảm tình của G4 đã tập hợp được 50 binh sĩ nghe đọc báo công khai có hình ảnh đồng bào biểu tình bị cảnh sát đàn áp. Qua đó, G4 phát hiện được 10 binh sĩ tốt và có kế hoạch tiếp tục giác ngộ họ. Lại có khoảng 100 binh sĩ bất chấp lệnh cấm trại, «xé rào» về nhà ăn Tết 3 ngày.

Một đợt đấu tranh đột xuất do đội G4 trực tiếp chỉ đạo đã diễn ra ngay sau dịp Tết. Đội huy động lực lượng của Tổ 4, Nhóm 4 tham gia xuống đường cùng với các ni sư, dân biểu, ký giả, linh mục. Nhóm 4 còn vận động được khoảng 30 thanh niên nam nữ và một số quần chúng lớn tuổi cùng tham dự.

Đúng 9 giờ sáng ngày 20-2-1975 (tức ngày 19 tháng Giêng Âm lịch) lực lượng xuống đường đã có mặt tại 3 địa điểm quy định: rạp hát Đại Nam, chợ Cầu Muối và Ga xe lửa Sài Gòn. Đoàn biểu tình được chia thành từng toán 5 người để bám sát, hỗ trợ nhau khi đấu tranh, trong đó có 3 toán xung kích (gồm 15 người) sẵn sàng đánh trả bọn ác ôn. Các đồng chí của đội G4 bí mật chuyển mìn cây đến các vị trí, dùng làm vũ khí chống đàn áp. Nhiều biểu ngữ, áp-phích được chuẩn bị chu đáo. Có biểu ngữ dài 4m mang dòng chữ: « Phải thành lập chính quyền thi hành Hiệp định Pa-ri ở Sài Gòn để binh sĩ và chiến sĩ khỏi ra trận ». Hàng chục áp-phích (cỡ 40cm×100cm) dành cho các khẩu hiệu binh vận:

« Phải chấm dứt đồn quân bất lính »

« Bãi bỏ quân sự hóa học đường »

« Không tham nhũng để gia đình binh sĩ và cảnh sát khỏi đói khổ »

« Đồng bào đòi hỏi quyền lợi cho binh sĩ và cảnh sát; binh sĩ cảnh sát hãy ủng hộ biểu tình để giành tự do và cuộc sống... »

Tại địa điểm Chợ Cầu Muối, vào giờ quy định, có ngót 50 người tham gia xuống đường, trong đó có 2 linh mục, 4 dân biểu và một số phóng viên, nhà báo. Những biểu ngữ màu vàng từ trong giỏ xách của các ni sư⁽¹⁰⁾ được căng ra. Lập tức bọn công an nguy quyền xông vào đánh người, giật biểu ngữ. Đoàn người căm phẫn hô lớn:

« Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu độc tài, phát xít »

« Chính quyền Thiệu đánh đập ni sư đàn bà... »

Nhân lúc hỗn loạn, nhiều truyền đơn bướm bướm lại được tung ra, đồng bào đứng hai bên đường tranh nhau lược truyền đơn bỏ túi. Cuộc giằng co giữa đoàn biểu tình và công an cảnh sát nguy kéo dài khoảng 20 phút⁽¹¹⁾.

2. Hoạt động bán công khai:

Từ cuối tháng 3-1973, Đội G4 đã thành lập một tổ chức bán công khai lấy tên là « Nhóm Văn nghệ - Vùng hồng ». Nhìn bề ngoài, đây chỉ là một tổ chức vui chơi của thanh niên, gặp gỡ nhau những ngày chủ nhật tại công viên, chùa chiền, nhà thờ... để trao đổi về cuộc sống, về học hành hoặc ca hát, giải trí. Dịch đấu có nghi ngờ cũng không thể trắng trợn cấm đoán.

Ngoài việc phổ biến những bài ca tiến bộ, nhóm văn nghệ « Vùng hồng » còn tổ chức được nhiều buổi hội thảo xung quanh các đề tài « Thanh niên trước thời cuộc », « Chống

văn hóa ngoại lai đồi trụy ». Những người tham gia sôi nổi bàn luận về sứ mạng của tuổi trẻ trong cuộc tranh đấu đòi quyền tự do dân chủ, chống áp bức bất công, chống tham nhũng, chống chế độ nô lệ ngoại bang, chống đi lính đánh thuê...

Được sự giúp đỡ của bà con cô bác, Nhóm ra được 3 nội san mang tên « Cùng tiến », « Vùng hồng » và « Nối bước ». Các bài viết khơi gợi nỗi đau thương của quê hương trong chiến tranh, ca ngợi truyền thống kiên cường của dân tộc. Ngoài ra, nhóm còn in được nhiều bản tin mang nội dung tiến bộ. Những hoạt động của nhóm góp phần tích cực vào việc giáo dục các tầng lớp thanh niên Tân Bình hướng về cách mạng và phân nào tạo được bức bình phong « hợp pháp » cho hoạt động của Cảnh binh vận G4.

Trong năm 1973, thời cuộc chuyển biến có lợi cho cách mạng. Đồng đảo thanh niên nam nữ quận Tân Bình phấn khởi tự nguyện tham gia các tổ chức đấu tranh dưới nhiều hình thức. Từ nhu cầu « vui chơi, trẻ khỏe » họ dần dần giác ngộ cách mạng, hiểu rõ hơn bạn và thù, chính nghĩa và phi nghĩa qua các hoạt động phong phú của nhóm « Vùng hồng ». Nhóm không chỉ thu hẹp phạm vi hoạt động trong quận Tân Bình mà có quan hệ mật thiết với các tổ chức, đoàn thể khác trong thành phố, như « Đoàn công tác xã hội học sinh », « Đoàn công tác xã hội xuyên Việt » (của sinh viên, học sinh), các nhóm văn nghệ « Đất sống », « Hoa Niên » (của học sinh), các nhóm « Áo tím », « Cổ tím » (trường Gia Long), « Cổ hồng » (trường Đức Trí), « Lên đường », « Áo xanh » (trường Cao Thắng), « Hồn thiêng », « Hát Giang » (của công nhân) v.v...

Bước sang năm 1974, bộ phận tại chỗ của Cảnh binh vận G4 sống hợp pháp ở Ngã tư Bảy Hiền tiếp tục thông qua nhóm văn nghệ « Vùng hồng » đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền ngay trong nội thành, nhằm đối tượng chủ yếu là binh sĩ nguy và gia đình binh sĩ⁽¹²⁾.

Việc thành lập Chi đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng mang tên Nguyễn Thái Bình (đầu năm 1974) đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đội binh vận G4⁽¹³⁾. Từ đây, lực lượng Đội nhanh chóng được tăng cường gồm một Chi hội Thanh niên giải phóng (15 hội viên, cũng là những thành viên của Đội vũ trang tuyên truyền binh vận G4) và hơn 30 quần chúng cảm tình. Nhiều cơ sở mới của G4 được xây dựng, cơ sở sở vốn là binh sĩ nguy được giác ngộ, lãnh nhiệm vụ « nội tuyến » trong hàng ngũ địch, có cơ sở là thanh niên trốn lính, có cơ sở là công nhân lớn tuổi v.v...

Vào những tháng cuối năm 1974, bọn ngụy quân, ngụy quyền trước nguy cơ sụp đổ càng điên cuồng lòng lộn, tìm cách cài người vào các tổ chức của ta để phát hiện cơ sở cách mạng, mặt khác dùng nhiều thủ đoạn theo dõi, cấm đoán hội họp, sinh hoạt. Một số tổ chức bán công khai bị giải tán, nhưng Đội G4 với nhóm «Vườn hồng» vẫn bảo toàn được lực lượng, xúc tiến mọi hoạt động đáp ứng tình hình mới.

Từ đầu năm 1975, tình hình chiến sự chuyển biến nhanh chóng càng thúc đẩy làn sóng đấu tranh của quần chúng dâng lên mạnh mẽ. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị liên tiếp nổ ra tại nhiều nơi thuộc Tân Bình. Tin chiến thắng đồn dập ở Buôn Mê Thuột, Kontum, Plâyku, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng làm cho chính quyền Sài Gòn hoang mang cực độ, tìm đường tháo chạy ra nước ngoài. Nhân dân Sài Gòn - Gia Định nóng lòng chờ đón Quân Giải phóng kéo về. Trong bối cảnh đó, các đồng chí của Đội binh vận G4 khẩn trương triển khai lực lượng để kịp thời phối hợp với các đơn vị chính quy đang tiến sát phòng tuyến vòng ngoài của thành phố, dồn địch về nội thành.

3. G4 trong những ngày nổi dậy tháng 4-1975 tại Ngã tư Bảy Hiền:

Ngày 3-4-1975, Đội G4 nhận được chỉ thị của Ban binh vận phải nhanh chóng tổ chức quần chúng và binh sĩ tham gia khởi nghĩa giành chính quyền. Thực hiện chỉ thị cấp trên, G4 thành lập ngay một trung đội vũ trang gồm 17 đồng chí với nhiệm vụ «nổi dậy cướp súng, diệt địch» và một tổ cứu thương gồm 4 đồng chí. Đội cũng kịp thời huy động các cơ sở may được 100 lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, in khoảng 3.000 truyền đơn các loại, quyền góp được 410 đồng (tiền ngụy) và chuẩn bị một số vật dụng cần thiết (giấy, thuốc, vải...). Ngoài ra, Đội còn có nhiệm vụ chuẩn bị nơi trú quân cho một trung đội vũ trang từ căn cứ vào nội thành khi cần thiết.

Ngày 26-4-1975, đồng chí Tám Lành về kiểm tra các mặt công tác chuẩn bị của G4, họp với các cán bộ chủ chốt (tại số nhà 163/43 Hồ Tấn Đức) để thống nhất phương án nổi dậy và phối hợp với các bộ phận khác trên địa bàn Tân Bình.

Ngày 27-4-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng khu Bảy Hiền ra lời kêu gọi:

«Hỡi toàn thể bà con trong khu vực Bảy Hiền,

Chúng ta đã sống quá ngột ngạt, bó buộc, thiếu đói, nghi kỵ nhau suốt một thời gian

dài dằng dặc. Tuy không trang trải được với nhau hết những nỗi ám ức trong lòng, nhưng chúng ta ai cũng muốn thay đổi kiếp sống đọa đày, ai cũng muốn cho mảnh đất miền Nam thân yêu này có độc lập và tự do, có hòa bình và hạnh phúc, có hòa giải và sum họp.

Thời cơ đã đến rồi, chúng ta hãy gấp rút đoàn kết nhau lại, cùng đứng lên giành quyền làm chủ, ai có súng dùng súng, ai có dao gây dùng dao gây, giành lấy chính quyền về tay nhân dân, đem ánh sáng tự do độc lập đến cho mọi người. Không một ai được chần chừ, vì chần chừ trong lúc này là có tội với lịch sử, với Tổ quốc...».

Lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân cách mạng càng thúc mỗi người dân Bảy Hiền vươn lên đóng góp xứng đáng phần mình trong giờ phút quyết định, tạo thêm những thuận lợi cho Đội binh vận G4 hoàn thành nổi những khâu chuẩn bị cuối cùng và thống nhất kế hoạch hợp đồng giữa các đồng chí trong nội thành và ngoài căn cứ⁽¹⁴⁾.

Sáng ngày 30-4-1975, được tin xe tăng của quân ta đã tiến đến Bà Quẹo, một cơ sở của G4 liền phát cờ Mặt trận chạy từ hẻm 168 ra đường Hồ Tấn Đức trong khi nhiều cơ sở của các đơn vị bạn đã kịp thời hợp đồng chiếm kho súng áp Chí Hòa 2. Bọn tề, ấp, phòng vệ dân sự hoảng sợ, tan rã. Một số lính dìm nấp ở bệnh viện «Vi Dân» (nay là bệnh viện Thống Nhất) vẫn còn ngoan cố chống cự. Các đội viên G4 phối hợp với các lực lượng nổi dậy tại chỗ, lực lượng của cánh thanh niên công nhân B9 đập tắt hỏa lực bọn lính dìm, phân phát truyền đơn cho đồng bào và binh sĩ, treo cờ ở ấp Chí Hòa 2, ở bệnh viện «Vi dân». Trung đội vũ trang của G4 tấn công trụ sở ấp Chí Hòa 2, Phú Trung 2, thu được 15 khẩu súng (gồm các bin và ga-răng).

9h30 ngày 30-4-1975, Đoàn 232 (thuộc Sư đoàn 9 Quân Giải phóng) tiến vào khu Bảy Hiền. Một giờ sau, bộ phận G4 từ căn cứ cùng cán bộ của Ban cũng về đến Bảy Hiền. Cánh binh vận G4 (gồm cả hai lực lượng của căn cứ và tại chỗ) cùng các đơn vị bạn lập tức tiếp quản toàn bộ khu vực, tổ chức một cuộc mít tinh chớp nhoáng ngay tại ngã ba đường Hồ Tấn Đức, ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, phát truyền đơn về chính sách 10 điểm của Mặt trận, kêu gọi anh em binh sĩ trình diện chính quyền cách mạng, nộp vũ khí...⁽¹⁵⁾.



Cuộc nổi dậy của nhân dân khu Bảy Hiền trong Chiến dịch Hồ Chí Minh do Cánh binh

vận G4 trực tiếp tham gia chỉ đạo được chuẩn bị chu đáo và thắng lợi nhanh gọn, hạn chế được nhiều tổn thất. Bảy Hiền cũng là một trong những khu vực được giải phóng sớm nhất trong toàn quận Tân Bình.

Phương thức hoạt động của G4 thật đa dạng và phong phú, thể hiện tính sáng tạo linh hoạt khi chấp hành và vận dụng các Nghị quyết của cấp trên, mà trực tiếp là các chủ trương và chỉ thị của Ban binh vận Trung ương cục miền Nam. Trong hoạt động bí mật, G4 đã dùng cảm đánh thẳng vào hậu phương của địch góp phần làm tan rã hàng ngũ binh lính địch. Những biện pháp vận động thanh niên trốn lính và mở rộng «túi» lính trốn của G4 đã có tác dụng phát triển lực lượng có lợi cho cách mạng và ngày càng có lập địch. Những hoạt động bán công khai của G4 (chủ yếu thông qua nhóm văn nghệ «Vùng hồng») thể hiện sự nhạy bén và thấu hiểu tâm lý quần chúng (nhất là thanh niên) trước những chuyển biến mới của tình thế cách mạng. Bằng nhiều biện pháp — cả chiều rộng lẫn chiều sâu —, G4 đã kiên trì thu hút lực lượng thanh niên Tân

Bình, đem đến cho họ một sức sống mới, một niềm tin vào thắng lợi của cách mạng và tương lai đất nước, mà trước hết là từng bước giúp họ xác định rõ thù và bạn. Kết quả là nhiều thanh niên tham gia sinh hoạt của nhóm «Vùng hồng» đã dần dần trở thành hạt nhân, nòng cốt trong các tổ chức đoàn thể cách mạng; một số không ít đã hỗ trợ cho hoạt động bí mật của Cảnh binh vận G4 trong những ngày Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975 trên địa bàn quận Tân Bình.

Cùng với các lực lượng khác như Đoàn Công tác xã hội Gia Định, Cảnh Thanh niên công nhân B9 v.v..., Cảnh binh vận G4 đã có đóng góp xuất sắc vào lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân quận Tân Bình trong thời điểm quyết định nhất: «Thời cơ lịch sử đã đến, đồng bào Tân Bình chúng ta quyết cùng đồng bào Sài Gòn — Gia Định góp phần xứng đáng vào sự nghiệp vẻ vang của dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của chúng ta» (Lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng quận Tân Bình ngày 27-4-1975).

Chú thích

(*) Nhóm nghiên cứu gồm các đồng chí Nguyễn Phan Quang, Đỗ Bích Liên, Kiều Bình Chung, Nguyễn Thu Hương.

(1) Thời chống Pháp, Bảy Hiền còn là vùng mênh mông cao su bạt ngàn của các công ty tư bản. Từ năm 1946, đồng bào ở Quảng Nam — Đà Nẵng bắt đầu vào Sài Gòn ngày một nhiều để tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm tơ tằm truyền thống của quê hương và chọn Bảy Hiền làm nơi sinh tụ. Sau Hiệp định Genève (1954), do chính sách đàn áp đã man các vùng nông thôn của chính quyền Ngô Đình Diệm với luật 10/59 man rợ, nhiều đồng bào xứ Quảng tránh khổ cực chạy vào Sài Gòn, tập trung đông nhất ở khu Bảy Hiền để nương tựa và bảo vệ lẫn nhau. Tình hình này vẫn tiếp diễn trong các năm 1963, 1964, 1965 khi địch tiến hành chính sách «bình định» khốc liệt, thêm vào đó là trận lụt năm Giáp Thìn tàn phá nặng nề quê hương Quảng Nam — Đà Nẵng:

«Thuở rời xứ Quảng vô đây,
Đời dân mất nước vai gầy áo nâu,
Mùa xuân thuở ấy đi đâu
Đói nghèo cơ cực bạc đầu mẹ già...»

(Mùa xuân phương dật —
Thơ Phạm Kim Thi)

(2) Các tổ chức, đoàn thể này mang nhiều tên gọi đa dạng. Riêng lực lượng thanh niên

sinh viên, học sinh được thu hút vào các tổ chức như «Cảnh Thanh niên công nhân Thành Đoàn», «Đoàn Công tác xã hội Gia Định», «Đoàn Thanh niên Phật tử», «Đoàn học sinh Sài Gòn», «Nhóm văn nghệ Hướng dương», «Nhóm Văn nghệ Vùng hồng», «Nghịệp đoàn công nhân dệt khu Bảy Hiền»...

(3) G4 là ký hiệu của một cảnh binh vận trực thuộc Ban binh vận Trung ương cục miền Nam. Cơ sở binh vận được gây dựng đầu tiên tại khu Bảy Hiền từ năm 1956, do đồng chí Nguyễn Hữu Lãnh (tức Tám Lãnh) phụ trách. Năm 1961 đồng chí Tám Lãnh được điều về Ban binh vận, trực tiếp hoạt động tại Sài Gòn — Gia Định. Đầu năm 1972, đồng chí Tám Lãnh được phân công phụ trách một bộ phận phía trước (cùng với một số đồng chí khác). Từ đó tổ chức của cảnh binh vận được triển khai và hoàn chỉnh dần, và «lõm chính trị» Bảy Hiền (xã Tân Sơn Hòa) được chọn làm một trọng điểm hoạt động. Các đồng chí của cảnh binh vận tham gia thành lập và sinh hoạt trong một tổ chức bán công khai mang tên «Đoàn Công tác xã hội Gia Định» (ra đời từ 1972), nhưng sau đó lại tách ra để thành lập Đội tuyên truyền vũ trang, mang ký hiệu G4, vẫn do đồng chí Tám Lãnh trực tiếp chỉ đạo.

(Xem tiếp trang 63)

CU-BA VÀ MỸ LA TINH

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam

NGUYỄN NGỌC MÃO

KHI đánh giá những đóng góp to lớn của cách mạng Việt Nam cho cách mạng thế giới nói chung, và đặc biệt ý nghĩa của nó đối với quá trình phát triển cách mạng ở châu Mỹ latin và Cuba nói riêng, đồng chí Phi đen Castorô đã nhiều lần nhấn mạnh: « Không một nước nào trong thời gian gần đây đã đóng góp nhiều như Việt Nam, cho sự nghiệp độc lập và giải phóng của các dân tộc. Vì lẽ đó, có một lần tôi đã nói và tôi sẽ mãi mãi nhắc lại rằng, vì Việt Nam những người Cuba chúng tôi sẵn sàng hy sinh cả dòng máu của mình » ⁽¹⁾.

Thật vậy, ý nghĩa của cách mạng Việt Nam đối với quá trình phát triển cách mạng ở Tây Bán cầu, đặc biệt đối với Cuba quả là lớn. Để nhận thức sâu hơn ý nghĩa sâu xa của vấn đề, trước hết chúng ta hãy nhìn qua sứ mệnh của Cuba trước nanh vuốt của tên đế quốc « khổng lồ » và cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Như chúng ta đều biết, từ xưa đến nay, Cuba luôn luôn là đối tượng thôn tính của đế quốc Mỹ. Nơi đây chính là vị trí chiến lược ở Tây Bán cầu, là đầu mối các con đường giao thông giữa Bắc và Nam Mỹ giữa Trung Mỹ và châu Âu. Từ cuối thế kỷ trước khi các nước Mỹ latin khác đã giành được độc lập từ tay bọn thực dân Tây Ban nha thì Cuba đã bị Mỹ ngang nhiên đưa quân đội đến chiếm đóng và áp đặt ở đây một sự thống trị tàn bạo. Trải qua những chặng đường đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và gian khổ, đến tháng Giêng 1959, dưới sự lãnh đạo tài tình của Chủ tịch Phi đen Castorô, cách mạng Cuba thành công, kết thúc sự thống trị hơn nửa thế kỷ của đế quốc Mỹ. Mỹ không những mất một vị trí chiến lược quan trọng này mà chúng đã từng dùng để khống chế các nước Mỹ latin khác mà toàn bộ « sân sau » của chúng - lục địa Mỹ latin - cũng có nguy cơ bị mất. Bởi « Nhân dân các nước Mỹ latin sẽ noi gương Cuba giành lấy vũ khí trong tay những kẻ bóc lột mình,

tuyên bố mình là nhân dân tự do của châu Mỹ » ⁽²⁾. Hoảng sợ trước sự thắng lợi của cách mạng Cuba và phong trào giải phóng dân tộc ở châu Mỹ latin, đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn hòng bóp chết nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Tây Bán cầu. Tháng 1-1961, Mỹ cắt quan hệ ngoại giao với Cuba; tháng 4-1961, Mỹ dùng lính đánh thuê đổ bộ lên bãi biển Hiron; tháng 10-1962, Mỹ gây nên cuộc khủng hoảng nghiêm trọng ở vùng biển Caribê; năm 1961 Mỹ dùng áp lực ép các nước Mỹ latin cắt quan hệ ngoại giao với Cuba. Ngoài ra, chúng còn gây ra hàng nghìn vụ phá rối và dùng mọi thủ đoạn để mưu toan hãm hại các nhà lãnh đạo Cuba. Song song với ý đồ chiếm lại Cuba này, Mỹ đã ngày càng điên cuồng phát động cuộc chiến tranh đầy tội ác ở Việt Nam. Và chính nơi đây lại diễn ra một cuộc đụng đầu lịch sử. Như đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét: « Việt Nam trở thành nơi diễn ra cuộc đụng đầu lịch sử quyết liệt nhất giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược hiếu chiến nhất, ngoan cố nhất, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất với một bên là các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội mà ở vùng này nhân dân Việt Nam là đối xung kích... Đây cũng chính là nơi thử thách sức mạnh và uy tín của đế quốc Hoa kỳ. ⁽³⁾ Chiến trường Việt Nam sẽ là nơi thí điểm để sau đó đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược ở những nơi khác mà

1) Diễn văn của Chủ tịch Phi đen Castorô nhân dịp Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta do đồng chí Trường Chinh dẫn đầu thăm hữu nghị chính thức Cuba năm 1982. « Nhân dân » 20-10-1982.

2) Tuyên ngôn Lahavan II. « Sự thật » Hà Nội 1962 tr. 23.

3) Diễn văn của đồng chí Lê Duẩn trong buổi lễ mừng chiến thắng ngày 15-5-1975 tại Hà Nội. « Nhân dân » 16-5-1975.

Cuba đang là cái gai trước mắt của chúng. Vì vậy, thắng lợi của cách mạng Việt Nam sẽ có ý nghĩa khẳng định sự thắng lợi của cách mạng Cuba. Hay nói một cách khác, nếu đế quốc Mỹ khuất phục được nhân dân Việt Nam thì có ý nghĩa là sinh mệnh của cách mạng Cuba sẽ bị đe dọa. Vì ý nghĩa của vấn đề, đồng chí Phidén Castorô đã nhấn mạnh: «Chúng tôi nghĩ rằng nhân dân Việt Nam chiến đấu không những vì Việt Nam mà còn chiến đấu vì các dân tộc khác trên thế giới. Nhân dân Việt Nam đã đổ máu của mình vì nhân dân Cuba chúng tôi. Chúng tôi vô cùng cảm ơn những người Việt Nam đã khuất»⁽⁴⁾. Đây chính là ý nghĩa lớn nhất của cách mạng Việt Nam đối với cách mạng Cuba. Còn dưới đây chúng ta sẽ theo dõi tiếp cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam với quá trình phát triển cách mạng ở Cuba và Mỹ latin. Nước Cộng hòa Cuba non trẻ vừa ra đời đang đứng trước muôn vàn khó khăn thì cũng vừa đến lúc chiến lược đầu tiên của Mỹ áp dụng ở Việt Nam của tổng thống Aisenhau về «chiến tranh đơn phương» (1955-1960) bị thất bại. Đây là bước đầu tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cách mạng Cuba. Ngược lại, cách mạng Cuba thành công là một sự cổ vũ lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Càng thua, đế quốc Mỹ càng lòng lộn và lại càng chú ý lấy những thất bại. Quả nhiên «cuộc chiến tranh đặc biệt» (1961-1964) do đế quốc Mỹ tiến hành ở Việt Nam lại bị phá sản. Tuy vậy, chúng vẫn chưa từ bỏ ý đồ khuất phục nhân dân Việt Nam và vẫn thoàn tay khác đề với lấy Cuba. Như chúng ta đã đề cập trên đây, từ năm 1961 đến 1964 Mỹ đã gây biết bao tội ác đối với nhân dân Cuba. Đ nhanh chóng kết thúc «vấn đề Việt Nam», kể từ năm 1965 đế quốc Mỹ đã ở ạt đưa vũ khí, tiền của và quân đội vào chiến trường Việt Nam, đồng thời phát động chiến tranh ra toàn nước. Trước ý chí của một dân tộc chưa bao giờ biết chịu khuất phục trước bất kỳ một kẻ thù nào một lần nữa chiến lược «chiến tranh cục bộ» của Giôn-xon lại bị thất bại nhục nhã và đã được đánh dấu bằng cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt của quân và dân ta tết Mậu thân 1968. Có thể hói, cho đến thời điểm này, chưa bao giờ Mỹ lại bị chôn chân và sa lầy nghiêm trọng đến như vậy, chưa bao giờ Mỹ lại phát động một cuộc chiến tranh với quy mô lớn như vậy. Cũng chính vì thế mà những hành động quân sự của Mỹ chống Cuba giảm dần. Kể từ đây, nhân dân Cuba bước vào thời kỳ ổn định hơn. Và có thể nói, Mỹ không còn khả năng thực hiện những ý đồ phiêu lưu quân sự như kiểu «khủng hoảng

tháng Mười» như trước nữa. Nhìn lại chặng đường lịch sử mà cách mạng Cuba đã qua, đồng chí Phidén Castorô khẳng định: «Cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc anh em này đã làm cho hành động quân sự chống Cuba giảm dần và nhân dân ta đã có thể có một thời kỳ hòa bình tương đối»⁽⁶⁾.

Cuộc chiến tranh anh dũng và thắng lợi huy hoàng này của nhân dân Việt Nam còn là một sự cổ vũ to lớn đối với các dân tộc Mỹ la tinh khác trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của mình. Chỉ trong một thời gian ngắn từ 1968 đến 1972, các lực lượng dân chủ và tiến bộ đã dồn dập nổi dậy chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Mỹ mà trước đó chưa từng có. Ngày 3-8-1968 ở Peru đã thành lập Chính phủ quân sự - cách mạng do tướng Velascô Anvarát đứng đầu; Ngày 11-10-1968 ở Panama với sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, đội cận vệ quốc gia dưới sự chỉ huy của tướng Omax Tôri-hốt đã giành chính quyền trong tay. Tháng 10-1969 ở Bôlivi, các lực lượng vũ trang với sự ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng đã thiết lập chế độ quốc gia dân chủ. Tháng 2-1972 ở Êquado giới sĩ quan tiến bộ đã thành lập chính phủ cách mạng. Tháng 12-1972 ở Hôn-đurát, chính quyền cũng thuộc về tay giới sĩ quan cách mạng. Ngoài ra còn một sự kiện đáng chú ý là việc thành lập Chính phủ đoàn kết nhân dân Chilê năm 1970 do Tổng thống Agiendê lãnh đạo. Tuy chính phủ Agiendê chỉ tồn tại trong ba năm, song những cải cách cách mạng của nó đã làm thay đổi căn bản nền kinh tế phụ thuộc của Chilê. Như các nhà nghiên cứu Xôviết đã kết luận, từ năm 1950 đến 1973, trong lịch sử hiện đại của châu Mỹ la tinh đã xảy ra hai sự kiện cách mạng quan trọng: cách mạng Cuba và cách mạng ở Chilê cùng với những cuộc cách mạng ở Peru, Panama, Bôlivi, Êquado⁽⁷⁾.

Cách mạng Cuba và châu Mỹ latin càng vững chắc càng tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Sự nổi dậy quật cường

(4) Phidén Castorô «Những bài nói và viết chọn lọc» Nxb Sự thật Hà Nội - 1978 tr. 88.

(5) Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. «Sự thật» Hà nội, 1977. tr 20-21.

(6) Phidén Castorô «Cuba trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội» Sự Thật Hà nội - 1968. tr 44.

(7) Xem B. V. I. Kôban «Mỹ latin: Cách mạng và hiện đại». «Khoa học» Mátscova - 1981. tr. 54. tiếng Nga.

của quân và dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari 27-1-1973 và tạo nên cục diện mới trên trường quốc tế có lợi cho phe cách mạng. Riêng ở Tây bán cầu, Mỹ đã phải nhượng bộ trước sự phát triển của cách mạng Cuba. Năm 1974 có thêm 14 nước đặt quan hệ ngoại giao với Cuba đưa tổng số nước đặt quan hệ ngoại giao với Cuba lên 75 nước. Cũng trong năm 1974, bắt chấp sự can thiệp của Mỹ, Panama, Bahamát nối lại quan hệ ngoại giao với Cuba. Argentina giành cho Cuba một khoản tín dụng lớn trong vòng 6 năm để mua hàng hóa, nhà máy công nghiệp xe hơi. Peru và các nước trong khu vực Caribê phát triển quan hệ mọi mặt với Cuba. Tiếp đó là Hội nghị tổ chức các nước Châu Mỹ họp tại Kitô tháng 11-1974 gồm đại biểu các nước Êkvađo, Mêhicô, Xanvađo, và Torinhlatô Tô bagô. Tại đây đại biểu các nước này đã phát biểu ý kiến ủng hộ việc bãi bỏ bao vây Cuba. Cũng tại đây bộ trưởng ngoại giao Peru đã tuyên bố: «Việc bao vây Cuba như một chương bối rối nhất trong lịch sử liên Mỹ»⁽⁸⁾.

Trên lĩnh vực xây dựng, củng cố đất nước, Cuba cũng đã tiến những bước dài chưa từng có. Một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội là phát triển công nghiệp. Đến năm 1974 sản phẩm của nó đã chiếm 41% tổng sản phẩm quốc dân. Các sản phẩm công nghiệp khác từ năm 1958 đến 1975 tăng rõ rệt. Điện lực tăng gấp 2,5 lần, thép 10 lần, máy móc 3 lần, phân bón hơn 5 lần, máy kéo 6 lần. Ở một số ngành như khâu xếp mía hầu như đã cơ giới hóa 100% và số người chặt mía được giảm xuống 3 lần so với trước cách mạng⁽⁹⁾.

Càng vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Cuba càng nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa và tầm quan trọng của cách mạng Việt Nam, càng thấm thía hơn giá trị của chủ nghĩa quốc tế vô sản mà Cuba đã từng chứng kiến. Vì vậy, trong những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cuba đã giành cho nhân dân ta những tình cảm cao quý nhất, sự ủng hộ nhanh nhất, triệt để nhất và sâu rộng nhất. Tháng 7-1962, Cuba là nước đầu tiên thừa nhận Phái đoàn thường trú của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam và coi Phái đoàn thường trú của Mặt trận ở Lahavan như là một sứ quán ngoại giao. Ngày 1-7-1967 Chính phủ Cuba đặt cơ quan đại diện ngoại giao bên cạnh Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam. Đồng chí Raun Vandét Vivô là Đại sứ nước ngoài đầu tiên ở vùng giải phóng Miền Nam Việt Nam. Ngày 1-6-1969, Cuba là một trong những nước đầu tiên công nhận Chính phủ

Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Phiden Castorô là vị nguyên thủ đầu tiên đã dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cuba sang thăm miền Nam nước ta và vùng giải phóng Miền Nam Việt Nam kể từ sau khi Hiệp định Pari được ký kết. Về ý nghĩa của chuyến viếng thăm này đồng chí Lê Duẩn đã nói: «Đây là sự kiện chính trị có ý nghĩa rất sâu sắc. Lần đầu tiên một vị thủ tướng chính phủ tới thăm vùng đất đai rộng lớn của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam - Người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân Miền Nam Việt Nam để trực tiếp bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn của mình đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Miền Nam Việt Nam. Đây là sự cổ vũ hết sức to lớn đối với đồng bào và chiến sĩ của chúng tôi ở miền Nam Việt Nam, biểu thị tinh thần kết chiến đấu không gì lay chuyển nổi giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cuba»⁽¹⁰⁾. Chúng ta cảm động biết chừng nào khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước vào thời kỳ ác liệt nhất thì ở Cuba đã vang lên khẩu hiệu «Việt Nam Cuba sẵn sàng hiến cả máu» của mình của đồng chí Phiden Castorô kinh mến. Các bác sĩ và thủy thủ Cuba đã anh dũng «chia lửa» với đồng bào và chiến sĩ ta. Một trong những tấm gương lớn là nữ y tá Golésia Guêrô với cái tên Việt Nam là Nhài đã tận tụy cứu chữa cho hàng trăm thương binh Việt Nam trong những ngày giặc Mỹ ném bom ác liệt ở Hải Phòng và ở Nam Định. Chị đã cứu sống và lấy thân mình che chở cho em Lý 10 tuổi khi Mỹ ném bom bệnh viện Hải Phòng. Tại Hội nghị lần thứ ba chống chiến tranh diệt chủng của Mỹ ở Việt Nam tổ chức ở Nanchiagio (Cuba) ngày 19-5-1972, nữ đồng chí Menba Hecnadê-Chủ tịch Ủy ban Cuba đoàn kết với Việt Nam đã khởi xướng và tự hiến máu của mình và tiếp theo đó 300 vị đại biểu có mặt ở Hội nghị đã hiến tại chỗ để tặng nhân dân Việt Nam. Phong trào ủng hộ Việt Nam rất sâu rộng. Đầu đầu người ta cũng thấy những «công viên Hà nội», những «Sách Việt Nam», những «trường Hồ Chí Minh», những «Đội chặt mía Nguyễn Văn Trỗi», những «làng Ấp Bắc», làng «Bến Tre».

Chính những sự ủng hộ quý báu đó của nhân Cuba đã góp phần thúc đẩy nhanh chóng sự thắng lợi vẻ vang của cuộc tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt mùa Xuân 1975 của

(8) «Nhân dân» 12-11-1974.

(9) Xem «Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội» số 3-1976 tr. 121-123.

(10) «Nhân dân» 19-7-1973.

nhân dân Việt Nam. Thắng lợi lịch sử về vang này đã đánh bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu: phản ứng linh hoạt của đế quốc Mỹ tạo nên thể tấn công mới của cách mạng thế giới vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc. Đây cũng chính là thắng lợi to lớn của nhân dân Cuba. Sau 16 năm bị Mỹ bao vây và uy hiếp, lần đầu tiên Cuba tiến hành Đại hội Đảng lần thứ nhất vào giữa tháng 12-1975 đồng thời đề ra kế hoạch phát triển kinh tế, công bố Hiến pháp mới kiện toàn lại toàn bộ hệ thống bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, phân chia lại đơn vị hành chính và chấm dứt thời kỳ tạm thời của chính phủ.

Thắng lợi năm 1975 của nhân dân Việt Nam còn là sự cổ vũ to lớn đối với các dân tộc châu Mỹ latin đang đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tấm gương Việt Nam thực sự đã trở thành niềm tin tất thắng của các dân tộc bị áp bức Mỹ latin. Một bài học quan trọng hơn đối với hàng trăm triệu người ở đây là một dân tộc dù nhỏ bé nhưng có một ý chí sắt đá, một sự đoàn kết với một đường lối đúng đắn thì có thể tất thắng bất kỳ tên đế quốc nào. Như các nhà lãnh đạo Nhà nước Nicaragua và Panama đã khẳng định: «Cuộc đấu tranh anh hùng và thắng lợi vĩ đại của quân và dân Việt Nam là một nguồn cổ vũ to lớn, một tấm gương sáng ngời cho các dân tộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để tự giải phóng mình»⁽¹¹⁾. «Bài học mà nhân dân Việt Nam nêu trước thế giới có thể tóm tắt trong mấy chữ: «Có thể đánh thắng chủ nghĩa đế quốc và đế quốc không phải là vô địch»⁽¹²⁾.

Thật vậy, sau thắng lợi lịch sử năm 1975 của nhân dân Việt Nam phong trào giải phóng dân tộc ở châu Mỹ latin bước vào giai đoạn phát triển mới. Khi đánh giá quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Mỹ latin thời kỳ sau năm 1975, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Urugosy, một nhà lý luận xuất sắc đã nhận xét: «Dễ hiểu rõ tình hình ở Mỹ latin hiện nay còn phải xuất phát từ một điểm là lục địa đang trải qua cao trào cách mạng... Nhìn chung lục địa đã đứng vững trên con đường vĩ đại của sự giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội»⁽¹³⁾. Hay như các nhà nghiên cứu Xô viết nhận xét, đây là giai đoạn phát triển mới về chất của phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc Mỹ latin⁽¹⁴⁾. Giai đoạn phát triển mới về chất này chính đã được đánh dấu bằng sự thắng lợi của cách mạng Nicaragua tháng 7-1979. Tính chất của quá trình cách mạng ở Nicaragua là chống đế quốc, dân chủ và toàn dân. Cuộc cách mạng đã thể hiện được lợi ích của giai cấp công nhân, nông

dân, tiểu tư sản thành thị và trí thức yêu nước. Sau khi lật đổ chế độ độc tài Xô-mô-da. Chính phủ xây dựng lại đất nước Nicaragua đã thi hành những cuộc cải cách kinh tế - xã hội sâu sắc. Trước hết, chính phủ tịch thu toàn bộ tài sản của bè lũ tay sai bán nước, đồng thời quốc hữu hóa những xí nghiệp khác của tư bản Mỹ và tư bản nước ngoài. Trên cơ sở đó, chính phủ thiết lập một hệ thống kinh tế mới của đất nước gồm nhiều thành phần: quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể tư nhân... trong đó khu vực nhà nước và tập thể được chú trọng phát triển. Tính đến năm 1983, khu vực quốc doanh và tập thể đã chiếm 60%⁽¹⁵⁾ và nhà nước đã nắm được những mạch máu kinh tế cơ bản. Rõ ràng, đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ triệt để. Về đối ngoại, Nicaragua đã thi hành một chính sách mới tiến bộ nhằm đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cho đến nay, nước Cộng hòa Nicaragua đã có quan hệ ngoại giao với trên 50 nước trên thế giới có những chế độ chính trị khác nhau. Nước ta là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và là nước thứ ba trên chế giới công nhận Chính phủ lâm thời xây dựng lại đất nước Nicaragua. Chỉ sau hơn 2 tháng kể từ khi cách mạng thành công, ngày 3-9-1979, nước ta và Nicaragua đã ký kết hiệp định quan hệ ngoại giao.

Trên bước đường bảo vệ và củng cố những thành quả cách mạng của mình, nhân dân Nicaragua đã luôn luôn nhắc đến bài học Việt Nam, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam học hỏi kinh nghiệm đấu tranh của Việt Nam và coi đó là một động lực thúc đẩy nhanh chóng quá trình phát triển cách mạng của mình. Đồng chí Tô-mát Boóc-hô, Ủy viên Ban lãnh đạo chung toàn quốc Mặt trận Giải phóng dân tộc Xan-đi-nô đã nói: «Đối với chúng tôi, cuộc chiến tranh cách mạng của những người Việt Nam anh em là một bài học mà chúng tôi đã áp dụng theo những khả năng của mình và không nghi ngờ gì nữa cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã góp phần thực chất vào thắng lợi của nhân dân Nicaragua»⁽¹⁶⁾.

(11) «Nhân dân» 8-5-1981.

(12) «Nhân dân» 17-1-1979.

(13) P. A. Rismenlin «Chủ nghĩa Lênin, ngọn cờ của công cuộc cải tạo cách mạng thế giới» Matxcova. 1979. tr. 200 tiếng Nga.

(14) Tạp chí «Mỹ latin». Số 7-1982 tr. 8 tiếng Nga.

(15) Xem. «Nước Cộng hòa Cuba», «Sự thật» Hà Nội 1983. tr. 62.

(16) «Nhân dân» 15-9-1979.

Thời gian đang ngày càng làm rõ tầm vóc và ý nghĩa của thắng lợi lịch sử năm 1975 của nhân dân Việt Nam. Việt Nam ngày càng trở thành tấm gương sinh động cho hàng trăm triệu người châu Mỹ latinh trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình. Như đồng chí Umbécô Oóc-tê-ga, bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân

Xanđinô đã nói: « Là một bộ phận của nhân loại có lương tri, chúng tôi mãi mãi biết ơn sâu sắc chiến thắng của Việt Nam. Nếu không có chiến thắng đó thì cuộc đấu tranh của chúng tôi sẽ còn nhiều khó khăn »⁽¹⁷⁾.

(17) « Nhân dân » 16-3-1981.

CÁNH BINH VẠN G4

(Tiếp theo trang 58)

(4) Tuy có lệnh cấm gây tiếng nổ, đêm giao thừa súng vẫn nổ khắp Sài Gòn, Gia Định. Có nơi, ngay cả « phòng vệ dân sự » cũng bất chấp quân lệnh, vừa bắn súng vừa đối pháo kéo dài nửa tiếng đồng hồ.

(5) Bọn này được phát động phục, hàng ngày luyện tập quân sự, thực tập chiếm cao ốc, bắn tỉa hoặc tập các bài võ (tại trường Đông Hồ). Cũng trong dịp Tết Ất Mão (1975), tại hầu hết các xóm lao động ở ngoại ô như S1, S2, S3, S4, A1, A2, G1, G4, M1..., địch lập lại danh sách « phòng vệ dân sự » và chia đi canh gác ban đêm ở trụ sở và các đường hẻm.

(6) Truyền đơn được in trong thời điểm trên, do đồng chí Tám Lành cung cấp.

(7) Bà con thường xuyên mua báo hoặc đọc cho nhau nghe tin chiến thắng thông báo với nhau về các tổ chức công khai mới ra đời ở Sài Gòn. Trong ngày lễ « Vu lan » 1974, quần chúng Phật tử ở Ngã tư Bảy Hiền được sự đỡ đầu của một nhân sĩ tiến bộ đã làm lễ tại chùa Phổ Hiền và tổ chức hai đêm văn nghệ « Dân tộc », thu hút đông đảo khán giả. Đêm 24 rạng ngày 25-8-1974, cơ sở cách mạng treo cờ Mặt trận ở đầu Chợ nhỏ. Địch lo sợ, tung lực lượng lùng xét ráo riết hơn nhưng bà con vẫn không nao núng, công khai nói với nhau: « Không còn chịu nổi chế độ cai trị của Thiệu » (Trích « Sơ kết báo cáo của ban cán sự thanh niên từ 15-8 đến 20-9-1974 » - Bản viết tay, do đồng chí Tám Lành cung cấp).

(8) « Báo cáo tình hình, nhiệm vụ của G4 trong tháng 3-1975 » - Bản chép tay, đồng chí Tám Lành cung cấp.

(9) Bản đánh máy và Bản chép tay về

« Hoạt động của cơ sở binh vận tại Bảy Hiền (Phường 1), quận Tân Bình » - Đồng chí Trần Công Tâm (tức Lương) cung cấp.

(10) Các ni sư này thuộc nhóm « Huỳnh Liên ».

(11) Sau vụ đàn áp, địch bắt đi một số ni sư và 2 dân biểu.

(12) Đầu mối liên lạc của G4 trong thời gian này là một gia đình ở xã An Ninh, huyện Đức Hòa, Long An, cùng một số gia đình khác dùng làm trạm liên lạc giữa bộ phận trong căn cứ và bộ phận tại chỗ.

(13) Trước đó, nhiều đồng chí tại chỗ lần lượt được đưa ra căn cứ để bồi dưỡng chính trị và nhiệm vụ công tác.

(14) Ngày 28-4-1975, một đồng chí từ căn cứ về Bảy Hiền bàn kế hoạch hợp đồng.

(15) Đội G4 cùng các đơn vị bạn đã thu được 1 xe Jeep, 300 súng các loại cùng nhiều đạn dược, chất nổ, quần trang, quần dụng trong buổi sáng ngày 30-4-1975, lại tiếp tục in và phát « Lời kêu gọi của Mặt trận », « Chính sách 10 điểm »... (khoảng 10 000 bản) trong toàn xã Tân Sơn Hòa.

G4 cũng đã phối hợp với các lực lượng cách mạng tại chỗ giữ gìn an ninh trật tự, tổ chức việc đăng ký trình diện cho sĩ quan, binh lính ngụy quyền Sài Gòn. Ngày 12-5-1975, chấp hành chỉ thị cấp trên, G4 giao toàn bộ chiến lợi phẩm và bàn giao một số anh em tại chỗ cho Chính quyền cách mạng Tân Bình, chuyển sang nhận nhiệm vụ giáo dục tân binh ngụy, tiếp tục chức năng của mình trong tình hình mới.

CHÂU PHI VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC CỦA VIỆT NAM

VÕ KIM CƯƠNG

MỘT trong những đặc điểm nổi bật của thời đại ngày nay là sự phát triển như vũ bão của cách mạng giải phóng dân tộc. Cùng với sự lớn mạnh không ngừng của hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ la tinh trở thành một trong ba dòng thác của cao trào cách mạng vĩ đại « tạo ra một thế tiến công toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc »⁽¹⁾.

Là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam luôn đứng ở

vị trí tiên phong, có tác dụng « là một nhân tố hùng mạnh, thúc đẩy cuộc đấu tranh chung... chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới và bọn phản động »⁽²⁾. Chính vì thế mà cách mạng Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ quý báu, toàn diện và triệt để của nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân châu Phi. Và cũng chính vì thế mà nhân dân châu Phi coi cuộc đấu tranh ủng hộ Việt Nam là trách nhiệm, là lương tâm của họ và đấu tranh vì Việt Nam chính là để bảo vệ nền độc lập của họ.

I

Cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi ủng hộ Việt nam được đẩy lên từ khi Hiệp nghị Giơnevơ vừa ký kết và diễn ra ở nhiều nơi, nhiều lúc, bao gồm nhiều tầng lớp xã hội, nhiều tổ chức, đảng phái. Nếu như trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã nhận được sự ủng hộ quý báu chủ yếu của nhân dân các nước thuộc địa Pháp thì trong giai đoạn đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, phần lớn các nước châu Phi độc lập đã sát cánh cùng Việt Nam, đoàn kết với Việt nam. Dư luận xã hội châu Phi theo dõi tình hình Việt nam ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta, lên án cuộc chiến tranh ăn cướp của Mỹ không những dâng cao ở các nước có khuynh hướng phát triển phi tư bản chủ nghĩa mà còn xuất hiện ngay trong lòng những nước có chiều hướng thân phương Tây. Hơn nữa phong trào này được duy trì liên tục suốt trong những năm tháng đất nước ta đánh Mỹ và đạt đến một bước phát triển cả về phạm vi, số lượng lẫn chất lượng. Cuộc đấu tranh vì Việt Nam đặc biệt sôi nổi từ khi đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam, ném bom bắn phá miền Bắc. Lên án hành động

xâm lược trắng trợn của đế quốc Mỹ, một lần sóng biển tình ủng hộ Việt nam đã nổ ra ở Angiêri, Danliba và nhiều nơi khác ngay trong tháng 8-1964. Các chính phủ tiến bộ châu Phi thường xuyên khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn đối với cuộc kháng chiến của chúng ta, phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Tại Hội nghị các nước không liên kết họp ở Cairo vào đầu tháng 10 năm này, nhiều vị nguyên thủ quốc gia và đại diện các nước Phi châu đã nghiêm khắc lên án việc Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, giết hại nhân dân miền Nam nước ta. Và cùng với tiến trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, phong trào đấu tranh đó

(1) Lê Duẩn: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, Nxb. « Sự thật », 1976, tập I, tr. 663 - 664.

(2) Điện của sinh viên các trường đại học ở thủ đô Xômalil gửi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tháng 5-1975. (trong: « Thế giới ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta », H., Nxb. « Sự thật » 1977, tr. 233.

ngày càng phát triển mạnh mẽ. Cuộc tổng tiến công vào dịp Tết Mậu thân đã gây nên một bầu không khí phấn khởi ở nhiều nước châu Phi. Các nhà lãnh đạo của Angiêri, Ai Cập, Congo (Bradavin), Tandania, Mali, Ghinê, Môritani, Xênegan, Burundi... trong khi tiếp đại diện hai miền nước ta đã nhiệt liệt chúc mừng thắng lợi của Việt nam, bày tỏ lòng khâm phục đối với cuộc chiến đấu của chúng ta. Nhiều vị tỏ ý mong muốn cuộc đàm phán ở Pari trước hết phải bàn đến việc chấm dứt ném bom và các hành động chiến tranh khác chống nước Việt nam dân chủ cộng hòa và nhấn mạnh rằng « phải giải quyết vấn đề Việt Nam trên cơ sở lập trường 4 điểm của nước Việt nam dân chủ cộng hòa và cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam »⁽¹⁾.

Tình đoàn kết gắn bó với Việt Nam đặc biệt biểu hiện rõ nét trong dịp lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những ngày đau thương này, nhiều nước châu Phi quyết định đề tang Hồ Chủ tịch và treo cờ rủ trong cả nước. Nhân dân Angiêri đề tang trong 3 ngày. Mồng 4 tháng 9-1969 Chủ tịch Bumedien đã chủ trì buổi lễ lấy tên Hồ Chí Minh đặt cho một đường phố chính ở thủ đô Angiê. Tại Bradavin, Cônacri và nhiều nơi khác đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh tưởng niệm vị anh hùng của dân tộc Việt Nam. Đa số các vị đứng đầu nhà nước, các chính Đảng, tổ chức, Mặt trận giải phóng... của châu Phi đã gửi điện chia buồn với nhân dân ta.

Trong thời gian Hội nghị bốn bên về Việt Nam ở Pari, nhân dân châu Phi hàng ngày hàng giờ quan tâm theo dõi cuộc đàm phán. Trước sự lật lọng của đế quốc Mỹ, ngày 26-10-1972 Chính phủ ta ra tuyên bố về việc ký bản hiệp định đã được thỏa thuận giữa ta và Mỹ. Một ngày sau (27-10) Chính phủ Angiêri tuyên bố ủng hộ hoàn toàn bản tuyên bố của Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, các chính phủ Ghinê, Tandania, Môritani, Congo, Ai Cập, Xênegan, Xudăng... và nhiều tổ chức, đảng phái ra tuyên bố kiên quyết ủng hộ lập trường của Chính phủ ta, đòi Mỹ giữ đúng cam kết và nhanh chóng ký ngay bản Hiệp định đã thỏa thuận ở Pari, lên án tội ác ném bom hủy diệt của Mỹ. Ở nhiều nơi những « Tuần đoàn kết với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu » cuộc khai mạc trọng thể với nội dung phong phú như nói chuyện, chiếu phim về Việt Nam, ra tuyên bố ủng hộ ta, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ. Khi Hiệp định Pari được ký kết thì nhân dân châu Phi phấn khởi chào đón thắng lợi của chúng ta. Hội nghị Hội đồng bộ trưởng Tổ chức thống nhất châu Phi lần thứ 20 đã ra

ng nghị quyết hoan nghênh việc ký kết Hiệp định Pari. Bản nghị quyết nhấn mạnh rằng đây là một sự kiện có tầm quan trọng bậc nhất đối với toàn thể nhân loại, cổ vũ mạnh mẽ tất cả những người chiến sĩ đấu tranh cho tự do, đặc biệt là những người đang chiến đấu để giải phóng hoàn toàn châu Phi. Chia vui với Việt Nam, nhân dân châu Phi vẫn không quên khẳng định sự cần thiết tiếp tục ủng hộ Việt Nam tích cực hơn nữa, ủng hộ một cách « vô tư và không điều kiện » để Hiệp định Pari được thi hành nghiêm chỉnh⁽²⁾.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã làm chấn động dư luận xã hội châu Phi. Cả Phi châu chăm chú theo dõi từng bước tiến của quân ta, hân hoan đón chào mỗi thành phố, mỗi địa phương được giải phóng. Trên khắp mọi nẻo đường của lục địa đen, ở đâu người ta cũng nói đến Việt nam. Mò tả bầu không khí ở châu Phi trong những ngày này tuần báo « Châu Phi trẻ » viết: Các nhà quan sát và ngoại giao đều nhất trí rằng, trên toàn châu Phi, chưa bao giờ có sự kiện quốc tế nào đã được chú ý theo dõi kỹ, thậm chí say sưa, bằng sự hấp hối của chế độ Sài Gòn »⁽³⁾.

Và khi là cơ của Mặt trận giải phóng tung bay trên dinh Tổng thống nguy quyền thì một bầu không khí tung bừng như ngày hội đã tràn khắp châu Phi từ thành thị đến làng quê, từ sa mạc tới hải đảo. Hàng loạt điện, thư của bè bạn châu Phi đã kịp thời gửi tới Việt Nam chia sẻ niềm vui với nhân dân ta. Một làn sóng mít tinh, diễu hành chào mừng chiến thắng của dân tộc Việt Nam anh hùng đã diễn ra tại Angiê, Bamacô, Bradavin, Đắcét Xalan và nhiều nơi khác với sự tham gia của đại diện các chính đảng, tổ chức và đông đảo các tầng lớp nhân dân. Ở Angiêri còn xuất hiện « Tuần phim Việt nam », các cuộc triển lãm ảnh về Hồ Chủ tịch và đặc biệt nhất là nhân dân thủ đô Angiê được xem rộng rãi vở kịch « Người đi dép cao su » của nhà soạn kịch Catép Yasin. Trong các cuộc mít tinh của

(1) Nhân dân, ngày 15-8-1968.

(2) Tổ chức thống nhất châu Phi. Tuyên tập văn kiện. M. 1976, T. 3, tr. 195-196. (tiếng Nga).

(3) Tuyên bố của Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa Angiêri dân chủ và nhân dân ngày 25-1-1973. Dẫn theo: « Thế giới ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta ». H, Nxb « Sự thật », 1973, tr. 151.

(4) « Châu Phi trẻ », 16-5-1975, (theo « Thế giới ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta ». Nxb Sự thật, H., 1977, tr. 235-236.

quân chúng, nhiều vị lãnh đạo các nước châu Phi đã phát biểu những lời cảm động ca ngợi chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam, coi đó là thắng lợi của các dân tộc châu Phi.

Một trong những hình thức biểu hiện của tình đoàn kết chiến đấu giữa Việt Nam và châu Phi là việc công nhận và kiến lập quan hệ ngoại giao. Chính sách đối ngoại của chúng ta là luôn mong muốn thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường với tất cả các nước khác trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Nhiều nước châu Phi ngay sau khi giành được độc lập đã nhanh chóng quyết định trao đổi quan hệ ngoại giao với nước ta. Cho đến khi Mỹ trắng trợn ném bom miền Bắc, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 7 nước châu Phi. Trong những năm gần đây nước ta đánh Mỹ (1964 - 1972) có tới 9 nước châu Phi khác kiến lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ cộng hòa và 2 nước nâng quan hệ ngoại giao lên hàng đại sứ. Đặc biệt năm 1972 là năm đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực này. Chỉ riêng trong năm đó, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao ở hàng đại sứ với Ghi-nê Xích đạo, Camerun, Mángát, Tuynidi và Dăm-bia. Từ sau Hiệp định Pari, quan hệ giữa nước ta và châu Phi lại càng phát triển một cách thuận lợi. Nhiều cơ quan đại diện thường trực của châu Phi được thiết lập tại Hà Nội, và chỉ trong 3 năm (1973-1975) có tới 14 nước châu Phi kiến lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, trong số đó có những nước vừa giành lại được độc lập dân tộc. Hiện nay có 38 nước châu Phi có quan hệ ngoại giao với nước ta.

Việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được dư luận rộng rãi các nước châu Phi nhiệt liệt chào mừng và ủng hộ. Nhiều nước nhanh chóng công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam như Angiêri, Công gô, Môritani, Xuđăng... Cho đến lúc Hội nghị Pari bế mạc, Chính phủ cách mạng lâm thời đã kiến lập quan hệ ngoại giao với 8 chính phủ tiến bộ châu Phi.

Cuộc chiến đấu kiên cường bất khuất của nhân dân ta là cơ sở của sự xích lại gần nhau và hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và châu Phi. Chính vì thế mà ngày càng có nhiều nước quyết định công nhận chính phủ cách mạng lâm thời. Trong giai đoạn 1973 - 1975 có thêm 12 nước châu Phi trao đổi quan hệ ngoại giao với Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Cùng với việc trao đổi quan hệ ngoại giao, những chuyến viếng thăm Việt Nam của các đoàn đại biểu châu Phi xuất hiện ngày một

nhiều hơn. Các bạn châu Phi đến Việt Nam với mục đích học tập, trao đổi kinh nghiệm đấu tranh cách mạng để củng cố tình đoàn kết anh em, đồng thời cũng còn nhằm đẩy mạnh cuộc đấu tranh ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta.

Vào những ngày đầu cả nước ta có chiến tranh, nhân dân ta có vinh dự đón tiếp các đoàn đại biểu của Angiêri, Dandiba, Mali, Cộng hòa Ghinê, Ghinê (thuộc Bồ), Nigiê, Xô-mali, Tây Nam Phi... đến Hà Nội dự "Hội nghị Quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược bảo vệ hòa bình". Những người bạn châu Phi trong dịp này đã bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu gần bó của nhân dân châu Phi với nhân dân ta, khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn đối với Việt Nam. Hàng chục đoàn đại biểu của châu Phi cũng đã đến Việt Nam để viếng biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Việc ký kết Hiệp định Pa ri đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho phép các bạn châu Phi dễ dàng thực hiện các chuyến viếng thăm đất nước anh hùng của chúng ta. Tháng 8-1973 Tổng thống nước Cộng hòa nhân dân Công gô sang thăm VN. Tháng 3-1974, Chủ tịch Hội đồng Cách mạng, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Angiêri Horia Bumediêng thăm chính thức nước ta. Nhân dân ta nồng nhiệt chào đón các vị khách quý. Tháng 8 năm này chúng ta lại được tiếp đón phó Tổng thống Ghinê Xích đạo Edêghê Notutumu.

Còn phải kể đến sự ủng hộ vật chất của nhân dân châu Phi. Ngay từ những ngày đầu cầm súng, nhân dân ta đã nhận được 1000 bảng Anh của nhân dân Ghinê⁽¹⁾. Chúng ta vô cùng biết ơn sự ủng hộ của Tổng thống Môritani Mốc-ta Un Đada. Việt Nam luôn ghi nhớ việc Chính phủ Ghinê giúp 10 triệu phơ-răng Ghinê để xây dựng lại trường Trung cấp kỹ thuật ở Nam Định bị bom Mỹ tàn phá mà hiện nay trường đó được mang tên Xécu Turê. Chúng ta không bao giờ quên những phong trào quyên góp ủng hộ Việt Nam của nhân dân nhiều nước châu Phi trong những năm đánh Mỹ. Đặc biệt là qua hai cuộc kháng chiến nhân dân ta luôn luôn nhận được sự ủng hộ to lớn và quý báu về tinh thần lẫn vật chất của nhân dân Angiêri anh em. Phong trào vì Việt Nam ở đất nước này đã kết hợp một cách hài hòa giữa nhà nước, tổ chức, đoàn thể và quần chúng. Quyên góp ủng hộ Việt Nam là sự quan tâm thường xuyên của mỗi người dân và của nhiều vị lãnh đạo nhà nước Angiêri. Ngày 7-2-1968, chủ tịch H. Bumediêng trao tặng nhân dân miền Nam 100

(1) Nhân dân, ngày 16/5/1964.

ngìn-đôla⁽¹⁾. Ông Amét Caiít, phụ trách Đảng Mặt trận giải phóng dân tộc Angiêri cũng ủng hộ Việt Nam 300 nghìn dina (tiền Angiêri)⁽²⁾.

Sau khi ký kết Hiệp định Pari, để góp cùng Việt Nam hàn gắn vết thương chiến tranh, đầu tháng 2-1973 Chủ tịch H. Bumédiêng và Chính phủ Angiêri ủng hộ nhân dân ta một số tiền tượng trưng là 100 nghìn đô la⁽³⁾, bán cho Việt Nam 300 nghìn tấn dầu với điều kiện có lợi⁽⁴⁾. Và trong dịp đến thăm Angiêri của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chính phủ ta và Chính phủ Angiêri đã ký kết Hiệp định về hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật giữa hai nước. Một Hiệp định tương tự cũng được ký kết giữa Angiêri và Cộng hòa miền Nam Việt Nam sau ngày giải phóng Sài Gòn. Theo

Hiệp định này, Angiêri sẽ cung cấp một số lượng nhiên liệu cho Cộng hòa miền Nam nhằm góp phần giúp đỡ nhân dân miền Nam mau chóng ổn định đời sống, khôi phục và phát triển nền kinh tế của mình. Trong tháng 6-1975 Hội lười liềm đỏ của Angiêri còn gửi giúp một số hàng ủng hộ khẩn cấp cho nhân dân miền Nam.

Những con số đó, mặc dầu còn chưa lớn lắm song nó là bằng chứng hiển nhiên chứng minh cho tinh đoàn kết chiến đấu của nhân dân châu Phi, nói lên sự ủng hộ toàn diện của châu Phi đối với Việt Nam trong những ngày tháng chiến đấu gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của chúng ta.

II

Từ một dân tộc nô lệ, từ một đất nước bị xóa tên trên bản đồ thế giới, ngày nay Việt Nam trở thành niềm kiêu hãnh của bao dân tộc đang chiến đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nói về Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới Rômet Chandra phát biểu: "Trong các từ điển của các thứ tiếng có một từ có nghĩa như nhau, Từ đó có nghĩa là anh hùng, dũng cảm, nhất trí, thắng đế quốc, quốc tế, chủ nghĩa, đoàn kết, - từ đó ở tất cả các tiếng trên thế giới là: « Việt Nam! »"

Bạn có thể đi châu Phi và hỏi các chiến sĩ Namibia hay Đại hội dân tộc Phi (Nam Phi). Họ sẽ trả lời bạn là khi họ chiến đấu như họ vẫn thường làm thì họ mang trong tim chữ « VIỆT NAM » và họ gương cao ngạo có chèn dung Chủ tịch HỒ CHÍ MINH⁽⁵⁾... Việt Nam đã trở thành lương tri của thời đại, trở thành mục tiêu phấn đấu của nhiều dân tộc là vì Việt Nam trong vòng bao nhiêu năm trời đã kiên cường chiến đấu cho thế giới⁽⁶⁾ và thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã trở thành nhân tố thúc đẩy tiến trình cách mạng giải phóng trên thế giới.

Quả vậy, thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc như đánh giá của Chủ tịch Horia Bumédiêng, đã đưa lại « cho các dân tộc thuộc thế giới thứ ba những lý do chính đáng để tin tưởng vào chính mình và tin tưởng vào sức mạnh của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc được tiến hành một cách kiên quyết. Thắng lợi này là một lời kêu gọi và tấm gương cho tất cả các dân tộc còn đang đấu tranh chống ách thực dân và đế quốc »⁽⁷⁾.

« Việt Nam đã cổ vũ cuộc tiến công tiếp theo và kiên quyết của nhân dân các nước

Ánggôla, Môđambích, Ghinê Bítxao, Êthiôpia... và Đimbabue, Việt Nam đã truyền thêm sức mạnh mới cho tất cả những người yêu nước Namibia và Nam Phi... »⁽⁸⁾ đang chiến đấu cho hòa bình và độc lập dân tộc. Với Việt Nam và theo tấm gương Việt Nam, các chiến sĩ cách mạng châu Phi đang ngày đêm chiến đấu không mệt mỏi vì mục đích cao cả của mình. Từ Việt Nam, châu Phi đã nhận rõ rằng: « Cả sức mạnh thép lửa của các lực lượng quân sự đế quốc, cả những thủ đoạn đề tiện của chúng đều đã không thể chiến thắng nổi quyết tâm của một dân tộc kiên cường »⁽⁹⁾.

Nhờ bài học to lớn đó của cách mạng Việt Nam mà nhân dân châu Phi, nhất là nhân dân các nước đang sống kiếp nô lệ của chủ nghĩa thực dân vào giai đoạn này, đã kiên quyết đứng lên. Được thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta tiếp thêm sức mạnh, phong trào giải phóng Ánggôla, Môđambích, Đimbabue... đã bước sang giai đoạn mới. Cuộc đấu tranh cách mạng ở mỗi nước đã có sự lãnh đạo thống nhất của các

(1), (2). Nhân dân, ngày 15/2/1968.

(3) Nhân dân, ngày 7/2/1973.

(4) Theo: « Châu Á và Châu Phi ngày nay », 1976, N°5, tr. 49. (Tiếng Nga)

(5) « Việt nam và thế giới ». H., Nxb. « Sự thật », 1981, tr. 24.

(6) Như trên, tr. 32.

(7) « Thế giới ca ngợi... », H. 1977, tr. 203-204.

(8) Việt nam và thế giới, tr. 205.

(9) Bình luận của Thông tấn xã Angiêri, APS, ngày 22-11-1975.

tổ chức, mặt trận giải phóng. Mục tiêu đầu tranh cũng được đề ra rõ ràng là giải phóng Tổ quốc khỏi ách áp bức và thống trị thực dân đế quốc, giành độc lập dân tộc và xây dựng một xã hội mới không có người bóc lột người. Chính vì thế mà cuộc đấu tranh của nhân dân các nước này, đã đoàn kết được rộng rãi mọi lực lượng yêu nước của toàn dân tộc và được sự ủng hộ to lớn của các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Để giành độc lập dân tộc, một số nước đã lựa chọn con đường cầm vũ khí trực diện với kẻ thù. Với chân lý: « Không có gì quý hơn độc lập tự do » nhân dân châu Phi ngẩng cao đầu không sợ gian khổ, không tiếc máu xương, lao mình vào cuộc chiến đấu vì tổ quốc. Từ đầu năm 1961, cuộc khởi nghĩa vũ trang chống bọn thực dân da trắng Bồ đào nha đã bùng nổ ở Ănggôla. Dưới sự lãnh đạo của Phong trào Nhân dân giải phóng Ănggôla (MPLA), nhân dân Ănggôla đã chiến đấu anh dũng chống lại quân đội thực dân xâm lược và cả các thế lực phản động trong nước được bọn đế quốc và phản động quốc tế giúp đỡ. Cuộc đấu tranh kiên cường đó đã đưa đến việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Ănggôla vào tháng 11-1975. Còn ở miền đông châu Phi, trên một « tỉnh hải ngoại » khác của Bồ đào nha, Mặt trận Giải phóng Môđambích (FRELIMO), ngay sau khi vừa thành lập (1962), đã tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến tranh du kích lâu dài chống chế độ thực dân phát xít. Và chỉ hai năm sau, tiếng súng khai chiến của Quân Giải phóng đã đồng loạt vang rền trên đất nước này. Ngọn lửa đấu tranh cách mạng của nhân dân Môđambích ngày càng lan rộng, quân đội thực dân liên tục bị thất bại, vùng giải phóng không ngừng được phát triển và củng cố. Bọn da trắng chỉ còn ẩn nấp trong những thành phố lớn, song ở đó cũng không còn là mảnh đất dung thân cho bọn chúng. Thắng lợi của nhân dân Môđambích trong cuộc đấu tranh vũ trang đã góp phần đánh đổ chế độ phát xít ở Bồ đào nha vào tháng 4-1974. Sau một loạt cuộc đàm phán giữa FRELIMO và Bồ đào nha, ngày 25-6-1975 Môđambích tuyên bố độc lập, kết thúc 500 năm dưới ách thống trị của bọn thực dân.

Với bài học của cách mạng Việt Nam, nhân dân Etiôpia nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc cách mạng chống chế độ phong kiến. Tháng 9-1974 chính quyền độc tài của Hailê Xelátxiê I được chuyển sang tay Hội đồng Quân chính lâm thời và Chính phủ quân sự lâm thời. Cách mạng đưa đất nước Etiôpia bước sang một giai đoạn phát triển mới. Khi thế đấu tranh cách mạng của người Phi từ lâu đã sục sôi ở Đimbabue. Không chịu chấp nhận cái gọi là « nền độc lập » của bọn phân biệt

chủng tộc, nhân dân người Phi kiên quyết đấu tranh. Nhiều chiến sĩ cách mạng đã hy sinh, song họ không lùi bước. Kiên cường và dũng cảm đã đưa cuộc đấu tranh cách mạng ở đây đi đến thắng lợi. Tháng tư 1980 nước Cộng hòa Đimbabue long trọng tuyên bố độc lập. Trên các mảnh đất thuộc địa khác của Bồ đào nha, nhân dân người Phi đã và đang đứng lên đấu tranh. Cả châu Phi đang khoác lên mình màu áo mới - màu của độc lập và tự do.

Như vậy, đấu phải trải qua nhiều gian khổ hy sinh bằng những con đường đấu tranh khác nhau, nhân dân châu Phi đang đấu tranh giải phóng đã anh dũng vùng dậy và đã chiến thắng. Nhờ có kinh nghiệm chiến tranh cách mạng Việt Nam, cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi vững vàng tiến bước tới đích cuối cùng.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta không những chỉ ra cho cách mạng châu Phi bài học lịch sử quý báu đó, mà nó còn tác động trực tiếp đến tiến trình phát triển của phong trào giải phóng ở châu lục này. « Sự thất bại nhục nhã này của Mỹ ở Việt Nam, cùng với những chứng cứ gây xúc động về tội ác khủng khiếp mà chúng phạm phải chống lại những người đàn ông, phụ nữ và trẻ em Việt Nam, đã có tác dụng làm tê liệt chính sách xâm lược và can thiệp của Mỹ trên toàn thế giới »⁽¹⁾.

Việt Nam đã làm phá sản chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, buộc chúng không thể can thiệp vào công việc nội bộ của các nước châu Phi. Nhân dân châu Phi nhận thức được điều đó một cách sâu sắc. Trong điện mừng gửi các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta nhân dịp giải phóng hoàn toàn miền Nam, Chủ tịch Samôra Masen viết: « Bằng việc kiểm chế và tiêu diệt từng bước các lực lượng xâm lược của một nước đế quốc tàn ác nhất và hùng mạnh nhất, cuộc chiến đấu đó (cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân ta - T.g.) đã tạo ra cho các dân tộc khác những điều kiện bên ngoài thuận lợi hơn cho cuộc đấu tranh cách mạng của họ »⁽²⁾. Và « Chính do chiến thắng vĩ đại rung trời chuyển đất của Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ mà Mỹ đã không thể, mặc dầu rất muốn, can thiệp để ngăn cản quá trình giải phóng ở Ănggôla, Môđambích, Etiôpia, Đimbabue ở

1) Lời phát biểu của đại biểu Hội Liên hiệp học sinh đại học toàn châu Phi Antôni Acatô Ampô tại Hội nghị Quốc tế « Việt nam và thế giới ».

2) « Thế giới ca ngợi... ». H., 1977, tr. 221 - 222.

châu Phi...»⁽¹⁾. Chính vì vậy mà nhân dân châu Phi coi nền độc lập mà họ vừa giành được «là kết quả trực tiếp của những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh»⁽²⁾.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ và công cuộc xây dựng xã hội mới ở miền Bắc trong thời gian chiến tranh đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng châu Phi. Nếu như vào cuối những năm 50 đầu những năm 60 phong trào cách mạng châu Phi chỉ mới đặt mục tiêu giải phóng dân tộc, đánh đuổi thực dân, thì vào những năm sau đó, qua tấm gương Việt Nam, Phong trào Giải phóng đã nhận rõ tầm quan trọng của việc tiến hành song song hai nhiệm vụ cách mạng: «chống đế quốc và chống phong kiến, lật đổ ách áp bức bóc lột thực dân và xây dựng xã hội mới. Ví dụ, kinh nghiệm vừa chiến đấu vừa xây dựng của Việt Nam đã thể hiện rõ nét trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Môđambích. Trong những năm chiến đấu chống bọn thực dân xâm lược Bồ đào nha (1964 - 1975) dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Giải phóng (FRELIMO) công cuộc xây dựng một xã hội mới không có người bóc lột người đã được tiến hành khẩn trương ngay trên những vùng mà quân du kích vừa giải phóng. Bên cạnh việc thành lập chính quyền nhân dân và thủ tiêu mọi hình thức áp bức bóc lột, Mặt trận Giải phóng phân chia ngay ruộng đất cho nông dân, thực hiện dân chủ hóa xã hội, hình thành dần các tổ đội công trong sản xuất. Cho đến ngày độc lập, ở vùng giải phóng Môđambích đã xuất hiện nhiều hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp và các hợp tác xã ngư nghiệp. Mặt trận cũng quan tâm đến đời sống nhân dân. Một mạng lưới y tế và giáo dục được nhanh chóng xây dựng và phát triển. Đội ngũ các thầy thuốc và thầy giáo được đào tạo ngay trong chiến tranh để phục vụ kịp thời chiến đấu và xây dựng. Chính những thành tích bước đầu trong cuộc xây dựng cuộc sống mới ở vùng giải phóng đã góp phần động viên sức người sức của, giác ngộ và đoàn kết toàn dân tộc Môđambích trong cuộc đấu tranh, đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng và tạo ra cơ sở vững chắc để đưa Môđambích tiến theo con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa hôm nay.

Đối với nhân dân châu Phi, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta còn chỉ ra cho họ con đường nhất thiết phải đi tới sau khi giành lại được độc lập dân tộc. Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp của cách mạng giải phóng dân tộc, tấn công vào chủ nghĩa thực dân cũ, đã thức tỉnh các nước châu Phi đứng lên. Hàng loạt nước châu Phi đã giành được độc lập dân

tộc ở nhiều mức độ khác nhau vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60. Còn cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của Việt nam lại càng vũ nhiệt tình cách mạng của nhân dân châu Phi trong cuộc tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới trên mọi lĩnh vực, giành lại độc lập thực sự, củng cố thành quả cách mạng của mình và tiến theo con đường phi tư bản chủ nghĩa. «Chiến thắng của Việt nam chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã có ý nghĩa vật chất lớn lao, tác động đến cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới và đã thay đổi một cách thật sự và trực tiếp so sánh lực lượng có lợi cho các lực lượng hòa bình, giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội»⁽³⁾.

Sau Việt Nam ngày càng có nhiều nước châu Phi nhận rõ rằng độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội và có phát triển theo con đường đó mới đảm bảo được độc lập dân tộc thực sự. Việc lựa chọn con đường phát triển theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của các nước Ănggôla, Môđambích, Etiôpia... và việc thành lập Đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, ở các nước này đã chứng minh cho chân lý: «Trong hoàn cảnh lịch sử ngày nay, khi chủ nghĩa tư bản đã đi sâu vào giai đoạn tột cùng của nó và các lực lượng xã hội chủ nghĩa thế giới đã trở thành nhân tố quyết định sự tiến hóa của xã hội loài người, thì chủ nghĩa xã hội trực tiếp trở thành mục tiêu cách mạng của tất cả các nước kể cả những nước lạc hậu về kinh tế vừa giành được độc lập dân tộc»⁽⁴⁾.

Nhờ có ảnh hưởng của thắng lợi của cách mạng Việt Nam và của các yếu tố thời đại khác, xu hướng phát triển phi tư bản chủ nghĩa ngày càng chiếm một vị trí to lớn ở Phi châu. Nhiều nước châu Phi đã và đang tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Ở các nước như Măngát, Tandanía, Ghinê Bítxao... đã tiến hành các cuộc cải cách tiến bộ và đạt

1) Lời phát biểu của đại biểu Hội liên hiệp học sinh đại học toàn châu Phi Antôni Acato Ampô, tr. 179.

2) Lời phát biểu của đại biểu Dimbabuê ông Enôtt Malandou tại Hội nghị quốc tế «Việt nam và thế giới», tr. 126.

3) Lời phát biểu của đại biểu Hội liên hiệp sinh viên đại học toàn châu Phi Antôni Acato Ampô, «Việt nam và thế giới», tr. 178 - 179.

4) Lê Duẩn, Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta, H, «Sự thật», 1981, tr. 70.

những thành quả nhất định. Các nước châu Phi đang tiếp tục đấu tranh để củng cố vững chắc nền độc lập chính trị của mình để xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ và giàu mạnh, thoát khỏi vòng phong tỏa của bọn tư bản cá mập. Phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc của

châu Phi ngày càng góp phần tích cực cùng các lực lượng cách mạng thế giới đánh lui từng-bước, đánh đổ từng bộ phận của chủ nghĩa đế quốc tiến tới thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc và các trào lưu phản động quốc tế trên trái đất, bảo vệ hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

Tìm hiểu về chiến lược...

(Tiếp theo trang 17)

chiến tranh của Mỹ, chúng ta cũng tổ chức tiến công đánh bại địch liên tục trong nhiều đợt. Như khi đương đầu với quân viễn chinh Mỹ trong cuộc «chiến tranh cục bộ» của chúng, quân Mỹ vừa chân ướt chân ráo đổ quân vào Khu 5 và miền Đông Nam Bộ, chúng ta đã nện chúng những đòn phủ đầu choáng váng. Tiếp đó ta đánh thắng từng cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967. Vào mùa xuân 1968 giữa lúc cuộc chiến tranh của Mỹ leo thang đến đỉnh cao nhất mà không thắng nổi ta, ở thời điểm mà bọn cầm đầu Nhà trắng và Lầu năm góc đang ở thế ngập ngừng về chiến lược, chúng ta đã mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt tết Mậu thân làm đảo lộn thế chiến lược của địch, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng từ bỏ chiến lược «chiến tranh cục bộ» và phải xuống thang chiến tranh. Hoặc trong bước kết thúc cuộc kháng chiến, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 với sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị, quân và dân ta giành được toàn thắng cũng phải qua ba trận đánh then chốt diễn ra theo một quy hoạch chiến lược và tuân tự thời gian nối tiếp nhau, đòn chiến lược trước tạo thế và đà thắng cho đòn sau; chiến dịch giải phóng Tây Nguyên tiêu diệt Quân đoàn 2 và Quân khu 2 nguy mở đầu bằng trận Buônmethuot; chiến dịch giải phóng Huế, Đà Nẵng, tiêu diệt Quân đoàn 1 và Quân khu 1 nguy, quét sạch địch ở ven biển miền Trung; trận quyết chiến cuối cùng kết thúc chiến tranh là chiến

dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn Gia Định và các tỉnh còn lại của Nam bộ.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam và chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, «Trung ương Đảng đã nhận rõ âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch và đề ra những chủ trương chiến lược chính xác, sắc bén và linh hoạt để đánh bại những âm mưu và hành động chiến tranh của Mỹ ngay trong từng thời kỳ đi đến chiến thắng hoàn toàn chiến tranh xâm lược của chúng. Đó là thành công nổi bật về chỉ đạo chiến lược của Trung ương Đảng. Đó cũng là thành công của công tác tổ chức chiến đấu của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy trong quân đội»⁽¹⁾. Có thể nói cụ thể thêm, đây cũng là nét đặc sắc của nghệ thuật tiến công của ta đánh thắng địch từng bước về quân sự. Chúng ta không chỉ có dám đánh và quyết thắng mà còn biết đánh và biết thắng phù hợp với đối tượng chiến lược và lượng đúng sức ta.

Đối với ta, bài học quan trọng về quân triệt tư tưởng chiến lược tiến công, nắm vững chiến lược tiến công, vận dụng và phát triển sáng tạo nghệ thuật đánh thắng địch từng bước này có ý nghĩa rất thiết thực trong điều kiện phải lấy nhỏ thắng lớn của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam - Báo cáo Chính trị của BCH Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV - Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 27.

VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG AFGHANISTAN CỦA ĐẾ QUỐC MỸ VÀ PHẢN ĐỘNG QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN HỒNG

Từ mấy năm nay Afghanistan đã thực sự trở thành một vấn đề sôi động, nóng bỏng ở khu vực chiến lược Tây-Nam Á. Sau khi chế độ độc tài Daud bị đánh đổ, bọn phản động tiềm quyền Amin bị đập tan, Oasinhton, Bắc Kinh và bọn phản động khu vực đã liên kết lại với nhau thành một mặt trận thống nhất phản cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại điên cuồng hòng bóp chết cách mạng Afghanistan, biến nước này thành một căn cứ quân sự chiến lược, thành tiền đồn của các lực lượng đế quốc nhằm chống lại Liên Xô và phong trào giải phóng dân tộc ở trong khu vực.

Ngày 27 tháng 4 năm 1978 dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân chủ nhân dân cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Afghanistan đã hoàn thành thắng lợi. Sau khi lật đổ chế độ cũ, chính quyền cách mạng đã tiến hành một loạt các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ cơ bản đáp ứng những quyền lợi thiết thực của đại đa số nhân dân lao động. Chính việc đó đã gây nên sự căm thù cay độc của bọn phản động trong nước.

Mặt khác, sự ra đời của nhà nước Afghanistan cách mạng đã làm cho đế quốc Mỹ mất chỗ đứng chân trên một vị trí chiến lược xung yếu nhất nối liền Tây Á với Nam Á, làm cho thế và lực của chúng ở vùng nhiều dầu mỏ nhất thế giới bị suy yếu thêm và vòng cung thù địch của chúng bao vây Liên Xô ở phía Nam bị phá vỡ thêm một mảng lớn như đò độc Muro, cựu Chủ tịch Hội đồng các Tham mưu trưởng liên quân Mỹ viết: « Từ sau khi bị mất chỗ dựa ở Iran, Mỹ cảm thấy vành đai Trung đông từ Thổ Nhĩ Kỳ qua Iran, Afghanistan, và Pakistan nhằm phong tỏa Liên Xô từ phía Nam đã bị rạn nứt » (1).

Vạch trần chính sách thù địch của Mỹ trong quan hệ với Afghanistan. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ Góthôn nói: « Tất cả mọi hành động của đế quốc Mỹ ở Afghanistan có 3 mục

đích cụ thể là: 1) Làm dừng lại quá trình phát triển của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và phục hồi xã hội phong kiến, 2) Biến Afghanistan thành căn cứ quân sự chống Liên Xô 3) Thành lập cứ điểm hoạt động chống Iran và các nước Trung Đông khác để cướp nguồn lợi dầu mỏ » (2).

Xuất phát từ những mục đích đó nên mọi hoạt động chống phá cách mạng Afghanistan trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ.

I

Ngày 14-2-1979 tay chân của CIA ám sát Đại sứ Mỹ A. Dabsa ở thủ đô Cabul. Chính phủ Mỹ đã sử dụng cái chết của Dabsa như là một cái cớ để cắt đứt mọi mối quan hệ với Afghanistan. Sự kiện này đánh dấu bước mở đầu của những hoạt động chống phá cách mạng Afghanistan của đế quốc Mỹ. Đầu tiên Oasinhton dùng áp lực kinh tế đối với Afghanistan. Tất cả mọi hiệp định về viện trợ kinh tế không hoàn lại của Mỹ cho Afghanistan để xây dựng đường dây vận tải điện ở đồng bằng sông Giemend và Argand lập tức bị hủy bỏ. Từ Thời báo Nữu ước cho rằng việc Mỹ khước từ mọi khoản viện trợ cho Afghanistan là vì chính phủ Taraki muốn nhận viện trợ của Mỹ « không kèm theo bất kỳ một điều kiện nào », điều đó làm cho Mỹ không chấp thuận » (3).

Nhưng biện pháp kinh tế không mang lại kết quả, Oasinhton bèn thi hành chính sách can thiệp vũ trang vào Afghanistan. Tập chí « Cộng hòa mới » xác nhận rằng mệnh lệnh « nghiên cứu các chiến dịch chống Afghanistan do chính Tổng thống Mỹ Carter khởi xướng và nó được tiến hành dưới sự giám sát trực tiếp của Cố vấn Tổng thống về an ninh quốc

gia Z. Bézinxki và Giám đốc Cục tình báo trung ương Mỹ Kéixi lập tức phái Lui Diu-pri đến Ápganistan để bắt liên lạc với bọn phản cách mạng. Nhưng đến tháng 11 năm 1978 hắn bị chính quyền cách mạng trục xuất khỏi Ápganistan vì có những hành động chống phá cách mạng. Sang Pakistan hắn cùng Rô-bét Lésát, Lui Rôbinson, Vagon Dvud, Rod-zhes Broc dựng lên cái gọi là « Bộ Chỉ huy tối cao » để thành lập các tổ chức phản cách mạng Ápganistan » và một loạt các tổ chức phản cách mạng đã lần lượt được dựng lên như Đảng Hồi giáo Ápganistan, « Mặt trận dân tộc giải phóng », « Tổ chức du kích yêu nước », và « Mặt trận anh em đạo Hồi », « Mặt trận anh em đạo Hồi » như lời bình luận của tờ Thời mới Cabun thì « Đây là những người theo đạo Hồi giả tạo, đội lốt đạo Hồi... Chúng phục vụ cho lợi ích của các giới phản động ở trong khu vực và bị bọn đế quốc sử dụng để tiến hành hoạt động chống lại quyền lợi dân tộc và cuộc cách mạng nhân dân ở Ápganistan ». Trong số những tổ chức phản cách mạng đó cần phải kể đến các nhóm theo Mao do Bắc Kinh tổ chức và nuôi dưỡng từ giữa những năm 60 chuyên hoạt động gây rối ở vùng biên giới Ápganistan - Trung Quốc như « Nhóm đỏ », nhóm « Rumacun » và « Ngọn lửa bất diệt ».

Nhiều phái viên người Hồi giáo do các cố vấn gây bạo loạn Mỹ, Trung Quốc, Anh, Ai Cập đào tạo được tung về Ápganistan với nhiệm vụ kích động những thành kiến dân tộc, bộ tộc, tôn giáo; đe dọa, lôi kéo những phần tử phản cách mạng bao gồm những thế lực phong kiến, bọn chúa đất, bọn con buôn giàu có, những tên sĩ quan bị đuổi khỏi quân đội cách mạng, những tên trùm phản động ở các bộ tộc, bọn theo chủ nghĩa dân tộc, bọn cầm đầu phản động trong đạo Hồi bị tước hết những đặc quyền, đặc lợi tự tập về « đất thánh » dọc theo tuyến biên giới Ápganistan - Pakistan để chống phá cách mạng Ápganistan. Như vậy là khi tiến hành những hoạt động chống Ápganistan, bọn đế quốc và phản động quốc tế đã dựa vào bọn phản cách mạng bên trong, tức là dựa vào các lực lượng, các giai cấp phản động sẵn sàng tiến hành bất kỳ hành động nào nhằm phục hồi lại trật tự của chế độ cũ. Đúng như V. I. Lênin đã chỉ rõ: « Lịch sử tiến lên bằng con đường đấu tranh giai cấp gay gắt, nó chứng minh rằng khi bọn địa chủ và bọn tư bản cảm thấy phải bước vào một trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng thì chúng không từ bỏ một thủ đoạn nào cả »⁽⁵⁾.

Riêng năm 1979 bọn đế quốc đã lôi kéo được hơn 190.000 người Hồi giáo Ápganistan

di tản sang Pakistan. Những người Ápganistan này được tập trung vào 2 trung tâm tị nạn lớn ở Pésava và Quêta và hơn 10 trung tâm tị nạn cỡ vừa khác. Ngày 14-4-1980 tên Đại tá tùy viên quân sự sứ quán Mỹ tại Pakistan cùng một đoàn gồm 25 chuyên viên tình báo CIA, chuyên gia hoạt động lật đổ, chuyên gia chống chiến tranh du kích vùng rừng núi đã viếng thăm các trại tị nạn để xem xét tình hình thực tế. Tính đến giữa năm 1980 ở Pésava có 8.000 người và ở Quêta có 9.500 người tị nạn Ápganistan được dồn đến. Ở các « trại tị nạn » này họ được tổ chức thành từng khóm gia đình, từng đại đội, trung đội, từng tổ chiến đấu dưới sự chỉ huy của các cố vấn đặc biệt người Mỹ, Anh, Trung Quốc, Pakistan và Ai Cập.

Đặc biệt thanh niên Hồi giáo Ápganistan khi đến « trại tị nạn » được tập trung thành những đại đội riêng. Một số khác được các cố vấn bạo loạn Trung Quốc đưa vào các đội « cầm tử » chuyển đến vùng Tân Cương để huấn luyện. Vào giữa tháng 3 năm 1980 30 xe ô tô Trung Quốc chở 2000 thanh niên Ápganistan đến học tập trung tại các trường đào tạo biệt kích chính quy trên đất Trung Quốc. Vương Thanh Triều, cố vấn quân sự Trung quốc thường xuyên có mặt ở Pésava đã tuyên bố với phóng viên hãng tin Anh Roito rằng: « Trong vòng 3 năm tới có khoảng 10.000 thanh niên Ápganistan sẽ được đào tạo ở Trung Quốc trước khi tung về nước hoạt động »⁽⁶⁾. Còn Linxon, chuyên gia chống chiến tranh du kích của Hoa Kỳ, nhân viên CIA đã từng làm cố vấn binh định ở chiến trường miền Nam Việt Nam cuối những năm 60, nay lại có mặt ở Quêta.

Chính quyền Mỹ còn cho phép CIA bắt lính đánh thuê trong những công dân gốc Ápganistan và Iran, đưa chúng sang Pakistan huấn luyện rồi tung vào lãnh thổ Pakistan để hoạt động phá hoại.

Thời gian đào tạo bọn phiến loạn kéo dài từ 3 đến 6 tháng theo chương trình trước đây đã đào tạo bọn lính « mũ nổi xanh » ở chiến trường miền Nam Việt Nam. Trên đất Pakistan có trên 70 trại huấn luyện bọn phản cách mạng, còn ở tỉnh Tân Cương Trung Quốc cũng có tới 8 căn cứ huấn luyện như thế⁽⁷⁾. Chỉ tính từ tháng 6 năm 1978 đến tháng 11 năm 1979 bọn cố vấn Mỹ, Trung Quốc, Ai Cập, Pakistan, Anh đã đào tạo được 30 ngàn tên phiến loạn⁽⁸⁾. Bọn đế quốc đã bỏ ra nhiều tiền của để đào tạo và trang bị vũ khí cho bọn lính đánh thuê này. Cũng chỉ tính từ tháng 4 đến tháng 12 năm 1979 Mỹ và bọn đồng minh của Mỹ đã bỏ ra gần 100 triệu đôla cho các đội biệt kích tị nạn⁽⁹⁾.

Ngoài ra, trên đất Mỹ còn thành lập cái gọi là «Hội cứu trợ» của Mỹ cho những người «tị nạn» Ápganistan do tên T. Eliot, cựu Đại sứ Mỹ ở Ápganistan làm Hội trưởng.

Những người «tị nạn» bị bọn đế quốc biến thành những tên lính đánh thuê để chúng tiến hành một kiểu chiến tranh qua tay người khác ở Ápganistan. Những tên lính đánh thuê này bắt đầu được tung vào Ápganistan hoạt động phá hoại từ tháng 7 năm 1978. Riêng năm 1979 chúng đã gây ra trên đất nước Ápganistan 250 vụ bạo loạn và tiến công vũ trang, trong đó có những vụ bạo loạn lớn như ở Hêrát (3-1979), ở Giêlalabát (4-1979), ở Páctia (8-1979)... Ở thủ đô Cabun chúng đã gây ra 4 vụ bạo loạn. Báo Thời mới Cabun nhấn mạnh: «Sự kiện xảy ra ở thủ đô Cabun trong năm nay là một ví dụ ghê tởm về sự can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của nước Ápganistan yêu hòa bình của chủ nghĩa đế quốc và Trung Quốc, cũng như bọn phản động Pakistan»⁽¹⁰⁾. Trên thực tế đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng đã tiến hành một cuộc chiến tranh không tuyên bố chống nước Ápganistan cách mạng.

Đe dọa, quấy rối, hoạt động gián điệp, tổ chức bạo động ở các địa phương và ở thủ đô Cabun, gây không khí căng thẳng trong cả nước Ápganistan là những bước chuẩn bị để bọn phản cách mạng tiến tới tiến công vũ trang lật đổ chính quyền ở trung ương và ở từng địa phương. Mùa xuân năm 1979 bọn phản cách mạng đã tấn công vũ trang vào 16 trong 28 tỉnh của Ápganistan. Nhưng những cuộc xâm lược này đều bị quân và dân Ápganistan đánh bại. Sau đó bọn chúng cố gắng tìm mọi cách để thống nhất và phối hợp hành động, hy vọng giáng đòn quyết định vào Nhà nước Ápganistan. Tháng 1 năm 1979 tại Pakistan đã tiến hành cuộc họp mật của các thủ lĩnh các tổ chức phản cách mạng. Tại đây chúng đã quyết định thành lập cái gọi là «Ủy ban đấu tranh», ấn định thời hạn đồng loạt tiến công vũ trang Ápganistan. Cùng lúc đó theo chỉ thị của Mỹ bọn cầm đầu các tổ chức phản cách mạng còn thành lập trên lãnh thổ Pakistan «Chính phủ lưu vong» Ápganistan. Thực tế «Chính phủ lưu vong» này chỉ tồn tại như một tấm bình phong «để bọn đế quốc tự do tiến hành cuộc xâm lược vũ trang vào Ápganistan.

Kế hoạch xâm lược đó do tên M. Lui Diupri và Thiếu tướng Muhuba Rátman của Pakistan chỉ huy với sự cố vấn của tên gián điệp Amin.

Sau khi ám hại Chủ tịch Taraki, đoạt chính quyền cách mạng, Amin móc nối và mở rộng liên hệ với bọn phản cách mạng trong và

ngoài nước. Cuối tháng 9 năm 1979 phái viên của Amin bí mật gặp tên đầu sỏ của đảng Hồi giáo Ápganistan Giênbécđin Hécmatin nhằm «đi đến một thỏa thuận» về việc chấm dứt xung đột để hợp tác với nhau. Ngày 4 tháng 10 năm 1979 Amin lại triệu tập cuộc họp mật bí mật ở Cabun để xác định các điều kiện «liên minh» với «Đảng Hồi giáo Ápganistan» và kế hoạch đảo chính nhà nước vào ngày 29 tháng 12 năm 1979. Để phối hợp hành động với bên ngoài, giữa tháng 12 năm 1979 phái viên của Amin bay đi Cabun - Pari - Rôma - Carasi để thông báo cho bọn quan thầy biết việc chuẩn bị đảo chính. Cùng với mục đích trên phái viên của Amin cũng sang Pêsaava, hang ổ lớn nhất của bọn phản cách mạng ngày 22-24/12/1979.

Như vậy là kế hoạch lật đổ nhà nước Ápganistan cách mạng đã được thực hiện bằng hai gọng kìm, bên ngoài bọn phản cách mạng ở ạt tấn công từ nhiều phía (chiến thuật biển người), còn bên trong thì Amin tiến hành đảo chính. Bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng hy vọng rằng nhân dân Ápganistan không thể đương đầu nổi với cuộc tấn công xâm lược có kế hoạch rõ ràng, có tính toán tỉ mỉ, có số lượng quân đông và vũ khí hiện đại này. Chúng tin vào điều đó tới mức nhầm tính từng ngày, từng tháng, chờ tới lúc chúng sẽ ca khúc khải hoàn tiến vào thủ đô Cabun nên nhiều khi chúng chẳng cần giữ bí mật việc chuẩn bị những cuộc tấn công ăn cướp vào vùng này hay vùng khác của Ápganistan. Nhưng chúng đã lầm! Sức mạnh của chế độ mới, sức mạnh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân chủ Nhân dân là vô địch. Quân đội và các lực lượng an ninh đã phối hợp với nhân dân tiến hành hàng trăm cuộc vây bắt, truy quét, bắt sống hoặc tiêu diệt hàng vạn tên phản loạn.

Ngày 27 tháng 12 năm 1979 với sự giúp đỡ kịp thời và có hiệu quả của Liên Xô, chế độ độc tài phản động Amin đã sụp đổ. Âm mưu đảo chính nhà nước và thành lập cái gọi là «Chính phủ lâm thời» ở Ápganistan đã bị dập tan. Chủ trương mượn đất người và bán tay người khác để gây chiến tranh lật đổ, bóp chết cách mạng Ápganistan của bọn đế quốc và phản động quốc tế bước đầu đã bị thất bại thảm hại.

II

Kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1979 đảng Dân chủ Nhân dân Ápganistan đã đưa cuộc Cách mạng tháng Tư sang giai đoạn mới. Đế quốc Mỹ và tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc Kinh tức tối lồng lộn trước

thắng lợi vĩ đại này của nhân dân Ápganistan. Hoạt động chống phá cách mạng Ápganistan của chúng trở nên ráo riết hơn, rộng lớn hơn.

Mọi người đều biết chỉ sau vài giờ khi quân đội tình nguyện Xô viết tràn qua biên giới Ápganistan, Tổng thống Mỹ Cato cấp tốc triệu tập một cuộc họp bất thường các quan chức chớp bu của Hội đồng an ninh quốc gia và Cato đã tuyên bố « nước Mỹ có trách nhiệm tinh thần giúp đỡ trang bị cho Ápganistan (bọn phiến loạn) ». Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ H. Brao đòi phải khẩn trương thành lập « lực lượng phản ứng nhanh » để đáp ứng với tình hình. Còn Thứ trưởng bộ Ngoại giao Mỹ Crixtophơ tức tốc bay sang châu Âu để bàn với đồng minh « về những biện pháp chống lại ». Hội đồng khối NATO cũng họp phiên đặc biệt thảo luận về sự kiện này.

Bọn đế quốc chạy ngược chạy xuôi tập hợp đồng bọn và huy động một bộ máy tuyên truyền khổng lồ chia mũi nhọn vào Liên Xô và Ápganistan. Trên các diễn đàn quốc tế chúng gào lên cái gọi là « sự đe dọa nghiêm trọng hòa bình thế giới do tình hình mới ở Ápganistan »⁽¹⁾ Một lần nữa những tên thực dân đầu sỏ, những tên bành trướng bá quyền lại giờ trở la lối om sòm, giương chiêu bài bảo vệ « quyền dân tộc tự quyết » để vu cáo Liên Xô. Chính phủ Mỹ đã thực hiện một loạt biện pháp làm sống lại cuộc chiến tranh lạnh của những năm 50. Quốc hội Mỹ hoàn phê chuẩn Hiệp định hạn chế vũ khí chiến lược đã ký kết với Liên Xô. Ngân sách chiến tranh của Mỹ tăng vọt, Mỹ ban hành đạo luật mới về nghĩa vụ quân sự, triển khai cấp tốc ở Tây Âu tên lửa tầm trung bình mạng đầu đạn hạt nhân của Mỹ, vũ khí và nhân viên quân sự của Mỹ ồ ồ kéo tới Pakistan, từng đoàn tàu chiến Mỹ tiến vào Ấn Độ Dương và vịnh Pécxich, Nhà trắng đã đưa phương tuyên bố cấm vận từng phần, xóa bỏ hợp đồng bán lương thực và thiết bị kỹ thuật đã ký với Liên Xô, vận động các nước tẩy chay Đại hội Olympic Mátxcova, v.v và v.v...

Tất cả những việc làm trên của Mỹ thực chất là để biện bạch cho sự thay đổi từ lâu trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Tạp chí của trường đại học Cólombia nhận xét: « Sự công kích thậm tệ của Mỹ vào chính sách giải trừ quân bị đã được bắt đầu từ rất lâu trước khi có sự kiện ở Ápganistan »⁽²⁾. Trên cơ sở phân tích hàng loạt các sự kiện, các tác giả của bài báo « Liên Xô và các nước đang phát triển » viết: « Sự khủng hoảng ở Ápganistan đã được Mỹ sử dụng triệt để nhất

so với bất kỳ một sự kiện nào để biện bạch cho việc Mỹ khước từ nhiều hiệp định đã ký trong thời kỳ giải trừ quân bị ».⁽³⁾ Còn báo Pháp Lơ Phigarô nhấn mạnh: « Mỹ muốn sử dụng sự kiện ở Ápganistan như là một cái đòn bẩy để lôi kéo các Đảng và các Nhà nước vào hệ thống thù địch chống Liên Xô »⁽⁴⁾. Cái gọi là « Vấn đề Ápganistan » chính ở chỗ Mỹ lợi dụng nó để chống Liên Xô thông qua Ápganistan và chống Ápganistan thông qua Liên Xô. Vì thế mà từ đây Ápganistan thực sự trở thành điểm nóng, thành nơi đụng đầu giữa 2 lực lượng cách mạng và phản cách mạng. Các lực lượng phản cách mạng, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đã áp đặt cho Ápganistan hai cuộc chiến tranh — một cuộc chiến tranh nóng dưới hình thức cuộc xâm lược của hàng vạn tên lính đánh thuê phản cách mạng và một cuộc chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền, xuyên tạc...v.v.. Còn các lực lượng cách mạng, đứng đầu là Liên Xô đã nhiệt liệt chào mừng giai đoạn 2 của cuộc Cách mạng tháng Tư, tuyên bố kiên quyết ủng hộ và đoàn kết với nhân dân Ápganistan trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ.

Năm 1980 chính phủ Mỹ đã chi phí gần 100 triệu đô la cho cuộc chiến tranh xâm lược vũ trang vào Ápganistan. Nhưng đặc biệt là cuộc chiến tranh xâm lược bản thủ ấy càng trở nên nguy hiểm kể từ khi Rigan bước chân vào Nhà Trắng, nhất là sau lời tuyên bố của Rigan về việc Mỹ sẵn sàng cung cấp vũ khí cho bọn phản cách mạng Ápganistan. Chính sách thù địch của Mỹ chống nước Cộng hòa dân chủ Ápganistan vẫn không hề thay đổi, dù là đảng Dân chủ hay là đảng Cộng hòa Mỹ cầm quyền.

Từ đầu năm 1982 đến tháng 10 năm 1982, Mỹ, Trung Quốc, Pakistan đã bằng nhiều thủ đoạn kích động, lôi kéo thêm 12 nghìn người Hồi giáo Ápganistan di tản sang Pakistan⁽⁵⁾. Chỉ trong 3 tháng: 7, 8, 9 năm 1982 Mỹ đưa thêm đến các trung tâm huấn luyện bọn phiến loạn ở đất Pakistan 20 cơ vận lật đổ, bạo loạn để chuẩn bị cho cái gọi là « kế hoạch phương Bắc ». CIA đã bỏ ra 6,5 triệu đô la để chi phí cho việc thực hiện kế hoạch này⁽⁶⁾.

Mùa thu năm 1982 Nghị viện Mỹ đã thông qua quyết định, thực tế là trao toàn quyền cho chính quyền Oasinhton đầy mạnh « cuộc chiến tranh không tuyên bố » chống Cộng hòa dân chủ Ápganistan. Trả lời phỏng vấn của báo « Người yêu nước Ấn Độ », đồng chí B. Cácmán nhấn mạnh: « Nghị quyết chống Ápganistan của Nghị viện Mỹ là sự tích cực hóa chính sách xâm lược của chính quyền Mỹ »⁽⁷⁾. Năm 1982 Mỹ bỏ ra trên 100 triệu

đo la đề trang bị vũ khí và nuôi dưỡng bọn lính đánh thuê Ápganistan⁽¹⁸⁾.

Tháng 1 năm 1983 Mỹ đã thành lập cái gọi là « Bộ chỉ huy trung tâm » bao gồm 19 nước châu Á và châu Phi, trong đó có Ápganistan. Với sự kiện này, rõ ràng rằng chính sách can thiệp của Mỹ vào công việc nội bộ của Ápganistan ngày càng trở nên ráo riết hơn. Ngày 18 tháng 1 năm 1983 Thông tấn xã Ápganistan tuyên bố : « Việc thành lập cái gọi là « Bộ chỉ huy trung tâm » đối với vùng Tây - Nam Á là sự can thiệp thô bạo của Mỹ vào công việc nội bộ của các nước trong khu vực, trong đó có Ápganistan, và chứng tỏ rằng Chính phủ Oasinhton đang tăng cường cuộc chiến tranh không tuyên bố chống cách mạng Ápganistan »⁽¹⁹⁾.

Năm 1983 Mỹ chi phí 105 triệu đô la cho bọn phản cách mạng Ápganistan. Ngoài số tiền ấy ra, hàng năm Mỹ đã cung cấp trên 50 triệu đô la cho hoạt động phá hoại chống Ápganistan theo đường CIA⁽²⁰⁾. Riêng năm 1983 CIA còn cung cấp thêm 1 triệu đô la cho cái gọi là « Trung tâm nghiên cứu về Ápganistan » ở trường Đại học Nebraxka để tổ chức các hoạt động lật đổ chống chính quyền cách mạng Ápganistan⁽²¹⁾. Cho tới nay số lượng các cố vấn quân sự Mỹ ở 100 cơ sở huấn luyện bọn lính đánh thuê trên đất Pakistan lên tới hơn 300⁽²²⁾.

Cuộc « chiến tranh không tuyên bố » của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng chống cách mạng Ápganistan sau sự kiện 27-12-1979, đã được tiến hành tích cực hơn và rộng lớn hơn.

Cùng với việc tiến hành chống phá cách mạng từ bên trong và từ bên ngoài, bọn phản cách mạng Ápganistan còn thực hiện chính sách khủng bố cá nhân. Chính sách này không chỉ nhằm chống lại các nhà lãnh đạo, các đảng viên đảng Dân chủ Nhân dân Ápganistan, mà còn chống lại cả dân thường. Điều này đã làm sáng tỏ thêm nhận xét của V.I. Lênin rút ra từ cuộc cách mạng Nga rằng : « Nếu không được sự ủng hộ của quần chúng thì bao giờ bọn phản cách mạng cũng dừng đến lối khủng bố cá nhân ».

Song song với các hoạt động vũ trang, các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế còn tiến hành cuộc chiến tranh tâm lý nhằm bịa đặt, xuyên tạc mục đích của cuộc cách mạng, vu cáo, bôi nhọ chế độ mới, phá hoại tình hữu nghị Ápganistan - Liên Xô, và đánh lạc hướng dư luận thế giới hòng che đậy những tội ác của chúng gây ra đối với nhân dân Ápganistan. Bọn đế quốc đã sử dụng hơn 50 đài phát thanh để phát suốt ngày đêm, tổng cộng tới 110 giờ trong một ngày các chương

trình chống Ápganistan. Riêng Đài « Tiếng nói Hoa Kỳ » phát bằng tiếng Ápganistan, từ năm 1980 mỗi tuần đã phát từ 3 giờ rưỡi lên 42 giờ. Oasinhton còn kêu gọi các nước đồng minh đóng góp tiền của để xây dựng Đài phát thanh « Ápganistan tự do » trên đất Pakistan.

Trên lãnh thổ Pakistan chúng in hàng ngàn cuốn sách tuyên truyền, « tuyên cáo », « kêu gọi » phản cách mạng chống Ápganistan từ các cơ sở ăn loot của các tờ báo lớn ở Pakistan như « Navai Vakt và Imror » của thành phố Lakho, « Dzhan » của thành phố Carasi, « Khiruet » của thành phố Ravappindi.

Chỉ từ tháng 10 năm 1981 đến tháng 2 năm 1982 Trung Quốc đã ném vào Ápganistan 3000 gói hàng chiến tranh tâm lý để mua chuộc, lôi kéo người Ápganistan⁽²³⁾. Trong các gói này đều có truyền đơn kêu gọi nổi dậy cùng các văn hóa phẩm phản động, tranh ảnh đồi trụy v.v...

Trong mấy năm qua Mỹ và đồng minh đã thực hiện phũ phàng của bọn Hít le : « bịa đặt, bịa đặt, rồi sẽ thành sự thật » Bộ Ngoại giao Mỹ đã đưa ra cái gọi là « Bản phúc trình » vu cáo Liên Xô và Việt Nam « sử dụng chất độc hóa học ở Ápganistan và Campuchia ». Ngày 15-3-1982 Hội nghị PUGWASN họp tại Gionevơ đã bác bỏ những lời vu cáo đó của Mỹ. Hầu hết các nhà khoa học tham dự Hội nghị quốc tế này cho rằng không có một bằng chứng cụ thể nào về việc này. Trên thực tế chính Mỹ và bọn tay sai của Mỹ đã sử dụng chất độc hóa học ở Campuchia và ở Ápganistan. Theo tài liệu điều tra của cơ quan an ninh Ápganistan tất cả các vụ đầu độc ở Ápganistan đều do một loại hơi làm tê liệt thần kinh gây nên. Hơi vàng này chứa trong các quả lựu đạn hóa học do các nước phương Tây sản xuất. Nó hoàn toàn giống chất hơi làm tê liệt thần kinh đã thí nghiệm trước đây ở Phoderich (Mérilen), một trung tâm nghiên cứu vi trùng học Mỹ. Bọn phản động gây rối ở Hérát cũng có những quả lựu đạn hóa học mạng nhãn hiệu « sản xuất tại phòng thí nghiệm bang Xónxbiri, Pen-xinvania (Mỹ). Chính Oasinhton và Bắc Kinh đã lấy sự vu cáo, sự giả dối, sự lừa bịp làm quốc sách trong chính sách đối ngoại của mình đối với 3 nước Đông Dương và Ápganistan.

Mỹ, Trung Quốc và các thế lực đen tối khác đã nhiều lần gây sức ép Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua Nghị quyết thảo luận về cái gọi là « vấn đề Ápganistan ». Chúng mưu toan lợi dụng diễn đàn Liên Hợp Quốc để chú đập thô bạo lên chủ quyền của Nhà nước Ápganistan độc lập. Thực tế không

có cái gọi là « vấn đề Ápganistan », bởi vì cuộc Cách mạng tháng Tư là cuộc cách mạng của nhân dân Ápganistan, là kết quả của cả quá trình vận động xã hội trước đây mà như V.I. Lenin đã nói: « Không diễn ra theo lối đặt hàng. Người ta không thể định trước cách mạng nổ ra vào lúc này hay lúc nọ. Cách mạng chín muồi trong quá trình lịch sử và nó bùng nổ vào lúc mà hàng loạt những nguyên nhân ở trong và ngoài nước quyết định »⁽²⁴⁾.

Nhân dân Ápganistan có quyền lựa chọn con đường đi của mình. Không một ai, kể cả Liên Hợp Quốc có thể áp đặt chế độ chính trị cho nhân dân Ápganistan. Đồng chí B. Cácmán đã từng tuyên bố: « Chúng tôi bác bỏ bất cứ một mưu đồ nào nhằm khoác màu sắc quốc tế lên vấn đề Ápganistan »⁽²⁵⁾. Tại Liên Hợp Quốc, đại diện các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước không liên kết đã nhận xét về cái gọi là « vấn đề Ápganistan » thực chất chỉ là một âm mưu đẩy Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của nước Ápganistan có chủ quyền, và che đậy hành động xâm lược vũ trang của chúng vào Ápganistan.

Hơn sáu năm qua là một quãng thời gian ngắn ngủi so với chiều dài của lịch sử, nhưng lại là một chặng đường vô cùng quan trọng và

rất vẻ vang của cách mạng Ápganistan. Một đất nước vừa mới sinh ra sau cách mạng đã phải đương đầu với những hoạt động phá hoại điên cuồng của đế quốc Mỹ và phản động quốc tế. Nhưng với truyền thống anh hùng, nhân dân Ápganistan dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân chủ Nhân dân đã làm cho kẻ thù thất bại thảm hại.

Thực tế diễn ra ở Ápganistan trong mấy năm qua một lần nữa chứng minh bản chất của chủ nghĩa đế quốc, bằng mọi hình thức từ gây áp lực kinh tế, chính trị đến tấn công quân sự, can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ dân tộc nào đang vùng lên thoát khỏi ách áp bức của nước ngoài. Nhưng chúng đã lầm, Cách mạng Ápganistan là một điển hình ngời sáng. Chắc chắn cuộc đấu tranh của nhân dân Ápganistan còn phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ và hy sinh, nhưng một dân tộc đã biết làm chủ vận mệnh của mình, đoàn kết và nhất trí, dân tộc ấy nhất định đi tới thắng lợi. Trong thời gian qua kẻ thù của nhân dân Ápganistan đã không ngăn cản nổi quá trình phát triển của cuộc Cách mạng tháng Tư thì ngày nay chúng có điên cuồng đến đâu, có tăng cường hoạt động chống phá cách mạng Ápganistan đến đâu cũng chỉ dẫn chúng đến thất bại thảm hại hơn mà thôi.

Chú thích:

- 1) Báo Quân đội nhân dân 24-8-1982.
- 2) Tài liệu tham khảo đặc biệt TTX Việt Nam. 7-3-1980.
- 3) Tạp chí « Người cộng sản trẻ », số 7, 1980. (tiếng Nga).
- 4) Tạp chí « Sinh hoạt quốc tế », số 12, 1979. (tiếng Nga).
- 5) V.I. Lenin - Toàn tập. NXB « Tiến bộ » Matxcova 1977, t. 40, tr. 134
- 6) Báo Quân đội nhân dân 30-5-1981.
- 7) Phụ trương bản tin « Liên Xô ngày nay » số 12, 1981.
- 8) Tạp chí « Lịch sử cận hiện đại », số 5, 1983 (tiếng Nga).
- 9) Tạp chí « Thời mới » số 12, 1981. (tiếng Nga).
- 10) Phụ trương bản tin « Liên Xô ngày nay » số 64, 1980.
- 11) Tạp chí « Thời mới », số 32, 1981. (tiếng Nga).

12) (13) Tạp chí Mỹ « Kinh tế, chính trị, tư tưởng » số 1, 1980 (tiếng Nga).

14) « Sự thật về Ápganistan ». NXB Matxcova, 1980, tr. 38 (tiếng Nga)

15) (16). Báo Quân đội nhân dân 10-11-1982.

17) Tạp chí « Sinh hoạt quốc tế », số 7, 1983. (tiếng Nga).

18) Tạp chí « Lịch sử cận hiện đại », số 5, 1983. (tiếng Nga).

19) Báo Quân đội nhân dân 20-1-1983.

20) Báo « Ở ngoài nước », số 50, 1983 (tiếng Nga).

21) Báo Nhân dân 17-5-1984.

22) Báo Nhân dân 11-7-1984.

23) Báo Quân đội nhân dân 13-5-1982.

24) V.I. Lenin. Toàn tập. NXB « Tiến bộ » Matxcova, 1977, T. 36, tr. 661.

25) Báo Nhân dân 7-3-1981.

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC 1954-1975

LƯU VĂN TRÁC

I - Các giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Điện Biên Phủ đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam kéo dài 9 năm (1946-1954) đến việc ký Hiệp định đình chiến Gineve 20-7-1954. Cách mạng Việt Nam bước sang một thời kỳ lịch sử mới: Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bắt tay vào việc khôi phục, cải tạo và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội; Miền Nam tạm thời dưới quyền kiểm soát của ngụy quyền trong 2 năm để rồi tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Vốn có âm mưu « nếu Đồng minh thắng, chúng tôi (nước Mỹ - LVT) sẽ chiếm xứ đó » (đại sứ Mỹ Uyliam Lihai ngày 19-7-1941) hoặc: « Nếu Đồng Dương bị mất sẽ có một phản ứng dây chuyền trên toàn bộ Viễn Đông và Đông Nam Á » (Đalét 6-5-1953) và « chúng ta hãy tưởng tượng rằng chúng ta mất Đồng Dương... thiếc, vonfram là những thứ quý giá sẽ không còn từ vùng này đến nữa » (Tổng thống Aixenhao 8-1953) nên Mỹ lợi dụng sự yếu kém và thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương tìm mọi cách chống phá việc thực hiện Hiệp định Gineve hất cẳng thực dân Pháp ra khỏi miền Nam Việt Nam và gây ra cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài và tàn khốc nhất trong lịch sử. Ngay từ lúc đó (7-1954) « Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế-giới và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương » (Nghị quyết của Trung ương Đảng lần thứ VI khóa II).

1. Giai đoạn 7-1954 - cuối 1960

Cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Đế quốc Mỹ áp dụng ách thống trị diên hình của chủ nghĩa thực dân mới bằng « viện trợ » và « cố vấn » để thống trị nhân dân miền Nam. Ngày 23-10-1955 Ngô Đình Diệm phế truất Quốc trưởng Bảo Đại. Ngày 4-3-1956 tổ chức « tuyên cử Quốc hội riêng rẽ ở miền Nam ». Chính quyền tay sai Mỹ ở miền

Nam liên tiếp mở các chiến dịch « chống Cộng », « tố Cộng », ban hành luật phát xít 10/59, lê máy chém đi khắp nông thôn miền Nam hòng dập tắt phong trào cách mạng và chuẩn bị « Bắc tiến ». 1955-1960 Mỹ viện trợ cho ngụy quyền 1.407 triệu đôla trong đó 70% là hàng quân sự, trang bị cho quân ngụy 250 máy bay, gần 200 tàu chiến, 600 xe thiết giáp, 300 khẩu pháo. Chúng gây ra những vụ tàn sát đẫm máu như Duy Xuyên (Quảng Nam) 21-1-1955, chợ Đước (Quảng Nam) 28-11-1955, Hướng Điền (Quảng Trị) 7-1955, Phú Lợi (Thủ Dầu Một) 1-12-1958 v.v...

Cách mạng miền Nam đứng trước thử thách nghiêm trọng. Trung ương Đảng xác định « Đế quốc Mỹ là đối tượng của cách mạng Việt Nam » (7-1954), « Con đường giải phóng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng » (8-1956). Dưới ánh sáng của các Nghị quyết Trung ương nhân dân miền Nam đã đấu tranh chính trị đòi hòa bình, thống nhất đất nước (1955-57), « đấu tranh giữ gìn lực lượng cách mạng » (1957 - 1959) rồi tiến lên « Đồng khởi » (1959-60) đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam: từ giữ lực lượng song vẫn liên tục tiến công. Mỹ và tay sai phải thay đổi chiến lược phản cách mạng từ « chiến tranh một phía » sang « chiến tranh đặc biệt ».

Cách mạng miền Bắc đã có những thành tựu trong công cuộc khôi phục và cải tạo xã hội chủ nghĩa đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng miền Nam. Chuyển biến của cách mạng miền Nam gắn liền với sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

2. Giai đoạn 1961 đến đầu 1965.

Kennodi thay Aixenhao lấy miền Nam làm nơi thí điểm chiến lược mới. Việc đầu tiên và cơ bản của « chiến tranh đặc biệt » là kế hoạch Xtalay-Taylo mà chủ yếu là công thức quân ngụy + áp chiến lược. Phát động cuộc chiến tranh đặc biệt Mỹ nhằm tiêu diệt cách

mạng miền Nam và đẩy mạnh sự phá hoại ở miền Bắc, đẩy lùi cách mạng ở cả nước ta. Tổng số quân nguy từ 26 vạn (1961) lên 54 vạn (1964) với 11 phi đoàn gồm 373 máy bay, 700 xe tăng, xe bọc thép, 800 tàu xuồng chiến đấu, hơn 700 khẩu pháo. Chúng gom hàng triệu nông dân vào «ấp chiến lược». Từ đầu 1961 đến giữa 1964 chúng mở gần 10 vạn cuộc càn quét, dùng các chiến thuật «trục thẳng vận», «thiết xa vận» để đàn áp nhân dân và tiêu diệt lực lượng vũ trang giải phóng.

Được các Nghị quyết của Đảng soi đường cách mạng miền Nam đẩy mạnh đấu tranh cả về chính trị và quân sự trên cả ba vùng chiến lược. Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28-8-1959) giành chính quyền ở bốn huyện thuộc tây Quảng Ngãi đến cuộc đồng khởi của đồng bào Bến Tre (17-1-1960), xuất hiện «đội quân tóc dài», đưa đến thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam 20-12-1960, thống nhất các lực lượng vũ trang toàn miền thành Giải phóng quân. Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963), chiến thắng Bình Giã (6-3-1963) đánh dấu sự thất bại của «chiến tranh đặc biệt». Mỹ phải thay kế hoạch Xetay-Taylor bằng kế hoạch Giônxon-Macnamara từ cuối 1963 cũng không cứu vãn được sụp đổ của nguy quyền Sài Gòn nhất là từ khi anh em Ngô Đình Diệm bị giết. Các trận đánh vào hang ổ địch vang dội như đánh chiếc tàu sân bay Cađơ (2-5-1964), đánh vào khách sạn Bơ-rinhơ (24-12-1964), đánh vào trụ sở Đại sứ Mỹ (10-3-1965) đã đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược «chiến tranh đặc biệt».

Miền Bắc sôi nổi thi đua «mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt» thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên và đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước. Riêng việc thành lập tuyến đường Trường Sơn tháng 5-1959 đến năm 1965 đã có gần 2.000 km trong đó có 781 km đường ôtô, đưa vào hơn 40.000 cán bộ, chiến sĩ quân đội, hàng vạn cán bộ Đảng, chính quyền, 2.912 tấn hàng gồm 165.000 súng các loại.

3. Giai đoạn từ 5-1965 đến cuối 1968

Cả nước nổ chiến tranh: miền Nam quyết tâm đánh thắng chiến tranh cục bộ, miền Bắc quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ. Đầu 1965 Mỹ ào ạt đưa quân vào miền Nam bắt đầu bằng 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ từ Okinawa vào Đà Nẵng (8-3-65) và bắt đầu dùng máy bay đánh phá miền Bắc để cứu vãn nguy cơ đổ sụp của nguy quyền Sài Gòn. Cuối 1965 so với 1961 quân Mỹ ở miền Nam tăng 6 lần và lúc cao nhất (4-1969) gấp 18 lần

1.692.200 tên gồm 475.200 quân Mỹ, 69.000 quân chư hầu, 1.148.000 quân nguy. Với lực lượng trên chúng mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất 1965-66 gồm 20 vạn quân, 2.200 máy bay, 1.400 xe tăng, xe bọc thép, 1.200 pháo, 50 tàu chiến hòng «đánh gãy xương sống Việt Cộng» tại 3 khu vực chính Tây Nguyên, đồng bằng khu V và Đông Nam Bộ. Bị thất bại, chúng lại mở cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ hai 1966-67 với hơn 44 vạn quân, 4.300 máy bay, 3.300 xe tăng, xe bọc thép, 2.300 pháo, 230 tàu chiến thực hiện 2 gọng kim tiêu diệt và bình định nhằm vào miền Đông Nam Bộ.

Song song với việc đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam, từ 7-2-1965 Mỹ tiến hành đánh phá miền Bắc với quy mô và địa bàn ngày càng mở rộng. Từ 1964-68 máy bay Mỹ đã xuất kích 303.000 lần chiếc (có 2.374 lần chiếc B.52) trung bình mỗi ngày xuất kích 300-350 lần chiếc. Cho đến tháng 11-1968 miền Bắc bắn rơi 3.243 máy bay trong đó có 6 B.52, 3 F.111, bắn chìm bắn cháy 143 tàu chiến.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công ta đã đánh phủ đầu giặc Mỹ bằng những trận Núi Thành (Quảng Nam 27-5-1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi 18-8-1965). Mùa khô 1965-1966 ta phát triển mạnh chiến tranh du kích đánh thắng nhiều trận lớn loại khỏi vòng chiến đấu 114.000 tên (có 4.300 tên Mỹ và chư hầu), bắn rơi và phá hủy 1.440 máy bay, diệt hơn 1.300 xe tăng, xe cơ giới, bắn chìm 27 tàu xuồng. Mùa khô thứ hai ta lại tiêu diệt 175.000 tên (có 70.000 tên Mỹ và 15.000 quân chư hầu), bắn rơi phá hủy 1.800 máy bay, diệt 4.000 xe tăng, xe cơ giới, 3.400 khẩu pháo, 100 tàu xuồng.

Đầu 1968 quân dân miền Nam mở cuộc tập kích chiến lược vĩ đại Xuân Mậu Thân tiến công và nổi dậy đồng loạt ở 64 thành phố, thị xã, thị trấn, tiến công 45 sân bay, đưa chiến tranh vào tận hậu phương địch. Trong đợt tiến công Tết Mậu Thân ta diệt và bắt sống hơn 200.000 tên (có 70.000 tên Mỹ và chư hầu), làm tan rã 210.000 quân nguy, bắn rơi phá hủy 3.400 máy bay, diệt 5.000 xe tăng, xe cơ giới, 490 khẩu pháo, 330 tàu xuồng, giải phóng hơn 1.000 thôn ấp với 1.600.000 dân.

«Chiến tranh cục bộ» ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc của đế quốc Mỹ bị thất bại, ý chí xâm lược của chúng bị đẩy lùi một bước. Mỹ phải lui về thế phòng ngự chiến lược ở miền Nam và xuống thang ở miền Bắc. Ngày 1-11-1968 Mỹ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại ở miền Bắc và ngồi vào bàn họp Hội nghị 4 bên bàn về Việt Nam ở Pari (25-1-1969).

4. Giai đoạn 1969-1-1973:

Cả nước nỗ lực cao, phối hợp với nhân dân Lào và Campuchia anh em đánh bại chiến lược « Việt Nam hóa chiến tranh » của Nixon buộc Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chủ hầu về nước. « Học thuyết Nixon » là một chiến lược phản cách mạng hết sức thâm độc, xảo quyệt nhưng là sản phẩm của sự suy yếu của đế quốc Mỹ. « Việt Nam hóa chiến tranh » nghĩa là tăng cường và hiện đại hóa quân nguy để thay thế rút dần lực lượng Mỹ về nước, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương bằng đòla và bom đạn Mỹ. Cuối 1969 Mỹ đánh lớn sang vùng giải phóng Lào. Tháng 3-1970 đảo chính ở Nông Pênh, cho quân Mỹ và quân Ngụy Việt Nam xâm lược Campuchia hy vọng xóa sạch « vùng đất thánh ». Tháng 1-1971 dùng 45.000 quân (có 15.000 quân Mỹ), 2.300 máy bay, 600 xe tăng, bọc thép, 300 khẩu pháo đánh ra đường 9-Nam Lào hòng cắt đường chi viện của ta và rèn luyện quân nguy để thay thế quân Mỹ. Quân dân ta đã đập tan mưu đồ của chúng, tiêu diệt hơn 23.000 tên, phá hủy và bắn rơi 500 máy bay, thu gần 600 xe quân sự và 150 khẩu pháo.

Cuộc tiến công chiến lược kéo dài gần 3 tháng năm 1972 ta đã diệt gần 200.000 tên, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, phần lớn tỉnh Công Tum, bắc Bình Định nhiều vùng rộng lớn ở Nam Bộ, khu V, giải phóng hơn 1 triệu dân.

8-6-1969 thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. 21-4-1970 Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương đã củng cố vững chắc hơn nữa khối liên minh Việt-Lào-Campuchia.

Thất bại to lớn ở miền Nam, Lào và Campuchia Nixon liều lĩnh gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc với quy mô to lớn, thủ đoạn xảo quyệt và tàn bạo từ ngày 6-4-1972. Tháng 12-1982 Nixon tiến hành cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân vào thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác với mức độ hủy diệt chưa từng thấy. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai này quân dân miền Bắc đã bắn rơi 754 máy bay Mỹ (có 61 B.52, 10 F.111). Riêng trận « Điện Biên Phủ trên không » trong 12 ngày đêm cuối năm đã bắn rơi 81 máy bay (có 34 B.52, 5 F.111) tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái, bắn cháy 9 tàu chiến.

Thua đau ở miền Nam và thất bại nặng nề ở miền Bắc, bị cô lập về chính trị trên thế giới và trong nước Mỹ, tập đoàn Nixon buộc phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27-1-1973 cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt

Nam, chấm dứt sự dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ngày 29-3-1973 đội quân viễn chinh Mỹ âm thầm, cay đắng cuốn cờ về nước. Lần đầu tiên sau 115 năm trên đất nước ta không còn bóng một tên xâm lược. Cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới.

5. Giai đoạn từ 27-1-1973 đến 30-4-1975:

Giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cả nước dốc sức cao nhất cho nhiệm vụ hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Tuy phải ký Hiệp định Pari Mỹ vẫn ngoan cố duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài nước ta. Chúng đưa thêm vào hàng trăm máy bay, hàng triệu tấn vũ khí trang bị, giết dấy và tiếp sức cho nguy quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari tiếp tục chiến tranh xâm lược bằng kế hoạch « tràn ngập lãnh thổ », những cuộc hành quân « bình định » để lấn chiếm vùng giải phóng.

Trước tình hình mới Đảng ta đã chỉ rõ « Mỹ đã thua, đã cút thì không bao giờ trở lại nữa » (4-1973) và « bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực do đó phải nắm vững chiến lược tiến công » (8-1973). Chỉ đợt 1 của chiến dịch vận tải từ 11-1973 đến 5-1974 tuyến Trường Sơn đã bảo đảm 150.373 lượt người vào ra và 25 đoàn tăng, pháo, thiết giáp vào chiến trường an toàn (trong đó có 82.702 bộ đội và 3.314 cán bộ dân chính đảng vào miền Nam). Đến 12-1974 đã hoàn chỉnh hai tuyến xăng dầu dài 1.400km có 46 kho dự trữ 270.000m³ xăng dầu. Cuối năm 1974 « những điều kiện cho việc giải phóng miền Nam đang chín muồi ». Tháng 1-1975 Bộ Chính trị nhất trí thông qua phương án thực hiện giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976 và chọn chiến trường Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu năm 1975. Bộ Chính trị nhấn mạnh: phải ra sức chuẩn bị về mọi mặt để khi có thời cơ lịch sử thì tập trung lực lượng cả nước giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Chiến thắng Phước Long (6-1-1975) giải phóng toàn tỉnh chứng minh sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng giữa địch-ta từ sau Hiệp nghị Pari. Ngày 10-3-1975 bắt đầu đánh vào bạo bắt ngõ vào thị xã Buôn Mê Thuột mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Đòn đánh trúng huyệt làm rung động cả Tây Nguyên và sau hai tuần toàn vùng Tây Nguyên rộng lớn được

giải phóng. Như một vụ nổ dây chuyền lan nhanh ra các tỉnh ven biển miền Trung. 26-3 quân ta giải phóng Huế, 29-3 giải phóng Đà Nẵng sau 32 giờ tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn hơn 100.000 quân ngụy. Tiếp theo là sự sụp đổ dồn dập của ngụy quyền ở Bình Định, Phú Yên (1-4), Lâm Đồng (2-4), Khánh Hòa, Cam Ranh (3-4), Tuyên Đức (4-4). Toàn bộ quân địch ở Quân khu 1 và 2 bị xóa sổ. Chúng co cụm lập hệ thống phòng ngự mới từ Phan Rang đến Cần Thơ.

Ngày 25-3 Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định và ngày 14-4 Bộ Chính trị

quyết định đặt tên cho chiến dịch trên là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 9-4 ta đánh Xuân Lộc. 16-4 giải phóng Phan Rang rồi Bình Thuận, Bình Tuy, Nguyễn Văn Thiệu tên tay sai đắc lực vào bậc nhất của Mỹ phải từ chức và chuẩn ra nước ngoài.

Ngày 26-4 quân ta tiến công lớn vào đông và tây nam Sài Gòn. Đúng 0 giờ 29-4 từ nhiều hướng tiến vào thành phố và sáng 30-4 một đơn vị đánh vào trung tâm chiếm phủ tổng thống ngụy. Ngụy quyền trung ương tuyên bố đầu hàng không điều kiện lúc 11 giờ 30 ngày 30-4-1975.

II - Một số tư liệu

A. Về đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn

1. Lực lượng và chi phí của Mỹ

	Chiến tranh thế giới thứ hai	Chiến tranh xâm lược Triều Tiên	Chiến tranh xâm lược Việt Nam
Thời gian	3 năm 8 tháng (12-1941 - 8-1945)	3 năm (6-1950 - 6-1953)	11 năm 01 tháng (12-1961 - 1-1973)
Số quân Mỹ lúc cao nhất		327.000 (6-1953)	549.500 (4-1969)
Quân Mỹ chết và bị thương	405.399	134.951	905.457 (cả Mỹ và chư hầu)
Số thuốc nổ đã dùng (tấn)	5.000.000	2.600.000	14.300.000 (1961 - 1973)
Số máy bay sử dụng lúc cao nhất		1.500	6.431 (1969)
Số phi vụ		425.000	1.651.122
Tồn thất về máy bay	27.000	3.000	35.081
Chi phí chiến tranh (tỷ đôla)	341	20	gần 900 (theo giáo sư Xtiven)

2. Tiềm lực quân sự của Mỹ:

Số dân: 215.810.000 người

Tổng thu nhập quốc dân: 1.397,4 tỷ đôla
(1974)

Tổng số quân: 2.130.000

Ngân sách quốc phòng: 92,8 tỷ đôla (tài khóa 75 - 76)

Lực lượng quân sự (1975)

+ Lực lượng hạt nhân chiến lược:

- Hải quân: 41 tàu ngầm mang 565 tên lửa (có 25 tàu ngầm nguyên tử)

- Không quân: 463 máy bay ném bom chiến lược.

- Tên lửa vượt đại châu: 1.054.

- Lực lượng phòng thủ chiến lược: 100 tên lửa chống tên lửa, 374 máy bay tiêm kích

+ Lục quân: 785.000 tên (đóng ở nước ngoài 240.000 tên)

+ Hải quân: 536.000 tên, 15 tàu sân bay, 179 tàu nổi cỡ lớn, 75 tàu ngầm tiến công, 1.900 máy bay.

+ Không quân: 612.000 tên, 5.000 máy bay chiến đấu.

3. Quân số dịch tham gia chiến tranh :

Năm	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970	1971
Mỹ (vạn)	0,32	1,13	1,63	2,33	18,43	38,53	48,56	53,61	47,52	33,46	15,7
Ngụy (vạn)	26	29	46	54	60	67,1	79,9	99,8	114,8	120	120
Chư hầu (vạn) (gồm Nam Triều Tiên, Úc, Philippin, Tân Tây Lan, Thái Lan).					2	5,3	5,9	6,6	6,9	6,8	6,7
Tổng số (vạn)	26,32	30,13	47,63	56,33	80,43	110,93	134,36	160,01	169,22	160,26	142,4

Mỹ đã huy động 70% lực quân, 60% không quân, 40% hải quân, 60% lính thủy đánh bộ, 85% tàu chiến toàn nước Mỹ vào chiến tranh xâm lược Việt Nam.

triệu rưỡi công nhân vào việc nghiên cứu và sản xuất vũ khí, đồ dùng quân sự phục vụ chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Mỹ đã huy động 40% các nhà vật lý, 260 trường đại học, 22.000 xi nghiệp lớn với 5

6 triệu lượt người Mỹ đã bị đưa sang tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam trong đó có 4.649.000 người dưới 30 tuổi.

4. Thay đổi Tổng thống, đại sứ, tổng tư lệnh Mỹ ở miền Nam Việt Nam :

Năm	Chiến lược của Mỹ ở Việt Nam	Tổng thống	Đại sứ Mỹ ở Việt Nam	Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ
1955 - 60	« Chiến tranh một phía »	Aixenhao (... - 1960)	Côlin (1954 - 1957) Dócbrô (1957 - 1961)	
1961 - 64	« Chiến tranh đặc biệt »	Kennôđi (1961 - 1963)	Năutinh (1961 - 1963) Cabôtt Lốtgior (1963 - 1964)	Hakin (1962 - 1964)
1965 - 68	« Chiến tranh cục bộ »	Giôn-xơn (1963 - 1968)	Taylor (1964 - 1965) Cabôtt Lốtgior (1965 - 1967)	Oétmôlen (1964 - 1968)
1969 - 75	« Việt Nam hóa chiến tranh »	Nich-xơn (1969 - 1974) Pho (1974 -)	Băn-cơ (1967 - 1973) Matin (1973 - 1975)	Abram (1968 - 1971) Uây-oen (1971 - 1973)

5. Tội ác do đế quốc Mỹ gây ra :

Miền Bắc trong chiến tranh phá hoại đã tàn phá nặng 3 thành phố; phá hủy hoàn toàn 9 thị xã, 53 thị trấn, 150 xã; phá hủy 3.000 trường học, 350 bệnh viện, 1.500 bệnh xá.

Miền Nam; chỉ từ 7-1954 đến 3-1965 mở hơn 100.000 trận càn quét; giết 170.000 người; giam bị thương, tra tấn gây thương tật 800.000

người, giam cầm hơn 400.000; mổ bụng, mổ gan, khoét mắt chôn sống 5.000; hãm hiếp gần 20.000 phụ nữ; đồn trên 5.000.000 người vào các khu, ấp tập trung.

Đã rải xuống miền Nam 75.600.000 lít thuốc độc hóa học làm 1.293.000 người bị nhiễm độc, phá hủy 13.000 km² cây lương thực và cây ăn quả, 25.000 km² rừng; giết hại hàng chục vạn trâu bò, hàng triệu lợn.

8—Võ thành tích chiến đấu của quân và dân hai miền:

1. Thành tích đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc (5-8-1964 đến 17-1-1973):

Bắn rơi 4.181 máy bay (có 68 B.52, 13 F.111).
 Tiêu diệt hàng ngàn giặc lái, bắt sống 472 tên (có 4 đại tá, 38 trung tá, 108 thiếu tá).
 Bắn chìm, bắn cháy 271 lần chiếc tàu chiến, tàu biệt kích.

Thời gian	Bắn rơi máy bay	Bắn chìm cháy tàu chiến
1964	12	1
1965	834	15
1966	773	22
1967	1.067 có (5 B52)	69
1968	571 (có 1 B52 và 3 F.111)	36
1969 - 1971	170 (có 1 B.52)	3
1972	734 (có 54 B.52 và 10 F.111)	118
(Riêng 12 ngày đêm cuối năm)	81 (có 34 B.52 và 5 F.111)	9
1973	20 (có 7 B.52)	7
Tổng cộng	4.181 (có 68 B52 và 13 F.111)	271

gồm 47 kiểu thuộc 16 loại máy bay khác nhau.

Các tỉnh bắn rơi trên 100 máy bay là:

— Quảng Bình 704	— Nghệ An 553
— Thanh Hóa 376	— Hà Nội 338
— Hải Phòng 317	— Vĩnh Linh 283
— Hà Tĩnh 267	— Quảng Ninh 199
— Hà Bắc 162	— Nam Hà 120
— Vĩnh Phú 120	

2. Miền Bắc chi viện sức người, sức của cho chiến trường (qua hệ thống đường Trường Sơn).

— Hơn 2 triệu rưỡi lượt người vào ra gồm 2 triệu chiến sĩ và hàng chục vạn cán bộ dân chính đảng, kỹ thuật (chuyển quân vào: 1959 - 64: 10 vạn; 1965 - 68: 20 vạn; 1969 - 72: hơn 60 vạn; 1973 - 75: 55 vạn - Riêng chiến dịch Hồ Chí Minh có 41 vạn chiến sĩ).

— Từ 1959 - 64 chuyển được 3.429 tấn vật chất.

1965 - 75 chuyển được 666.143 tấn vật chất (gồm 15,5 vạn tấn vũ khí, 32,3 vạn tấn lương thực); cho Trị Thiên 24,4 vạn tấn; Tây Nguyên 13 vạn; khu V 12 vạn; Nam Bộ 18 vạn tấn.

3. Xây dựng lực lượng vũ trang:

1959 qua phong trào «Đồng khởi» toàn miền có 139 trung đội vũ trang tập trung.

1964 đã có 150.000 bộ đội tập trung và 300.000 du kích tự vệ.

1969 có 60 trung đoàn chủ lực.

1974 có 113 trung đoàn chủ lực, 5 trung đoàn thiết giáp, 700 xe tăng, 1.300 súng cao xạ, 55 dàn SAM 2 và 7.

Các quân đoàn lần lượt thành lập: Quân đoàn I 24-10-1973, Quân đoàn II 17-5-1974, Quân đoàn IV 20-7-1974 và Quân đoàn III 27-3-1975.

4. Thành tích chiến đấu tổng hợp:

Các chiến lược của Mỹ	Năm	Tiêu diệt và tàn rã				Thu và phá hủy			
		Quân địch		Đơn vị địch		Máy bay	Đại bác	Xe bọc thép	Tàu xuồng chiến đấu
		Mỹ, chư hầu	Ngụy	Cộng	Sư đoàn	Trung đoàn	Tiêu đoàn	Đại đội	
« Chiến tranh một phía »	1959		4.000	4.000					
	1960		12.000	12.000					
-Cộng:			16.000	16.000					
« Chiến tranh đặc biệt »	1961	8	34.321	34.329				13	17
	1962	256	49.102	49.358				34	72
Cộng:	1963	993	92.303	93.296				85	111
	1964	2.000	126.123	128.123				141	292
« Chiến tranh cục bộ »		2.357	301.849	305.106				273	522
Cộng:	1965	19.200	148.300	167.500				426	166
	1966	118.000	150.200	268.200		4		1.200	97
Cộng:	1967	170.000	195.000	365.000				750	200
	1968	230.000	400.000	630.000		8		1.100	1.000
Cộng:		537.200	893.500	1.430.700		9		1.850	1.463
« Chiến tranh Việt Nam hòa »	1969	235.000	410.000	645.000				2.500	1.700
	1970	110.000	310.000	420.000		6		10.000	1.700
Cộng:	1971	20	230.000	250.000		5		1.850	680
	1972	chưa biết	500.000	500.000	8	35		2.500	700
Đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược		365.000	1.450.000	1.815.000	8	46		7.500	400
								22.750	3.480
Đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược	1971		255.000	255.000				1.112	416
	1975		1.351.000	1.351.000	19	62		2.074	1.611

HAI TƯ LIỆU LỊCH SỬ VỀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

TỈNH THANH HÓA

ĐINH XUÂN LÂM

SAU khi chiếu Cần vương lần thứ nhất được phát đi từ sơn phòng Tân Sở, tỉnh Quảng Trị (13-7-1885), Thanh Hóa là một trong những tỉnh đã hưởng ứng sớm và có phong trào chống Pháp mạnh.

Chúng tôi xin công bố bản dịch hai tư liệu lịch sử có liên quan đến vai trò của Tổng Duy Tân trong phong trào chống Pháp ở Thanh Hóa nói riêng và ở Trung - Bắc Kỳ nói chung để bạn đọc tham khảo. Hai tư liệu này đều được sưu tầm tại Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là quê hương của Tổng Duy Tân.



Chiếu chỉ của Hàm Nghi phong Tổng Duy Tân chức Đông các đại học sĩ, Nghị trung tướng, Tổng thống Bắc Kỳ Quân vụ đại thần⁽¹⁾

« Ngày 10 tháng 5 năm Hàm Nghi thứ 7⁽²⁾, chúng tôi là Trương Quang⁽³⁾ và Tôn Thất Văn sung chức Hành tại Cơ mật viện, phụng kiem Nội thị đại thần kính vâng thượng dụ⁽⁴⁾:

« Trẫm còn trẻ gặp lúc biến giặc Tây nên lâu nay trú nấu nơi lam chướng, muốn cùng các tướng sĩ, quan lại, đại thần lo toan cứu nước để yên tôn miếu xã tắc, cứu vớt nhân dân. Nhưng đang lúc thế giặc mạnh, xa giá đề nơi nào cũng đều gặp ngăn trở, bất đắc dĩ phải tìm nơi yên ổn để mưu tính dần dần. Nhưng vì tình hình chiến sự nên đường giao thông bị trở ngại, hôm sớm lo âu, cực hơn là nằm gai nếm mật. Vừa rồi Trẫm tiếp được các tập văn an của các quân thứ Nam Kỳ nói rằng lũ giặc mưu toan việc cướp giá⁽⁵⁾. Tuy việc làm của chúng không ra gì, nhưng có quan hệ đến quốc sự, lẽ nào để cho chúng làm cản như vậy. Trẫm đã chuẩn cho Phan Đình Phùng, Đốc thị lương kỹ quân vụ⁽⁶⁾ mật báo tin này ra để mọi nơi được biết. Lại tiếp được tờ tấu của Phan Đốc thị cho

biết: « Các đạo nghĩa quân Bắc Kỳ đều một lòng kiên quyết chống giặc, tình hình có nhiều triển vọng, nhưng nhiều vị Thống đốc đại thần đã qua đời. Hiện nay cần có người điều khiển ». Trẫm xem qua xiết bao nỗi buồn rầu, không sao ngăn nổi dòng lệ. Than ôi! nạn lớn chưa yên, việc lớn chưa thành, giữa đường dang dở. Cổ lão sao mai! Ngày nay tuy toàn cục đã tạm ổn, nhưng các quân thứ còn rời rạc, nếu không có người đứng ra thống đốc, làm sao có thể vượt qua tình thế khó khăn hiện giờ được. Trẫm đang tìm hiểu để lựa chọn người giữ trọng trách đó thì tiếp được tin Tổng Tuy Tân từ nội địa⁽⁷⁾ trở về Trung Kỳ để điều khiển mọi việc, lòng Trẫm rất mừng. Sau đó lại tiếp được tấu tâu nói: « Tình hình ở Bắc Kỳ hiện nay rất tốt, nếu lại được người như thế thì còn lo gì nữa! ». Ôi nước Việt Nam là một nước văn hiến đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử, thành triều ta đã dựng nước lâu dài muôn thuở, ơn đức rộng khắp đến mọi người, nay gặp biến cố cũng là việc ngẫu nhiên trong vận hội mà thôi. Nhưng đạo thời lúc nào cũng giúp kẻ thuận, loạn rợ Hồ⁽⁸⁾ cũng không đến trăm năm. Nay thế của ta ngày một mạnh, thế của giặc ngày một yếu, chính là lúc lòng trời nghĩ lại, nhà nước ta đã đến lúc phục hưng. Bởi vậy mọi việc cần phải chấn chỉnh, hiệu lệnh cần phải nghiêm minh, chính là ở lúc này. Trẫm sẽ xuống dụ cho các quân thứ Nam Kỳ phải tuân lệnh ra ngoài, và đặc chuẩn cho Tổng Duy Tân thăng thụ chức Đông các Đại học sĩ, Nghị trung tướng, Tổng thống Bắc Kỳ Quân vụ đại thần, để hết lòng giúp nước sớm được thành công. Và lại đang lúc nước nhà có nhiều việc nên việc cốt yếu là thu góp nhân tài, phá cách để bạt dụng thì mới mong đạt được nhiều kết quả tốt. Nếu người nào có tài lược đều đủ, có kiến thức gồm hơn, lại dùng cặn hơn người và có tài nghệ xuất chúng thì không kể là đã gặp hay chưa gặp đều nên tùy tài bạt dụng⁽⁹⁾ cho xứng đáng với tài năng. Đối với những người đã giúp

nước rồi nhưng không may lại quá cố thì nên đăng ký để sau này tặng thưởng. Đối với những người hiện còn sống, công trạng như thế nào cũng cần xét đúng sự thực để gia thưởng đẳng nêu gương khuyến khích; văn từ Tham tướng trở xuống, võ từ Phó tướng trở xuống, đều lượng cho tùy tài bổ dụng, cấp cho đủ giấy tờ để làm nhiệm vụ rồi tâu lên để Trẫm ban sắc chỉ xuống. Ngoài ra, bên văn từ các chức Hiệp thống, Hiệp đốc, Tham tán đại thần, bên võ từ các chức Đô thống đại thần, hễ ai có khả năng đảm đương được chức vụ cũng cho phép tâu lên để chờ Trẫm chuẩn y. Còn mọi việc quân quốc⁽¹⁰⁾ đều được phép tùy tiện xử trí cho thỏa đáng. Rồi đây Trẫm sẽ lựa chọn một vị hoàng thân hoặc tôn thất thân thần hiền lành, sáng suốt quản lý các việc quân quốc trọng sự để làm tai mắt cho Trẫm. Mọi việc cần làm cũng do vị thân thần ấy quyết định, rồi sau sẽ tâu lên để phù hợp với tình hình hiện tại. Nguyễn Đức Ngữ và Hoàng Văn Thúy⁽¹¹⁾ danh vị tuy còn thấp, nhưng xét ra đã khảng khái cần vương, quả là những người hết lòng vì nghĩa. Vậy phong cho Đức Ngữ làm Chương vệ sung chức Phó tướng đạo Hà Ninh⁽¹²⁾. Văn Thúy làm Chương vệ sung chức Phó tướng đạo Tam Tuyên⁽¹³⁾, dưới quyền điều khiển của Tổng thống đại thần. Các khanh nên thủy chung một lòng, cổ vũ bộ thuộc đồng lòng hiệp sức lập công to, như vậy chẳng những được rõ ràng trong lúc này mà muốn đời về sau còn được lập đền dựng bia, cùng các vị Vọng các công thần công lao ghi truyền mãi mãi. Khâm thủ».

Hành tại Cơ mật viện cung lục⁽¹⁴⁾

Tổng thống đại thần Tổng tuân biện »⁽¹⁵⁾.



Thư của Chánh sở sơn phòng Tổng Dục Tân trả lời công sứ Pháp tỉnh Thanh Hóa⁽¹⁶⁾

« Ngày 10 tháng này⁽¹⁷⁾ tôi kính tiếp được thư gửi đến, trong đó có câu: « Chỉ mong đức Hoàng đế được yên ổn, giàu sang, tôn vinh; dân chúng ở các tỉnh đều được an cư lạc nghiệp »; chúng tôi bất giác rơi nước mắt, lấy làm đa tạ tấm lòng tốt của quý sứ. Lòng

chúng tôi không phải là không muốn như thế, nhưng vì nghĩa lớn bó buộc, muốn thôi mà không được. Phương chi hiện nay các toán lính ở Thiệu Hóa, Thọ Xuân tràn qua, vợ vết, các toán lính ở Hoàng Hóa, Hậu Lộc cũng luôn luôn đến đòi hỏi lời thôi, chúng tôi dù có ngồi nhìn người ta cũng chẳng dung nào, nên mới có hành động như thế. Lúc đầu cũng là để phòng bị chống lại bọn giặc khác mà thôi. Còn về phần quý quan⁽¹⁸⁾, quân mạnh thế lợi như thế nào, chúng tôi vốn đã biết rõ, có dám nói là chống lại đâu. Nhưng không biết tại sao ngày 6 tháng 6⁽¹⁹⁾ quân Pháp tự ý đến bắn súng vào, ngày 17 tháng 8⁽²⁰⁾ lính tập đến đốt phá làng xóm, làm cho anh em thủ hạ của chúng tôi nhất thời phẫn khích, nhiều người rất bất bình. Việc đó đã qua không cần kể lại dài dòng nữa.

Chúng tôi nghĩ quý sứ đã có lòng tốt muốn yên dân, thế mà ở miền dưới thì quan Phủ Hà Trung dẫn quân đi đốt phá, ở phía trên thì Bang tá phủ Quảng Hóa⁽²¹⁾ cũng cho lính ra cướp bóc. Ví như xã Bản Thủy⁽²²⁾ đã ra thú, nộp bạc mà ngày 7 tháng này⁽²³⁾ vẫn còn bị cướp bóc của cải, đồ thờ tế. Lại như các xã Đa Bút, Ngọc Bội⁽²⁴⁾ cũng bị quân Pháp và giáo dân đến cướp phá giữa ban ngày. Những hành động như thế đều là dựa vào uy danh của người Pháp để mưu tính lợi riêng mà thôi. Thế mà lại buộc chúng tôi phải khuyến dân ra đầu thú thì làm sao có thể khuyến được?

Chúng tôi đây đã bị nước mất, nhà tan, không còn có ràng buộc gì nữa, nên thực là ở vào thế cưỡi hổ, tiến lui đều khó. Chúng tôi cùng với thủ hạ phải dựa vào rừng sâu để giữ, quân Pháp đến thì đi, quân Pháp đi lại về, nếu may mà Bá Di không chết thì nói Thú Dương vị tất đã là đất của nhà Chu⁽²⁵⁾, thầy Đào tử vẫn còn thì lịch Giáp Tý vẫn là của nhà Tấn⁽²⁶⁾. Nếu muốn một trời không giúp họ Lưu⁽²⁷⁾, thế không thể nào được nữa thì chúng tôi sẽ uống rượu say một phen, yết đức Tiên đế dưới suối vàng⁽²⁸⁾, tìm ông Diên Hoành ngoài hải đảo⁽²⁹⁾.

... Nếu quý sứ có lòng tốt bảo hộ thì xin tạm đặt hạt chúng tôi ra ngoài vòng, đợi sau khi mọi việc yên ổn sẽ xử trí sau thì may lắm, may lắm. Vậy xin phúc đáp.

Hàm Nghi, năm thứ 2, ngày tháng 9.

CHỮ THỊCH:

(1) Theo bản dịch của nhóm nghiên cứu lịch sử, địa phương ở Bồng Trung (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa).

(2) Đối chiếu với dương lịch là ngày 16-6-1891.

(3) Bản gốc bị mực nát thiếu mất tên người. Chúng tôi đoán là Trương Quang Đản vì sau khi Bắc Kỳ bị giặc Pháp chiếm, Trương Quang Đản đã về Huế giữ chức tại triều.

- (4) Dự của nhà vua ban xuống
- (5) Chỉ việc bắt vua dọc đường.
- (6) Phan Đình Phùng được Hàm Nghi phong cho chức Đốc thị quân vụ hai xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- (7) Từ Trung Quốc về nước.
- (8) Chỉ giặc Pháp xâm lược.
- (9) Tùy theo tài năng mà cất nhắc đề dùng.
- (10) Việc vua, việc nước.
- (11) Chỉ Đốc Ngừ và Đề Kiêu, hai thủ lĩnh nghĩa quân vùng Hòa Bình và Sơn Tây (nay thuộc Hà Sơn Bình).
- (12) Hà Nội và Ninh Bình.
- (13) Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang.
- (14) Viện Cơ mật ở nơi vua trú khi đi xuất tuần.
- (15) Chiều theo mà làm.
- (16) Bức thư gốc này do Tống Duy Tân viết trong cuốn Gia phả họ Tống ở Bồng Trưng (cuối Gia phả có đề mấy chữ: *Tống Duy Tân phụng khảo*, và bên trong có đóng ba loại ấn son của Tiến sĩ Tống Duy Tân), nhưng bị thiếu một số chữ, vì trong kháng chiến lần thứ nhất, ngày 17-3-1953 máy bay Pháp đánh phá làng Bồng Trưng, nhà thờ họ Tống bị thiệt hại, Gia phả bị cháy xém một phần.
- Chúng tôi đã đối chiếu bức thư gốc đó với tài liệu của nhóm Nghiên cứu lịch sử địa phương ở Bồng Trưng để khôi phục những chữ thiếu sót.
- (17) Ngày 10 tháng 9 năm Bình Tuất (đối

chiếu với dương lịch là ngày 7-10-1886). Công sứ Pháp tỉnh Thanh Hóa gửi thư cho Tống Duy Tân đề dụ dỗ, mua chuộc ông.

- (18) Chỉ bọn Pháp.
- (19) Đối chiếu với dương lịch là ngày 7-7-1886.
- (20) Đối chiếu với dương lịch là ngày 14-9-1886.
- (21) Tức huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- (22 + 24) Bản Thủy, Đa Bút, Ngọc Bội đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.
- (23) Đối chiếu với dương lịch là ngày 4-9-1886.
- (25) Bá Di và Thúc Tề là con vua nước Cồ Trúc, cuối đời Ân (Trung Quốc). Hai người bỏ vào núi Thù Dương ở Ân, chỉ ăn rau không thêm "ăn gạo nhà Chu", sau chết đói. Ý nói Tống Duy Tân nhất định không chịu hàng Pháp.
- (26) Ý nói nếu Tống Duy Tân chưa chết thì ông vẫn theo lịch nhà Nguyên, không chịu theo Pháp, ví như trước kia Đào tử tức là Đào Tiềm ở Trung Quốc vẫn theo lịch nhà Tấn.
- (27) Lưu Bị là ông vua khai sáng triều Hán, được xem là chính thống trong lịch sử Trung Quốc. Đây có ý nói nếu bị thất bại trong việc cần vương, Tống Duy Tân sẽ bỏ đi, bất hợp tác với Pháp.
- (28) Chỉ vua Tự Đức mất hồi tháng 8-1883 (năm Quý Mùi).
- (29) Ý nói Tống Duy Tân sẽ bỏ đi xa không ở lại hợp tác với giặc Pháp.

HỘI NGHỊ KHOA HỌC

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM BÀNH TRƯỚNG, BÁ QUYỀN CỦA GIỚI SỬ HỌC TRUNG QUỐC XUYỀN TẠC LỊCH SỬ VIỆT NAM

TỪ đầu năm 1979 đến 1984 trên Tạp chí « Hồng Kỳ » đã có hơn 20 bài, báo « Nhân dân nhật báo » có gần 20 bài một số cuộc hội thảo, một số sách được viết đề tuyên truyền xuyên tạc lịch sử VN, phục vụ cho mưu đồ xấu xa của những người cầm quyền Bắc Kinh. Cuộc tấn công này liên tục, kéo dài, có hệ thống và quy mô, với nhiều thủ đoạn nhằm vào hầu hết các lĩnh vực và thời kỳ lịch sử VN: Những « luận điểm », « luận cứ » của những nhà sử học này không có gì mới so với những sử gia phong kiến TQ và một số sử gia từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa đến nay. Nếu có cái mới thì chỉ là ở cái vỏ « khoa học », « mác xít » mà thôi. Nội dung nhất quán của các bộ sử từ triều đại Hán, Đường Minh, Thanh rồi Trung Hoa dân quốc và cho đến nay là chủ nghĩa bành trướng Đại Hán là mưu đồ « lấy xưa phục vụ nay », xuyên tạc lịch sử để phục vụ chủ nghĩa bành trướng.

Quan triết trong toàn bộ các luận văn, sách báo của các nhà sử học này là tìm mọi cách chứng minh: dân tộc VN vốn bắt nguồn từ dân tộc Hán, nền văn hóa VN cũng từ nền văn hóa Trung Nguyên, Hoa Hạ. Những trống đồng Đông Sơn nổi tiếng của VN cũng từ văn hóa đồng thau Hoa Nam mà ra, VN không có nhà nước cổ đại Văn Lang, Âu Lạc. Các cuộc khởi nghĩa chống TQ xâm lược thời cổ đại mà tiêu biểu là khởi nghĩa Hai Bà Trưng bị coi là cuộc nổi dậy trong nội bộ TQ, mang nặng tính phản động vì đã tách rời các mối quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội với « TQ văn minh ». Đất nước VN từ xa xưa chỉ là quận, huyện của TQ và cho đến khi giành được độc lập tự chủ (thế kỷ X) thì cũng vẫn là « phiên thuộc », « chư hầu » của TQ. Họ đánh giá tướng phi Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp ở Bắc Kỳ là « Ngọn cờ chống chiến tranh đế quốc đầu tiên được giương cao trong lịch sử thế giới cận đại ». Vấn đề biên giới trên đất liền và hải đảo cũng là một chủ đề xuyên tạc của họ.

Cuộc tấn công bằng cách xuyên tạc lịch sử vẫn là tiếp tục đề phục vụ cuộc chiến tranh biên giới do nhà cầm quyền Bắc Kinh gây ra hiện nay.

Cũng từ mấy năm nay trên lĩnh vực sử học các nhà sử học VN chúng ta cũng đã có những hoạt động kịp thời phê phán, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc lịch sử VN trên báo chí, sách, đài phát thanh. Để tiếp tục phê phán vạch trần sự xuyên tạc, khôi phục lại sự thật lịch sử, Viện Sử học đã tổ chức Hội nghị khoa học trong hai ngày 28-2 và 1-3 năm 1985. Tham dự Hội nghị có nhiều giáo sư sử học, chuyên viên, cán bộ nghiên cứu của Viện Sử học, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, trường Đại học Sư phạm I Hà Nội, Viện Khảo cổ học, Viện Dân tộc học, Viện Văn học, Học viện quân sự cao cấp và nhiều cán bộ nghiên cứu quan tâm đến vấn đề trên. Hội nghị đã nghe trên hai chục tham luận khoa học về hầu hết các lĩnh vực đang bị bọn sử gia bồi bút TQ xuyên tạc.

Mở đầu Hội nghị Giáo sư Văn Tạo, Viện trưởng Viện Sử học nêu lên mục đích Hội nghị là « lột mặt nạ những kẻ mượn danh khoa học lịch sử để xuyên tạc lịch sử VN, nhằm bành vực cho mưu đồ bành trướng, bá quyền ». Đồng chí nêu lên nội dung của Hội nghị là phê phán những luận điệu xuyên tạc về người Việt cổ, về nhà nước cổ đại VN, về chủ nhân nền văn hóa cổ đại trên đất VN, về các cuộc đấu tranh chống Đại Hán xâm lược mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng; phê phán sự xuyên tạc về mối quan hệ Việt - Trung trong lĩnh vực bang giao, quân sự, kinh tế thời kỳ Đại Việt; phê phán sự xuyên tạc về vấn đề cương vực, biên giới với ý đồ « khôi phục » lại những đất đai mà trước kia bọn bành trướng Đại Hán từng chiếm đóng của các dân tộc láng giềng.

Trước khi đi vào những vấn đề cụ thể, đồng chí Tạ Ngọc Liên (Viện Sử học) đã

«Điềm qua những bài viết xuyên tạc lịch sử VN của sử học TQ từ 1979 đến nay». Mở màn cho chiến dịch xuyên tạc, vu cáo đó là bài «Màn biểu diễn vùng về lợi dụng lịch sử chống lại TQ» của Trâu Khải Vũ trong «Tạp chí Hồng Kỳ» số 2 năm đó nhằm xuyên tạc cuộc kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt; Trong số hơn vài chục bài viết trên Hồng Kỳ thì bài «Sử học ngụ phục vụ chủ nghĩa bá quyền khu vực» của Đới Khả Lai và Hứa Vĩnh Chương (Hồng Kỳ số 7-1982) cùng với bài của Trâu Khải Vũ là hai bài «cương lĩnh» trong việc xuyên tạc lịch sử VN. Đới và Hứa xuyên tạc một cách hệ thống 4 chủ đề lớn của lịch sử VN. «Nhân dân nhật báo» cũng có gần 20 bài viết xuyên tạc tập trung vào quan hệ VN - Campuchia và vấn đề biên giới Trung-Việt. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* có hai bài xuyên tạc nguồn gốc dân tộc VN trích sách «Việt sử lung khảo» của Mông Văn Thông và «Độc Việt sử lung khảo» của Trần Ngọc Long. Sách «Bách Việt dân tộc sử luận tập» gồm 22 trong số 50 tham luận tại Hội thảo về lịch sử dân tộc Bách Việt tổ chức tại Đại học Hạ môn tháng 6-1980 đầy rẫy tư tưởng bành trướng, phản lịch sử. Xuyên tạc một cách toàn diện và có hệ thống hơn cả là cuốn «Biên tập chọn lọc tư liệu lịch sử quan hệ Trung-Việt cổ đại» do tổ biên tập của Sở nghiên cứu lịch sử viết, xuất bản 1979. Toàn bộ lịch sử VN được trình bày theo dụng ý xuyên tạc hết sức xấu xa và trắng trợn. Năm 1980 họ mở Hội nghị về trống đồng ở Nam Ninh để mao nhận họ là «gốc» của trống đồng. Năm 1983 mở Hội nghị kỷ niệm chiến thắng Cầu Giấy 1883 nhằm biểu dương quân Cờ đen và Lưu Vĩnh Phúc

Những người tham dự Hội thảo lần lượt trình bày các tham luận và sau mỗi tham luận đều có trao đổi ý kiến để làm sáng tỏ thêm các vấn đề được nêu lên.

1. Về lịch sử cổ đại VN:

Từ lâu, nhằm khơi dậy tinh thần xô-vanh Đại Hán giới khảo cổ TQ đề cao nền văn minh Hoa Hạ, xem văn minh Hoa Hạ (vùng Hoa Bắc, Hoàng Hà, Trung nguyên) là trung tâm của mọi nền văn minh cổ của thế giới (!) Từ đây văn minh Hoa Hạ cách đây hơn 1 vạn năm đã tỏa sang Bắc Mỹ và xuống tận các đảo Đông Nam Á. Mấy năm nay họ lại đề cao văn hóa vùng Hoa Nam và xem như một khu vực quan trọng hình thành văn hóa TQ, chẳng qua là để phục vụ ý đồ biến Hoa Nam thành tiền phương xâm lược VN. Đề cao Tần Thủy Hoàng cũng là để đề cao công trạng xâm lược phương Nam mở rộng bờ cõi

mà thôi. (Hoàng Xuân Chinh, Viện Khảo cổ). Các nhà khảo cổ học TQ cố chứng minh «tộc Việt hình thành là do sự dung hợp giữa các người thổ trước phương Nam với người Hạ thiên di xuống» nghĩa là «Lạc Việt ở phía Nam cũng là xuất phát từ người Việt ở Triết Giang. Phúc Kiến» bài tham luận của Hứa Văn Tấn (ĐHTHVN) chỉ rõ nhiều luận điểm của khảo cổ học TQ là chưa có đủ cơ sở và còn mang nặng quan điểm Đại Hán tộc như cho «người Hán đồng hóa người Việt là một xu thế lịch sử tất yếu và tích cực» (!) cũng như cho «vấn đề Việt là vấn đề nội bộ TQ, vấn đề của TQ» (!). Nhiều nhà nghiên cứu trong và nhiều nước đều cho rằng Bách Việt không phải là một tộc người mà là một dạng cộng đồng vi tộc người hay siêu tộc người, là tổ tiên của nhiều dân tộc có ngôn ngữ Thái-Choang, Việt-Mường, Nam Đảo và kể cả Nam Á hiện nay. Những cư dân Việt ngay Từ Mã Thiên cũng đã khẳng định tinh phi Hoa Hạ của họ (Ngô Đức Thịnh, Viện Dân tộc học). Những sử gia Bắc Kinh cố tình chứng minh không có căn cứ cho sự hiện diện sớm của văn hóa Trung Nguyên ở Hoa Nam, sự tham gia dòng máu văn hóa Hoa Hạ để hình thành các dân tộc Bách Việt. Sử học TQ đã bàn cãi, viết in nhiều tài liệu đảo lộn sự phân loại trống đồng để cố chứng minh rằng trống đồng tìm thấy ở VN chỉ là một nhánh tỏa ra của trung tâm trống đồng của người Bách Bộc ở tây trung bộ Văn Nam. Thật ra từ các học giả phương Tây trước đây đến những kết luận xác định bằng khoa học hiện đại đã khẳng định trống đồng VN (diễn hình là trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ) là cổ điển nhất (Phạm Minh Huyền, Viện Khảo cổ). Xuyên tạc về niên đại và nguồn gốc của trống đồng là một khía cạnh để phủ nhận nhà nước cổ đại VN: nước Văn Lang, Âu Lạc thời Vua Hùng, phủ nhận chiều dài lịch sử 4000 năm của ta. Cuốn «Biên tập chọn lọc tư liệu...» tuy năm 1982 mới in nhưng nội dung của nó đã được «Đại công báo» Hương Cảng tung ra từ 16-1-1968 và ngày càng có thêm nhiều sách báo khác tán tụng làm trò tung hứng chẳng qua là do họ thiếu nhuần nhị về phương pháp nghiên cứu tổng hợp những vấn đề lịch sử cổ đại, do hiểu biết rất ít về vị trí, vai trò của phônecolo và phương pháp phônecolo học và do còn biết hơi hợt về những thành tựu mới của khoa học lịch sử VN. (Lê Văn Lan, Viện Sử học). Từ phủ nhận nền văn hóa Đông Sơn, phủ nhận nhà nước cổ đại đầu tiên của VN dẫn đến phủ nhận cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Sử gia TQ buộc phải thừa nhận là có cuộc khởi nghĩa nhưng đó là «giặc», «làm phản» «chống lại bọn tham quan» (chứ không phải là giành lại độc

lập cho đất nước) và Hai Bà thất bại là tất nhiên vì việc tách khỏi người Hán lúc bấy giờ là không phù hợp với lợi ích chung của người Việt, về mặt kinh tế cần phải có liên hệ với nhà Hán (!) Sự thật lịch sử là có một Nhà nước Âu Lạc, Nhà Tần đánh chiếm Bách Việt (218 – 208 trước CN) Triệu Đà lập nước Nam Việt đánh vào Cồ Loa (179 trước CN) của nước Âu Lạc, rồi thần phục nhà Hán. Hai Bà Trưng đã nổi dậy đánh đuổi quan lại nhà Hán, lập chính quyền độc lập, dựng quốc đô Mê Linh cho cả một quốc gia rộng lớn thoát khỏi ách bóc lột kinh tế của người Hán và họ đã chiến đấu bảo vệ đến hơi thở cuối cùng (*Nguyễn Danh Phiệt*; Viện Sử học).

Không thừa nhận nước Âu Lạc của các Vua Hùng, xuyên tạc sự thật lịch sử về cuộc khởi nghĩa giành độc lập dân tộc của Hai Bà Trưng, các sử gia TQ lại gán ghép nước Nam Việt của Triệu Đà, một quan lại của nhà Tần lập chính quyền cát cứ địa phương ở vùng Quảng Châu, khi Tần mất, Triệu thần phục nhà Hán, thôn tính nước Âu Lạc ở vùng Bắc bộ và bắc Trung bộ VN và họ xem đó là một chứng cứ: Âu Lạc là đất của TQ. Mãi thế kỉ X VN mới có nhà nước độc lập đầu tiên (!). Sự thật là nước Nam Việt gồm 3 quận: Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận thuộc lưu vực sông Tây Giang và thủ phủ là Phiên Ngung (Quảng Châu). Chính quyền Triệu vẫn theo đuổi chủ nghĩa bành trướng thôn tính Âu Lạc, dùng mọi thủ đoạn đồng hóa người Việt nhưng đều thất bại. Gần đây khảo cổ học phát hiện mộ Triệu Văn Vương (Triệu Hồ, con của Triệu Đà) ở Tượng Cương Sơn (Quảng Tây) càng chứng tỏ Nam Việt đầy rẫy di vật văn hóa Tần-Hán mà cùng thời chúng ta không tìm thấy ở vùng đất của Âu Lạc cũ (*Kim Ngọc*, Viện Sử học).

2. Về quan hệ Việt – Trung trong lịch sử:

Các sử gia Trung Quốc gần đây khi viết đến lịch sử VN luôn dùng những từ « phiên thuộc » và « tôn chủ », « sách phong » và « triều cống » để tỏ rằng VN từ xưa chỉ là « phiên thuộc », « chư hầu » của TQ, nói cách khác VN vốn là đất đai của TQ mà thôi. Và cũng là để bào chữa cho các cuộc chiến tranh xâm lược của TQ xưa và nay. « Sách phong » và « triều cống » từ Lý đến Lê chỉ là danh nghĩa. Thực tế VN từ Lý đến Lê và cho đến thế kỷ XX đâu có phải là « chư hầu » của TQ. « Cầu phong » và « triều cống » chỉ là thực hiện một đường lối ngoại giao mềm dẻo để giữ vững chủ quyền độc lập dân tộc của một nước VN nhỏ bé hơn kẻ thù nhiều lần. Thực tế chỉ là sau khi đã đánh bại những cuộc xâm lăng

của phong kiến TQ thì các vương triều phong kiến TQ mới chịu nhận « cầu phong » và vương triều VN cũng mới chịu « triều cống ». (*Tạ Ngọc Liễn*, Viện Sử học). Trâu Khái Vũ còn cho rằng « trong quan hệ Trung – Việt, hữu nghị mới là dòng chính ». Sự thật lịch sử hàng ngàn năm qua đầy rẫy những cuộc chiến tranh xâm lược VN gây ra từ phía TQ. Từ nhà Tần đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh có triều đại nào không tiến hành thôn tính VN. Chỉ hoặc là đã bị thất bại to lớn trong chiến tranh xâm lược hoặc là quá suy yếu, hoặc bị đe dọa từ bên ngoài thì họ mới chịu sống « hòa bình, hữu nghị ». Đâu có phải « hữu nghị là dòng chính » trong lịch sử quan hệ Trung – Việt? Danh từ An Nam, Trấn Nam Quan, Ai Nam Quan, Mục Nam Quan cũng chứa đựng tư tưởng bành trướng Đại Hán đối với nước ta rồi. (*Tạ Ngọc Liễn*, Viện Sử học).

Cụ thể hơn họ xuyên tạc, lật ngược sự thật lịch sử về quan hệ Lý – Tống, cho rằng nhà Lý mạnh gây chiến tranh xâm lược « buộc nhà Tống phải phản kích ». Thực tế lịch sử nhà Tống có yếu kém hơn Tần, Hán, Đường nhưng vẫn là đế chế lớn đầy tham vọng bành trướng. Cuộc tấn công của Lý Thường Kiệt vào Ung, Khâm, Liêm là nhằm tiêu diệt các căn cứ mà vua Tống đang chuẩn bị cho cuộc xâm lược VN, giành thế chủ động cho cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược. Ba mươi vạn quân Tống tiến công vào VN và bị đánh bại thảm hại ở Như Nguyệt và chính là sau thất bại đó Tống mới chịu sống hòa bình với ta trong mấy thế kỉ. (*Phan Huy Lê*, ĐHTHVN).

Mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Đại Hán là hủy diệt văn hóa của nước ta. Điển hình là sắc chỉ tháng 7 năm 1407 gửi cho tướng Chu Năng, mà điều 3 trong 10 điều phải làm là: Khi vào nước An Nam trừ sách kinh và bản kinh thì không thiếu hủy, còn tất cả các bản in sách văn tự cho đến những câu ca lý què mùa dân gian, mảnh giấy có một chữ cũng phải đốt hết. Bia trong xứ, bia nào TQ khắc từ trước thì để lại, còn thì phải phá tất cả, một chữ cũng chớ để » (*Sách Việt kiều thư*; quyển II). Hoặc ra lệnh « phải tìm hết các thợ giỏi kĩ nghệ, cùng cả vợ con đem về kinh sư » (Sđd) (*Phan Đại Doãn*, ĐHTHVN). Thực chất của cái « hữu nghị » là vơ vét kinh tế, tàn phá xóm làng, đồng hóa dân tộc bị chiếm đóng. Trước sau trong mọi cuộc chiến tranh xâm lược, cũng chỉ là hoạt động kinh tế trước mắt và lâu dài. « Từ Hán, Đường, Minh, các vương triều TQ đã vơ vét biết bao vàng bạc, thóc gạo, trâu bò, vải lụa và cả người nữa. (*Nguyễn Duy Hinh*, Viện Khảo cổ). Những số liệu cụ thể to lớn này đã bác bỏ

nghiệt ngả lời là «trong hàng ngàn năm lịch sử quan hệ Trung - Việt dòng hữu nghị là chính» của các sử gia TQ.

Các nhà sử học TQ còn xuyên tạc lịch sử cho rằng Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ đen chống Pháp cuối thế kỉ XIX là cuộc chiến tranh tự vệ dân tộc chính nghĩa của nhân dân hai nước Trung - Việt» và «là ngọn cờ chống chiến tranh đế quốc đầu tiên trong lịch sử cận đại thế giới» (!) Thực tế cuộc chiến tranh Pháp - Trung ở VN là hai con thú tranh nhau miếng mồi VN. Nhà Thanh sử dụng Lưu, nuôi dưỡng, cấp súng đạn, «độc thúc Lưu tiến quân trước để chiếm lấy Bắc Kỳ» (Dụ của Quang Tự ngày 27-6 âm lịch 1884) «hai đạo quân Vân Nam, Quảng Tây, phải hợp lực chiếm lấy Bắc Kỳ» (Dụ 7-8 al. 1884) và «Nay cho đem tất cả số 33.3000 lạng bạc của Triết Giang đãi thọ đại quân Vân Nam để làm lương tháng cho quân của Lưu» (Dụ 6-1 al. 1885). Từ một thủ lĩnh nổi loạn bị nhà Thanh đánh phải trốn sang VN được triều Nguyễn «đi độc trị độc» để đàn áp phi ở miền Bắc, Lưu lại phản bội Nguyễn để làm tay sai cho nhà Thanh và suýt được triều Thanh phong cho làm Quốc vương VN (*Tạ Ngọc Liên, Chương Thâu, Viện Sử học*)

3. Về vấn đề biên giới trên đất liền và hải đảo:

Một bá quyền bành trướng đã xuyên suốt lịch sử TQ. Nuôi dưỡng Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ đen chống thực dân Pháp thực chất là mưu đồ chiếm cứ miền Bắc VN và ngăn cản sự xâm lược của thực dân Pháp, bảo vệ phương Nam của chúng và sau đó mặc cả với đế quốc để giành quyền lợi. (Chính sách này chúng ta còn được chứng kiến trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1950 - 1954) và cả trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước

1954 - 1975, của nhà cầm quyền nước CHND Trung Hoa). Cuối thế kỉ XIX TQ đã được Pháp nhượng cho một số đất đai ở biên giới phía Bắc của VN như vùng biên giới Móng Cái và khu mỏ đồng Tụ Long... là những vùng quan trọng về chính trị, quân sự và kinh tế. Để đổi lại Pháp được hưởng một số quyền lợi về buôn bán ở Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam với những biểu thuế quan rất thấp và những khả năng to lớn về đầu tư tại vùng Hoa Nam TQ (*Ngô Văn Hòa, Viện Sử học*).

Việc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa, đe dọa chiếm đoạt quần đảo Trường Sa vốn là lãnh thổ VN, những cuộc tiến công toàn tuyến biên giới phía Bắc tháng 2-1979 và hành động tiếp tục lấn chiếm từ đó đến nay là những đỉnh cao của hành vi xâm lược của chủ nghĩa bành trướng Đại Hán. Bằng nhiều cứ liệu lịch sử đanh thép và bằng pháp lý quốc tế một lần nữa chúng ta đã chứng minh rõ chủ quyền lãnh thổ của ta, vạch trần luận điệu ăn cướp, xuyên tạc địa lý, lịch sử và pháp luật của bọn chúng (*Quang Lợi*)

Cuối cùng Giáo sư Văn Tạo, Viện trưởng đã tổng kết cuộc Hội thảo. Qua hai ngày làm việc nghiêm túc, nhiệt tình và với tinh thần đấu cao, các tham luận, phát biểu tại Hội nghị, bằng lý luận và chứng cứ khoa học đã vạch trần, và phê phán những mưu mô thủ đoạn, những luận điệu nguy hiểm xuyên tạc lịch sử VN và mối quan hệ Việt - Trung «nhằm lấy xưa phục vụ nay» của bọn bành trướng bá quyền Bắc Kinh. Cuộc hội thảo đã lật mặt nạ của chúng, nêu cao chân lý khoa học, nêu cao lập trường chính nghĩa và thiện chí hòa bình của chúng ta. Đây mới là bước đầu, chúng ta sẽ tiếp tục đi sâu nghiên cứu và phê phán chuẩn bị cho cuộc Hội thảo sau kết quả hơn nữa.

LVT.

HỘI NGHỊ KHOA HỌC KỶ NIỆM LẦN THỨ 55 NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-1985)

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/1985) khoa Lịch sử và khoa Giáo dục chính trị, trường Đại học Sư phạm Hà Nội I đã tổ chức Hội nghị khoa học với sự tham gia của các giáo sư, cán bộ giảng dạy trong hai Khoa. Hai mươi lăm bản báo cáo khoa học trình bày trong Hội nghị lần này đã nêu lên những kết quả nghiên cứu bước đầu của

các tác giả trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy về Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, những bài học kinh nghiệm rút ra được về mặt nghiệp vụ sư phạm có liên quan đến công tác giảng dạy lịch sử và giáo dục chính trị cho học sinh. Ngoài ra, có một số tác giả cũng chú ý nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng bộ Hà Nội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

+ Về Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh có: « Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và nhận thức của chúng ta về vấn đề dân tộc và cách giải quyết những nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở Việt Nam », « Độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội - Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin đến đường lối cách mạng của Đảng ta », « Chiến tranh nhân dân - Quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Đông Dương », « Đảng Cộng sản Đông Dương với công cuộc chống đế quốc, phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới (1930-1945) », « Đảng Cộng sản Việt Nam với vấn đề xây dựng hậu phương kháng chiến », « Đảng ta với truyền thống dân tộc », « Đảng Cộng sản Việt Nam với vấn đề giải phóng phụ nữ », « Thử tìm hiểu chủ trương « vô sản hóa » của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội », « Suy nghĩ về tầm cao và tầm xa của « Luận cương chính trị » (1930) », « Tác phẩm « Đường cách mệnh » ra đời đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của Lịch sử cách mạng Việt Nam », « Lãnh

tự Nguyễn Ái Quốc với lý luận về dân tộc và thuộc địa của Lênin trong những năm 1920 », « Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam », « Một số vấn đề về lịch sử Đảng trong các tác phẩm của Hồ Chủ tịch », v.v...

+ Về nghiệp vụ sư phạm có « Giáo dục lòng kính yêu Đảng cho học sinh lớp 12 phổ thông trung học », « Phát huy vai trò của bộ môn lịch sử ở nhà trường phổ thông trong việc tuyên truyền, giáo dục về Đảng cho thanh niên học sinh » « Giáo dục lòng yêu nước cho học sinh khi dạy chương « Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam », v.v...

Về Đảng bộ Hà Nội, có: « Những biến đổi cách mạng của Hà Nội sau nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam », « Đảng bộ Hà Nội lãnh đạo công nhân đấu tranh bảo vệ máy móc trong thời kỳ tiếp quản Thủ đô (1954) », v.v...

P.V.

HỘI NGHỊ KHOA HỌC "CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở HÀ BẮC TRONG SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC"

NGÀY 16/2/1985 tại thị xã Bắc Giang, Hội đồng Lịch sử tỉnh Hà Bắc đã tổ chức Hội nghị khoa học « Các dân tộc ít người ở Hà Bắc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước ». Với 20 bản báo cáo khoa học đã trình bày, chủ yếu là do lực lượng các cán bộ nghiên cứu thuộc nhiều ngành của tỉnh như Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử tỉnh, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ty Văn hóa, Phòng Bảo tồn bảo tàng, Chi hội Văn nghệ, v.v... tham gia Hội nghị được nghe thông báo những thành tựu nghiên cứu về những vấn đề lịch sử liên quan đến địa bàn thuộc các huyện Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, nơi đồng bào dân tộc ít người đã sát cánh với

đồng bào Kinh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Các tác giả cũng thông báo những kết quả khảo sát khảo cổ học, nghiên cứu về nhân vật truyền thuyết Vũ Thành và địa danh lịch sử Nội Bàng liên quan đến cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông, về thực chất cuộc chiến đấu chống Pháp của Lưu Kỳ vào cuối thế kỷ XIX, về lịch sử hoạt động của tổ chức Đảng ở 3 huyện qua các thời kỳ cách mạng, v.v... Hội nghị khoa học lần này đã có những đóng góp có giá trị nhất định, thiết thực hướng tới việc hoàn thành biên soạn bộ Thông sử của tỉnh Hà Bắc theo Nghị quyết của Tỉnh ủy đã đề ra.

P.V.

SUMMARY

The success of the anti-US resistance war, an achievement recorded by the united forces of all the nation, by national independence and socialism.

CAO VĂN LƯỢNG

National independence, interlinked with socialism, is a development pattern of Vietnamese revolution in the new era. Under the banner of independence and socialism, our Party has succeeded in rallying the forces of the nation to win glorious victories.

The great victory of Spring 1975 is a decisive factor which enables the reunification of the country and the building of socialism on a nation-wide scale.

Those valuable lessons are still necessary for the Vietnamese people in its carrying out the tasks of building and safeguarding the country.

Research into the offensive strategy in the anti-US resistance war.

HOÀNG DŨNG

On the basis of a judicious analysis of the balance of forces between us and the enemy, our Party maintains that offensive is the most adequate line to be followed in our anti-US resistance war. In combining military activities and political struggle, regular warfare and guerilla one, total offensive and local one, our people and armed forces have won the final victory.

This is an important lesson for a small country that has to face up to a better-equipped enemy.

President Hồ Chí Minh and the total success of the anti-US resistance war.

NGUYỄN QUỐC DŨNG

The success of the anti-US resistance war, and of the Vietnamese revolution in general, is inseparably linked with the name of President Hồ Chí Minh.

The author formulates his ideas on the great career of President Hồ Chí Minh, and underlines the sizable contribution of our leader to the victorious resistance of the people against US aggressors and to the total independence of the country.

The speediness of the general offensive and upheaval of Spring 1975.

HOÀNG PHƯƠNG

After the victories won by our armed forces at Huế and Đà Nẵng, the Politburo of our Party opines that we can launch a general offensive to liberate Sài Gòn the sooner the better.

By having the situation well in hand, our Party realizes that speediness is an important factor which leads to a favourable strategic opportunity to smash enemy troops and reunify the country.

The general offensive and upheaval of Spring 1975, a most deadly blow in the history of resistance wars against aggression in Vietnam.

PHAN HUY THIẾP

In the history of our resistance wars, the general offensive and upheaval of Spring 1975 is the most telling blow that quickly breaks to pieces the enemy forces, and puts an end to the most prolonged war our people has ever waged against aggressors.

This decisive blow has enabled us to achieve the reunification of the country and the building of socialism on a nation-wide scale.

Research into the diplomatic front and the success of the anti - US resistance War.

NGUYỄN HỮU HỢP

The period of 1954 - 1975 may be divided into three stages of diplomatic struggle, namely 1956 - 1964, 1964 - 1973 and 1973 - 1975.

The victory we win on the diplomatic front is a considerable factor contributing to the great triumph of Spring 1975, which brings to an end the anti - US resistance war waged by our people.

The mass uprising movement and the great victory of Spring 1975.

NGUYỄN HỮU ĐẠO, QUỐC HUNG.

Under the leadership of the Party, the mass uprising movement in rural and urban areas has succeeded in smashing the enemy police and military mechanism, and overthrowing the administrative apparatus at every level.

This large mass movement has brought about the dispersion of enemy forces, and has contributed to the preparation of our military operations.

The Hồ Chí Minh trail, a strategic line for logistical purpose in the general offensive of Spring 1975.

NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG

The Hồ Chí Minh trail has become a strategic line for logistical purpose, which contributes largely to the development of revolution in the three Indochinese countries.

In 1975, the Hồ Chí Minh road serves as the means for concentrating our armed forces, ammunition and technical equipment so as to prepare for the final victory.

A propaganda unit acting secretly in enemy ranks. Its activities in the general offensive and upheaval of Spring 1975

NGUYỄN PHAN QUANG-ĐỖ BÍCH LIÊN

G4 is a propaganda unit of the Bảy Hiền area (Tân Bình district, Hồ Chí Minh city), the task of which is to call on enemy soldiers to desert their ranks. It also propagandizes revolutionary ideas in the masses.

In its clandestine activities, and during the uprising movement of April 1975 at the Bảy Hiền cross-road, G4 has recorded many considerable achievements.

**Cuba and Latin America and the anti-US resistance war
waged by our people.**

NGUYỄN NGỌC MÃO

For the Vietnamese and the Cuban people, each recorded achievement is a common victory for both countries as well as for the revolutionary movement in Latin America, especially Nicaragua.

The great meaning of the struggle waged by the Vietnamese people is a brilliant example for the national liberation movement in Latin America.

Africa and the anti-US resistance war waged by Vietnam.

VÕ KIM CƯỜNG

The Vietnamese revolution is a considerable factor that steps up the struggle movement in Asia, Africa and Latin America against colonialism and imperialism. Therefore, the anti-US resistance war waged by our people has enjoyed an allround support of African people.

The Vietnamese revolution also contributes to promoting the liberation movement in those three continents and paving them the road to socialism.

**The anti-revolutionary activities of US imperialism
and other international reactionaries in Afghanistan.**

NGUYỄN VĂN HỒNG

The success of the Afghan revolution of April 1978 is also the beginning of various subversive activities of US and Chinese reactionaries with the support of internal foes. However, all the enemy schemes have been smashed by the Afghan people.

After overthrowing the Amin reactionary regime, Afghanistan embarks on a new path and continues the successful building of socialism.

NGHIÊN CỨU

LỊCH SỬ

XUẤT BẢN 6 KỶ MỘT NĂM

Số 2 (221)

III - IV

1985

Tổng biên tập: VĂN TẠO

Phó Tổng biên tập:

CAO VĂN LƯỢNG

Trụ sở: 38, phố Hàng Chuối, Hà-nội

Dây nót: 53200

MỤC LỤC

Cao Văn Lượng	- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - thành quả tổng hợp sức mạnh của cả nước của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	1
Hoàng Dũng	- Tìm hiểu về chiến lược tiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	11
Nguyễn Quốc Dũng	- Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	18
Hoàng Phương	- Tính thần tốc của cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.	26
Phan Huy Thiệp	- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, trận tiêu diệt chiến lược lớn nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược ở Việt Nam.	29
Nguyễn Hữu Hợp	- Tìm hiểu mặt trận đấu tranh ngoại giao và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	33
Nguyễn Hữu Đạo - Quốc Hưng	- Phong trào nổi dậy của quần chúng trong Đại thắng mùa Xuân 1975.	43
Nguyễn Việt Phương	- Đường Hồ Chí Minh, tuyến hậu cần chiến lược phía trước trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975.	49
Nguyễn Phan Quang - Đỗ Bích Liên	- Cảnh binh vận G4 trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.	53
Nguyễn Ngọc Mão	- Cuba - Mỹ latin và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.	59
Võ Kim Cương	- Châu Phi và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam.	64
Nguyễn Văn Hồng	- Về hoạt động chống phá cách mạng Afganistan của đế quốc Mỹ và phản động quốc tế.	71
	Tư liệu	
Lưu Văn Trác	- Một số sự kiện và tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	77
Đinh Xuân Lâm	- Hai tư liệu lịch sử về phong trào Cần Vương tỉnh Thanh Hóa.	84

Thông tin

HISTORICAL STUDIES

A BIMONTHLY

Editor in-chief: VĂN TẠO

Associate Editor
CAO VĂN LƯỢNG

Address: 38, Hàng Chuối, Hà-nội
Tel: N°53200

Number 2 (221)

III - IV

1985

CONTENTS

CAO VĂN LƯỢNG	- The success of the anti-US resistance, an achievement recorded by the united forces of all the nation, by national independence and socialism.	1
HOÀNG DŨNG	- Research into the offensive strategy in the anti-US resistance war.	11
NGUYỄN QUỐC DŨNG	- President Hồ Chí Minh and the total success of the anti-US resistance war.	18
HOÀNG PHƯƠNG	- The speediness of the general offensive and upheaval in Spring 1975.	25
PHAN HUY THIẾT	- The general offensive and upheaval of Spring 1975, the most deadly blow in the history of resistance wars against aggression in Vietnam.	29
NGUYỄN HỮU HỢP	- Research into the diplomatic front and the success of the anti-US resistance war.	33
NGUYỄN HỮU ĐẠO - QUỐC HÙNG	- The mass uprising movement and the great victory of Spring 1975.	43
NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	- The Hồ Chí Minh trail, a strategic line for logistical purpose in the general offensive of Spring 1975.	49
NGUYỄN PHAN QUANG - ĐỖ BÍCH LIÊN	- A propaganda unit acting secretly in enemy ranks. Its activities in the general offensive and upheaval of Spring 1975.	53
NGUYỄN NGỌC MÃO	- Cuba and Latin America and the anti-US resistance war waged by the Vietnamese people.	59
VÕ KIM CƯƠNG	- Africa and the anti-US resistance war waged by our people.	64
NGUYỄN VĂN HỒNG	- The anti-revolutionary activities of US imperialism and other international reactionaries in Afghanistan.	71

DOCUMENTS

LƯU VĂN THẮC	- Some facts and documents concerning the anti-US resistance war.	77
ĐINH XUÂN LÂM	- Two documents relating to the Cần Vương movement in Thanh Hóa.	84

INFORMATION